

THÁI HƯ ĐẠI SƯ Chú giải
Hòa Thượng THÍCH TRUNG QUÁN dịch
Thích Pháp Chánh dịch bổ túc phần Huyền Luận

KINH
VIÊN GIÁC
LƯỢC THÍCH

LỜI GIỚI-THIỆU

Kinh VIÊN-GIÁC là một Bộ Kinh thuộc về Đốn-Giáo Đại-Thừa, bất-luận Thời Chánh-Pháp hay Mạt-Pháp, nếu Người nào có đủ Căn-Tính Đại-Thừa hay nhiều kiếp đã Tu theo Viên-Giác, thì Người đó mới có khả-năng lãnh-thọ. Nhưng, đối với lòng Bi-thiết của các Vị Bồ-Tát thương Chúng-Sinh đời Vị-lai, hỡi Phật nói Pháp Phương-tiện và Tiệm-thứ, hầu mong cho tất cả Chúng-Sinh đều có thể theo Kinh này mà Tu-Hành được cả. Nên trong Chương Hiền-Thiện-Thủ, Đức Phật nói rằng: “Kinh này gọi là Đốn-Giáo Đại-Thừa, những Chúng-Sinh Đốn-Cơ theo đúng Phương-Pháp Ta nói đây mà Tu-Hành thì được Khai-Ngộ, ngoài ra còn dẫn-dắt cho tất cả những Người Tiệm-Tu nữa.”

Nay Đại-Đức TRUNG-QUÁN cũng vì sự lợi-tha mà phiên-dịch. Bộ Kinh này do Đức THÁI-HƯ ĐẠI-SƯ giảng. Cũng mong giúp-ích phần nào trong muôn một cho nền xây-dựng Phật-Giáo nước nhà.

Vậy, tôi chân-thành tùy-hỷ và xin giới-thiệu cùng Thập-phương Hải-Chúng.

Viết tại SÀI GÒN mùa THU năm BÌNH-THÂN (1956)

Chứng-Minh ĐẠO-SƯ
Hòa-Thượng THÍCH THANH-THẠNH

Mục Lục

I.	HUYỀN LUẬN	Page 4
II.	GIẢI THÍCH KINH	Page 11
0.	Dẫn Nhập	Page 11
1.	Chương Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát	Page 15
2.	Chương Phổ Hiền Bồ Tát	Page 29
3.	Chương Phổ Nhãn Bồ Tát	Page 38
4.	Chương Kim Cương Tạng Bồ Tát	Page 57
5.	Chương Di Lạc Bồ Tát	Page 72
6.	Tát Chương Thanh Tịnh Tuệ Bồ	Page 87
7.	Chương Uy Đức Tự Tại Bồ Tát	Page 99
8.	Chương Biện Âm Bồ Tát	Page 109
9.	Chương Tịnh Chư Nghiệp Chương Bồ Tát	Page 121
10.	Chương Phổ Giác Bồ Tát	Page 139
11.	Chương Viên Giác Bồ Tát	Page 152
III.	PHẦN LƯU THÔNG	Page 165
12.	Chương Hiền Thiện Thủ Bồ Tát	Page 165

I/ HUYỀN LUẬN

A. Khảo Cứu Bản Kinh

1/ PHIÊN DỊCH

Đức Phật Thích Ca sinh ở nước Ấn Độ, thuyết pháp bằng tiếng Phạn. Người đời sau, khi kết tập Kinh điển, cũng theo văn tiếng Phạn. Kinh điển Phật giáo tiếng Tàu đều do sự phiên dịch từ chữ Phạn. Tựa đề quyển kinh ghi: Đồi Đường, Sa môn Phật Đà Đa La, người nước Kế Tân (Kashmir) phiên dịch. Kế Tân là tên một nước ở phía bắc Ấn Độ. Sa môn là danh hiệu chung của những người xuất gia. Phật Đà Đa La, dịch nghĩa là Giác Cứu. Căn cứ vào đề kinh, thì quyển kinh này do ngài Giác Cứu dịch vào đời Đường. Thế nhưng, nếu căn cứ lịch sử phiên dịch, bộ Viên Giác Đại Sớ Sao của ngài Khuê Phong nói có nhiều truyền thuyết:

1/ Đồi Đường, năm Trinh Quán thứ mười hai, ngày 15 tháng 7 năm Đinh mùi, ngài La Hầu Mặc Kiến phiên dịch kinh này tại Đạo trường Bảo Vân, nhưng có lẽ chưa trình tâu lên triều đình.

2/ Các bộ Khai Nguyên Thánh Giáo Lục, v.v.. cho rằng vào năm Trường Thọ thứ hai, ngài Phật Đà Đa La phiên dịch kinh này tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thế nhưng, điều đáng nghi là trong Đại Châu San Định Kinh Mục không có ghi chép sự việc này. Hơn nữa, trong bộ Cao Tăng Truyện đời Tống, chỉ ghi lại rằng ngài Giác Cứu phiên dịch kinh này, mà không cho biết thêm chi tiết nào khác.

3/ Một thuyết khác cho rằng Khai Nguyên Thánh Giáo Lục chỉ nói rằng kinh này mới được phiên dịch, chứ không nói rõ dịch giả và thời điểm phiên dịch, và hơn nữa, niên hiệu Khai Nguyên là khoảng 40 năm sau niên hiệu Trường Thọ. Vào niên hiệu Đại Lịch, khoảng 40 năm sau Khai Nguyên, ngài Duy Xác đã viết chú giải, chứng tỏ bản dịch này có sớm nhất là vào khoảng năm Trinh Quán và trễ nhất là vào khoảng Khai Nguyên năm thứ tám đến thứ mười. Trong hai nhà phiên dịch, xác định người phiên dịch quyển kinh này là ngài Giác Cứu.

Lịch sử phiên dịch khó mà xác định, thế nhưng những nhà khảo cứu xưa nay, đối với vấn đề quyển kinh này có phải thật sự truyền từ Ấn Độ hay không, cũng có nhiều nghi vấn. Thật sự, kinh điển Phật giáo không thể dùng phương pháp khảo cứu thông thường để chứng minh. Dù cho có khảo sát các bản dịch tiếng Tàu tương tận, cũng khó mà thấu rõ bản tiếng Phạn. Như kinh Hoa Nghiêm, theo truyền thuyết xuất phát từ Long cung, đã không thể dùng mắt phàm để thẩm định, hơn nữa, không thể cho rằng sử sách không có minh chứng để kích bác. Cho nên, muốn chứng minh kinh Phật là thật hay giả, chỉ có thể quan sát là nó có phù hợp với hệ thống giáo lý hay không để phán đoán mà thôi.

2/ TRÌNH BÀY

Quyển kinh này, xưa nay các nhà khắc bản, hoặc chia làm một quyển, hoặc hai quyển, thế nhưng, điều này không quan hệ gì đến ý chỉ của kinh. Hiện nay bản đang được giảng là bản hai quyển. Nếu y theo văn kinh để suy đoán, đức Phật đối thoại với mười hai vị đại Bồ tát, mười một chương đầu sau phần trường hàng đều có phần trùng tụng, dường như chương mười hai cũng phải có phần trùng tụng, thế nhưng quyển này, chương mười hai lại không có. Từ đời Nam Tống trở đi, các bản kinh, cùng các bản chú giải đều có thêm bài trùng tụng sai khác nhau chút ít, như sau:

Kinh này do Phật nói
Như Lai đều hộ trì
Nhân mục của giáo pháp
Gọi là Đại Phương Quảng
Viên Giác Đà La Ni
Hiển rõ cảnh giới Phật
Người tinh tiến quy y
Sẽ được quả vị Phật
Như trăm sông vào biển
Người uống đều no đủ
Dù bố thí bảy báu
Nhiều như cõi đại thiên
Chẳng bằng nghe kinh này
Dù độ hằng sa chúng
Đều thành A la hán
Chẳng bằng nghe nửa kệ
Chúng sanh đời mạt pháp
Hết lòng giảng, hộ trì

Tất cả sẽ thành tựu
Đều đạt đến giác ngộ.

Các bản kinh đời Nam Tống về sau, có bài kệ này, cũng có hai câu khác biệt. Còn các bản kinh trước đời Nam Tống, như các bản chú giải của các ngài Khuê Phong, v.v... đều không có bài kệ này. Đại khái, bản kinh này đến đời Nam Tống, sự lưu hành rất phong thịnh, những người nhàn nhã háo sự nhân vì thấy chương mười hai không có bài trùng tụng nên đã thêm thắt vào. Thực sự, chương mười hai có thể không cần đến bài tụng. Kinh này có những bản bản khác nhau như vậy, e có người hoài nghi bản kinh này còn thiếu sót nên tôi đề cập sơ lược.

3/ CHÚ THÍCH GIẢNG GIẢI

Bản kinh này đã có nhiều vị cổ đức Tàu, Nhật chú thích, giảng giải. Cao Ly tuy cũng có bản kinh này lưu hành, nhưng chưa thấy có người chú giải. Những nhà chú giải phần lớn thuộc về Thiền tông, Hiền Thủ (Hoa Nghiêm tông), và Thiên Thai (Pháp Hoa tông). Các các nhà Pháp Tướng tông và Chân Ngôn tông (Mật tông) hình như ít để ý đến kinh này. Theo lời bình của ngài Khuê Phong, hai bản chú giải của các ngài Duy Xác và Đạo Toàn chỉ giải thích sơ lược câu văn mà ít có sự phát huy nghĩa lý; còn các bản chú sớ của hai thầy trò ngài Ngộ Thật và Kiên Chí thì dựa theo ý chỉ Thiền tông. Do đây biết được bản kinh này thoát tiên do các nhà Thiền tông hoằng dương. Các bản Ngự Chú của vua Hiếu Tông đời Tống, v.v... cũng thuộc hệ phái Thiền tông. Thế nhưng từ khi ngày Khuê Phong soạn các bản Viên Giác Kinh Đại Sớ, Lược Sớ, Tu Chứng Liễu Nghĩa, v.v... để hoằng dương, thì bản kinh này trở thành một bản kinh trọng yếu của Hoa Nghiêm tông, và do tông này giảng giải, chú sớ, v.v... rất thanh hành. Mãi đến cuối đời Nam Tống, có ngài Nguyên Túy bắt đầu sưu tập những bản chú giải của kinh này từ các nhà Thiên Thai tông, góp thành một quyển Tập Chú, dựa trên giáo lý Thiên Thai để đối kháng với Hoa Nghiêm tông. Các nhà chú giải Nhật Bản kế thừa truyền thống này. Các bản chú giải về sau, không ngoài sự đối kháng, hoặc chiết trung của các nhà Thiên Thai, Hiền Thủ mà thôi. Các nhà chú giải Thiền tông không phán giáo, không phân tông phái, chỉ dùng tông chỉ thực tại hiện tiền mà giảng kinh, các nhà Hiền Thủ thì dựa vào Ngũ giáo, còn các nhà Thiên Thai thì dựa vào Ngũ thời Bát giáo để phán đoán kinh này. Đây chỉ là sự giới thiệu khái quát về các bản chú giải của ba nhà Thiền tông, Hiền Thủ và Thiên Thai. Hiện nay, tôi chỉ trực tiếp y vào kinh văn mà giải thích.

B. Nêu Rõ Nghĩa Kinh

1/ KINH NÀY DO PHẬT NÓI.

Bản kinh này lấy quả Phật làm cảnh giới, dùng đây làm nơi y cứ nghĩa lý của kinh. Tuy những điều bàn luận phổ cập đến mọi pháp, thế nhưng đều y cứ vào quả Phật. Làm sao thấy được? Như chương Văn Thù nói: “Đấng Vô thượng Pháp Vương có đà la ni tên Viên Giác”. Pháp Viên Giác này là vật sở hữu của Pháp Vương, do đó mà biết chỗ y cứ của toàn kinh là Phật quả. Như chương Phổ Hiền nói: “Tất cả các loại huyễn hóa của chúng sanh, đều sanh ra Diệu Tâm Viên Giác của Như Lai.” Chương Phổ Nhân nói: “Muốn cầu Giác Tâm Tịnh Viên của Như Lai.” Chương Kim Cang Tạng nói: “Suy lường cảnh giới Viên Giác của Như Lai.” Chương Di Lặc nói: “Nguyện con hiện đời được an trụ trong Viên Giác của Như Lai.” Chương Viên Giác nói: “Tin vào Tâm Đại Viên Giác bí mật của Phật.” Chương Hiền Thiện Thủ nói: “Kinh này chỉ hiển rõ cảnh giới Như Lai”, v.v... Điều này có thể thấy rõ ràng. Các bộ kinh khác khi thiết lập nền tảng, hoặc y vào tâm, hoặc y vào chúng sanh, hoặc y vào ngũ âm, lục trần, nhãn đến y vào Bát Nhã. Bộ kinh này y vào tâm cảnh của Phật quả, đây là ý nghĩa đầu tiên cần phải biết.

2/ CĂN CƠ VIÊN ĐÓN.

Đức Phật tùy căn cơ mà thuyết pháp, kinh này thích ứng với căn cơ nào? Đáp: Kinh này dành cho người căn cơ viên đón. Đại khái, căn cơ viên đón có hai loại: 1/ đối với căn cơ tiệm (từ từ) mà gọi là đón, chẳng hạn như người căn cơ tiệm tu pháp Tiểu thừa, sau đó dần dần tu học Đại thừa, còn người căn cơ đón thì tu tập thẳng vào Đại thừa; 2/ tức thời thành Phật gọi là căn cơ đón, nghĩa là những hành giả này chẳng những không từ Tiểu thừa đi dần vào Đại thừa, mà ngay cả cũng không cần trải qua sự tu tập những giai vị Bồ tát, chỉ cần một lần nghe qua Phật thừa, tức thời có thể đi thẳng từ giai vị phàm phu lên đến quả vị Phật. Những người có thể siêu phàm nhập thánh (Phật) thì được gọi là căn cơ đón trong Đại thừa. Bản kinh này chú trọng đến những hành giả căn cơ viên đón thuộc loại thứ hai. Làm sao biết được? Như chương Văn Thù nói: “Nếu biết là không hoa, sẽ không còn luân hồi”; chương Phổ Hiền nói: “Biết là huyễn sẽ viễn ly, không cần đến phương tiện, rời huyễn tức là giác, cũng không cần thứ bậc”; chương Thanh Tịnh Tuệ nói: “Trong mọi thời, không khởi vọng niệm, cũng không trừ diệt các vọng tâm, trong cảnh vọng chớ nên nhìn rõ, trong vô niệm cũng không phân biệt”; chương Hiền Thiện Thủ nói: “Kinh này tên là

Đại thừa đốn giáo, chúng sanh đốn cơ, từ đây khai ngộ”. Lại như kinh nói: “Cũng độ những chúng sanh căn cơ tiệm, ví như biển lớn, dung nạp tất cả.” Do đó biết rằng kinh này là cho những chúng sanh căn cơ đốn, mà cũng tiếp độ những chúng sanh căn cơ tiệm.” Những hành giả nghe kinh, trước tiên, thấu rõ nghĩa lý, sau đó theo thứ tự từ từ tu tập, nếu vậy cũng không ngại gì; thế nhưng, không được nhiều sự ích lợi như các hành giả “đốn siêu đốn nhập”, và đây căn cơ chính của quyển kinh này.

3/ CHÚ TRỌNG SỰ HÀNH TRÌ.

Phật học có cảnh, hành, và quả. Cảnh là đối tượng của tri thức; hành là sự tu tập thực tiễn; quả là kết quả chứng đắc. Trong ba bộ môn này, hành giả có thể chú trọng vào từng bộ môn, nhưng không thể bỏ phé bất cứ bộ môn nào; không giống như học thức thế gian, chỉ cần hiểu rõ, mà không cần hiệu quả. Cho nên có kinh Phật chú trọng đến cảnh và phần lớn nói về cảnh, có kinh chú trọng về hành hoặc về quả, thì phần lớn nói về hành hoặc về quả, và cũng có kinh nói chung về cả ba. Quyển kinh này chú trọng về thực hành, tuy nói về cảnh, nhưng nói rõ về cảnh trong pháp hành, tuy nói về quả, nhưng nói rõ quả chứng của sự hành trì. Như ngài Văn Thù hỏi đức Như Lai về nhân địa của pháp hành, chúng ta có thể nhận thấy, cảnh lúc đó chính là nhân địa phát khởi sự hành trì. Hai chương Phổ Hiền và Phổ Nhãn đều nói về sự tu hành. Như nói về cương vị của hành, pháp hành, sự chướng ngại của hành, phương tiện của hành, v.v..., đều là chú trọng đến sự hành trì. Đây từ khía cạnh chính mà nói. Nếu nhìn từ khía cạnh khác, kinh này cũng chú trọng về tri giải, như chương Kim Cang Tạng nói: “Giống như hoa đốm, mà sanh ra trái, đây là vọng tưởng, đều không thật có.” Chương Tịnh Chư Nghiệp Chướng nói: “Không cầu giác ngộ, chỉ muốn đa văn, tăng thêm ngã kiến, chỉ cần siêng năng, hàng phục phiền não.” Kinh này tên là Viên Giác, mà trong kinh, mười hai vị Bồ tát, có một vị tên là Viên Giác. Những điều mà vị Bồ tát (Viên Giác) này hỏi Phật, đều là phương tiện để bắt đầu sự thực hành. Do đây có thể thấy rằng kinh này không những đặc biệt chú trọng sự hành trì, mà còn đặc biệt chú trọng đến phương tiện tiến nhập vào con đường tu hành.

3/ GIẢI THÍCH SƠ LƯỢC ĐỀ MỤC

A.- **Đại-Phương-Quảng**: Phương-Quảng cũng gọi là Phương-Đẳng. Tiếng Phạn: Tỳ-Thất-La, là một Kinh thuộc về Đại-Thừa. Phạm Kinh thuộc Đại-Thừa đều gọi là Phương-Quảng. Chữ-Đại : Biểu-xuất Kinh này Căn-bản tại Phật-Quả. Một bộ-phận Kinh Đại-Thừa đầu-đề Đại-Phương-Quảng cũng Ý

đó, như Hoa-Nghiêm-Kinh chẳng hạn. Phân-tách mà nói rõ chữ Phương. Phương: phương-sở, hoặc phương-Thể. Phương-Thể, phương-sở Biểu không-gian trên, dưới, Đông, Tây, Nam, Bắc, cho nên có dài, rộng, dày ba độ nên có thể suy-lường được. Phương-Thể: thì thêm thời-gian, để lượng dài lâu, tức thành bốn độ; dài, rộng, dày, lâu thì nhiếp với không-gian và thời-gian. Không-gian là Vũ; thời-gian là Trụ; thời-gian là thể; không-gian là giới. Cho nên đặt một chữ Phương, đã thâm-nhiếp tất cả vũ-Trụ và Thể-giới. Vũ-Trụ-Thể-giới thâm-tóm tất cả sự vật, cho nên đặt một chữ Phương, thì vũ-Trụ vạn-Pháp cho đến tất-cả sự-vật đều thâm-nhiếp hết. Quảng: để nói phương nó rộng xa vô cùng, có Phương thì có lượng, có lượng tất có rộng và chẳng rộng, nói chữ Quảng bao-quát dài, rộng, dày, lâu, Nghĩa là cao đến cùng rộng tới khắp. Song Kinh-Điền Đại-Thừa, hoặc Văn hoặc Nghĩa, hoặc Sự hoặc Lý, nhất nhất đều Quảng-bác, cho nên gọi là Phương-Quảng.

Chữ Đại, Nghĩa là thù-thắng, hoặc Tuyệt-đãi. Thực ra Căn-cứ vào Phương mà nói Quảng, bởi còn có lượng, tướng của thời-gian và không-gian, cho nên đối tiêu mà nói Đại, chứ không phải Tuyệt-đối là Đại. Đến như đã Phát-minh được Phật-Quả thì Sự, Lý, Tính, Tướng không có hai, một hay nhiều, Đại, tiểu, dài, vắn, xa, gần đó chỉ là cái Tướng để đối mà thôi, Viên-dung không Chương-Ngai, thù-thắng, như thế cho nên gọi là Đại. Đời xưa các Bậc Cổ-Đức lấy ba chữ Đại-Phương-Quảng để minh Ba Đức của Pháp-Thân và để đây cũng Chưa tiện nói.

B.- **Viên-Giác**: Viên tức là Viên-mãn, (đầy-đủ, trọn- vẹn); Giác tức là Bò-đề. Viên-mãn Bò-đề tức là Phật-Quả. Bởi đã xa lìa được tất cả những làm-lỗi, đầy-đủ tất cả Công-đức, Viên-Minh Giác-Liễu (trọn sáng thấu-suốt) gọi là Viên-Giác. Song Tính Viên-Giác, tức là một Tính tất-cả các Pháp đều Bình-Đẳng Chân-Như, cũng là một Tính Chân-Như Bình-Đẳng của tất cả Chúng-Sinh. Cho nên đặt một danh-hiệu Viên-Giác, thì tất cả Pháp-Tính và tất cả Chúng-Sinh Tính, đã bao-quát hết, vì nó là một Pháp Chân-Như Bình-Đẳng. Song chữ Viên-Giác tuy Viên-nhiếp tất cả các Pháp Chân-Như, mà Kinh này Chính để Thuyết-minh Phật-Quả, Viên-mãn Bò-đề. Theo Phật-Quả thì đây là một Chủ-Thuyết Căn-cứ, tức cái đặc-điểm của Kinh này. Cho nên đặc-đề hai chữ Viên-Giác.

C.- **Tu Đa La Liễu Nghĩa**: Tu đa la là tiếng Phạn, tương đương với chữ Kinh trong tiếng Tàu, cho nên dịch là Kinh, cũng gọi là Khế Kinh: 1/ Khế hợp nghĩa lý, 2/ Khế hợp căn cơ. Nguyên nghĩa tiếng Phạn của Tu đa la là tuyền (dây), đại khái ghi chép lời Phật dạy trên lá, lấy dây buộc lại, làm thành thứ tự mạch lạc, truyền lại cho đời sau, cho nên gọi là Kinh. Phật pháp có ba tạng:

tạng kinh, tạng luật và tạng luận. Đề tựa “Tu đa la” để giản biệt với hai tạng luật và luật. Liễu nghĩa, có nghĩa là viên mãn thấu triệt, sơ lược có hai nghĩa: 1/ hoàn tất gọi là liễu nghĩa, nghĩa là lời dạy hoàn tất viên mãn đầy đủ, còn như chỉ nói sơ lược, khái quát thì không gọi là liễu nghĩa. 2/ rõ ràng gọi là liễu nghĩa, nghĩa là lời dạy rõ ràng, thấu triệt, còn như nói một cách vòng vo, mập mờ thì không gọi là liễu nghĩa. Cho nên Kinh có loại liễu nghĩa và loại không liễu nghĩa. Bộ kinh này là một bộ kinh liễu nghĩa.

II. GIẢI THÍCH KINH

0. Dẫn Nhập

Hán: Như thị ngã văn: Nhất thời, Bà Già Bà.

Việt: Chính thực tôi Nghe: Bây giờ, Đức Thế Tôn.

GIẢNG VĂN

Nhận Chứng Tín là lời Tự thuật tổng kết một Bộ Kinh. Để Chứng Tín năm việc như sau: 1) Văn, 2) Thời, 3) Chủ, 4) Sứ, 5) Chứng. Gọi là Năm Chủng Chứng Tín, đó là một thường lệ cho các Bộ Kinh, cũng có nơi thích là, Lục Chủng Thành tựu. **Như thị:** Đại khái chỉ vào toàn bộ mà nói, như một Bộ Kinh Kết tập lưu truyền ở Thế gian, một Pháp có thể Tin, và Chứng tỏ. **Ngã văn:** tôi Thân được Nghe, chứ không phải một Người thứ hai nói lại cho tôi Nghe, đó là **Văn Chứng Tín** thứ nhất. **Nhất thời:** Chủ bạn tụ tập, Thời Cơ Hội họp, có Cơ, có Giáo, có Người Nói, có Người Nghe, Pháp Hội thù thắng từ trước tới sau, gọi là **Nhất thời**. Không phải như Thế gian lấy Năm, Tháng làm thời hạn, đó là **Thời Chứng Tín** thứ hai. **Bà Già Bà,** Tào dịch: **Thế Tôn;** Luận Phật Địa thích có sáu Nghĩa; **Thế Tôn** là một Nghĩa trong sáu Nghĩa đó. **Thế Tôn:** một danh từ để Tôn Xưng Đức Phật, Thế gian và Xuất Thế gian là một Bạc Tội Tôn, Tội Thượng, không ai hơn hết.

Trong văn tựa Kinh này, nói Vị Chủ Thuyết Pháp, tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, làm Chủ Chứng Tín thứ ba.

Hán: Nhập ư Thần thông Đại Quang Minh Tạng, Tam muội, Chính Thụ, Nhất thiết Như Lai, Quang Nghiêm Trụ trì. Thị Chư Chứng Sinh, Thanh Tịnh Giác Địa, Thân Tâm Tịch diệt, Bình Đẳng bản tế, Viên mãn Thập phương, bất nhị Tùy thuận, ư bất nhị Cảnh, hiện Chư Tịnh Độ.

Việt: Vào Pháp Thần thông Đại Quang Minh Tạng, Tam muội, Chánh Thụ, tất cả các Đức Như Lai Trụ trì nơi Quang Nghiêm,

lại là nơi Thanh Tịnh Giác Địa của tất cả Chúng Sinh, Thân Tâm vắng lặng, Bình Đẳng bản tế, tròn đầy Mười phương, Tùy thuận không hai, ở trong Cảnh không hai, hiện ra các Tịnh Độ.

GIẢNG VĂN

Ở đây nói rõ Chơn Thuyết Pháp, nhưng bất đồng với các Kinh khác. Vì các Bộ Kinh khác, phần nhiều nói Thuyết ở xứ sở nào đều có chuẩn đích. Kinh này nói siêu việt ra Ngoài Thế gian, chỉ vào **Tịnh Độ** mà nói. Cũng như Chính văn nói: “**ở trong Cảnh không hai, hiện ra Tịnh Độ**”. Và cũng như Kinh Giải Thâm Mật nói vậy. Tức là Đức Phật Nhập Định vượt ra ngoài Thế gian, chỉ vào cõi Tịnh Độ mà nói, chứ không phải Cảnh Giới Thế gian Quốc Độ hay xứ sở. **Chữ Nhập**: tức là Nhập Định. **Thần thông Đại Quang Minh Tạng**: **Thần**: không lường được. **Thông**: không có Chướng Ngại; **Đại Quang Minh**: Trí Tuệ; **Tạng**: tất cả các Pháp, y vào Thể Tính Pháp Chân Như Bình Đẳng. **Thần thông Đại Quang Minh** là phần Khởi Dụng, Tạng là nơi y cứ của Thể. Vì thế nếu Căn cứ y vào Quốc Độ mà thích, tức là **Thần thông Đại Quang Minh Tạng**, để Phát minh **Pháp Tính Thân Độ**. Nếu y vào Trì Nghiệp mà thích, **Thần thông Đại Quang Minh** tức là **Tạng**, để Thuyết minh Tự Thân Thụ Dụng Độ. Tự Thọ Dụng Độ: có đầy đủ Vô lượng Công đức Vô lậu Thắng Diệu, không phải như Cảnh Giới Thụ Dụng của Bồ Tát. **Tam ma Địa**, Tàu dịch: **Đẳng trì**, là Pháp Bất cộng của **Như Lai**, và Cảnh Giới Bình Đẳng Bất tư nghị của các Đức **Phật**. Cho nên một Đức Phật tức là Biến tất cả, tất cả các Đức Phật cũng Biến tất cả, chẳng một, chẳng khác, chẳng ngay ở đó cũng chẳng lìa đó cho nên nguyên văn nói: **Nhất thiết Như Lai Quang Nghiêm Trụ trì**. **Quang Nghiêm Trụ trì**: Trí Tuệ của Phật Quang Minh làm trang nghiêm, An Trụ Nhậm trì (nhậm giữ) không Động và Tự tại. **Câu thị như Chúng Sinh Thanh Tịnh Giác Địa**: Thể Tính hiển lộ, tất cả Chúng Sinh với Phật có một Tính không hai, cho nên Chúng Sinh vốn sẵn có Thanh Tịnh Giác Địa. Trong Tạng Thức Chúng Sinh, có đầy đủ **chủng tử Vô lậu Thanh Tịnh**, tức là **Giác Tính**, cũng là **Bản Giác**, với **Viên Giác** của Phật không khác, nhưng Chúng Sinh phải tới ngày Chứng Phật Quả mới có thể Thành được, **Tự Thụ Dụng Thân Độ**, và mới Phát huy được Bản Tính đó. Tại đây nói Chúng Sinh và Phật đều là giả danh, tất cả Hình Tướng mình và Người, Động tác Sai Biệt, đều không có thực tại, cho nên Chính văn nói: Thân Tâm Tịch diệt. Tất cả muôn Pháp đều phải y vào đó làm Thể Tính, cho nên gọi là **Bình Đẳng Bản tế**. Thể Tính Chân Như Biến tất cả, cho nên văn nói: **Viên mãn Thập phương**. Câu **Bất Nhị**: Pháp Chân Như chỉ có một. Câu **Tùy thuận**: gặp Duyên gì hiện Duyên đó. Như vậy có thể thấy một bông hoa, một Thân cây, một hình sắc,

một hương vị, không gì chẳng phải là Pháp giới. Thiền Tôn thường nói: (Cầm một ngọn cỏ, hiện Thân vàng trượng sáu). Căn cứ vào Cảnh Bất Nhị Chân Như Pháp Tính, thời vũ Trụ hư không, một loạt toàn thể Chân Như, và Tịnh Độ, cho nên Chính văn nói: ở Cảnh không hai hiện ra các Tịnh Độ. Túc y vào Nhất chân Pháp giới, hiện khởi ra Tha Thụ Dụng Thân Độ. Từ ngôi Sơ Địa Bồ Tát trở lên, Thụ Dụng không giống nhau, trang nghiêm lớn, nhỏ chẳng một, cho nên nói chữ Chư. Song xét đến xứ sở Đức Thế Tôn Thuyết Pháp thì ở đâu? Đáp: Chính là nơi Hiện khởi Tha Thụ Dụng Tịnh Độ vậy. Trên đây nói Pháp Tính Thân Độ, Tự Thụ Dụng Thân Độ, để Phát minh nơi Căn bản Phát khởi mà thôi. Đó là nơi Thuyết Pháp Chứng Tín thứ tư vậy.

Hán: Dữ Đại Bồ Tát Ma ha tát, Thập vạn Nhân câu, kỳ danh viết: Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Nhãn Bồ Tát, Kim Cương Tạng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát, Uy Đức Tự Tại Bồ Tát, Biện Âm Bồ Tát, Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát, Phổ Giác Bồ Tát, Viên Giác Bồ Tát, Hiền Thiện Thủ Bồ Tát đẳng nhi Vị Thượng Thủ; dữ Chư Quyển thuộc giai Nhập Tam muội, Đồng Trụ Như Lai Bình Đẳng Pháp Hội.

Việt: Những Vị Đại Bồ Tát Ma ha tát, Mười muôn Người ở đó tên là Ngài Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Nhãn Bồ Tát, Kim Cương Tạng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát, Uy Đức Tự Tại Bồ Tát, Biện Âm Bồ Tát, Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát, Phổ Giác Bồ Tát, Viên Giác Bồ Tát, Hiền Thiện Thủ Bồ Tát, những Vị nói trên đều làm Thượng Thủ; cùng với Họ hàng vào Phép Chính Định, cùng ở Pháp Hội Bình Đẳng của Như Lai.

GIẢNG VĂN

Đây nói những Chúng Nghe Pháp ở trong Đại Hội. **Đại Bồ Tát Ma ha tát** : muốn Phát minh Cơ gì hoặc Loại gì. **Mười muôn Người**: ước số lượng ở trong Chúng mà nói. Câu **kỳ danh viết trở xuống**, liệt cử những Danh hiệu **Thượng Thủ**. Từ Ngài Văn Thủ đến Ngài Hiền Thiện Thủ, cộng là mười hai Vị Thượng Thủ Bồ Tát. **Quyển thuộc** tức là Đồ Chúng, mười hai vị Thượng Thủ đều có Đồ Chúng vây quanh. Câu **đều Nhập Tam muội cùng ở Pháp Hội**

Bình Đẳng của Như Lai : Để Thuyết minh các Bồ Tát, đều là **Pháp Thân Đại Sĩ**, và Chúng được Pháp Tính, cho nên ở Pháp Hội đó mà Nhập **Pháp Chính Định**. Với Pháp Hội này, những hàng **Tiểu Cơ** đều không được dự, nữa là Nhân, Thiên ư ? đây là những Chúng cùng Nghe ở trong Pháp Hội Chứng Tín thứ năm. Từ đây trở lên phần Chứng Tín chia ra năm phần, để Thuyết minh phần Chứng Tín đã xong.

1. Chương Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Chính Thuyết phần: từ Chương Văn Thù cho đến Chương Viên Giác, gồm có mười một đoạn lớn. Mỗi đoạn, trước là Văn Tràng Hành, sau Văn Trùng Tụng. Trong khoảng đó: **1) Văn Thù, Phổ Hiền, Phổ Nhãn** ba Chương chỉ về **Cảnh và Hành**; **2)** còn tám Chương là Lựa chọn rốt áo (thâm quyết trạch). Thâm quyết trạch: Ý nói trong Cảnh và Hành Chưa hết Ý. Cảnh Bình Đẳng chỉ có Đức Phật đã Chứng được. Hành Sai Biệt: do các Bồ Tát còn giai cấp cao thấp bất đồng, cho nên trong Cảnh và Hành chia ra làm hai: **1) Cảnh Bình Đẳng, 2) Hành Sai Biệt. Chương này nói Cảnh Bình Đẳng.**

Căn bản Kinh này ở ba Chương đầu. Chương Văn Thù lại làm Căn bản trong nơi Căn bản. Tại sao thế? Vì Kinh này gọi là **Đốn Giáo Đại Thừa**, lợi ích cho những Vị hợp Căn Cơ, nếu không phải những Bậc **Đại Trí** thì không Ngộ Nhập. **Văn Thù Bồ Tát:** tiếng Phạn: **Văn Thù Sư Lợi**, Tàu dịch: **Diệu Cát tường**, hoặc **Diệu Đức**. Theo Kinh Hoa Nghiêm là **Biểu Căn bản Trí**. Đầu tiên Thỉnh Phật Thuyết Pháp, do Ngài Văn Thù. Cho nên Ngài là Người khởi Thủ ở Kinh này, để tiêu biểu Trí và **Cảnh Giới Phật**. **Cảnh:** Cảnh **Phật Trí**, Duy nhất Bình Đẳng bất tất phải phân Biệt. Nếu ai hay có năng lực thừa đương nổi, thì Cảnh và Hành cũng không phải phân Biệt. Nghĩa tuy thế, nhưng Căn Cơ Chúng Sinh chưa vị tất đã Đốn Ngộ, phải chằng Đốn Ngộ với những Người có khả năng tương ứng với **Phật Trí**, mới có thể Đốn Nhập vào Địa vị **Phật**. Cho nên sau Chương này, chỉ có Ngài **Phổ Hiền, Phổ Nhãn** hỏi, để Phát minh Ý Nghĩa Tu Hành như thế nào mà thôi, để cho các Bồ Tát tiên thú tới **Phật Quả**, mà được thực hiện Nghĩa như thế, cho nên chỉ riêng có ba Chương này vậy.

Hán: Ư thị Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn.

Việt: Bấy giờ trong Đại Chúng, có Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ở tòa đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, quanh về bên hữu ba vòng, quỳ dài chấp tay mà bạch Phật rằng:

GIẢNG VĂN

Trên đây nói cùng ở trong một Pháp Hội, không phân Chúng Sinh với Phật, Minh và Người, Lý Trí không hai. Chón **Chân tế** vắng lặng duy có **Nhất chân Pháp giới**. Văn đây để Biểu thị Đại Nguyên Lực Luân khởi, Tâm Đại Bi Phát động, cho nên tới Cơ cảm ứng mà Ngài **Văn Thù** đứng lên hỏi Phật. Câu **tòng tòa nhi khởi: Tòng:** nơi Sở Chứng làm Lý. **Khởi:** Lợi tha làm Dụng, tức là từ nơi **Căn bản Trí**, khởi **hậu Đắc Trí**. Cho nên từ nơi Không có tự tha, chủ, bạn, Chúng Sinh với Phật; mà Có tự tha, chủ, bạn, Chúng Sinh với Phật; có Người Nói, có Người Nghe. **Khải Thỉnh:** để dạy bảo cho những Người Chư Ngô. Câu **đảnh lễ Phật túc:** đầu Bồ Tát tiếp lễ dưới chân Phật, trong Thân Thể, đầu là một bộ phận tôn quý hơn hết tiếp lễ ở dưới, nói về Nghi lễ là cực tôn Kính, nói về Nghĩa là để tỏ cái Trí tối cao của Bồ Tát và Bi Nguyên tối thâm, tiếp ở nơi Đức Phật, Hóa Độ quần Sinh, Bi, Trí, cảm Phát, mà Thỉnh Phật Giáo Hóa cho.

Câu **hữu nhiều, tam táp:** bên hữu là phương thuận, cho nên các Đệ tử Phật khi đi, trước phải cất chân bên hữu, khi nhiều Phật cũng phải quanh về bên hữu, để tỏ Ý Tùy thuận Pháp Tính, Tùy thuận Chân lý. Câu **tam táp:** để Biểu thị Bồ Tát từ Nhân đến Quả, tất nhiên phải trải qua ba Đại kiếp **A tăng kỳ** (vô số kiếp) mới được hoàn toàn. Tuy là nghi thức mà hàm Ý Nghĩa như vậy. Câu **quỳ dài chấp tay:** Chính khi Thỉnh bạch để Biểu hợp Đại Bi, Đại Trí với lòng kính trọng Tôn Kính của mình.

Hán: Đại Bi Thế Tôn! Nguyên vị thử Hội Chư lai Pháp Chúng, Thuyết ư Như Lai Bản khởi Nhân Địa Pháp Hạnh; cập Thuyết Bồ Tát ư Đại Chúng trung, Phát Thanh Tịnh Tâm, viễn ly Chư Bệnh! Năng sử vị lai Mạt thế Chúng Sinh Cầu Đại Thừa giả, bất đọa tà kiến!

Việt: Kính Đức Đại Bi Thế Tôn: xin vì những Người đã tới đây Nghe Pháp, nói cái Nhân Địa Pháp Hạnh Thanh Tịnh của Đức Như Lai lúc Tối sơ Phát khởi; và nói những Vị Đại Thừa Bồ Tát Phát Tâm Thanh Tịnh, xa lìa mọi Bệnh! Khiến cho Chúng Sinh đời mai đây, Cầu Đại Thừa, không mắc phải tà kiến!

GIẢNG VĂN

Đây là lời Thỉnh Cầu. **Thế Tôn:** tiếng Phạn: **Bà già bà**, là lời Tôn xưng Đức Phật. **Bi:** Nghĩa là cứu khổ. Bởi Chúng Sinh mê mộng, nếu không Phương tiện Thuyết Pháp, cho Giác Ngộ Hiểu Biết Chân lý, thì Biền khổ Sinh

tử Chưa Biết ngày nào được thoát. Vì thế các Đức Phật khởi lòng **Đại Bi** để cứu khổ Chúng Sinh. **Tâm Đại Bi** ấy kéo dài cho đến cùng đời vị lai, cho nên xưng Phật là **Bậc Đại Bi**. Phật lấy **Tâm Đại Bi Cứu Độ** cho tất cả Thế gian, cho nên gọi là **Đại Bi Cứu Thế**. **Pháp Chúng**: Pháp Thân của các Bồ Tát, vẫn trên nói Bình Đẳng Pháp Hội, trong đó có mười muôn Chúng, các Vị đó đều có thể đảm nhiệm được Đại Pháp, lưu thông Tuyên truyền làm lợi ích cho đời vị lai.

Như Lai: một tên hiệu của **Đức Phật**, tiếng Phạn: **Đa đà a già Độ**. Để thâm nhiếp lại tất cả Động tác, Hành vi, đến chỗ **Giai Như**, cũng như lui, tới, ngồi, nằm, đi, đứng đều khế hợp với **Chân Như**. Cho nên Ý Nghĩa chữ **Như Lai** là rất ráo tới nơi Thành Phật thật sự. Bản **khởi**: Ý nói cái yếu điểm nơi Cơ sở Phát khởi. **Nhân Địa**: đối với **Quả Địa** mà nói. **Thanh Tịnh**: Phật Quả Thanh Tịnh lấy Pháp giới làm Quả, thì **Nhân Địa Tâm** dĩ nhiên Thanh Tịnh, cho nên Nhân với Quả, chỉ là một. **Pháp Hạnh**: tức hợp với **Pháp Tính Hạnh**. Đó là điểm thứ nhất Cầu Thỉnh và nói Giới Đại Thừa Bồ Tát Phát Thanh Tịnh Tâm, xa lìa mọi Bệnh là vì một điểm Cầu Thỉnh nữa. Trong **Giới Đại Thừa**, Ý nói những Người không ưa Tiểu Pháp, mà chỉ ưa Tu Đạo Bồ Tát, để Chứng Quả **Bồ đề**. **Phát Thanh Tịnh Tâm**: tức phải y vào **Nhân Địa Pháp Hạnh** của Phật mà Phát Tâm. **Chư Bệnh**: Trên đây đã nói, Đại Thừa Bồ Tát Phát Tâm Thanh Tịnh, nếu Tu Hành không được như Pháp, tất Sinh ra mọi Bệnh. **Câu năng sử trở xuống**: để cho đời sau Biết rằng: những Chúng tới Nghe Pháp, hỏi Phật, Ý tứ không phải là thiếu sót, và ta đủ thấy cái Tâm Đại Bi của Bồ Tát sâu rộng. **Mạt thế**: gọi là Thời Đại Mạt Pháp. **Tà kiến**: kiến thức mê lầm, Sự Lý bất minh. Trong sự Cầu Thỉnh có hai điểm: 1) Thỉnh Phật nói Nhân Địa Pháp Hạnh của **Như Lai**, làm cái tiêu đích cho Đại Thừa Bồ Tát Phát Tâm. 2) Thỉnh Phật nói, Bồ Tát Phát Tâm Thanh Tịnh như thế nào, mà xa lìa được mọi Bệnh, cho khỏi đọa phải tà kiến. Đó là một Ý Nghĩa đã đầy đủ bao quát các Chương ở dưới đây. Cho nên một Chương này có thể làm Căn bản cho toàn thể Bộ Kinh, mà Ngài Văn Thù Thỉnh Phật tóm tắt, hỏi tổng quát toàn một Bộ Kinh.

Hán: Tác thị ngữ dĩ, ngũ Thể đầu Địa, như thị tam Thỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: Nói thế rồi, năm Thể rập xuống đất, cứ như thế Thỉnh (thưa) ba lần, trước sau như một.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! nhữ đẳng nãi năng, vị Chư

Bồ Tát, tư Tuân Như Lai Nhân Địa Pháp Hạnh; cập Mạt thế Nhất thiết Chúng Sinh Cầu Đại Thừa giả, đắc Chánh Trụ trì, bắt đọa tà kiến. Nhữ kim đế Thính! Đương vị nhữ Thuyết”.

Việt: Khi đó, Đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Ông lại vì các Bồ Tát, hỏi Nhân Địa Pháp Hạnh của Như Lai, và lại vì tất cả Chúng Sinh đòi Mạt, Cầu Pháp Đại Thừa, được Chánh Trụ trì, không sa lạc phải tà kiến. Vậy Ông hãy Nghe cho kỹ, Tôi sẽ vì Ông mà nói”.

GIẢNG VĂN

Đây là Đức Phật hứa lời sẽ nói cho Nghe. **Nhĩ thời:** thời ba lần Thỉnh vừa xong. **Ngài Văn Thù Thỉnh,** hợp lý hợp Cơ, cho nên Đức **Thế Tôn** nói đi nói lại hay lắm! hay lắm! là lời khen ngợi và hứa nói. **Thiện nam tử:** lời thông thường của Phật đối với Bồ Tát và đệ tử mà nói, chứ không phải đối với nam nữ mà nói. **Đắc Chánh Trụ trì:** được **Chánh Pháp Hạnh,** Đức Phật lúc ban đầu Phát khởi Nhân Địa, để an Trụ đảm nhiệm Trụ trì ở đó. **Đế Thính:** đã hứa để nói, và dặn phải Nghe cho kỹ.

Hán: Thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Thời Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát vâng dạ vui mừng và tất cả Đại Chúng im lặng đón Nghe.

GIẢNG VĂN

Mặc nhiên: chuyên chú một lòng, không làm loạn Động Người bên cạnh, là khuôn phép ngồi Thính Pháp.

Nghi thức các Chương, khen lao và hứa nói, cũng như Chương này.

Hán: Thiện nam tử! Vô Thượng Pháp Vương, hữu Đại Đà la ni Môn, danh vi Viên Giác, lưu xuất Nhất thiết Thanh Tịnh Chân Như, Bồ đề Niết bàn, cập Ba la mật, Giáo thụ Bồ Tát. Nhất thiết

Như Lai Bản khởi Nhân Địa, giai y Viên chiếu Thanh Tịnh Giác Tướng, vĩnh đoạn vô minh, phương thành Phật Đạo.

Việt: Thiện nam tử! Vô Thượng Pháp Vương có Môn Đại Đà la ni gọi là Viên Giác, Phát xuất ra tất cả các Pháp Thanh Tịnh Chân Như, Bồ đề Niết bàn và Ba la mật, Giáo thụ cho Bồ Tát. Tất cả các Đức Như Lai lúc ban đầu khởi Nhân Địa, đều phải y vào Viên chiếu Thanh Tịnh Giác Tướng, đoạn hết vô minh, mới thành Phật Đạo.

GIẢNG VĂN

Vô Thượng Pháp Vương: Biệt hiệu của Phật, đối với tất cả các Pháp được tự tại, không có Chướng Ngại, cho nên gọi là **Pháp Vương**. Thật ra tất cả Chúng Sinh đều có Tâm thức, muốn làm lành thì được lành, Cầu Nhân được Nhân, Cầu Thánh Cầu Hiền cũng chỉ có một Tâm. Nó có Lực Tự Giác Tự Chủ, có quyền lựa chọn Quyết Định. Đạo Phật nói: (Tâm Sinh muôn Pháp Sinh, Tâm diệt muôn Pháp diệt), khởi Tâm Động Niệm, Quả tất theo Nhân. Phạm đã có Tâm thức, đương nhiên có **Pháp Vương**. Cho nên khi còn ở Ngôi Chúng Sinh, không đủ Lực Phát hiện. Nếu hướng Thượng, gắng công Phát huy tiến triển Tu Hành, Đạo Lực đầy tròn đến Quả vị Phật, mới có thể Cứu cánh Viên mãn, cho nên Tôn xưng Đức Phật là Ngôi **Vô Thượng Pháp Vương**. **Đà la ni:** Tàu dịch là **Tổng trì**, Ý nói thâm nhiếp tất cả, gìn giữ bảo trì không cho mất; ví như một vật Đại khái bao quát tất cả.

Tổng trì có bốn thứ: 1) **Pháp Đà la ni:** như lấy một chữ, một danh hiệu, một câu, tức là bao quát tất cả chữ, tất cả danh, tất cả câu ở Thế gian. 2) **Nghĩa Đà la ni:** như nói **Chân Như**, Duy Tâm, Duy Thức, Pháp giới, vân vân, đều thâm tóm tất cả những sự Sai Biệt ở Thế gian. 3) **Định Đà la ni:** Định tức là **Tam ma Địa**. Tàu dịch : **Tam muội**, Ý nói Tinh thần chuyên chú. Ví như tập trung Quốc dân vào một Tâm lý, để xu hướng vào một mục đích, thì Lực mới có vĩ Đại. **Định** cũng như thế, đem toàn bộ Tinh thần, tập trung thống nhất lại, tức là Phát huy được một lực lượng vĩ đại. Tuy Định có sâu, nông khác nhau, nhưng Tinh thần tập trung là một. Cho nên Chúng Sinh Tinh thần đã tập trung, tức là thành được nhiều Môn Định. 4) **Chú Đà la ni:** Chú tức là Chú trì, một lời khẩn thiết kỳ đảo, cũng lấy Tinh thần tập trung Phát ra lời nói, Mình và Người có quan hệ mà Phát khởi, cái Người lĩnh thụ nó, thêm một phần cảm ứng. Kể thường Nhân Phát thệ, cũng là Ý này. Cốt yếu để cho hai Tâm tương

cảm, phản ứng nhau, có liên hợp cho sự tác Dụng. **Môn**: một Pháp Môn cũng như cái cửa để vào. Trong bốn thứ **Đà la ni**, **Nghĩa Đà la ni** có thể thâm tóm cả ba thứ. Danh là **Viên Giác**, Nghĩa đã là Viên Giác, ở trong đó nó cực lực rộng lớn bao la, cho nên gọi là **Đà la ni Môn**. Để tiêu biểu và tổng đề. Nhưng **Giác** không phải có một Nghĩa, có **Giác Tính**, **Giác Tướng**, và **Giác Dụng**. Cũng không phải đối với mê để nói Giác. **Viên Giác** có thể thâm nhiếp tất cả các Pháp chu biến Mười phương. Tổng nhiếp: “Thâm tóm” tất cả Nghĩa, Chứng Ngôi **Chánh Giác** tự nhiên Phát hiện, bản nhiên như thế, chứ không phải đến Ngôi Phật Quả mà sau mới tạo thành. Nghĩa tổng nhiếp “thâm tóm” đã bản nhiên như thế, là một Pháp Thanh Tịnh thoát hết phiền não nhiễm ô Sinh tử; Viên tiếp tất cả Pháp **Chân Như Thực Tính**, Bốn Pháp **Bồ đề Trí**, Pháp **Niết bàn Tịch Tĩnh**, Pháp **Ba la mật đa**. Chính văn nói: (lưu xuất Nhất thiết).

Viên Giác Đà la ni, là một Pháp Tổng trì tất cả Công đức Vô lậu Bất tư nghi, để Giáo thụ cho các hàng Bồ Tát. Tại sao thế? Vì tất cả các **Đức Như Lai** lúc ban đầu khởi **Nhân Địa**, đều phải y vào **Viên minh Phổ chiếu Thanh Tịnh Giác Tướng** làm Cảnh. Nếu Bồ Tát muốn đạt tới Phật Quả, tất nhiên phải y theo Nghĩa lý Môn **Viên Giác Đà la ni**, thâm gồm tất cả Công đức Thanh Tịnh, làm Tướng Cảnh Giới, để Phát khởi Trí chiếu Cảnh. Cũng như Kinh **Lăng Nghiêm** lấy **Quả Địa Giác** làm **Nhân Địa Tâm**, không khác. Như thế, nếu Phát Tâm phải có Nhân Quả tương hợp, mới có thể đạt tới Đạo **Bồ đề**. Ví như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Nhân Địa của Bồ Tát, phải lấy Phật Quả **Viên Giác** mà khởi Tâm Nguyện, mới có thể lấy Phật Quả làm Cảnh. Cho nên trong Kinh nói (thác bản tại Phật) (Căn bản tại nơi Phật). Nhiều Bộ Kinh khác, Tùy thuận Chúng Sinh, Phương tiện diễn Thuyết, tiến dần dần lên đến Phật Quả. Kinh này nói ngay tới Cảnh Giới Phật, khiến cho Chúng Sinh quên cái Tâm Chúng Sinh, tự Biến thành Phật Tâm, mà đạt tới Phật Quả, cho nên gọi là **Đốn Giáo Đại Thừa**. Những Người lợi Căn thông minh, không nên vu khúc (cong queo) chỉ là không Biết tự Tin Tâm mình, Nghe Phật nói thế, thì Tin như thế, nếu quả một Niệm Quyết Định mà được tương hợp, đương nhiên sẽ Liễu Ngộ, Chứng Quả. Bởi vì Chưa trừ hết được vô minh tập khí, cho nên phải nhờ sức công Dụng triệt để trừ cho hết, mới thành Phật Đạo. Đoạn văn này tuy là **Viên Giác Đà la ni Môn**, song như thế nào là **Giác Tướng**? thế nào là **vô minh**? dưới đây sẽ nói rõ.

Hán: Vân hà vô minh? Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh tòng vô thủy lai, chủng chủng điên đảo.

Việt: Thế nào là vô minh? Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh từ kiếp vô thủy tới nay, chứa chan những điên đảo.

GIẢNG VĂN

Câu đầu là Phát khởi. Chúng sanh ở trong chín Cõi, cho nên nói là (Nhất thiết). **Vô thủy**: nhất hướng sẵn có, không có kể nó có từ thời nào. **Điên đảo**: phải, trái, đen, trắng, Đông, Tây, cao, hạ, loạn sạ rồi reng; tóm lại tất cả Chúng Sinh luôn luôn điên đảo loạn sạ rồi reng, mê mờ không có Chính Tuệ. Với cái điên đảo loạn sạ mê mờ đó, nhất hướng có thực, cho nên mục cho nó là **vô minh**. **Vô minh**: theo mặt trái của nó mà nói là không sáng, theo mặt phải mà nói, **vô minh** tức là Bệnh. Ví như mê mết đối với Tinh thần mạnh sáng, nó chỉ là Bệnh, chẳng qua mê mết Phát sanh chỉ có từng thời; Nhưng **vô minh** không phải nó Phát khởi từ thời nào, mà nó cứ liên tục tiếp nối không dứt: kẻ thường Nhân cũng có Người mới Sinh ra đã có nhọt Độc tích tập ở trong, như thế cũng có thể lấy thuốc hay, hoặc học lực mà chữa cũng được, hoặc có bị Bệnh lên hoa, dùng thuốc ngu ngu đậu chích sẽ khỏi, tại sao? Tại Biết có Bệnh, dùng phương điều trị, thì Bệnh gì mà không hết. Người ta sử Dụng ở trong màng vô minh, chẳng nhằm cũng lỗi. Ví có Hiểu Biết (Giác tri), nó chỉ có hạn lượng mà thôi, nhưng vẫn hoàn toàn đóng khung ở trong vòng **bất tri Giác** (không Hiểu Biết). Nói chữ **Điên đảo**, không phải hoàn toàn **vô tri Giác** (không Hiểu Biết) dưới đây sẽ nói rõ:

Hán: Do như mê Nhân, tứ phương dị xứ. Vọng nhận Tứ Đại, vi tự Thân Tướng, Lục Trần duyên ảnh, vi tự Tâm Tướng.

Việt: Cũng như Người mê, không phân Biệt rõ bốn phương, xứ này khác xứ kia. Nhận lầm Bốn Đại làm Thân Tướng của mình, Sáu Trần duyên bóng làm Tâm Tướng của mình.

GIẢNG VĂN

Trước lấy mê để dụ. Người ta không mê thì thôi, nếu đã mê thì, không nhận được bốn phương. Cho nên vẫn nói: **tứ phương dị xứ**. Hai câu dưới nói rõ, Chúng Sinh nhận lầm Thân Tâm giả dối cho là Chân thật, cũng giống như Người mê phương vậy. **Tứ Đại**: Chất rắn cứng thuộc về **Địa Đại** (đất), như xương, thịt vân vân...; ẩm ướt thuộc về **Thủy Đại** (nước), như máu hoặc nước dãi v.v...; khí nóng thuộc về **Hỏa Đại** (lửa), như khí nóng v.v... Động cựa

thuộc về **Phong Đại** (gió), như hơi thở v.v... Thân con Người ta, không ngoài những Chất với Lực mà hợp thành, ngoài bốn thứ này, chắc không có gọi là Thân được. Như kẻ phàm phu, cố chấp lấy cái Sắc Tướng đó làm **Thân**. Cho nên Chính văn nói: **Vọng nhận. Lục trần:** Mắt đối với Sắc, Tai đối với Tiếng, Mũi đối với Hương, Lưỡi đối với Mùi, Thân đối với Xúc, Ý đối với Pháp. Trên đây Sáu Trần Cảnh đối đãi Kinh nghiệm thấy có ảnh tượng sở đắc rồi ghi nhớ xem xét, tức là Quan niệm; đem chút Quan niệm quán thông đó trở lại, tức thành Khái niệm; lại thêm Tư tưởng, có Ý Nghĩa và Phân Biệt; có thể lập thành danh tự “tên và chữ”, đó là Tâm Tướng, Phát hiện như thế. Đòi mới, rồi Tâm Lý Học Nghiên cứu, cũng không ra ngoài phạm vi này. Song nếu trừ ra không có Sáu Trần Cảnh bên ngoài, thực ra thì cũng không có Tâm Tướng. Vọng nhận Thân, Tâm Tướng đều y vào vô minh mà khởi điên đảo. Thân Tâm Tướng, Người ta thấy có thực, tại sao lại nói là vọng nhận, dưới đây sẽ dụ rõ.

Hán: Thí Bi Bệnh mục, kiến không trung hoa cập đệ nhị Nguyệt.

Việt: Ví như Người đau mắt, thấy hoa trong hư không và mặt Trăng thứ hai.

GIẢNG VĂN

Bệnh mục: mắt có nhám đỏ. Nhám đỏ làm Bệnh, cho nên thấy hoa ở hư không, và mặt Trăng thứ hai, để dụ vô minh là Bệnh, cho nên thấy Tướng Thân Tâm.

Hán: Thiện nam tử! Không thực vô hoa, Bệnh giả vọng chấp. Do vọng chấp cố, phi duy hoặc thử hư không Tự Tính, diệt phục mê Bi thực hoa Sinh xứ. Do thử vọng hữu luân chuyển sanh tử, cố danh vô minh.

Việt: Thiện nam tử! Hư không thực không có hoa, Người đau mắt nhận lầm. Do nhận lầm, cho nên chẳng những lầm cả Tự Tính của hư không, mà lại còn lầm cả hoa kia thực có chỗ Sinh. Bởi thế mà vòng quanh trong đường Sinh tử, cho nên gọi là vô minh.

GIẢNG VĂN

Tổng kết lời dụ ở trên. Hư không thực không có hoa, cũng như không có mặt Trăng thứ hai. Vì mắt đau cho nên nhận lầm, thực thấy hư không có hoa, và mặt Trăng thứ hai. Dề dụ trong Tâm Chân Như, nguyên không có tất cả Tướng. Do vô minh làm tưởng thực thấy có Tướng Thân, Tâm. Từ câu do vọng chấp trở xuống: Biện luận cái kết quả của vô minh, vọng chấp. Chẳng những mê lầm Tự Tính của hư không, lại còn một phương diện mê lầm cả cái Chân Như Tự Tính bản nhiên không tất cả Tướng; và nhận thức cho rằng hoa kia thật có nơi Sinh, tức là một phương diện lại vọng nhận có Tướng Thân, Tâm. Bởi mê Chân cho nên mới khởi Vọng, lại nhận Vọng làm Chân, bởi nguyên nhân đó cho nên luân hồi Sinh tử. Luân hồi Sinh tử đã do nơi nhận Vọng làm Chân mà có, cho nên Chính văn nói: (vọng hữu).

Hán: Thiện nam tử! Thử vô minh giả, phi thực hữu Thể. Như mộng trung Nhân, mộng thời phi vô, cập chí ư tỉnh, liễu vô sở đắc. Như Chúng không hoa diệt ư hư không, bất khả Thuyết ngôn hữu Định diệt xứ. Hà dĩ cố, vô Sinh xứ cố.

Việt: Thiện nam tử! Vô minh kia không có thực thể. Như Người trong mộng; khi mộng chẳng phải là không có; tới khi tỉnh dậy, nào đâu có thấy. Như hoa ở hư không, diệt ở hư không, không có thể nói rằng thực có chỗ diệt. Tại sao thế? Vì nó không có chỗ Sinh vậy.

GIẢNG VĂN

Trên các lời dụ, đã nói rõ, y vào vô minh mà Phát khởi các Tướng điên đảo. Sợ Hiểu lầm vô minh là thực có một vật, Sinh ra ở trong Tâm Chân Như, cho nên tiến lên một bước, lấy giấc mộng mà tỷ dụ cho rõ, nó không có Thể Tính. Lại lấy hoa dụ để cho ta Hiểu rằng, nó thực không có chỗ Sinh. Người đó khi tỉnh dậy, hãy còn nhớ Sự Tướng ở trong mộng, nhưng không có Thực Thể. Tất cả những sự điên đảo, lúc mê hình như có thực; tới khi Giác Ngộ, cũng như Người ngủ mơ tới qua. Không hoa diệt, không thấy hoa nữa; nhưng cũng không có chỗ diệt. Tuy nói đoạn hết vô minh, nhưng cũng không có thể nói ở trong Tâm Chân Như có chỗ để đoạn diệt vô minh. Bởi vô minh ở trong Tâm Chân Như, không có chỗ Sinh. Lời thí dụ đây rất là rõ rệt.

Hán: Nhất thiết Chúng Sinh ư vô Sinh trung, vọng kiến Sinh diệt, thị cố Thuyết danh luân chuyển Sinh tử.

Việt: Tất cả Chúng Sinh ở trong chỗ vô Sinh, vọng (lầm) thấy Sinh diệt, cho nên nói rằng luân chuyển Sinh tử.

GIẢNG VĂN

Trong Tâm Chân Như, nguyên không có Sinh diệt. Tất cả Chúng Sinh, mê mà không Biết. Lầm thấy có Sinh diệt, cho nên gọi là luân chuyển Sinh tử.

Hán: Thiện nam tử! Như Lai Nhân Địa Tu Viên Giác giả, tri thị không hoa, tức vô luân chuyển; diệt vô Thân Tâm thụ bỉ Sinh tử. Phi tác cố vô, bản Tính vô cố.

Việt: Thiện nam tử! Như Lai Nhân Địa Tu Viên Giác, Biết nó như là không hoa, cho nên không có luân chuyển; cũng không có Thân Tâm phải chịu Sinh tử luân chuyển. Không phải làm mới không, bản Tính nó vốn không có.

GIẢNG VĂN

Đây nói riêng về **Giác Tướng**. Tiếp Ý ở trên, Chúng Sinh vì không Biết, cho nên lầm thấy có Sinh tử luân hồi. Tất cả các **Đức Như Lai** khi Phát Tâm Tu **Viên Giác**, có Trí Giác soi thấy Thân Tâm Thế giới, Sinh tử, khổ vui đều không có gì thực tại. Cũng như hoa ở hư không, không có Sinh diệt; cho nên không có bị luân chuyển Sinh tử, và cũng không có Thân Tâm chịu Sinh tử luân chuyển. Đây Thuyết minh **Giác Tâm** lúc mới Phát khởi, liễu Ngộ được Sinh tử, cho nên gọi là **Đốn Giáo Đại Thừa**. Song sự Liễu Sinh tử không phải đem công lực tạo tác mới thành, tại sao thế? Vì Bản Tính nó vốn không có; cũng như không hoa, toàn thể đều là hư không; không phải chờ hoa diệt, sau mới thấy hư không. Cho nên Chính văn nói: (không phải làm, mới không. Bản Tính nó vốn không có). Để Phát minh (tỏ rõ) **Giác Tính Viên minh**, bản nhiên không có hư vọng.

Hán: Bi Tri Giác giả, do như hư không; tri hư không giả, tức không hoa Tướng. Diệc bất khả Thuyết, vô Tri Giác Tính. Hữu vô câu khiển, thị tắc danh vi Tịnh Giác Tùy thuận.

Việt: Tính Tri Giác kia, cũng như hư không; Biết hư không đó, cũng là Tướng không hoa. Cũng không có thể nói, không có Tính Tri Giác. Có và không, đều bỏ; như thế gọi là Tịnh Giác Tùy thuận.

GIẢNG VĂN

Tri Giác: chỉ vào văn trên đã nói, chữ Giác, Biết là không hoa mà nói. Giác Tướng cũng như hư không. Hư không nguyên không có hoa. **Tịnh Giác** nguyên không có vọng niệm, tức là ly tất cả Tướng không có Sai Biệt. **Tri hư không:** Ý nói cái Tâm **Liễu Tri Giác Tướng** cũng như hư không, Tuy thế nhưng cũng là Tướng, và danh phân Biệt, tức là vọng niệm. Cho nên Chính văn nói: **như Tướng không hoa. Tri** đã không giá trị, vậy **vô tri** có giá trị không? **Vô tri:** tức không phải Tự Tướng của Tri Giác, cho nên cũng không có thể nói nó là cái Tính **vô Tri Giác**. Như vậy ta sẽ nhận Định thế nào? Nên Biết rằng: nói có, nói không, đều thiên chấp về một bên, cũng là đối đãi mà thôi, cũng không phải **Giác Tính**, phải nên nhận Định có với không đều không có giá trị, và Tâm tương đối không thể thành lập, mới là **Tùy thuận Tịnh Giác**. Cho nên Chính văn nói: (thị tắc danh vi Tịnh Giác Tùy thuận). **Tịnh Giác:** là Viên chiếu Thanh Tịnh Giác Tướng.

Hán: Hà dĩ cố? Hư không Tính cố, thường bất Động cố. Như Lai Tạng trung, vô khởi diệt cố, vô tri, kiến cố. Như Pháp giới Tính, cứu Kinh Viên mãn Biến Thập phương cố.

Việt: Tại sao thế? Tính hư không, nó thường không Động. Trong Tạng Như Lai, không có khởi diệt, không có thấy, Biết. Cũng như Tính Pháp giới, trọn suốt tròn đầy Biến khắp mười phương.

GIẢNG VĂN

Tại sao Có với Không đều bỏ? Muốn đạt tới, phải quan sát Tướng **Tĩnh Giác** cũng như hư không. Hư không là thủ cái Nghĩa phổ Biến, mà không có Chướng Ngại, Thể Tĩnh thường bất Động. **Dụng** thì trong Tạng Như Lai sẵn có đầy đủ tất cả công đức mà không có Tướng khởi diệt. Như thế Viên dung rộng sáng, Nhất Chân Tuyệt đãi, không lấy Tâm tư tưởng, lời nói năng mà có thể thấu đáo được. Cho nên Chính văn nói: **vô tri kiến** (không thấy Biết). **Như Pháp giới Tĩnh**: tất cả Pháp giới Tĩnh đều Chân Như. Cho nên Giác Tĩnh cũng lấy Pháp làm dụ, cũng gọi Pháp giới mà làm Tĩnh, cho nên trọn suốt đầy tròn, Biến khắp mười phương.

Hán: Thị tác danh vi Nhân Địa Pháp Hạnh. Bồ Tát nhân thử u Đại Thừa trung, Phát Thanh Tĩnh Tâm; Mạt thế Chúng Sinh y thử Tu Hành, bất đọa tà kiến!

Việt: Thế gọi là Nhân Địa Pháp Hạnh. Bồ Tát nhân đó mà ở trong Pháp Đại Thừa, Phát Tâm Thanh Tĩnh; Chúng Sinh đời Mạt (đời sau) theo đây Tu Hành, sẽ không mắc phải tà kiến.

GIẢNG VĂN

Đây là lời tổng kết, để đáp lời hỏi của Ngài **Văn Thù**. Ý Nghĩa đã nói rõ và Ý Chính của Phật nói. Thì lấy Pháp Tĩnh Chân Như Bình Đẳng làm mục đích, **Viên Giác Tĩnh** làm Cảnh Sở Quan. Cho nên Chương này nói về Cảnh Bình Đẳng.

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó, mà nói bài kệ rằng.

GIẢNG VĂN

Đức Thế Tôn thâm tóm Ý Nghĩa ở trong Chính văn, mà Thuyết ra bài kệ Tụng, cho dễ Hiểu. Từ đây trở xuống các Chương cũng vậy. Bài Tụng có nhiều thứ, Tụng đây, Căn cứ ở Chính văn mà Tụng lại. Cho nên bài Tụng, lại đối với Chính văn, cũng như văn nói tóm tắt và rút bớt đi, như vậy cũng không cần phải nói nhiều.

**Hán: Văn Thù như Đương tri!
Nhất thiết Chư Như Lai,
Tòng ư Bản Nhân Địa,
Giai dĩ Trí Tuệ Giác.
Liễu đạt ư vô minh,
Tri bỉ như không hoa,
Tức năng miễn lưu chuyển.
Hựu như mộng trung Nhân,
Tĩnh thời bất khả đắc.
Giác giả như hư không,
Bình Đẳng bất Động chuyển,
Giác Biến Thập phương giới,
Tức đắc thành Phật Đạo.
Chúng Huyền diệt vô sớ,
Thành Đạo diệt vô đắc,
Bản Tính Viên mãn cố.
Bồ Tát ư thử trung,
Năng Phát Bồ đề Tâm;
Mạt thế Chư Chúng Sinh,
Tu thử miễn tà kiến.**

**Việt: Văn Thù Ông nên Biết!
Tất cả các Như Lai,
Từ nơi Bản Nhân Địa,
Đều lấy Trí Tuệ Giác.
Hiểu Biết màng vô minh,
Biết nó như không hoa,
Tức là miễn luân chuyển.
Ví như Người ngủ mơ,
Tĩnh thời không thấy có.
Giác Tính như hư không,
Bình Đẳng không Động chuyển,
Giác Biến khắp mười phương,
Tức là thành Phật Đạo.**

**Huyễn diệt không nơi chốn,
Thành Đạo cũng không phải,
Bản Tính vốn tròn đầy.
Bồ Tát ở như đây.
Hay Phát Tâm Bồ đề;
Chúng Sinh đời sau này,
Tu thế miễn tà kiến!**

GIẢNG VĂN

Trí Tuệ Giác: tức Viên chiếu Thanh Tịnh Giác Tướng. Câu Thành Đạo cũng không phải. Viên Giác là Thanh Tịnh Giác Địa Bình Đẳng của Chúng Sinh. Khi Thành Đạo, nó sẽ Phát hiện, chứ không phải từ bên ngoài mà vào, cũng không phải mới khởi ra. Cho nên nói: **vô đắc** (không phải).

2. Chương Phổ Hiền Bồ Tát

Kinh này chú trọng tại nơi **Hành**. Chương trên đã nói Cảnh Sở Quan, cho nên từ Cảnh mà khởi **Hành**. Từ đây trở xuống mười Chương, nói rõ việc Tu Hành. Ngài **Phổ Hiền Bồ Tát** Công Hành rất Quảng Đại. Cho nên đầu tiên, Ngài làm Đại Biểu cho Chúng, mà hỏi Phật, có Ý tứ rất thâm thiết.

Hán: Ư thị Phổ Hiền Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ nhi bạch Phật ngôn: Đại Bi Đức Thế Tôn! Nguyên vị thử Hội Chư Bồ Tát Chúng, cập vị Mạt thế Nhất thiết Chúng Sinh Tu Đại Thừa giả, vân thử Viên Giác Thanh Tịnh Cảnh Giới, vân hà Tu Hành?

Việt: Khi đó Ngài Phổ Hiền Bồ Tát đương ở trong Đại Chúng, từ tòa đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng: Kính lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Xin Ngài vì các Bồ Tát ở trong Hội này, và tất cả Chúng Sinh đời Mạt (đời sau) Tu Pháp Đại Thừa, được Nghe thấy Cảnh Giới Viên Giác Thanh Tịnh, Tu Hành làm sao?

GIẢNG VĂN

Từ câu đầu đến câu bạch Phật rằng: là cái nghi phép đê Thỉnh bạch, Chương nào cũng vậy. Từ câu **Đại Bi Thế Tôn** trở xuống đến câu Cầu Thỉnh: Tiết này, trước nói rõ Ý khái Thỉnh, không giống như Chương trên. Chương trên là muốn Biết cái **Nhân Địa** của **Như Lai**, và muốn Biết lấy gì làm Cảnh Giới. Chương này Căn cứ ở Chương trên, nói Cảnh Giới **Viên Giác Thanh Tịnh**. Vậy muốn cái Phương Pháp để Chứng Cảnh Giới đó. Cho nên Chính văn nói: (Tu Hành làm sao). Nhưng chú trọng nhứt ở Hạnh Đại Thừa, cho nên đặc biệt đề xướng lên, vì Tu Đại Thừa mà Thỉnh. Dưới đây sẽ giải bày lời khái Thỉnh.

Hán: Thế Tôn! Nhược bỉ Chúng Sinh, tri như Huyền giả, Thân Tâm diệt Huyền. Vân hà dĩ Huyền hoàn Tu ư Huyền? Nhược Chư Huyền Tính nhất thiết tận Diệt, tác vô hữu Tâm, thùy vi, Tu

Hành? Vân hà phục Thuyết Tu Hành như Huyền? Nhược Chư Chúng Sinh bản bất Tu Hành, ư Sinh tử trung thường cư Huyền hóa, tạng bất liễu tri như Huyền Cảnh Giới, linh vọng tướng Tâm vân hà Giải thoát? Nguyên vị Mạt thế nhất thiết Chúng Sinh, tác hà Phương tiện, Tiệm thứ Tu tập, linh Chư Chúng Sinh vĩnh ly Chư Huyền.

Việt: Kính lạy Đức Thế Tôn! Nếu Chúng Sinh kia, Biết là như Huyền (dối), Thân Tâm cũng Huyền (dối). Tại sao lại lấy Huyền (dối) mà Tu Huyền (dối)? Nếu tất cả cái Tính Huyền (dối) nó Diệt hết đi, thì không có Tâm, vậy lấy gì mà Tu Hành? Làm sao lại nói Tu Hành như Huyền? Nếu tất cả Chúng Sinh Nhân thể mà không chịu Tu Hành, thường ở trong Huyền hóa Sinh tử hoại, từng không Hiểu biết Cảnh Giới như Huyền, thì khiến Tâm vọng tướng làm sao được Giải thoát? Kính xin Đức Thế Tôn vì tất cả Chúng Sinh đời sau này, làm Phương tiện gì Tu tập cho có lần lượt, để những Chúng Sinh đó thoát hết mọi sự Huyền (dối) hóa?

GIẢNG VĂN

Chữ **kia**: Chỉ vào Người Tu Đại Thừa mà nói. Nghĩa là Người Tu Đại Thừa, Nghe thấy Cảnh Giới **Viên Giác Thanh Tịnh**, tự Hiểu biết Thân Tâm mình, cũng như không hoa, toàn thị giả dối. Nói về Tu Hành thì cũng không ngoài Thân, Khẩu, Ý, Ba Nghiệp. Thân, Tâm đã là Huyền (dối), Tu Hành dĩ nhiên cũng là Huyền (dối), tức là dùng Thân, Tâm Huyền (dối), mà Tu Hành như Huyền. Như thế chẳng phải vô tình mình lại làm cho cái Pháp Huyền kia, mỗi ngày càng thêm lớn lên hay sao? Đó là một điều hỏi thứ nhất. Nếu bảo Tu đến khi vô minh và Huyền Tính (dối) tất cả đều Diệt hết, gọi là Tu Hành; thì cái Thân Tứ Đại giả hợp, cố nhiên không có; Tâm Duyên ảnh do Sáu Trần kia, cũng không có. Thân, Tâm đã không có, thì Tu Hành bằng cái gì, tức là Tu cũng không phải Tu, mà Hành cũng không phải Hành, chắc cái Hành như Huyền (dối), cũng không phải Tu. Thuyết Tu Hành, đã không thành lập, làm sao lại còn nói Tu Hành như Huyền (dối), có lẽ đem một lời nói suông không hay sao? Đó là câu hỏi thứ hai. Nếu Nhân Thể mà không Tu Hành, Giác cũng không cần phải đối đãi. Cũng như Chúng Sinh đang ở trong vòng Huyền hóa Sinh tử luân chuyển, không Hiểu biết gì, Tâm đã sa ngã ở nơi vọng tướng, lại được Nghe lời nói Thân Tâm như Huyền (dối), tất nhiên cho rằng nó đã như

Huyền, cần gì phải Tu. Nếu như thế làm sao Giải thoát được vọng tưởng mà Chúng Viên Giác? Đó là lời hỏi thứ ba. Vậy phải làm sao mà có thể Chúng được **Viên mãn Giác Chiếu Thanh Tịnh**? Vì thế Ngài **Phổ Hiền Bồ Tát** đem Ý tứ đó ra hỏi Phật. Từ câu Nguyên vị trở xuống, là kết thúc Ý câu hỏi. Ngài **Phổ Hiền Bồ Tát** hỏi Phật các điều, là do Ngài đã Hiểu Biết Ba Cõi Duy Tâm, muôn Pháp Duy Thức, cho nên Ngài thay cho tất cả, đặt Tư tưởng hỏi cận kề như vậy, bắt tất tự mình phải để lòng nghi hoặc. Cho nên Chính văn nói (xin vì tất cả Chúng Sinh đời sau), lời hỏi đây, Ngài muốn lợi ích cho tất cả Chúng Sinh mà hỏi. Các Chương Bồ Tát hỏi, cũng Ý này. Tất cả cũng chỉ muốn được **Viên mãn Giác Chiếu Thanh Tịnh**, tức là Ngài **Phổ Hiền Bồ Tát** cũng còn phải Tu Hành.

Hán: Tác thị ngữ dĩ, ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Tỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: Nói thế rồi, năm Thế gieo xuống đất, cứ như thế ba lần Tỉnh trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Đó là khuôn phép trịnh trọng Cầu khẩn Tỉnh mời, các Chương cũng vậy.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Phổ Hiền Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Chư Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, Tu tập Bồ Tát như Huyền Tam muội, Phương tiện Tiệm thứ, linh Chư Chúng Sinh đắc ly Chư Huyền, nhữ kim đế Thính đương vị nhữ Thuyết” ! Thời Phổ Hiền Bồ Tát, Phụng Giáo hoan hỷ cập Chư Đại Chúng, mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Bây giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Phổ Hiền Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại vì các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt hỏi ta cái Phương tiện lần lượt Tu tập, của Bồ Tát Tu Pháp Tam muội như Huyền (dối), khiến cho Chúng Sinh được xa lìa mọi Huyền (dối). Ông hãy Nghe cho kỹ, tôi sẽ vì

Ông mà nói”! Ngài Phổ Hiền Bồ Tát vâng dạ vui mừng, và tất cả Đại Chúng im lặng ngồi Nghe.

GIẢNG VĂN

Thế Tôn hứa Nói, Bồ Tát lặng Nghe, các Chương cũng thế. Câu như **Huyền Tam muội**: Bồ Tát đã hiểu biết Lý quan sát tất cả Thân Tâm đều là Giả dối, nhưng không gạt bỏ việc Tu Hành như Dối.

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh chủng chủng Huyền hóa, giai Sinh Như Lai Viên Giác Diệu Tâm. Do như không hoa tòng không nhi hữu, Huyền hoa tuy diệt, không Tính bất hoại.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh, có bao nhiêu những sự Huyền hóa đó, cũng đều ở trong Tâm Như Lai Viên Giác Diệu mà Sinh ra. Cũng như hoa ở hư không, từ trong hư không mà Sinh ra, hoa kia tuy diệt; hư không, không sao hết (hoại).

GIẢNG VĂN

Ở đây là tổng tiêu. Tất cả Chúng Sinh, Thân Tâm các Tướng, hoàn toàn vô minh điên đảo dối trá. Cho nên Chính văn nói: **chủng chủng Huyền hóa. Viên Giác Diệu Tâm**: tất cả Chúng Sinh nguyên có đầy đủ Chân Như Pháp Tính, nhưng phải tới đến Quả vị Phật mới có Năng lực Phát hiện. Cho nên đặc xưng **Đức Như Lai có Viên Giác Diệu Tâm**. Tất cả Chúng Sinh mê mất Chân Tính, khởi ra Vọng tưởng. Cho nên Chính văn nói: bao nhiêu những Huyền hóa, **đều Sinh ở Tâm Như Lai Viên Giác Diệu**. Tuy nói rằng Sinh, thực ra nó không có nơi Sinh; Chẳng qua cũng như không hoa, tuy nói rằng từ hư không kia mà có, trái lại trong hư không, thực không có chỗ nào Sinh ra hoa cả. Thí nghiệm mà xem cái Huyền (dối) kia đến chỗ diệt tận, nhưng đối với hư không đâu có bị hoại. Để dụ Chúng Sinh Huyền hóa tuy Diệt hết, nhưng cái **Viên Giác Diệu Tâm** cũng không có thể nhân đó mà bị Động chuyển. Dưới đây sẽ Thuyết minh.

Hán: Chúng Sinh Huyền Tâm, hoàn y Huyền diệt. Chư Huyền tận diệt, Giác Tâm bất Động. Y Huyền Thuyết Giác, diệt danh vi Huyền; Nhược Thuyết hữu Giác, do vị ly Huyền. Thuyết vô Giác

giả diệt phục như thị. Thị cố Huyền diệt, danh vi bất Động. Thiện nam tử! Nhất thiết Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, ưng đương viễn ly nhất thiết Huyền hóa hư vọng Cảnh Giới. Do kiên chấp trì viễn ly Tâm cố, Tâm như Huyền giả diệt phục viễn ly, viễn ly vi Huyền diệt phục viễn ly, ly viễn ly Huyền diệt phục viễn ly, đắc vô sở ly, tức trừ Chư Huyền, thí như toàn hỏa, lưỡng mộc tương nhân, hỏa xuất mộc tận, hôi phi yên diệt. Dĩ Huyền Tu Huyền diệt phục như thị. Chư Huyền tuy tận, bất Nhập đoạn diệt.

Việt: Chúng Sinh Huyền Tâm, lại y vào Huyền mà diệt. Các Huyền (dối) diệt hết, nhưng Giác Tâm không Động. Y vào Huyền mà nói Giác, cũng gọi là Huyền; Nếu nói có Giác thì vì Chưa ly được Huyền; Nói không có Giác, cũng lại như thế. Cho nên nếu Huyền diệt, gọi là bất Động. Thiện nam tử! Tất cả các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt phải nên xa lìa tất cả Cảnh Giới Huyền hóa hư vọng. Do cái Tâm xa lìa kia, gìn giữ được kiên cố! Tâm như Huyền (dối) đó cũng phải xa lìa, cái xa lìa nó cũng là Huyền, cũng phải xa lìa, trái lại lìa cái Tâm xa lìa (dối) Huyền cũng phải xa lìa, tới chỗ không phải xa lìa, tức là trừ được mọi Huyền (dối). Ví như nẩy lửa, nhân hai mảnh gỗ, lửa bốc cháy hết gỗ, tro bay khói hết. Lấy Huyền (dối) mà Tu Huyền cũng lại như thế. Các Huyền tuy hết, nhưng không bị đoạn diệt.

GIẢNG VĂN

Ý nói thứ nhất, phải nên Biết rằng, nếu vô minh Chưa đoạn hết được, hoàn toàn gọi là Huyền Tâm (Tâm dối). Thân Tâm Chúng Sinh tuy Huyền (dối), nhưng lại phải dùng Thân Tâm Huyền (dối) ấy mà Tu Hành, mới trừ diệt nổi vô minh. Cho tới khi Huyền Pháp đã trừ diệt hết, nhưng Giác Tâm không Động, ví như hoa diệt mà hư không đâu có hoại. Cho nên Chính văn nói thắc mắc câu: (Vân hà dĩ Huyền, hoàn Tu u Huyền). Thứ hai, đương ở trong Huyền, thì Giác cũng là Huyền; Nhân thế lại y vào Huyền mà nói Giác, đó là không phải thực Chân Giác, cho nên gọi là Huyền. Bất luận nói có Giác hay không Giác, cũng đều là đối đãi nhau mà nói. Cho nên Chính văn nói: (Do vị ly Huyền). Ba là tất cả Cảnh Giới Huyền hóa hư vọng: như Tứ Đại, Lục Trần, tất

cả các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt phải nên xa lìa, không được nhân thấy hư vọng lại bảo không cần phải Tu Hành, cốt yếu phải nghiên cứu xét đoán cái Huyền Tướng, vì nó rất thâm tế và nhỏ nhiệm. Cũng như Hiểu Biết cái vô minh như Huyền, dùng sức Tướng để xa lìa nó, kiên cố gìn giữ cái Tâm xa lìa Cảnh Huyền kia; Trái lại, cái Tâm xa lìa Cảnh Huyền (dối) đó vẫn còn, tiến lên một bước nhận xét thấy cái Tâm đó cũng là Huyền (dối) như thế cũng phải viễn ly (xa lìa). Ví như vạn Pháp Duy Thức, tiến lên lại Biết, Duy Thức cũng là Huyền (dối). Đây nói chẳng những xa lìa Huyền Cảnh, đến cái Cảnh Huyền của Tâm cũng là Huyền (dối), phải nên viễn ly (xa lìa). Cái Tâm để viễn ly Tâm Huyền, nó cũng như Huyền, cũng phải viễn Ly. Cho nên Chính văn nói: (**viễn ly vi Huyền, diệt phục viễn ly**). Câu: **ly viễn ly Huyền, diệt phục viễn ly**: như trên đã nói, cái Tâm để viễn ly Tâm Huyền, nó cũng như Huyền, nên phải viễn ly. Cứ như thế dần dần thâm Nhập, cho đến chỗ ly không phải ly, và Huyền kia cũng phải tiêu diệt hết. Cho nên Chính văn nói: (**Đắc vô sở ly, tức trừ Chư Huyền**). Những Cảnh Giới đó, trừ ra chỉ có các Bậc **Địa Thượng Bồ Tát** mới thực có tài năng lãnh hội, diệt trừ ly Huyền cho đến không phải ly, Tiến Nhập vào Địa vị Phật. **Câu thí như trở xuống**, đặt lời dụ để Phát minh Nghĩa đoạn trên. **Hỏa xuất**: dụ ly Cảnh Huyền hư vọng. **Mộc tận**: dụ Tâm Huyền để ly Cảnh. **Hôi phi**: dụ Tâm Huyền cũng phải ly. **Yên diệt**: dụ ly Huyền đến triệt để. Dụ tuy có bốn câu, nhưng Nghĩa đến chỗ rốt ráo. Lấy Huyền Tu Huyền, cũng như hai mảnh gỗ sát vào nhau, cho nên nói rằng: (**diệt phục như thị**). Nếu Huyền đã hết, tức là **Viên mãn Giác Tính**. Cho nên văn nói: không Nhập Đoạn Diệt.

“Lời bàn của Ngài Thích Thông Nhuận: trên đây Đức Phật nói từ câu “Nhất thiết Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, ưng đương viễn ly nhất thiết Huyền hóa hư vọng Cảnh Giới”; Cho đến câu “Đắc vô sở ly tức trừ Chư Huyền”, phân ra có bốn đoạn như sau:

1.) Câu do “Kiên chấp trì viễn ly Tâm cố, Tâm như Huyền giả diệt phục viễn ly”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Văn sở văn tận”, Tâm là Năng văn, Cảnh là Sở văn. Tận: là hết; Tâm Cảnh đều hết, nhưng vẫn còn chấp trì cái Trí, Trí đó tức là Bệnh. Cho nên tiến lên một bước, muốn không cả cái Trí đó.

2.) Câu “Viễn ly vi Huyền, diệt phục viễn ly”: câu này tức là Không Trí. Lăng Nghiêm nói: “Giác Sở Giác Không”, Trí tuy Không, nhưng vẫn Còn; Không đó tức là Bệnh.

3.) Câu “Viễn ly vi Huyền, diệt phục viễn ly”: Lăng Nghiêm nói: “Không Sở không Diệt”. Cái Tâm Không, cái Không kia cũng hết. Cho nên câu trên nói, Không đó tức là Bệnh, vì thể muốn không cả cái Không.

4.) Câu “Đắc vô sở ly tức trừ Chư Huyền”. Lăng Nghiêm nói: “Sinh diệt, ký diệt, Tịch diệt hiện tiền”. Ba câu trên còn nói thứ bậc Tu Chứng; đến câu thứ tư, Không đến triệt để, vượt phần Tu Chứng, Tiến Nhập đến Phật Quả. **Huyền Cảnh, Huyền Tâm, Huyền Trí, Huyền Không**, tất cả Diệt hết, tự nhiên **Giác Tính** hiển hiện, và không bị đoạn diệt. Đến Cảnh Giới đây, cái Tướng nó rất vi tế, tất cả Cõi Trời, Cõi Người, cho đến Ngôi **Đẳng Giác Bồ Tát**, Nghiệp Tướng hầy còn; Nghiệp Thức nếu Chưa Chuyển, cũng không biết được, chỉ trừ ra có những Người vọng (không) Niệm như hư không, Tâm không có Sở Tướng mới có thể hiểu biết đến triệt để.

Hán: Thiện nam tử! Tri Huyền tức ly, bất tác Phương tiện. Ly Huyền tức Giác, diệt vô Tiệm thứ. Nhất thiết Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, y thử Tu Hành, như thị nãi năng, vĩnh ly Chư Huyền.

Việt: Thiện nam tử! Biết Huyền thì ly, bất tất phải làm Phương tiện. Ly Huyền tức là Giác, không phải Tiệm thứ (lần lượt). Tất cả Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, y theo Tu Hành, như thế mới hay vĩnh viễn lìa Huyền (dối).

GIẢNG VĂN

Đây là kết thúc Ý ở trên, để đáp lời Thịnh. Nhân Ngài Phổ Hiền hỏi Phật, Pháp Tu Hành Phương tiện Tiệm thứ (lần lượt hoặc cấp bậc) vì còn có Người Biết cái Huyền không được thấu triệt, mà Đức Phật nói ly Huyền không phải những Người Hạ Căn Tiểu Thừa có thể lãnh thụ được; để cho những Người Đại Thừa Đốn Cơ, Lý, và Quán đã được hoàn toàn Chân Chánh, Sự và Tu không có thoái chuyển, mới bảo lãnh nói. Vì thế, cho nên Đức Phật nói: “Tri Huyền tức ly”, Biết Huyền phải xa, bất tất phải dùng Phương tiện. Ly Huyền tức Giác: cũng không phải biệt lập Tiệm thứ (lần lượt). Câu Nhất thiết Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh: là chỉ vào Người Đốn Giáo Đại Thừa mà nói, theo đây Tu Hành, thì được ly Huyền thành Giác. Cho nên Chương này nói cái Công Hành chỉ có những Vị Địa Thượng Bồ Tát đã Chứng Nhập được Phật Địa mà nói, chứ không phải những Vị Sơ Tâm Bồ Tát có thể lãnh nói.

Kệ tụng

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn.

**Phổ hiền nữ Dương tri!
Nhất thiết Chư Chúng Sinh.
Vô thù Huyền vô minh,
Giai tòng Chư Như Lai
Viên Giác Tâm kiến lập.
Do như hư không hoa,
Y không nhi hữu Tướng,
Không hoa nhược phục diệt,
Hư không bản bất Động.
Huyền tòng Chư Giác Sinh,
Huyền diệt, Giác Viên mãn,
Giác Tâm bất Động cố,
Nhược bỉ Chư Bồ Tát.
Cập Mạt thế Chúng Sinh,
Thường ưng viễn ly Huyền,
Chư Huyền tất giai ly,
Như mộc trung Sinh hỏa,
Mộc tận, hỏa hoàn diệt.
Giác tắc vô Tiệm thứ,
Phương tiện diệt như thị.**

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó mà nói bài kệ rằng:

**Phổ Hiền ông nên Biết!
Tất cả những Chúng Sinh,
Vô thù Huyền vô minh,
Từ nơi các Như Lai,
Viên Giác Tâm kiến lập.**

**Cũng như hoa hư không,
Y không mà có Tướng,
Không hoa nếu diệt hết,
Hư không vốn không Động.
Huyễn từ Giác mà Sinh
Huyễn diệt Giác đầy tròn,
Giác Tâm không Động chuyển.
Nếu mà các Bồ Tát,
Và Chúng Sinh đời Mạt,
Phải nên xa lìa Huyền,
Tất cả Huyền đều ly.
Như trong gỗ Sinh lửa,
Gỗ hết lửa hoàn diệt.
Giác thì không Tiệm thứ,
Phương tiện cũng như thế.**

3. Chương Phổ Nhân Bồ Tát

Chương **Văn Thù** là một Chương mục đích dành riêng cho những Vị Thượng Căn, Đốn siêu Đốn Ngộ, đã thoát khỏi vòng Sinh tử luân chuyển, mới có thể lĩnh hội và Tu Chứng. Tiếp đến Chương **Phổ Hiền**, Đức Phật chỉ cho Người Tu Đại Thừa, Biết Huyền phải ly Huyền, chứ không phải làm Phương tiện và Tiệm thứ. Như thế đủ biết Ý Kinh này hợp với Căn Cơ của Người Tu Đốn Giáo (1). Chương trên nói Như Huyền Tam muội, đó là Công Hành của Địa Thượng Bồ Tát, với Người Sơ Tâm không có năng lực Tu Hành. Ngài **Phổ Nhân Bồ Tát** có tài quan sát Căn Tính Chúng Sinh, thương kẻ Sơ Học, cho nên hỏi Phật, mới có ra Chương này, tức là Bồ Tát Địa Tiên tiến Tu theo Công Hành của Bồ Tát Địa Thượng.

Cước chú: (1) Đốn Giáo: nói thẳng tới Đại Thừa, vượt qua các hàng Thanh văn và Duyên Giác, cũng như vượt qua Tiểu Học, Trung Học mà học Đại Học ngay.

Hán: U thị **Phổ Nhân Bồ Tát** tại **Đại Chúng** trung, tức tòng tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: (Đại Bi Đức Thế Tôn! Nguyên vị thử **Hội Chư Bồ Tát Chúng**, cập vị **Mạt thế Nhất thiết Chúng Sinh**, diễn **Thuyết Bồ Tát Tu Hành Tiệm thứ**: vân hà tư duy? Vân hà Trụ trì? **Chúng Sinh** vị **Ngộ** tác hà **Phương tiện**, phả linh **Khai Ngộ**?

Việt: Bấy giờ Ngài **Bồ Tát Phổ Nhân** đương ở trong **Đại Chúng**, liền từ tòa đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, rồi quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng: (Kính lạy Đức Đại Bi Thế Tôn, xin vì **Chúng Bồ Tát** ở trong **Đại Hội** đây và tất cả **Chúng Sinh** đời sau, nói việc **Tu Hành Tiệm thứ** (lần lượt) của **Bồ Tát**: Tư duy (suy nghĩ) thế nào? Trụ trì (ở) thế nào? **Chúng Sinh Chưa Giác Ngộ**, làm **Phương tiện** gì để cho **Chúng** được **Giác Ngộ**?

GIẢNG VĂN

Từ chữ Ư thị trở xuống đến chữ nhi bạch Phật ngôn: là Phép Thỉnh bạch. Từ chữ Đại Bi trở xuống là lời Thỉnh bạch thiết tha. Tại sao nói Bồ Tát với Chúng Sinh đời sau mà không nói Đại Thừa? Ý kiến Chương trên, nói về Đôn Giáo. Các vị Bồ Tát sơ Tâm khó Tu, cho nên cổ Thỉnh Phật nói Sự Tu Hành Tiệm thứ, hỏi rõ Tư duy làm sao, Trụ trì làm sao và giả thuyết Phương tiện gì để cho các Vị Tân Học Bồ Tát Nghe thấy Cảnh Giới **Viên Giác** phải tư duy quan sát làm sao cho chóng được thuần thực? Nơi ăn ở, để Tu Hành làm sao cho khỏi tất cả các hoàn cảnh không làm trở ngại? Lại tổng quát hỏi một câu : Quả như Cảnh Giới **Viên Giác** những Người Chưa được Khai Ngộ, phải làm những Phương tiện gì khéo léo cho Người ta được Khai Ngộ? Ý muốn chẳng những Người Thượng Nhân được Ngộ, mà lại còn muốn cho Người Trung Nhân và Hạ Nhân cũng được Khai Ngộ.

Hán: (Thế Tôn! Nhược bĩ Chúng Sinh vô Chính Phương tiện cập Chính tư duy, Văn Phật Như Lai Thuyết thử Tam muội, Tâm Sinh mê muội, tức ư Viên Giác bất năng Ngộ Nhập. Nguyên hưng từ Bi, vị ngã đẳng bối cập Mạt thế Chúng Sinh, Giả Thuyết Phương tiện). Tác thị ngữ dĩ ngữ Thế đầu Địa như thị tam Thỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: “Lạy Đức Thế Tôn: Nếu Chúng Sinh Tu Hành mà không có Chính Phương tiện và Chính Tư duy, sau khi được Nghe Thế Tôn nói Tam muội, Tâm Sinh mê mẫn, đối với Viên Giác không có thể Ngộ Nhập. Kính xin Đức Từ Bi vì lũ Chúng con và Chúng Sinh đời sau này đặt Giả Thuyết và Phương tiện”. Nói thế rồi, ngữ Thế đầu Địa (1) cứ như thế ba lần Thỉnh, trước sau như một.

Cước chú: (1) Đầu Địa: Đầu và 2 chân 2 tay nằm ở dưới đất.

GIẢNG VĂN

Từ chữ Thế Tôn đến chữ Ngộ Nhập: Bồ Tát tự giải bày và cổ Thỉnh Phật nói Phương tiện và Tiệm thứ. **Chữ bĩ Chúng Sinh:** chỉ vào những Vị Tân học ở trong Hội, và những Vị Sơ Tâm Bồ Tát đời sau mà nói. Ý nói vừa Nghe Phật Thuyết Bồ Tát Tu Hành như Huyền Tam muội, tức là viễn ly tất cả Cảnh Giới Huyền hóa, không phải dùng Phương tiện và Tiệm thứ, đó là những Vị

Thượng Nhân Căn Tính sáng suốt, mới có thể Hiểu Ngộ được. Còn như kẻ Sơ Tâm Căn Tính ám độn, nếu không có Chính Phương tiện và Chính Tư duy, e rằng Nghe thấy Tam muội, Tâm Sinh mê muội. Nếu Tâm đã Sinh mê muội, tất nhiên không Hiểu Ngộ được Viên Giác. **Từ chữ hưng Từ Bi trở xuống:** Tỏ bày Ý tứ sau khi đã hỏi Phật, trong cái chỗ không có Phương tiện mà Ngài sẽ Phương tiện Thuyết. Cho nên Chính vẫn nói: **Giả Thuyết Phương tiện. Từ chữ tác thị ngữ dĩ trở xuống:** một Phương Pháp ân cần Cầu Thịnh.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Phổ Nhân Bồ Tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Chư Bồ Tát, cập Mạt thế Chúng Sinh, vấn ư Như Lai Tu Hành Tiệm thứ, Tư duy Trụ trì, nãi chí Giả Thuyết chủng chủng Phương tiện. Nhữ kim đế Thính Đương vị nhữ Thuyết. Thời Phổ Nhân Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Bấy giờ! Đức Thế Tôn bảo Ngài Phổ Nhân Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại vì các Bồ Tát và tất cả Chúng Sinh đời Mạt (đời sau) hỏi Ta, việc Tu Hành Tiệm thứ (lần lượt), Tư duy (suy nghĩ) và Trụ trì (nơi ở); Cho đến đặt những Giả Thuyết và Phương tiện. Vậy các Ông hãy Nghe cho kỹ Ta sẽ vì các Ông mà nói. Khi đó Ngài Phổ Nhân Bồ Tát vui mừng Kính Nghe lời dạy và tất cả Đại Chúng im lặng ngồi Nghe.

Hán: Thiện nam tử! bỉ Tân Học Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, dục Cầu Như Lai Tịnh Viên Giác Tâm, ưng đương Chính Niệm viễn ly Chư Huyền. Tiên y Như Lai Sa ma tha Hạnh, kiên trì cấm Giới, an xử Đồ Chúng, yên tọa tĩnh thất.

Việt: Thiện nam tử! Các Vị Tân Học Bồ Tát và tất cả Chúng Sinh đời Mạt, muốn Cầu Tịnh Viên Giác Tâm của Như Lai, thì phải nên Chính Niệm, xa lìa tất cả Huyền. Nếu vậy, trước phải y vào Hạnh Sa ma tha của Như Lai, kiên trì cấm Giới, và xếp đặt Đồ Chúng cho có trật tự an ổn, yên ngồi trong một nhà vắng.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống, Chính để đáp lời hỏi trước, nhưng rất chú trọng về sự Tu Hành Phương tiện. Phật Biết Ngài **Phổ Nhân** có Ý vì các Bồ Tát Tân học mà hỏi, cho nên Đức Phật gọi ngay các Vị Tân Học Bồ Tát mà nói. **Câu đực Cầu trở xuống**: nói rõ việc Tu Hành Tiệm thứ (lần lượt). Nghĩa là những Vị Tân Học muốn Cầu **Tịnh Viên Giác Tâm**, cốt phải Tu Hành, ở nơi ly Huyền; vì rằng ly Huyền tức là **Giác**, muốn Thực Hành phải nên **Chính Niệm**. **Câu Chư Huyền**: Chính là chỉ vào Chương trên mà nói, những Huyền Tâm v.v... đến câu Tiệm thứ, trước phải y vào Hạnh **Sa ma tha** của **Như Lai**. **Sa ma tha**: là tiếng Phạn, Tàu dịch: **Chỉ**; bên ngoài ngăn ngừa điều ác, bên trong ngăn ngừa tán Tâm. **Sa ma tha** là **Nhân Địa Hạnh** của tất cả các Đức Như Lai. Cho nên Chính vẫn nói: **Như Lai Sa ma tha Hạnh**, tức là Đại Thừa **Sa ma tha** vậy. **Cấm Giới** từ Năm Giới, Tám Giới, Quan Trai Giới cho đến Tỳ kheo Giới, Bồ Tát Giới v.v...Giới Tướng có rất nhiều không thể kể xiết, đều phải y theo nơi thụ trì kiên cố giữ gìn chớ nên trái phạm. **Đồ Chúng**: những Đồ Chúng theo học, phải nên xử trí cho an ổn, mới khỏi sức nhiễu. **Tịnh thất**: xa lìa nơi hỗn độn và huyền não, ở nơi vắng vẻ yên ngòi, mới có thể Tiến Tu được Thiên Quán.

Hán: Hằng tác thị Niệm: ngã kim thử Thân Tứ Đại hòa hợp, sở vị mao, phát, thảo, sỉ, bì, nhục, cân, cốt, tủy, não, cấu sắc, giai quy u Địa. Thóa, thể nung, huyết, tân dịch, duyên mật, đàm lệ, tinh khí đại tiểu tiện lợi giai quy, u Thủy. Noãn khí quy Hỏa. Động chuyển quy Phong. Tứ Đại các ly, kim giả vọng Thân đương tại hà sử, tức tri thử Thân tất Kính vô Thể, hòa hợp vi Tướng, thực đồng Huyền hóa. Tứ Duyên giả hợp, vọng hữu Lục Căn; Lục Căn, Tứ Đại trung ngoại hợp thành, vọng hữu Duyên Khí, u trung tích tụ, tụ hữu Duyên Tướng, giả danh vi Tâm. Thiện nam tử! Thử hư vọng Tâm nhược vô Lục Trần, tất bất năng hữu. Tứ Đại phân giải vô Trần khả đắc, u trung Duyên Trần các quy tán diệt, tất Kính vô hữu Duyên Tâm khả kiến.

Việt: Thường thường Nghĩ, Niệm: Cái Thân ta đây, bởi Bốn Đại hòa hợp, như là: lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, óc và các sắc như nhớp khác, đều thuộc về Đất (1 Đại). Nước rãi, nước mắt, mủ, huyết, nước bọt, nước nhờn, đờm, gỉ mắt, tinh, khí, đại tiểu, tiện lợi, đều thuộc về Nước (2 Đại). Khí nóng thuộc về Lửa (3 Đại), Động chuyển thuộc về Gió (4 Đại). Nếu Bốn Đại

phân phối đi, thì cái Thân giả dối này còn tồn tại sao? Tất nhiên Biết rằng cái Thân giả hợp đây quả không có thực thể, nó chỉ là hoà hợp thành Tướng mà thôi, thực đồng Huyền hóa. Bốn Duyên giả hợp, mới có Sáu Căn. Sáu Căn, Bốn Đại trong ngoài hợp thành, mới có Duyên Khí như đối, tích tụ ở trong tựa như có Duyên Tướng, giả đặt tên cho nó là Tâm. Thiện nam tử! cái Tâm hư dối đó, nếu không có Sáu Trần thì cũng không có. Bốn Đại tan đi, Trần đâu còn đặng, và cả Duyên Trần ở trong cũng đều phân tán tiêu diệt, tất nhiên không thấy Duyên Tâm nào nữa.

GIẢNG VĂN

Tiết này để đáp câu hỏi, thế nào là Nghĩ Niệm. Trước phải quan sát Thân, sau quan sát Tâm. **Câu hằng tác thị Niệm:** Văn trên nói yên ổn mà ngồi, thường thường phải quan niệm như trên đã nói. **Từ câu ngã kim thử Thân, đến câu thực đồng Huyền hóa:** nói rõ về quán sát Thân. **Chữ quy:** Nghĩa là trở về, hoặc thuộc về. Ví thử Thân con Người ta, những vật chất cứng như tóc, lông, móng, răng v.v... đều trả về Đất. Chất lỏng trả về Nước. Sức nóng trả về Lửa. Sức Động trả về Gió. Phân tách và quan sát, toàn bộ phận Thân Thể Người ta, Bốn Đại đều phải trả về Bốn Đại. Xét cho đến cùng, thử hỏi xem Thân ta ở đâu? Hoàn toàn đều không có thực tại, cho nên Chúng ta Biết rằng cái Thân giả hợp của Ta đây, Quả nhiên không có thể chất, chẳng qua Bốn Đại hòa hợp mà có cái Tướng trạng giả dối này. Cho nên Chính văn nói: **(hòa hợp vi Tướng thực đồng Huyền hóa).**

Câu Bốn Duyên giả hợp trở xuống: là nói rõ quan sát Tâm. **Bốn Duyên giả hợp mới có Sáu Căn:** lấy Bốn Đại làm Duyên mới có ra Sáu Căn giả dối. Sáu Căn ở trong, Bốn Đại ở ngoài, trong ngoài giao thiệp, trải qua những thời gian Kinh nghiệm, tức thành tập khí. Cho nên Chính văn nói: **(trong ngoài hợp thành mới có Duyên khí như đối).** Tập khí tức là Duyên khí, nó tích tập (góp hợp) ở trong, tựa hồ như thấy có cái trạng thái Năng Duyên. Với cái trạng thái Năng Duyên này, Người ta mạo nhận cho là **Tâm**, tức là **Thức thứ Sáu** vậy. Cho nên Chính văn nói: **(tích tụ ở trong, tựa như có Duyên Tướng giả gọi là Tâm).** Đức Phật nói chữ Tâm đã rõ, sau Ngài lại gọi Thiện nam tử, tức là nhắc nhở cho Minh phải nên chú ý và quan sát. Còn cái Tâm hư vọng là chỉ vào Sáu Thức mà nói: Sáu Thức với Sáu Căn, Sáu Trần tương đối mà khởi ra, nếu không có Trần Sở Duyên, chắc không có Tâm Năng Duyên. Cho nên Chính văn nói: **(nếu không có Sáu Trần thì cũng không có).**

Lại nói nếu quan sát Sáu Trần kia, chỉ là Bốn Đại giả hợp mà có, nếu Bốn Đại phân tán, tất nhiên không có Trần. Cho nên Chính văn nói: (**Bốn Đại tan đi, Trần đâu còn có**). Nếu như cái Trần Sở Duyên đã tiêu diệt, quyết nhiên cái Tâm Năng Duyên cũng không có. Cho nên Chính văn nói: (**tất nhiên không có Duyên Tâm nào nữa**).

Hán: Thiện nam tử! Bĩ Chư Chúng sanh Huyền Thân diệt cố, Huyền Tâm riệc diệt. Huyền Tâm diệt cố, Huyền Trần riệc diệt. Huyền Trần diệt cố, Huyền Diệt riệc diệt. Huyền Diệt diệt cố, phi Huyền bất diệt. Thí như ma Kính, cầu tận Minh hiện. Thiện nam tử! Đương tri Thân Tâm giai vi Huyền cầu. Cầu Tướng vĩnh diệt, Thập phương Thanh Tịnh.

Việt: Thiện nam tử! Những Chúng Sinh kia, Huyền Thân diệt rồi, Huyền Tâm cũng diệt. Huyền Trần diệt rồi, Huyền Diệt cũng diệt. Huyền Diệt diệt rồi, Huyền gì cũng diệt. Ví như bao Kính, cầu hết Sáng hiện. Thiện nam tử! Nên Biết Thân Tâm toàn là Huyền cầu. Cầu Tướng diệt hết, Mười phương Thanh Tịnh (trong sạch).

GIẢNG VĂN

Tiết này để đáp câu hỏi **Trụ trì** là thế nào? **Tư duy**: (suy xét quan sát) Tư duy nếu được minh mẫn sẽ Phát Tuệ. **Trụ trì**: Tu Hành được sáng suốt sẽ Phát Tuệ. Từ đây trở xuống nói Công Hành Tu Chứng của Bồ Tát, sau khi đã được dự ở trong Hàng Thập Địa. **Chữ bĩ**: chỉ vào Người Cầu Tịnh Viên Giác Tâm mà nói. Căn cứ ở trên nói Tiệm thứ và **Tư duy**, Tu tập lâu lâu thuần thực, có thể dần dần không được cả Ngã và Pháp mọi Tướng, mà thuận theo **Viên Giác Tính**. Nếu Chúng ta Căn cứ như Thuyết trên đây đã nói, quan sát Thân không có thực thể, đồng như Huyền hóa, an Trụ kiên cố giữ một Niệm Cảnh Giới như Huyền (dối) ở trong Tâm, thì cái Thân Tướng giả dối có ngày nó sẽ Không. Cho nên Chính văn nói: (**Huyền Thân diệt**). Duyên Tâm cũng phải y vào Sáu Căn, nếu Thân đã diệt, thì Tâm cũng hết. Cho nên Chính văn nói: (**Huyền Thân diệt rồi, Huyền Tâm cũng diệt**). Như thế, nhưng trước phải không có Ngã Tướng mới kết Quả. Trần do Tâm hiện, Tâm đã diệt chắc Trần cũng hết. Cho nên Chính văn nói: (**Huyền Tâm diệt rồi, Huyền Trần cũng diệt**). Đối với Trần phải nói Diệt, nếu Trần đã Diệt, thì cái để Diệt Trần kia

cũng là vô Dụng. Cho nên Chính văn nói: (**Huyền Trần diệt rồi, Huyền Diệt cũng diệt**). Nếu một Pháp đã không thành lập, thì Pháp Tướng cũng thành không. Cứ như thế liên liên diệt Huyền, khin khít Trụ trì, Huyền Diệt đã diệt, tức là Pháp Pháp đều Chân Chân! Cố nhiên không diệt, cho nên Chính văn nói: (**Huyền Diệt diệt rồi, Huyền gì cũng diệt**). Từ câu ví như bao Kính đến câu **Mười phương trong sạch**: lời dụ đó rất Minh. **Câu tạn**: Dụ mọi Huyền hết tạn. **Sáng hiện**: dụ không Huyền gì chẳng hết. **Thân Tâm**: là Bốn thứ Thân, Tâm, Trần, Diệt. Bốn thứ như dôi, cũng như Kính bị nhòa bụi. Cho nên Chính văn nói: (nên biết Thân Tâm đều là Huyền cấu). Nếu Bốn thứ đã diệt hết, thì Mười phương đều trong sạch. Cho nên Chính văn nói: (**Câu Tướng vĩnh diệt, Thập phương Thanh Tịnh**).

Hán: Thiện nam tử! Thí như Thanh Tịnh Ma ni bảo châu, ánh u ngũ sắc, tùy phương các hiện. Chư ngu si giả, kiến bỉ Ma ni thực hữu ngũ sắc. Thiện nam tử! Viên Giác Tịnh Tính, hiện u Thân Tâm tùy loại các ứng, bỉ ngu si giả Thuyết Tịnh Viên Giác, thực hữu như thị Thân Tâm tự Tướng, diệc phục như thị. Do thử bất năng viễn u Huyền hóa, thị, cố ngã Thuyết Thân Tâm Huyền cấu, đối ly Huyền cấu, Thuyết danh Bồ Tát. Câu tạn Huyền trừ, tức vô Đối cấu, cập Thuyết danh giả.

Việt: Thiện nam tử! Ví như Ngọc Ma ni bảo châu trong sạch, ánh ra năm sắc, tùy phương mà hiện ra. Các Người ngu si, thấy Ngọc Ma ni thực có năm sắc. Thiện nam tử! Viên Giác Tịnh Tính, hiện ở Thân Tâm, tùy loài nào nó đều ứng hiện ra. Nhiều kẻ ngu si, nói Tịnh Viên Giác thực có Thân Tâm hình Tướng. Như thế, cũng lại như vậy. Do thế mà không xa lìa được Huyền hóa, cho nên ta nói Thân Tâm Huyền cấu. Đối với Người đối trị để ly Huyền cấu, gọi là Bồ Tát. Câu khi đã hết và cũng không phải đối trị nữa, tức là không có Đối cấu, lại không có cả Tên Người đó và lời nói nữa.

GIẢNG VĂN

Trên đây lấy Kính và Câu mà đặt lời thí dụ, để chỉ rõ vô minh nó cũng như Huyền (dôi). Sợ Người ta Hiểu lầm Tâm **Tịnh Viên Giác** có Tính vô minh

thực. Tiết này, lấy Bảo châu mà đặt lời dụ, là chỉ cho Chúng ta biết rằng: Tính **Viên Giác** bản nhiên Thanh Tịnh, Huyền cấu bởi vọng Sinh, Pháp và Dụ sáng tỏ, Nghĩa rất rõ ràng. Bảo châu tùy phương, ánh hiện ra năm Sắc. **Viên Giác** tùy loài, ứng hiện ra Năm Âm. **Tùy Loại**: Chúng Sinh ở Cõi nào thụ Năm Âm Thân Tâm (1), tùy theo Loại đó mà hiện ra hình Tướng Thân Tâm Loại ấy. Ngọc không có Tướng năm Sắc, **Viên Giác** cũng không có Hình Tướng Thân Tâm Năm Âm. Kẻ ngu Chấp là Có thực, bởi không liễu đạt (Hiểu thấu) được Huyền, nhận lầm có Ngã, có Pháp, thường ở trong Cảnh Giới Huyền hóa, không biết ngày nào được thoát. Nên Chính văn nói: **(do thế mà không xa lìa được Huyền hóa)**. **Từ chữ thị cố trở xuống**: kết thúc và bày tỏ nói Viên Giác Tính bản Tịnh. Ý nói nhân Chúng Sinh ngu si nhận lầm Thân Tâm là có thực, cho nên nói Thân Tâm đó là Huyền cấu. Huyền cấu có thể đối trị mà diệt trừ được. Nếu Chúng Sinh nào Tu Hành đối trị diệt trừ được Huyền cấu, Người đó gọi là Bồ Tát. Quả như Cầu hết, mà Đối cũng hết; cũng như Bệnh khỏi, thuốc cũng vô dụng. Tức là sự đối trị để ly Huyền Cấu cũng không, cho đến không có cả cái tên Người đối trị để ly Huyền Cấu nữa. Bởi **Viên Giác Diệt Tâm** bản nhiên không có tất cả các Pháp.

Cước chú: (1) Năm Âm: 1)Sắc Thân, 2)Thụ, 3)Tướng, 4)Hành, 5)Thức. Sắc thuộc về Thân. Thụ, Tướng, Hành, Thức thuộc về Tâm. Âm Nghĩa là che rợp và phủ dầy. Bởi vì Chúng ta cứ nhận lầm Năm thứ này là Thân Tâm Ta, cho nên nó cứ bị che kín và phủ dầy, mất Tính Viên Giác.

Hán: Thiện nam tử! Thử Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, Chứng đắc Chư Huyền diệt ảnh tượng cố. Nhĩ thời tiện đắc vô phương Thanh Tịnh, vô biên hư không Giác sở hiển Phát.

Việt: Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt (đời sau) Chứng được Chư Huyền và diệt ảnh tượng. Rồi bấy giờ sẽ được vô phương Thanh Tịnh, Giác Tâm hiển Phát, tất cả ở hư không vô Biên.

GIẢNG VĂN

Chương trên đã nói rõ sự viển ly (xa lìa) vô minh. Dưới đây lại chỉ bảo công phu để Tùy thuận **Viên Giác Tính**. Câu **thử Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh**: Ý nói Chương trên, những Người đã ly hết Đối Cấu. Câu **mọi Huyền diệt ảnh tượng**: đọc lại: mọi Huyền ảnh tượng tận diệt. Khi đã trừ hết được

Huyễn và ảnh tượng, tức là được vô phương Thanh Tịnh. Vô phương Nghĩa là: không có hạn lượng. Thanh Tịnh Nghĩa là: không có Huyền cấu. Từ trước tới nay nhận cái hư không vô biên mờ tối, ngày nay Giác Tính Phát Sinh, chuyển thành **Thanh Tịnh Viên Minh**. Cho nên Chính văn nói: (**vô biên hư không, Giác Sở hiển Phát**). Tại đây nói Căn bản vô minh do Tâm cải tạo, Tâm ấy Biến thành **Viên Minh Giác Ngộ**. Tức là **Căn bản vô Phân Biệt Trí**. Thân Chứng được **Chân Như**, Nghĩa là vượt Sự Tướng mà hiển Lý Tính. Nhưng tiết này cũng có ít phần nói về Tướng. Dưới sẽ nói rõ tất cả các Pháp, để bày tỏ Pháp Thanh Tịnh Bình Đẳng bất Động.

Hán: Giác Viên Minh cố, hiển Tâm Thanh Tịnh; Tâm Thanh Tịnh cố, Kiến Trần Thanh Tịnh; Kiến Thanh Tịnh cố, Nhãn Căn Thanh Tịnh; Căn Thanh Tịnh cố, Nhãn Thức Thanh Tịnh; Thức Thanh Tịnh cố, Văn Trần Thanh Tịnh; Văn Thanh Tịnh cố, Nhĩ Căn Thanh Tịnh; Căn Thanh Tịnh cố, Nhĩ Thức Thanh Tịnh; Thức Thanh Tịnh cố, Giác Trần Thanh Tịnh. Như thị nãi chí Tuy, Thiệt, Thân, Ý diệt phục như thị.

Việt: Nếu Giác đã Viên Minh, thì Tâm được Thanh Tịnh; Nếu Tâm Thanh Tịnh, thì thấy Trần được Thanh Tịnh; Thấy Trần đã được Thanh Tịnh, thì Căn mắt được Thanh Tịnh; Căn đã Thanh Tịnh, thì Thức Mắt được Thanh Tịnh; Thức Thanh Tịnh, thì Nghe Trần được Thanh Tịnh; Nghe Thanh Tịnh thì Căn Tai được Thanh Tịnh; Căn Thanh Tịnh thì Thức Tai được Thanh Tịnh; Thức Thanh Tịnh thì Giác Trần được Thanh Tịnh. Như thế cho đến Mũi, Lưỡi, Thân, Ý cũng lại như thế.

GIẢNG VĂN

Văn trên nói các Huyền đã diệt hết, tức là **Giác Tính Viên Minh**, mà được **vô phương Thanh Tịnh**. **Giác Tính Viên Minh**: tỏ biết cái Tâm, nguyên là Thanh Tịnh, không bị những Duyên ảnh làm Tướng. Cho nên Chính văn nói: **nếu Giác đã Viên Minh thì Tâm được Thanh Tịnh**. Nếu Tâm đã Thanh Tịnh, tất nhiên phải y vào Tâm mà dùng cái Thấy, Nghe, Chạm, Biết, nó đều phải Tịnh. Suy đó Chúng ta sẽ Thấy rõ sự Thấy, Nghe, Chạm, Biết phải y vào Sáu Căn. Sáu Căn Phát ra Sáu Thức, đương nhiên là Thanh Tịnh.

Hán: Thiện nam tử! Căn Thanh Tịnh cố, Sắc Trần Thanh Tịnh; Sắc Thanh Tịnh cố, Thanh Trần Thanh Tịnh; Hương, Vị, Xúc, Pháp diệc phục như thị. Thiện nam tử! Lục Trần Thanh Tịnh cố, Địa Đại Thanh Tịnh; Địa Thanh Tịnh cố, Thủy Đại Thanh Tịnh; Hỏa Đại, Phong Đại diệc phục như thị. Thiện nam tử! Tứ Đại Thanh Tịnh cố, Thập nhị Xứ, Thập bát Giới, Nhị thập ngũ hữu Thanh Tịnh.

Việt: Thiện nam tử! Căn được Thanh Tịnh, thì Sắc Trần cũng Thanh Tịnh! Sắc Thanh Tịnh thì Thanh Trần cũng Thanh Tịnh; Hương, Vị, Xúc, Pháp cũng lại như vậy. Thiện nam tử! Nếu Sáu Trần được Thanh Tịnh, thì Địa Đại cũng Thanh Tịnh; Nếu Địa Đại Thanh Tịnh, thì Thủy Đại cũng Thanh Tịnh; Hỏa Đại, Phong Đại cũng lại như thế. Thiện nam tử! Nếu Bốn Đại được Thanh Tịnh thì 12 Xứ, 18 Giới và 25 Cõi đều Thanh Tịnh.

GIẢNG VĂN

Nếu Sáu Căn đã thành Thanh Tịnh, thì Căn đối với Sáu Trần, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp cũng thành Thanh Tịnh. Vì Sáu Trần do Bốn Đại mà có, cho nên Sáu Trần đã Thanh Tịnh thì Bốn Đại cũng vậy. Nếu Bốn Đại đã Thanh Tịnh thì 12 Xứ và 18 Giới cho đến 25 Cõi cũng Thanh Tịnh. Nói tổng có ba Cõi: 1.) cõi Dục, 2.) cõi Sắc, 3.) cõi Vô Sắc. Trong Ba Cõi, chia ra làm 25 Cõi là nơi của Chúng Sinh ở. Nói 25 Cõi là thu tóm tất cả các Pháp ở Thế gian.

Hán: Bỉ Thanh Tịnh cố, Thập Lục, Tứ Vô sở úy, Tứ Vô Ngại Trí, Phật Thập bát Bất Cộng Pháp, Tam thập thất Phẩm Trợ Đạo Thanh Tịnh. Như thị nãi chí Bát vạn tứ thiên Đà la ni Môn, nhất thiết Thanh Tịnh.

Việt: Như thế đã Thanh Tịnh rồi, thì Mười Lục, Bốn Vô sở úy, Bốn Trí Vô Ngại, Phật 18 Pháp Bất cộng, cho đến 37 Phẩm Trợ Đạo cũng Thanh Tịnh. Như thế cho đến 84,000 Môn Đà la ni, tất cả đều Thanh Tịnh.

GIẢNG VĂN

Văn trên lấy Giác Viên Minh để nêu cái Tâm Thanh Tịnh. Bởi Tâm Thanh Tịnh, cho nên khắp cả Thế gian, mọi Pháp đều Thanh Tịnh. Tất cả mọi Pháp ở Thế gian phải y vào Nhiệm Duyên, do **Giác** Phát hiện mà thành Thanh Tịnh, tức là y vào Lý Tính Chân Như Thanh Tịnh. Cho nên mỗi một sự vật, thoáng tai qua mắt đều Thanh Tịnh. Chữ **Bỉ**: chỉ vào văn trên nói các Pháp ở Thế gian. Tất cả các Pháp ở Thế gian y vào **Giác**, mới Phát hiện Lý Tính Chân Như mà thành Thanh Tịnh. Thì Pháp Xuất Thế gian hoặc Nhân, hoặc Quả đương nhiên Thanh Tịnh. Cho nên tiết này nói Mười Lục cho đến Môn Đà la ni mà kết cục lại tất cả đều Thanh Tịnh.

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Thực Tướng Tính Thanh Tịnh cố, nhất Thân Thanh Tịnh; Nhất Thân Thanh Tịnh cố, đa Thân Thanh Tịnh; Đa Thân Thanh Tịnh cố, như thị nãi chí Thập phương Chúng Sinh Viên Giác Thanh Tịnh. Thiện nam tử! Nhất Thế giới Thanh Tịnh, đa Thế giới Thanh Tịnh; Đa Thế giới Thanh Tịnh cố, như thị nãi chí tận hư không, viên lý Tam Thế, Nhất thiết Bình Đẳng, Thanh Tịnh bất Động.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Thực Tướng Tính Thanh Tịnh, thì một Thân được Thanh Tịnh; Một Thân Thanh Tịnh, thì nhiều Thân Thanh Tịnh; Nhiều Thân Thanh Tịnh cho đến Mười phương Chúng Sinh Viên Giác Thanh Tịnh. Thiện nam tử! Một Thế giới Thanh Tịnh, thì nhiều Thế giới Thanh Tịnh; Nhiều Thế giới Thanh Tịnh như thế, cho đến hết Cõi hư không, tròn đầy ba đời, tất cả Bình Đẳng, Thanh Tịnh không Động.

GIẢNG VĂN

Chữ Nhất thiết: theo văn trên nói tất cả các Pháp Thế gian và Xuất Thế gian mà nói. Tự **Căn bản Trí** đã Chứng **Chân**, thì ẩn Sự mà hiển Lý, cho nên tất cả các Pháp Thế gian và Xuất Thế gian đều lấy **Chân Như** mà làm **Thực Tướng**. Tính **Chân Như Thanh Tịnh**, cho nên Thực Tướng cũng đồng như **Chân Như**, Tính đều **Thanh Tịnh**. Bởi tất cả Thực Tướng Tính Thanh Tịnh. Cho nên **Chính Báo** và **Y Báo** (1) cùng một **Thực Tướng** Tính đều Thanh Tịnh. Cho nên Chính văn nói: **một Thân hay nhiều Thân, cho đến Mười**

phương Chúng Sinh; Một Thế giới hay nhiều Thế giới, cho đến hết cả Cõi hư không, tròn đầy Ba Đòì, tất cả đều Thanh Tịnh. Chử Bình Đẳng: lấy hư không mà nói. Hết Cõi hư không, đều quy về một Tính Thanh Tịnh; chứ không phải đối nhiệm mà nói Tịnh, mới là Thực Tịnh, cho nên nói là Bình Đẳng. **Chử bất Động:** lấy Ba Đòì mà nói, tròn đầy Ba Đòì, thường thường Thanh Tịnh, cho nên gọi là bất Động.

Cước chú: (1) Chính Báo: Ví như Thân của Đức Phật là Chính Báo. Y báo: Quốc Độ của Đức Phật. Thân Phật Trang nghiêm, và Quốc Độ cũng Trang nghiêm, do chỉ có một Tính Chân Như Thực Tướng mà thôi.

Hán: Thiện nam tử! Hư không như thị, Bình Đẳng Bất Động, đương tri Giác Tính Bình Đẳng Bất Động; Tứ Đại bất Động cố, đương tri Giác Tính Bình Đẳng Bất Động; Như thị nãi chí Bát vạn tứ thiên Đà la ni Môn, Bình Đẳng Bất Động, đương tri Giác Tính Bình Đẳng Bất Động.

Việt: Thiện nam tử! Hư không như thế, Bình Đẳng không Động, nên biết Giác Tính cũng Bình Đẳng không Động; Bốn Đại không Động, nên biết Giác Tính cũng Bình Đẳng không Động; Như thế cho đến Tám vạn bốn nghìn Môn Đà la ni, Bình Đẳng không Động, nên biết Giác Tính cũng Bình Đẳng không Động.

GIẢNG VĂN

Trên nói nếu đã Chứng được mọi Huyền và Diệt Ảnh tượng, y vào Lý thành Sự, tức là y vào **Trí Vô Phân Biệt** mà Chứng được **Chân Như Lý Tính**, để thành Y Báo và Chính Báo tất cả Thế gian và Xuất Thế gian, Thanh Tịnh Bình Đẳng không Động. Tiết này bỏ Sự dùng Lý, bỏ Tướng lấy Tính, lập tất cả các Pháp để Biểu trưng Pháp Tính Bình Đẳng Bất Động. Hư không và Bốn Đại, tức là Năm Đại thu tóm cả Thế gian Pháp. **Câu như thế Bình Đẳng không Động:** là thể theo Chương trên, nói tất cả các Pháp Thanh Tịnh Bình Đẳng Bất Động mà nói. **Câu như thế cho đến:** là lời nói bao trùm siêu việt, kiến lập tất cả các Pháp Thế gian và Xuất Thế gian, cho đến 84,000 Môn Đà la ni đều Bình Đẳng Bất Động, để nêu **Giác Tính** cũng Bình Đẳng Bất Động, tức là mỗi một sự vật đều hiển lộ Lý **Chân Như**. Cho nên tùy theo một Hành vi, cử chỉ, Sự Lý gì cũng kể nói: **nên biết Giác Tính Bình Đẳng Bất Động.**

Hán: Thiện nam tử! Giác Tính Biến mãn Thanh Tịnh Bất Động, Viên vô tế cố, đương tri Lục Căn biến mãn Pháp giới; Căn Biến mãn cố, đương tri Lục Trần Biến mãn Pháp giới; Trần Biến mãn cố, đương tri Tứ Đại Biến mãn Pháp giới; Chư thị nãi chí Đà la ni Môn Biến mãn Pháp giới.

Việt: Thiện nam tử! Giác Tính Biến khắp Thanh Tịnh bất Động, tròn đầy không Biến tế, nên biết Sáu Căn cũng Biến khắp Pháp giới; Nếu Căn đã Biến khắp, thì Sáu Trần cũng Biến khắp Pháp giới; nếu Trần đã Biến khắp thì Bốn Đại cũng Biến khắp Pháp giới; Như thế cho đến Môn Đà la ni cũng Biến khắp Pháp giới.

GIẢNG VĂN

Đã y vào Lý mà thành Sự, lại bỏ Sự để tỏ Lý. Nay lại nói Sự cũng tùy theo Lý mà Biến khắp tất cả. Đề Biểu trưng Sự Lý không có Chướng Ngại. Vô Biên hư không, **Giác Tính** hiển Phát, tròn đầy Ba Đồi, Bình Đẳng Bất Động. Vì thế cho nên biết rằng: **Giác Tính** Biến khắp Pháp giới, Căn trần, Bốn Đại cho đến Môn **Đà la ni**, cũng đều phải lấy **Chân Như Thực Tính** làm Tính, tức là **Giác Tính**. Cho nên mỗi một đều Biến khắp Pháp giới. Một Pháp tuy Biến, nhưng không phải riêng một Pháp đó, có thể Biến trạng hay ẩn náu đi. Cho nên mỗi một Pháp có năng lực Biến khắp, nhưng không bị Chướng Ngại. Vì thế mỗi một Pháp đều tràn đầy không Biên giới, đó là Lý **Sự Vô Ngại Pháp giới**.

Hán: Thiện nam tử! Do bỉ Diệu Giác Tính Biến mãn cố. Căn Tính, Trần Tính vô hoại vô tạp; Căn Trần vô hoại cố, như thị nãi chí Đà la ni Môn vô hoại vô tạp. Như bách thiên Đẳng, quang chiếu nhất thất, kỳ quang Biến mãn, vô hoại vô tạp.

Việt: Thiện nam tử! Do Tính Diệu Giác Biến khắp. Cho nên Căn Tính, Trần Tính không hoại không tạp; Nếu Căn Trần không hoại không tạp, thì Môn Đà la ni cũng không hoại không tạp. Ví như trăm ngàn cây đèn, ánh sáng cùng soi trong một nhà, ánh sáng khắp nhà, mà không hoại không tạp.

GIẢNG VĂN

Hoại: Nghĩa là: như nước, lửa, đen, trắng, phản nhau. **Tạp:** Nghĩa là: như lúa, gạo, mì, cát, đá lẫn nhau gọi là tạp. Có hoại có tạp, tức là không được Viên mãn tròn đầy, đây nói Giác Tính Biên khắp tròn đầy không có Biên giới (bờ cõi), chứ không như hoại tạp tình thường của con Người. Căn Tính và Trần Tính cũng như Giác Tính tròn đầy không có Biên giới, và cũng không có hoại tạp. Suy thế đủ Biết Tính **Đà la ni** Môn cũng thế, không có khác. Song Biên khắp mà không hoại tạp. Như vậy, đối với Người tầm thường chắc không Hiểu thấu, dầu có lầy lời nói cũng không có thể cảm thông được. Vậy sẽ đặt một câu thí dụ như sau: trăm ngàn Đèn, dụ các Pháp; Ánh sáng dụ Pháp Biên; Nhà dụ Cõi Pháp giới; luồng Sáng các Đèn soi đầy trong một nhà, cũng như các Pháp Biên Pháp giới. Các luồng sáng của đèn tuy soi lẫn nhau, nhưng không có Chướng ế. Cũng như các Pháp tương quan với nhau mà không ngăn vướng. Trên đây nói Căn, Trần, Tính, Giác Biên khắp Pháp giới mà không bị hoại, tạp cũng như thế. Tức là Tính, Tướng không hai. Một Cảnh nói không xuể, kể không xiết, tức thuộc **Sự Sự vô Ngại Pháp giới**.

Hán: Thiện nam tử! Giác thành tựu cố, Đương tri Bồ Tát bất dữ Pháp phọc, bất Cầu Pháp thoát, bất yếm Sinh tử, bất ái Niết bàn, bất Kính Trì Giới, bất tăng hủy cấm, bất trọng cửu tập, bất khinh Sơ học. Hà dĩ cố? Nhất thiết Giác cố. Thí như nhãn quang, Hiểu liễu tiền Cảnh, kỳ quang Viên mãn, đắc vô tăng ái. Hà dĩ cố? Quang Thể vô nhị, vô tăng ái cố.

Việt: Thiện nam tử! Nếu Giác thành tựu rồi, thì nên biết Bồ Tát không cùng với Pháp phọc (buộc), không Cầu Pháp thoát, không chán Sinh tử, không yêu Niết bàn, không Kính Người Trì Giới, không ghét Người Phá Giới, không trọng Người học lâu, không khinh Người mới học. Tại sao thế? Tất cả đều có Tính Giác. Ví như ánh sáng của Mắt, hiểu biết Cảnh trước mặt, ánh sáng tràn đầy, nó không yêu ghét. Tại sao thế? Thể của ánh sáng không có hai, không có yêu, ghét vậy.

GIẢNG VĂN

Giác thành: Ý nói Tu Quán đã thành công, Chứng Ngộ được **Viên Giác Tâm**. Khi Công Hành đã thâm, thì **Căn bản Trí** Phát hiện, tức là ẩn Sự mà hiển Lý; sau khởi **Hậu Đắc Trí**, mới Chứng được **Lý Sự Vô Ngại Pháp giới**. Tính Tướng không hai, Chứng Nhập **Sự Sự Vô Ngại Pháp giới**.

Bồ Tát nếu đã thành được **Viên Giác Diệu Tâm**, mới có thể hiểu biết Giác Tính Thanh Tịnh Bình Đẳng Bất Động, Biến khắp mà không có hoại tạp, đó là đã Hiểu được các Pháp đều Không, không sợ ràng buộc và cũng không Cầu giải thoát. Những Người bị Pháp phọc: cũng ví như kẻ phạm phu bị trói tròng buộc mất hết tự do. Cầu Pháp thoát cũng như Người Nhị thừa được Giải thoát. Sinh tử, Niết bàn là giả danh đối đãi nhau. Bồ Tát đã Hiểu được Sinh tử là Không, thì Biết rằng Niết bàn cũng Không, vì thế không chán mà cũng không yêu. Giữ Giới, hoặc phá Giới, tùy theo Công Hành và Lực Dụng khác nhau; Học lâu và Mới Học, đó là Nhân Duyên sớm hay muộn. Bồ Tát đã Viên Chứng được **Giác Tính**, thì tất cả đều Bình Đẳng. Cho nên không Kính, không ghét, không trọng, không khinh. **Câu hà dĩ cố:** muốn để thích rõ Ý ở trên. Còn không Cầu Pháp thoát tức là cùng với Pháp phọc; không cùng với Pháp phọc tức là Cầu Pháp thoát. Cho đến Sinh tử, Niết bàn, Trì Giới, phá Giới, Học lâu hay mới Học, Quả nhiên khác nhau. Làm sao lại cho là Bình Đẳng cả? Tuy vậy, nếu Bồ Tát đã thành được Giác Tính, bởi Giác Tính không có hai, cho nên tất cả đều là Giác hết. **Từ chữ thí như trở xuống:** để đặt lời thí dụ cho rõ Nghĩa. Ánh sáng của mắt là dụ Giác Tính, Cảnh trước mặt dụ tất cả các Pháp. **Chữ Hiểu liễu:** riêng chỉ có ánh sáng của mắt chiếu soi, khi Thức Tâm Chưa Sinh phân biệt, khi đó ánh sáng của mắt tròn đầy, những sắc xấu hay đẹp, tùy Cảnh mà hiện ra, chưa có bén gì đến Tâm suy nghĩ. Vì thế mà không có yêu, ghét; đó là do mắt không lựa chọn để trông các Sắc. Cái Thể của ánh sáng không hai, không có yêu, ghét; để dụ Giác Tính không hai và không có phân biệt.

Hán: **Thiện nam tử!** Thử Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, Tu tập thử Tâm đắc thành tự giả. Ư thử vô Tu, diệt vô thành tự, Viên Giác Phổ chiếu, Tịch diệt vô nhị. Ư trung bách thiên vạn ức A tăng kỳ bất khả Thuyết hằng hà sa Chư Phật Thế giới; Do như không hoa loạn khởi, loạn diệt, bất tức, bất ly, vô phọc, vô thoát. Thủy tri Chúng Sinh bản lai thành Phật, Sinh tử Niết bàn do như tạc mộng.

Việt: Thiện nam tử! Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, Tu tập Tâm đó đã thành rồi. Như thế cũng không phải Tu, mà cũng không phải thành Viên Giác Phổ chiếu, vắng lặng không hai. Trong Thế giới của các Đức Phật, có những trăm ngàn muôn ức vô số như cát sông Hằng, không thể nói cho hết được; Đó cũng chỉ là như hoa ở hư không rồi khởi, rồi diệt mà thôi, chẳng ngay, chẳng lia, không buộc, không cởi. Mới biết Chúng Sinh nguyên lai sẵn có Tính thành Phật, Sinh tử với Niết bàn cũng như giấc mộng tối qua.

GIẢNG VĂN

Chữ Thử Tâm: là chỉ cho Tâm Tịnh Viên Giác. Tức là Tu Quán đã thành công, do Trí Da Hành Nhập Căn bản Vô Phân Biệt Trí. Tâm Tịnh Viên Giác, tức là Căn bản Trí Chứng Chân Như Tâm. Trong Tâm đó, tất nhiên không thấy sự Tu Hành gì hết, cho nên Chính văn nói: **(không phải Tu)**. Và cũng không thấy Chứng Quả. Cho nên Chính văn nói: **(không phải Thành)**. Do Trí Căn bản không phải tạo tác mới có, cho nên Viên Giác Tâm cũng không phải đợi Tu Chứng mới Thành, duy có một Tâm Viên Giác Tịnh, khi Dụng thì Chiếu khắp, nhưng Tính vẫn vắng lặng. Ngoài ra không có một Pháp nào khác. Cho nên văn nói: **(Viên Giác Phổ chiếu, Tịch diệt vô nhị)**. **Danh số:** giả đặt có nhiều số, hoặc vô biên, cũng như hết Cõi hư không Thế giới có vô biên. Với Tâm Chân Như quan sát những Thế giới đó, cũng như hoa ở hư không, do Nhân Duyên phát hiện, nó không có Tự Tính. Cho nên Chính văn nói: **(rồi khởi, rồi diệt), chẳng ngay ở Giác Tâm, mà cũng không ngoài Giác Tâm. Không phải trước triền phọc mà sau Giải thoát. Cho nên Chính văn nói: chẳng ngay, chẳng lia, không buộc, không cởi. Nếu đã không phải trước triền phọc, mà sau Giải thoát, thì cũng chẳng phải trước đây là Chúng Sinh mà nay mới là Phật. Cho nên Chính văn nói: (mới biết nguyên lai, sẵn có Tính thành Phật)**. Như kẻ phạm phu bị Sinh tử luân hồi, đối với Vị Thánh Nhân đã Giải thoát Sinh tử, Chứng Đạo Niết bàn, hai Thuyết cũng ví như Cảnh mộng tối qua, không có sự thực, tại sao thế? Vì trong Tâm Viên Giác Thanh Tịnh không có hai việc nói trên. Câu này để cho Phát minh câu triền phọc và giải thoát không có hai lối, Chúng Sinh và Phật đồng một Thể.

Hán: Thiện nam tử! Như tạc mộng cố, Đương tri Sinh tử cập giữ Niết bàn, vô khởi, vô diệt, vô lai, vô khứ. Kỳ sở Chứng giả, vô

đắc, vô thất, vô thủ, vô xả. Kỳ năng Chứng Giả, vô Tác, vô Chỉ, vô Nhậm, vô Diệt. Ư thủ Chứng trung, vô Năng, vô Sở, tất kính vô Chứng, diệt vô Chứng Giả: Nhất thiết Pháp Tính Bình Đẳng bất hoại.

Việt: Thiện nam tử! Nếu như mộng tối qua, nên biết Sinh tử và Niết bàn không khởi, không diệt, không đi, không lại. Cái nơi Chứng đó không được, không mất, không lấy, không bỏ! Cái Người Chứng kia, không Tác, không Chỉ, không Nhậm, không Diệt. Ở trong chỗ Chứng đó, không có Năng, không có Sở, rốt ráo không Chứng và không Có Chứng: Tất cả Pháp Tính đều Bình Đẳng không hoại.

GIẢNG VĂN

Câu như mộng tối qua: Theo văn trên, nói lúc khi Chưa Giác Ngộ. Ý nói nhân phiền não mà có Sinh tử. Đến khi Diệt Sinh tử mà Chứng Niết bàn. Nếu vậy, Sinh tử lại, thì Niết bàn đi; như thế chẳng ra mê tỉnh như mộng ảo vậy ư. Sau khi **Giác Tâm** đã Phát hiện, cũng như Người ngủ Mơ đã Tỉnh. Trái lại, thấy sự Sinh tử và Niết bàn có tiền khởi, diệt, đi, lại. Như vậy, thực không có ăn nhằm, đó tức là **Căn bản Trí** đã khế Chứng được **Chân Như. Tâm Chân Như:** nó thường thường như thế, không thay đổi, vắng lặng không hai; đâu có những sự mơ màng, mộng mị. Cho nên Chính văn nói: (**không khởi, không diệt, không đi, không lại**). **Chữ Nơi Chứng:** Chứng cái Pháp Niết bàn. **Chữ Người Chứng:** Người Cầu Chứng Niết bàn. Khi Chưa Giác Ngộ, cái Tâm Chưa khởi sự được, mất, lấy, bỏ và Công lực của Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt. Đối với **Tâm Viên Giác:** thực ra Lấy cũng không có được, mà Bỏ cũng không có mất, cho đến Công phu của Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt cũng không kết Quả. **Tác** là dùng sức lực để tạo tác. **Chỉ:** Tâm diệt hết mọi Niệm. **Nhậm:** tha hồ tự nhiên buông thả, không cần phải Tu Chứng. **Diệt:** diệt trừ vọng Huyền. Bốn điều đó, Ý nói trong khi Tu Hành để Cầu Niết bàn. “Câu Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt xem ở Chương Phổ Giác sẽ rõ”. **Câu ở trong Nơi Chứng không Năng không Sở:** tức là ở trong Chỗ Năng Chứng và Sở Chứng, Hiểu biết không có Năng và Sở, rốt ráo không có Pháp Sở Chứng, và không có Người Năng Chứng. **Rốt ráo tất kính Không Chứng:** tức là không có Pháp Sở Chứng. **không có Chứng:** tức là không có Người Năng Chứng (**Năng là Người Chứng, Sở là Pháp để Chứng**). Do Pháp **Chân Như** chỉ có một, mà **Giác Tính** không có hai. Tất cả các Pháp **Chân Như** làm Tính, nó siêu vượt ra ngoài không gian mà Bình Đẳng, vượt

qua thời gian mà Không hoại. Cho nên Chính văn nói: **Tất cả Pháp Tính Bình Đẳng bất hoại**). Bởi Bình Đẳng cho nên không một Pháp nào là chẳng đầy đủ. **Bất hoại**: không bị đoạn diệt.

Hán: Thiện nam tử! Bĩ Chư Bồ Tát như thị Tu Hành, như thị Tiệm thứ, như thị Tư duy, như thị Trụ trì, như thị Phương tiện, như thị Khai Ngộ, Cầu như thị Pháp, diệt bất mê muội.

Việt: Thiện nam tử! Các Bồ Tát Tu Hành như thế, Tiệm thứ như thế, Tư duy như thế, Trụ trì như thế, Phương tiện như thế, Khai Ngộ như thế, Cầu Pháp như thế, cũng không mê muội.

GIẢNG VĂN

Câu các Bồ Tát: là chỉ vào những Bồ Tát hiện đang ngồi Thính Pháp, và đời sau có những Người nào Phát Tâm Tu Hành. **Câu Tu Hành như thế**: để đáp câu Tiệm thứ, Tư duy và Trụ trì. **Tiệm thứ**: Chính Niệm, xa lìa mọi Huyền, trước phải y vào Hạnh Sa ma tha của Như Lai. **Tư duy**: chỉ vào câu (hằng tác thị Niệm). **Trụ trì**: chỉ vào câu (bĩ Chư Chúng Sinh Huyền Thân diệt cố). **Câu Phương tiện như thế**: khái quát để đáp Nghĩa Chính, đều là Phương tiện giả Thuyết. **Câu như thế Khai Ngộ**: tức là y vào giả Thuyết những Phương tiện từ nông vào sâu, mà được Khai Ngộ. **Câu Cầu Pháp như thế cũng không muội**: để đáp câu hỏi trên, trong Tâm Sinh mê muội.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: “Phổ Nhân nữ Đương tri! Nhất thiết Chư Chúng Sinh, Thân Tâm giai như Huyền. Thân Tướng thuộc Tứ Đại, Tâm Tính quy Lục Trần. Tứ Đại Thế các ly, thù vi hòa hợp giả? Như thị tiệm Tu Hành, Nhất thiết tất Thanh Tịnh. Bất Động Biến Pháp giới, vô Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt, diệt vô Năng Chứng Giả. Nhất thiết Phật Thế giới, do như hư không hoa, Tam thế tất Bình Đẳng, tất kính vô lai khứ. Sơ Phát Tâm Bồ Tát, cập Mạt thế Chúng Sinh, dục Cầu Nhập Phật Đạo, ưng như thị Tu Hành”.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa ấy mà nói bài kệ rằng: “Phổ Nhân Ông nên Biết! Tất cả những Chúng Sinh,

Thân Tâm đều như Huyền (dối). Thân Tướng thuộc Bốn Đại. Tâm Tính thuộc Sáu Trần. Bốn Đại Thể chia phôi, làm sao còn hòa hợp? Như thế Tu dần dần, tất cả đều Thanh Tịnh. Chẳng Động Biên Pháp giới, không Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt; và cũng không Có Chứng. Tất cả Thế giới Phật, cũng như hoa hư không, Ba đời đều Bình Đẳng, rốt ráo không đi lại. Mới Phát Tâm Bồ Tát, và Chúng Sinh đời Mạt, muôn Cầu Nhập Phật Đạo, nên như thế Tu tập.”

4. Chương Kim Cương Tạng Bồ Tát

Chương đầu, Phật nói: Ta có Môn **Đại Đà La Ni** gọi là **Viên Giác**. Do các Đức **Như Lai** lúc ban đầu, cũng phải lấy đó làm **Nhân Địa Pháp Hạnh**, cũng là một Cảnh Sở đối của các Bồ Tát. Chương thứ hai, nói rõ Bồ Tát Tu tập như Huyền Tam muội. Chương thứ ba, nói Tu Hành Tiệm thứ và Phương tiện, tất cả các Bồ Tát Công Hành khác nhau. **Cảnh**: chỉ có một Môn Tổng trì. **Hành**: thì phổ cập tất cả Người Thượng, Trung và Hạ Căn, khai hóa cho Bồ Tát, Đại Ý như vậy.

Song, Mật Ý của Đức **Thế Tôn** Tuyên diễn hoặc chưa hết. Đời sau, Bồ Tát Mới Phát Tâm, hoặc có hiểu lầm; Cho nên Ngài Kim Cương Tạng Bồ Tát, giàu lòng Bi Nguyện, đặt lời nạn vấn Phật, để lần lần tiến bộ, nhận xét và lựa chọn. Kế ba Chương trên, nói **Cảnh** và **Hành**. Từ đây trở xuống Tám Chương, đều để lựa chọn một cách rõ ràng Tu Hành cho thích hợp.

Cảnh: Lựa chọn có hai thứ: 1.) Trên: Cầu Phật Đạo, ngay ở chỗ đó mà tự Hiểu Ngộ; 2.) Dưới: Độ Chúng Sinh, khiến cho Chúng Sinh được Hiểu Ngộ. Chương này, riêng nói về Tự Ngộ Cảnh.

Kim Cương: Nghĩa là cứng rắn và bền chặt. **Tạng**: là một Nghĩa rất sâu xa. **Ngài Kim Cương Tạng Bồ Tát** Trí Tuệ lanh lợi, có thể Hiểu thấu được Trí Tuệ của **Như Lai**. Đối với Chương này, Ngài **Kim Cương** cũng là một Vị Sư Trưởng, đứng lên hỏi Phật những điều khúc mắc.

Hán: Ở thị **Kim Cương Tạng Bồ Tát** tại **Đại Chúng** trung, tức tông tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: “**Đại Bi Thế Tôn! Thiện vị Nhất thiết Chư Bồ Tát Chúng, Tuyên dương Như Lai Viên Giác Thanh Tịnh Đại Đà La Ni, Nhân Địa Pháp Hạnh, Tiệm thứ Phương tiện. Dữ Chư Chúng Sinh khai Phát Mông muội. Tại Hội Pháp Chúng thừa Phật Từ hồi, Huyền ế lãng nhiên, Tuệ Mục Thanh Tịnh.**”

Việt: Bây giờ, Ngài **Kim Cương Tạng Bồ Tát**, ở trong **Đại Chúng**, từ tòa đứng dậy, đỉnh lễ dưới chân Phật, quanh về bên hữu ba vòng, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng: “**Lạy Đức Thế**

Tôn! Ngài là một Bực Đại Bi, xin vì tất cả các Bồ Tát, diễn nói Viên Giác Thanh Tịnh Đại Đà La Ni của Như Lai, Nhân Địa Pháp Hạnh và Phương tiện Tiệm thứ. Khiến cho tất cả Chúng Sinh phá tan mờ ám. Ngay những Người ở trong Hội Pháp đây, nhờ lòng Từ của Phật dạy bảo, u tối được chói sáng, Mắt Tuệ trong sạch.

GIẢNG VĂN

Từ chữ Đại Bi Thế Tôn đến chữ Phương tiện: Tổng quát ba Chương trên, Đức Phật đã nói Cảnh và Hành. Kính mong Đức Thế Tôn khai thị, để cho Chúng Sinh phá tan mờ ám, và hiện tại những Chúng đương ở trong Pháp Hội này, đều được Tâm khai, Ý giải; cho đến những kẻ mù quáng, cũng phá tan màng vô minh mà được Thanh Tịnh. Cho nên Chính văn nói: (dữ Chư Chúng Sinh v.v...)

Hán: Thế Tôn! Nhược Chư Chúng Sinh bản lai thành Phật, hà cố phục hữu Nhất thiết vô minh?

Việt: Lạy Đức Thế Tôn! Nếu những Chúng Sinh nguyên lai thành Phật, làm sao lại còn có tất cả vô minh ?

GIẢNG VĂN

Ý hỏi ở Chương trên. Có câu (mới biết Chúng Sinh nguyên lai thành Phật) chia ra ba Nghĩa, để đặt lời hỏi gạn Phật. Đây mới là một câu. Ý nói: Nhân có vô minh, mới gọi là Chúng Sinh. Như vậy phải không có tất cả vô minh mới gọi là Phật. Ngày nay, Đức Phật lại nói Chúng Sinh nguyên lai thành Phật, như vậy đương nhiên Chúng Sinh không có vô minh là phải! Văn Nghĩa phản đối nhau, vì thế Ngài Kim Cương hỏi Phật.

Hán: Nhược Chư vô minh Chúng Sinh bản hữu, hà Nhân duyên cố, Như Lai phục Thuyết bản lai thành Phật?

Việt: Nếu Chúng Sinh sẵn có vô minh, Nhân duyên gì Đức Như Lai lại nói nguyên lai thành Phật ?

GIẢNG VĂN

Nghĩa thứ hai. Nếu nói Chúng Sinh có vô minh, tức là không phải nguyên lai thành Phật. Tại sao lại nói Chúng Sinh nguyên lai thành Phật? Hai Nghĩa trên đây có Ý lẫn lẫn không thông. Như vậy, thì câu Chúng Sinh nguyên lai thành Phật không thành vấn đề.

Hán: Thập phương dị Sinh, bản thành Phật Đạo. Hậu khởi vô minh, Nhất thiết Như Lai, hà thời phục Sinh nhất thiết phiền não?

Việt: Mười phương dị Sinh, vốn thành Phật Đạo. Sau khởi vô minh, vậy các Đức Như Lai, bao giờ lại Sinh tất cả phiền não?

GIẢNG VĂN

Nghĩa thứ ba. Lại tiến lên một tầng đặt giả thuyết để hỏi. Nếu Chúng Sinh nguyên lai thành Phật, đương nhiên vô minh không phải là có sẵn, mà sau lại khởi. Vậy các Đức Phật đã thành, có lẽ lại khởi vô minh, cho nên Ngài mới hỏi, vậy các Đức Như Lai bao giờ lại Sinh phiền não? Nếu như vô minh có thể tái khởi, thì làm sao gọi là thành Phật được.

Hán: “Duy Nguyên bất xả vô giả Đại Từ, vị Chư Bồ Tát khai Bí Mật Tạng, cập vị Mật thể nhất thiết Chúng Sinh, đắc Văn như thị Tu đa la Giáo Liễu Nghĩa Pháp Môn, vĩnh đoạn nghi hối”! Tác thị Ngũ dĩ, ngũ Thế đầu Địa, như thị tam Tỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: “Cúi xin chớ bỏ lòng Đại Từ vô hạn, vì các Bồ Tát mở Tạng Bí Mật, và tất cả Chúng Sinh đời Mật, được Nghe Kinh Giáo, Pháp Môn Liễu Nghĩa, đoạn hết lòng nghi”. Nói thế rồi năm Thế rập đất cứ như thế, ba lần Tỉnh trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Ngài đã bày tỏ lời hỏi, và xin giải quyết lòng Nghi. Vì Nghi khó Hiểu biết, cho nên xưng là Bí Mật Tạng. Tới khi Hiểu Biết được Lời của Phật dạy, thì các Bồ Tát và Chúng Sinh đời sau, mới có thể đoạn trừ hết được lòng Nghi. Tại sao thế? Trên đây, đã nêu ra ba điều Nghi. Vì chưa Tin hiểu được Ý Nghĩa Chúng Sinh nguyên lai thành Phật, tức là không Hiểu biết và giải Ngộ được Lý **Chân Như Tịnh Giác**, Chúng Sinh sẵn có đầy đủ, chứ không phải tìm ở nơi đâu hết. Song ở trên Cảnh Tự Ngộ, mà Chưa Quyết Định, thì cái mục tiêu trên Cầu Phật Đạo, cũng không do đâu mà kiến lập được. Lòng Tin đã không có, tức là miễn cưỡng Tu Hành, chẳng khỏi nữa đường phê bỏ.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Kim Cương Tạng Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ Đẳng nãi năng vị Chư Bồ Tát cập Mật thể Chúng Sinh, vấn ư Như Lai thậm thâm Bí Mật Cứu Kính Phương tiện. Thị Chư Bồ Tát tối Thượng Giáo hội, Liễu Nghĩa Đại Thừa. Năng sử Thập phương, Tu học Bồ Tát cập Chư Mật thể Nhất thiết Chúng Sinh, Đắc Quyết Định Tín, vĩnh đoạn Nghi hối. Nhữ kim đế Thính! Đương vị nhữ Thuyết”. Thời Kim Cương Tạng Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng, mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Kim Cương Tạng Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay vì những Bồ Tát và Chúng Sinh đời sau, hỏi Như Lai những Lý thậm thâm Bí Mật, và Cứu cánh Phương tiện. Và những Lời Giáo Lý tối Thượng của Bồ Tát, Hiểu Nghĩa Đại Thừa. Có thể khiến cho Mười phương những Vị Tu học Bồ Tát và tất cả Chúng Sinh đời Mạt, được Lòng Tin Quyết Định, đoạn hết lòng Ngờ. Ông hãy Nghe cho kỹ, Ta sẽ vì Ông mà Nói”. Bấy giờ Ngài Kim Cương Tạng Bồ Tát vâng dạ vui mừng và tất cả Đại Chúng lặng yên ngồi Nghe.

GIẢNG VĂN

Nghĩa hỏi đó, tức là **Đức Như Lai** đã Thân Chứng được Thậm thâm Bí Mật Cứu Kính Phương tiện, để Giáo Hóa Bồ Tát, là một Giáo Lý tối cao, Liễu

Nghĩa Đại Thừa. Theo đây Tu học, có thể được Quyết Định Tín, đoạn hết lòng Ngờ. Vì thế Ngài **Kim Cương Tạng** hỏi Phật.

Hán: “**Thiện nam tử! Nhất thiết Thế giới thủy chung Sinh diệt, tiền hậu hữu vô, tụ tán khởi chỉ, niệm niệm tương tục, Tuần hoàn vắng phục, chủng chủng thủ xả, giai thị luân hồi. Vị xuất luân hồi, nhi biện Viên Giác, bỉ Viên Giác Tính, tức đồng lưu chuyển. Nhược miễn luân hồi, vô hữu thị xứ.**

Việt: **Thiện nam tử! Tất cả thế giới trước sau Sinh diệt, tiền hậu, có không, hợp tan khởi chỉ, luôn luôn tiếp nối, tuần hoàn đi lại, chan chan thích lấy, chán bỏ, đều là luân hồi. Chưa thoát luân hồi, mà nói Viên Giác, thì cái Tính Viên Giác cũng là buông trôi. Nếu miễn luân hồi, quyết không có lý.**

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống, Đức Phật nói đến chỗ Tới mức. Chia ra bốn Tiết như sau: 1) Đem Tính Biến kế chấp để Minh Vọng thức, khởi làm Mê Chân Tính. 2) Đem Tính Viên Thành thực để Minh Chân Tính, không trở lại Vọng. 3) Đem Tính Y tha khởi để Minh Tiêu vọng thành Chân. 4) Khai (mở) Chánh kiến mà Chính là dạn nên Diệt Vọng.

Câu tất cả Thế giới: Ý nói tất cả Loài Hữu tình và tất cả Thế giới. **Câu trước sau Sinh diệt:** riêng nói về Loài Hữu tình. **Câu tiền hậu có không:** nói cả Loài Hữu tình và Thế giới Sự Vật. **Câu hợp tan khởi chỉ:** nói Thế giới Vũ trụ Sự vật. **Câu luôn luôn tiếp nối:** nói từng sát na (giây lát), thời gian rất ngắn. Tức là Tương Luân hồi. Nghĩa là tất cả các Loài Hữu tình và Vũ Trụ Thế giới, trước sau thay đổi Sinh hóa, Có rồi lại Không. Cũng không ngoài Tâm Niệm của Chúng ta, Niệm ấy Niệm khác tiếp nối nhau, luôn luôn đi lại Tuần hoàn lên xuống, không lúc nào yên, đó là cái Tương Luân hồi. Người ta còn phải ở trong phạm vi luân hồi. Khi gặp Phúc báo, sung sướng yên vui, thì mên tiếc. Khi gặp ác báo, đau khổ, thì Sinh Tâm chán ghét. Như thế cũng do vọng tình mê chấp, trong vòng Sinh tử luân hồi. Cho nên Chính văn nói: **(chủng chủng lấy bỏ (thủ xả) đều là luân hồi).** **Câu Chưa thoát luân hồi:** là hãy còn ở trong vọng tình mê chấp. **Câu nhi biện Viên Giác:** là Biện minh Cảnh Giới Viên Giác. **Câu bỉ Viên Giác Tính:** bàn sằng, Biện quấy Tính Viên Giác, lấy Tâm vọng động chấp kiến của kẻ phàm phu suy nghĩ nói lieâu Tính

Viên Giác nó như vậy, như vậy đâu có phải Chân Cảnh của **Viên Giác**. Chẳng qua, kẻ Biện minh Tính **Viên Giác** đó, tự ngạo cho cái Trí não của mình đã là cao sáng, trái lại Tính đó hãy còn lưu chuyển ở trong vòng tình chấp. Vì thế mà thành lưu chuyển. Cũng như soi gương thấy mặt, sự Thấy đó cũng chỉ là Duyên. Nếu chỉ lấy cái danh ngôn hư vọng, mà khỏi được luân hồi, quyết không có lý. Cho nên Chính văn nói: (**nếu miễn luân hồi quyết không có lý**).

Hán: Thí như Động Mộc, năng rao trạm Thủy. Hựu như Định Nhãn, do hồi chuyển hỏa. Vân ương Nguyệt vận. Chu Hành nạn đi, diệc phục như thị.

Việt: Ví như Mặt Động, nước lặng thấy trào. Cũng như trơ mắt, thì thấy vòng lửa quay. Mây chạy thấy Trăng đi. Thuyền chạy bờ đi, cũng lại như vậy.

GIẢNG VĂN

Mắt năng Động thành noèn, cho nên Nước im lặng, thấy Động. **Định**: trơ, đờ, đứng. Mắt trơ lâu thấy quáng, tự nhiên lửa thấy từng vòng. Nhân Mây chạy, thấy Mặt Trăng đi. Nhân Thuyền chạy thấy Bờ đi. Đó cũng chỉ là tại con Mắt có Bệnh mà thôi, chứ cái Thấy Biết không có điên đảo. Để dụ Vọng Tâm chưa thoát luân hồi, mà Biện **Viên Giác**. Chứ **Viên Giác** vốn không lưu chuyển, như nước trào, vòng lửa, trăng đi, bờ chạy có những Tướng lưu chuyển như vậy. Cho nên Chính văn nói: (**diệc phục như thị**).

Hán: Thiện nam tử ! Chư toàn vị tức, bỉ vật tiên Trụ Thượng bất khả đắc. Hà hướng luân hồi Sinh tử cấu Tâm, tăng vị Thanh Tịnh, quan Phật Viên Giác nhi bất toàn phục? Thị cố nữ đẳng, tiện Sinh Tam Hoặc.

Việt: Thiện nam tử! Những sự vòng quay đảo lộn chưa hết, mà vật kia được an Trụ trước, thì không có lý. Nữa là cấu Tâm Sinh tử luân hồi, chưa từng Thanh Tịnh, quan (coi) Viên Giác Phật mà không bị đảo lộn hay sao? Vì thế các Ông lại Sinh ra Tam Hoặc.

GIẢNG VĂN

Câu Chư toàn vị tức: Mắt Động, chính đương lúc nhãn Định, mây chạy, thuyền đi, chưa yên. **Câu bỉ vật tiên trụ nhi bất khả đắc giả. Bỉ vật** tức là những vật sắc trông thấy, Nghĩa là muốn cho nước, lửa, mặt trăng, và bờ trước khi được yên lặng, không có những sự Biến chuyển như trên Chánh văn đã nói, quyết không thể được. Sự thường như Thế gian, tuy Biết các Tướng Biến chuyển đó là dối, song cũng không có thể cưỡng ép bắt phải yên lặng trước. Dưới đây sẽ lấy Pháp để thí dụ. Ý nói, chớp mắt liền liền, trông xuống nước, thì nước cũng hình như giao Động, như thế nếu Mắt không Động thì nước cũng không Động. Đờ Mắt nhìn lửa lâu, thì lửa thành vòng; nếu Mắt không trơ nhìn thì lửa không có vòng. Cho đến mặt trăng cũng không đi, mà bờ cũng không chạy. Xem thế đủ Biết câu Tâm Sinh tử luân hồi, từ bao nhiêu kiếp tới nay, cũng chỉ ở trong một Pháp hư Huyền, Chưa được một Niệm nào trong sạch. Bây giờ lại lấy cái Tâm câu ấy mà **quan Viên Giác:** bất luận có tài hùng biện đến trình độ nào cũng không ngoài Cảnh Giới hư vọng của Tính **Biến kế chấp.** Con Người còn phải suy nghĩ, đàm luận. Tính **Viên Giác,** quyết chưa có thể phản đối lại được sự bất động lưu chuyển, như các vật đã nói ở trên. Cho nên Chính văn có chữ (**hà huống**) (phương chi). Xét cho rõ, tức là câu Tâm không lúc nào được Thanh Tịnh. Lại cũng như Mắt có thời mà chẳng Động, mắt có thời mà chẳng Định. Cứ lời nói đó, Chúng ta dùng Vọng Tâm Sinh diệt để tìm **Viên Giác Tính.** Mà trái lại chẳng biết Viên Giác kia sẵn có, nó vốn có đầy đủ, và không có vô minh. Vì thế mà không có năng lực nhận xét Nghĩa lý Chân thực, Nghĩa là Chúng Sinh nguyên lai thành Phật. Cho nên có Ba thứ Nghi Hoặc. Trước tiên, tóm tắt nói Ba Hoặc là Tính **Biến kế chấp,** không thể nói tới Chân Cảnh của **Viên Giác.**

Hán: Thiện nam tử! Thí như Huyền ế, vọng kiến không hoa, Huyền ế nhược trừ, bất khả Thuyết ngôn thử ế dĩ diệt. Hà thời cánh khởi nhất thiết Chư ế. Hà dĩ cố? Ế, hoa: nhị Pháp phi tương đãi cố.

Việt: Thiện nam tử! Ví như mờ ế (u tối) làm thấy hoa ở hư không. Mờ ế nếu hết, thì cũng không có thể nói là mờ ế đã diệt, hoặc có thời lại khởi tất cả các mờ ế. Tại sao thế? Mờ ế và hoa hai thứ không có đối đãi nhau.

GIẢNG VĂN

Huyễn ế: dụ vô minh. **Không hoa:** dụ Thân, Tâm, Thế giới các phiền não các Tướng. Huyền ế hết, thì không hoa diệt. Vô minh hết thì Thân, Tâm Thế giới Không. Huyền ế là chỉ cho các Pháp hư vọng, không có Thể Tính Chân thực và không có đối lập nhau, cho nên đã diệt thì không khởi. Vô minh và các Pháp cũng vậy. Đặt một lời dụ để cho Hiểu vô minh và các Pháp đều hư vọng và không có thực thể, đã diệt tất không Sinh.

Hán: Diệt như không hoa, diệt ư không thời, bất khả Thuyết ngôn: hư không hà thời cánh khởi không hoa. Hà dĩ cố? Không bản vô hoa, phi khởi diệt cố.

Việt: Cũng như hoa ở hư không, khi diệt ở nơi hư không, không có thể nói rằng: hư không có thời lại Sinh hoa. Tại sao thế? Hư không nguyên không có hoa, không có Sinh và diệt vậy.

GIẢNG VĂN

Hư không: dụ Viên Giác, tức là Tính **Chân Như Thanh Tịnh**. Cũng là Phật Tính đã thành của Chúng Sinh. Không hoa do mắt đau mà ngó thấy, chứ không thực có vật Sinh diệt như vậy. Trong hư không cũng không có nơi, để hoa Sinh diệt. Nói hoa ở trong hư không diệt, đối với Người mắt sáng, thì chỉ ở trong hư không, chỗ nào cho có Chứng minh cụ thể. Nếu đã có hoa diệt, tất phải có hoa Sinh, nhân đó mà hỏi khi nó Sinh? Cho nên Chính văn nói: **“Không bản vô hoa, phi khởi diệt cố”**. Ý nói hư không vốn không có hoa, mà hoa cũng không có Sinh, diệt.

Ở đây hai đoạn Đại khái dùng lời nói thí dụ, để giải thích câu hỏi thứ ba. Như trên Chính văn đáp rằng: vô minh vốn không có khởi, diệt. Thì không có thể nói rằng: Mười phương dị Sinh vốn thành Phật Đạo, sau khởi vô minh. Trong Tính **Viên Giác** vốn không có tất cả phiền não như thế. Còn phải nói gì đến sự Sinh trở lại và cũng không có phải hỏi các **Đức Như Lai** bao giờ lại Sinh tất cả phiền não?

Hán: Sinh, tử, Niết bàn đồng ư khởi, diệt. Diệu Viên Giác chiếu, ly ư hoa, ế. Thiện nam tử! Đương tri hư không, phi thị tạm Hữu, diệt phi tạm Vô. Huống phục Như Lai Viên Giác Tùy thuận nhi vi hư không Bình Đẳng Bản Tính.

Việt: Sinh, tử, Niết bàn cũng như khởi diệt. Viên Giác Diệu, nó ly hoa và ế. Thiện nam tử! Nên biết hư không, không phải tạm Có, cũng không phải tạm Không. Thì đây Tính Như Lai Viên Giác Tùy thuận cũng như Bản Tính Bình Đẳng của hư không.

GIẢNG VĂN

Đoạn này lấy Pháp dụ, tương trợ mà thành tựu. Chúng Sinh chưa thoát luân hồi, thì gọi là Sinh tử. Đối với Người đã thoát luân hồi gọi là Niết bàn. Toàn là những việc loanh quanh ở bên mình Chúng Sinh mà thôi. Bởi Mắt Đau Chưa khỏi, mà thấy hoa đốm; nếu đốm đã hết, thì thấy hoa diệt; đó cũng chỉ do Mắt Đau mà nên chuyện. Sinh tử như không hoa, Niết bàn như hoa diệt. Cho nên Chính văn nói: “Sinh tử Niết bàn đồng ư khởi diệt”. **Chữ ly:** Nghĩa là không có tương can và giao thiệp. Hư không bao giờ cũng bình thản lặng lẽ, vốn không có hoa, thực không có can thiệp gì đến hoa và ế. **Diệu Viên Giác Chiếu:** bản nhiên không có vọng động. Thực ra đối với vô minh, vọng Pháp hào ly (mảy may) không có can thiệp. Cho nên Chính văn nói: **(Viên Giác Diệu Chiếu ly hoa và ế)**. Cũng như Tính **Viên Thành**, thực bản nhiên không có vọng động. **Từ câu Thiện nam tử trở xuống:** ẩn thích câu hỏi thứ nhất và thứ hai. **Câu chẳng phải tạm có:** tức là hư không thường có, mà cũng làm Chương Ngại cho Người Mắt đau lại thấy có hoa đốm. Để chỉ rõ Phật Tính thường có mà cũng không làm Chương Ngại. Chúng Sinh lại có tất cả phiền não. Đó là ẩn thích câu hỏi thứ nhất. **Câu chẳng phải tạm Không:** tức là Người mắt noèn tuy thấy có hoa đốm với hư không, cũng không phải nhân đó mà tạm Không: để tỏ rõ Chúng Sinh tuy có vô minh, nhưng Phật Tính cũng không nhân đó mà tạm Không. Cho nên có thể nói: nguyên lai thành Phật, đó là ẩn thích câu hỏi thứ hai. **Câu hướng phục:** Ý nói không có tỷ lượng và so bầy. **Câu Tùy thuận:** Ý nói không có ngăn ngại. Hư không, không phải nhân lúc không có hoa đốm, mà tạm Có. Cũng không phải nhân lúc có hoa đốm, mà tạm Không. Bởi Tính của hư không Bình Đẳng Thường Có. Tùy sự thay đổi của hoa đốm, nhưng hư không vẫn không thay đổi. Tính **Viên Giác** của **Như Lai** Tùy thuận tất cả các Pháp. Cũng như Bản Tính của hư không đối với tất cả các Pháp đều Bình Đẳng. Cho nên Tính **Viên Giác Diệu**, cũng không phải nhân không có vô minh mà tạm Có, cũng không nhân có vô minh mà tạm Không, nó Tùy thuận tất cả các Pháp mà không Chương Ngại. Khả dĩ so sánh đây mà có thể biết được Phật Tính thường còn vậy.

Hán: “Thiện nam tử! Như tiêu kim khoáng, kim phi tiêu hữu, kỷ dĩ thành kim, bất trùng vi khoáng. Kinh vô cùng thời, kim Tính bất hoại, bất ưng Thuyết ngôn, bản phi thành tựu. Như Lai Viên Giác diệc phục như thị”.

Việt: “Thiện nam tử! Như phá quặng lấy vàng, vàng chẳng phải phá, vốn Có. Nếu đã thành vàng, thì không trở lại thành quặng. Trải qua thời gian không cùng, Tính vàng không hư, không thể nói rằng vốn không thành tựu. Như Lai Viên Giác cũng lại như vậy”.

GIẢNG VĂN

Trên đây lấy hoa đóm để dụ, như đã hàng phục được miệng Người, nhưng Chưa hàng phục được Tâm Người. Ở đây lấy vàng quặng thí dụ để thông thích Ba Hoặc, mà thành lập Chân lý Chúng Sinh Bản Tính thành Phật. Chúng Sinh như quặng, Phật như vàng, vô minh như cát sỏi tạp chất. Do Chúng Sinh Tu Hành đoạn hết vô minh mới thành Phật. Ví như lấy quặng, đúc chuốt rèn luyện cho hết những tạp chất, thành vàng. Lời nói rất giản dị mà Nghĩa rõ. Cho nên vẫn nói “**Như tiêu kim khoáng**”. Vàng không phải tiêu khoáng mới có, như thế thấy rằng vàng vẫn sẵn Có. Tuy trong quặng có vàng, nhưng cũng không có thể nói trong quặng có những tạp chất chưa tiêu. Cho Chúng ta Hiểu rõ Nghĩa Bản Tính Thành Phật. Tại sao lại có vô minh để giải nghi câu hỏi thứ nhất.

Nếu đã thành vàng, quyết không trở lại quặng: sau khi thành vàng, tất nhiên không Sinh tạp chất. Để trả lời sau không tái khởi vô minh.

Trải qua thời gian không cùng, Tính vàng không Hư: trả lời câu các **Đức Như Lai** không bao giờ lại Sinh phiền não, là để giải nghi câu hỏi thứ ba.

Không thể nói rằng: Bản phi thành tựu: tức là trong khoáng tuy có tạp chất, nhưng Bản Tính vàng sẵn Có. Để trả lời Chúng Sinh tuy có vô minh, nhưng cũng có thể nói Bản Tính thành Phật, để giải nghi câu hỏi thứ hai.

Đứng về thành phần Chúng Sinh mà nói, thì **Viên Giác Thanh Tịnh Tâm**, cũng như vàng ở trong quặng. Tâm vô minh do tất cả nhiễm Pháp làm chúng tử, cũng như trong khoáng có tạp chất. Song tuy trong khoáng có vàng,

đó tức là cái Chân Thể của vàng. Như thế Chúng Sinh vốn sẵn có Tính **Viên Giác**, tức là Thể **Chân Như Thanh Tịnh**, cũng là tất cả chủng tử Thiện Pháp. Vàng tuy không phải phá khoáng mà có, nhưng không phá thì không lấy được vàng. Tuy thế Chúng Sinh dầu có **Viên Giác**, nếu không Tu, quyết không thành Phật. Tới khi tiêu khoáng thành vàng, thì vàng đó chỉ thuần có một chất vàng mà thôi. Tu đến khi thành Phật thì Tính **Viên Giác** sẽ thành tựu. Lời nói trên đây, để bày tỏ cái Công Hành **Giác Ngộ Phật Tính**. Cho nên Chính văn nói “**Như Lai Viên Giác diệt phục như thị**”.

Hán: “Thiện nam tử! Nhất thiết Như Lai Diệu Viên Giác Tâm, Bản vô Bồ đề cập dữ Niết bàn. Diệt vô thành Phật, cập bất thành Phật. Vô vọng luân hồi, cập phi luân hồi”.

Việt: “Thiện nam tử! Diệu Viên Giác Tâm của tất cả các Đức Như Lai, vốn không có Bồ đề và Niết bàn. Cũng không có thành Phật và chẳng thành Phật. Cũng không có luân hồi và chẳng luân hồi.”

GIẢNG VĂN

Nhất thiết Như Lai Diệu Viên Giác Tâm: chỉ cho Người Tu Đại Thừa với Tâm Cầu **Viên Giác**. Phải nên chú ý, lấy Giác Tâm để lập trường, mới có thể hy vọng. Chớ có dùng Tâm Nhị thừa tiêu Tuệ, thế Trí phàm phu so lường Lý luận mà bị sa ngã. Đó là một yếu điểm Tự Ngộ Cảnh. Đọc giả nên chú ý!

Bồ đề: Đối với phiền não mà phản ảnh, lại là **Giác chiếu Niết bàn**. Đối với Sinh tử phản ảnh, lại là **Giải thoát**. Còn làm Chúng Sinh thì có phiền não và Sinh tử. Cho nên, đối với phiền não Sinh tử mà nói **Bồ đề Niết bàn**. Cho đến thành Phật và không thành Phật, luân hồi và không luân hồi, đó cũng chỉ đối với Chúng Sinh mà thôi. Dưới đây sẽ thích rõ. Nếu lấy **Diệu Viên Giác Tâm của Như Lai** mà nói, thì không có phiền não, đối đãi mà nói **Pháp Bồ đề**. Và đối đãi Sinh tử mà nói **Pháp Niết bàn**. Cũng như thế, thành Phật và chẳng thành Phật, luân hồi và chẳng luân hồi, cũng không thành vấn đề.

Nếu hợp với lời dụ trước. Thì lấy hư không mà nói. Hư không, thực không có hoa và không có nơi hoa diệt. Nếu lấy Chân Thể của vàng mà nói: thì vàng thực không có tạp chất, và cũng không có thể nói tiêu trừ tạp chất mà sau, thành vàng.

Hán: “Thiện nam tử! Đăn Chư Thanh Văn, sở Viên Cảnh Giới, Thân, Tâm, Ngũ, Ngôn giai tất đoạn diệt, chung bất năng chí bỉ chi Thân Chứng sở hiện Niết bàn”.

Việt: “Thiện nam tử! Đến như là Cảnh Giới của Thanh Văn, Thân, Tâm, Ngũ, Ngôn cũng đều đoạn diệt, còn chẳng có thể tới chỗ Thân Chứng sở hiện Niết bàn.”

GIẢNG VĂN

Sinh không Niết bàn: Do Đức Phật quyền Thuyết (tạm nói) để cho ta Biết Sinh tử là giả dối, để câu Giải thoát luân hồi. Cảnh Giới của Thanh văn, Chứng đến Vô Sinh không là cực hạn, Thân, Tâm, Ngũ, Ngôn đều Vô Dụng, cho đến không chịu thụ Sinh ở Ba Cõi luân hồi như Chúng Sinh. Bởi vậy hãy còn chấp Pháp, cho nên không thành được **Tịnh Viên Giác Tâm**. Cũng như Người đau mắt ngó thấy hoa đốm ở hư không, tới khi khỏi thì thấy Bản Thể của hư không thực không có hoa. Nếu mắt Chưa khỏi, đương nhiên không thấy được Bản Thể của hư không. Cho nên Chính văn nói “**còn chẳng có thể tới chỗ Thân Chứng sở hiện Niết bàn**”

Hán: Hà huống năng dĩ hữu Tư duy Tâm, chắc đạt Như Lai Viên Giác Cảnh Giới.

Việt: Nữa là lại lấy cái Tâm suy nghĩ, so lường Cảnh Giới Viên Giác của Như Lai.

GIẢNG VĂN

Hai câu nhắc tới văn trên. Như **Thanh Văn** dùng Trí Sinh Không suy xét, còn không có thể tới được Cảnh Giới của **Như Lai**. Nữa là kẻ ngu phu dùng Trí Tuệ Thế gian, lại tự đắc Hiểu biết được Cảnh Giới của **Như Lai** ư!

Hán: Như thủ huỳnh hảo siêu Tu di Sơn, chung bất năng chú. Dĩ luân hồi Tâm, Sinh luân hồi Kiến, Nhập ư Như Lai Đại Tịch diệt Hải, chung bất năng chí.

Việt: Như lấy lửa đom đóm đốt Núi Tu di, quyết không cháy được. Lấy Tâm luân hồi, Sinh Kiến luân hồi, lại muốn vào Bể Tịch diệt của Như Lai, thì không thể được.

GIẢNG VĂN

Lửa đom đóm: dụ Thế gian Trí, tức là cái Tâm suy nghĩ của Chúng ta thường ngày, Chính nó là Kiến luân hồi. Lửa đom đóm giống như lửa, nhưng không phải thực lửa. **Thế gian Trí:** tựa như có, nhưng không phải Trí Chân thực Xuất Thế gian Vô lậu. **Tu di:** Tàu dịch: **Diệu cao.** Núi Tu di dụ **Viên Giác.** **Đại Tịch diệt Hải:** tức là chỉ vào **Viên Giác Tính.**

Chương này nói Tự Ngộ Cảnh, đến Tiết đây, nói minh mạch Quyết Định, lấy **Viên Giác Tâm** làm Căn cứ. Cảnh Giới **Viên Giác**, không phải những Tiểu Trí Thanh Văn đã thoát Luân hồi mà có thể Biết được, nữa là cái Trí hẹp hòi của Chúng Sinh.

Hán: Thị cô Ngã Thuyết: Nhất thiết Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh tiên đoạn Luân hồi Căn bản.

Việt: Vì thế, ta nói tất cả các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, trước phải đoạn vô thủy Căn bản luân hồi.

GIẢNG VĂN

Luân hồi Căn bản: tức là vọng Tâm. Vọng Tâm do vô minh Phát hiện. Tâm hư vọng hết, thì Tâm Chân thực hiện.

Hán: Thiện nam tử! Hữu tác Tư duy, tòng hữu Tâm khởi, giai thị Lục Trần, vọng tưởng Duyên khí. Phi thực Tâm Thể, dĩ như không hoa. Dụng thử Tư duy, Biện ư Phật Cảnh, do như không Hoa, phục kết không Quả. Biến chuyển vọng tưởng, vô hữu thị xứ.

Việt: Thiện nam tử! Nếu có suy nghĩ, là từ Tâm khởi, đều do Duyên khí của Sáu Trần làm tướng. Thực không phải Tâm Thể, cũng như không hoa. Dùng Tâm suy nghĩ, Biện (bàn) Cảnh Giới Phật cũng như không Hoa, lại kết không Quả. Lấn quần tướng vọng, thực không có lý.

GIẢNG VĂN

Hữu tác Tư duy: (nếu có suy nghĩ) dùng Tâm suy nghĩ tư tưởng vạn sự, vạn vật. Cho nên văn nói: (là từ Tâm khởi). **Tư duy:** do Căn Trần (Ngũ quan đối với sự vật) tương đối thành Duyên khí huân tập, đều là vọng tướng. Người Thế gian cho là Tâm, với Phật Pháp cho là Vọng Tâm tướng tượng. Cho nên văn nói: (đều là **Duyên khí của Sáu Trần làm tướng, thực không phải Tâm Thể**): cũng ví như không hoa mà thôi, đó là Biểu xuất do Vọng Tâm khởi vọng tướng, vọng kiến. (Cái Thấy sai lầm) **dùng Tâm Tư duy Biện Cảnh Giới Phật:** tức là dùng Vọng Tâm mà thành Vọng Kiến, để suy lường Cảnh Giới **Viên Giác**. Suy lường đó cũng như không hoa lại kết không Quả, thực là cái Vọng ở trong cái Vọng. Cho nên văn nói: **lấn quần Vọng tướng, thực không có lý.**

Hán: Thiện nam tử! Hư vọng phù Tâm, đa chur sảo kiến, bất năng thành tựu Viên Giác Phương tiện. Như thị phân biệt phi vi Chính vấn.

Việt: Thiện nam tử! Tâm phù động hư dối, rất nhiều sảo kiến, không thể thành được Viên Giác Phương tiện. Phân biệt như thế không phải câu hỏi Chân Chính.

GIẢNG VĂN

Lời nói đây, Phật trách **Ngài Kim Cương**, ba câu hỏi không được Chân Chính. **Phù Tâm:** là Tâm suy nghĩ sự sự vật vật của Chúng ta hàng ngày, (Cảnh Duyên của Sáu Trần). **Sảo kiến:** thấy biết tà khúc không được chân chính.

Nếu theo Vọng Tâm tà kiến, thì không có thể thành được **Viên Giác Phương tiện**. Cho nên văn nói: (không có thể thành được Viên Giác

Phương tiện). Thực ra ba câu hỏi đây, **Ngài Kim Cương** cũng chỉ vì Người Sơ Tâm Tu Học Bồ Tát, chưa giải được lòng ngờ mà hỏi Phật. Nếu Chúng Sinh chưa giải được lòng ngờ thì **Tự Tánh Viên Giác** của mình cũng không Tin, và Cảnh Tự Ngộ cũng chưa Quyết Định, khó khỏi cái tệ hướng ngoài tìm tòi. Cũng như kẻ không biết có vàng ở trong túi mà đi ăn xin. **Ngài Kim Cương Tạng** Đại diện cho tất cả, mà đặt ba câu hỏi, để cho đời sau kẻ Sơ Tâm Tu Học Bồ Tát được lòng Tin Quyết Định, chứ không phải tự Ngài có lòng ngờ.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Ý nhi Thuyết kệ ngôn: “Kim Cương Tạng Đương tri! Như Lai Tịch diệt Tính, vị tăng hữu chung thủy. Nhược dĩ luân hồi Tâm, Tư duy tức toàn phục. Đãn chí luân hồi tế, bất năng nhập Phật Hải. Thí như tiêu kim khoáng, kim phi tiêu cố hữu. Tuy phục bản lai kim, chung dĩ tiêu thành tự. Nhất thành chân kim thể, bất phục trùng vi khoáng. Sinh tử dữ Niết bàn. Phạm phu cập Chư Phật, đồng vi không hoa tướng. Tư duy do Huyền hóa, hà hướng chư hư vọng: nhược Năng liễu thử Tâm, nhiên hậu Cầu Viên Giác.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Ý đó, mà nói bài kệ rằng: “Kim Cương, Ông nên Biết: Như Lai Tịch vắng lặng, Chưa từng có chung thủy. Nếu lấy Tâm luân hồi, suy nghĩ tức quần lại. Nếu ở Cảnh luân hồi, không hay vào bể Phật. Ví như tiêu vàng quặng, vàng không tiêu, tự Có. Tuy là thực Tính vàng, do tiêu mà thành có. Một thành Thể của vàng, không trở lại thành quặng. Sinh tử với Niết bàn. Phạm phu và Chư Phật, cũng như tướng không hoa. Suy nghĩ như Huyền hóa, nữa là hư vọng ư? Nếu hay hiểu Tâm đó, nhiên hậu Cầu Viên Giác.”

5. Chương Di Lạc Bồ Tát

Chương trên, Tự Ngộ, là Cảnh Giới của Căn bản Trí. Tự Ngộ, Chúng ta sẵn có Giác Tính thành Phật, hướng Thượng Cầu Đạo. Sinh lòng Tín Quyết Định. Chương này Ngộ tha (Giác Ngộ cho Người) là Cảnh Giới của Hậu Đắc Trí. Thuyết minh Căn bản luân hồi ở đâu? Luân hồi có mấy thứ? Bồ Đề Sai Biệt? Đặt Phương tiện Giáo Hóa, cho nên hay Phát huy Tâm Đại Bi dưới Độ Chúng Sinh. Di Lạc Bồ Tát: tiếng Phạn: Di Tát Lí Đa. Tầu dịch: Từ Thị, là một Bồ Tát Nhất Sinh Bồ Xứ: “sau bỏ vào Ngôi Phật”. Đức Thế Tôn Thọ ký cho thành Phật ở Thế giới này, Hóa Độ Chúng Sinh, có tài hay Hiểu thấu được Tâm Cảnh của Chúng Sinh trong Thế giới đây. Với bản Chương này Ngài đứng lên hỏi Phật.

Hán: Ư thị Di Lạc Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ nhi bạch Phật ngôn “Đại Bi Thế Tôn! Quảng Vị Bồ Tát khai Bí mật Tạng, linh Chư Đại Chúng thâm Ngộ luân hồi, phân biệt Tà Chính; năng thí Mật thể nhất thiết Chúng Sinh vô úy Đạo nhõn, ư Đại Niết bàn Sinh Quyết Định Tín, vô phục trùng tùy luân chuyển Cảnh Giới khởi Tuần hoàn kiến. Thế Tôn! Nhược Chư Bồ Tát cập Mật thể Chúng Sinh, dục du Như Lai Đại Tịch diệt Hải vân hà đương đoạn luân hồi Căn bản? Ư chư luân hồi hữu kỷ chủng Tính? Tu Phật Bồ Đề kỷ Đẳng Sai Biệt? Hồi Nhập trần lao, đương thiết kỷ chủng Giáo Hóa Phương tiện Độ Chư Chúng Sinh? Duy Nguyện bất xả cứu thế Đại Bi, Linh Chư Tu Hành, Nhất thiết Bồ Tát cập Mật thể Chúng Sinh, Tuệ mục túc thanh, Chiếu Diệu Tâm Kính Viên Ngộ Như Lai vô Thượng tri kiến tác thị ngữ dĩ, ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Thỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: Bấy giờ Ngài Di Lạc Bồ Tát ở trong Đại Chúng, từ tòa đứng dậy đi quanh về bên hữu ba vòng, rồi quỳ thẳng chấp tay, mà bạch Phật rằng: “Kính lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! rộng thương vì các Bồ Tát mở Tạng Bí Mật, khiến cho Đại Chúng thâm hiểu Luân hồi, phân biệt Tà Chính; Bồ thí Đạo nhõn vô úy cho tất cả

Chúng Sinh đời Mạt, với Đạo Đại Niết bàn Sinh lòng Tin cho Quyết, không có trở lại theo Cảnh Giới Luân hồi, khởi Tuân hoàn Kiến. Lạy Đức Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, muốn vào bể Đại Tịch diệt của Như Lai, làm thế nào đoạn trừ được Căn bản Luân hồi? với Luân hồi có bao nhiêu Tính? Tu Đạo Bồ Đề có Sai khác nhau những gì? Khi trở lại Trần lao, nên đặt những Phương tiện gì Giáo Hóa Độ Sinh? Kính lạy Đức Thế Tôn lòng Đại Bi bát xả, khiến cho tất cả Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt Tu Hành, được Mắt Tuệ Thanh sáng, Tâm Kính chiếu soi Viên Ngộ được Tri kiến Vô Thượng của Như Lai! Nói thế rồi năm Thế rap đất, cứ như thế ba lần Thỉnh, trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Bí Mật Tạng: Chúng Sinh nguyên có Viên Giác, và Phật Tính. Nhưng Phật Tính đã bị vô minh che phủ. Ở trong Tâm Tạng Chúng Sinh, lời nói đây với kẻ phàm phu thiện thức rất Khó Tin, cho nên gọi là Bí Mật. Cũng như vàng ở trong quặng, gọi là Bảo Tạng, “**Bí mật Tạng**”. Do Tâm có suy nghĩ, mới khởi Kiến Luân hồi, gọi là tà kiến; Tùy thuận Tâm Tịnh Viên Giác Tự Ngộ thấy Phật Tính sẵn có, gọi là Chính kiến, cho nên gọi là “**Phân Biệt Tà Chính**”. Với Phật Tính khó Tin khó hiểu, tất phải ngờ sợ; sau đã Tin hiểu, tức là không sợ, nên văn nói: **Đạo Nhẫn Vô Uy**. Đại Niết Bàn: chỉ có Phật mới Biết, nếu đã Hiểu Ngộ được Phật Tính sẵn có, Phật Đạo sẵn thành, mới có thể Sinh Tín Tâm Quyết Định, không trở lại lấy Tâm Luân hồi, cho nên văn nói: “**Với Đạo Đại Niết bàn Sinh lòng Tin cho quyết**”. Chương trên nói: “Phải đoạn trừ Căn bản vô thủy Luân hồi trước”. Chương này chú trọng việc Độ Sinh, cho nên theo lời hỏi trên, lại hỏi luôn Căn bản Luân hồi ở đâu, để Biết rõ sự Giáo Hóa. **Đại Tịch diệt Hải:** tức là **Viên Giác Tính**. **Tuệ mục:** tức Đạo nhẫn. **Tâm Kính:** Dụ Tâm như gương sáng. Mắt Tuệ đã thanh, thì Tâm gương sẽ sáng, đó là **Viên Ngộ**.

“**Từ câu Kính xin đến chữ Vô Thượng Tri kiến**”: bày tỏ cái lòng thiết tha hy vọng Cầu Nguyện.

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn: “**Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Chư Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, Thỉnh vấn Như Lai thâm áo Bí Mật Vi Diệu**

chi Nghĩa, linh Chư Bồ Tát khiết thanh Tuệ mục, cập linh nhất thiết Mật thể Chúng Sinh vĩnh đoạn luân hồi, Tâm Ngộ Thực Tướng, cụ Vô Sinh Nhẫn. Nhữ kim đế Thính; Đương vị nhữ Thuyết”.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Di Lạc Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Ông lại hay vì các Bồ Tát và Chúng Sinh đòi Mật, thỉnh hỏi Như Lai cái Nghĩa Vi Diệu thâm thiết Bí Mật, cho các Bồ Tát được Mắt Tuệ thanh khiết, và khiến cho tất cả Chúng Sinh đòi Mật được thoát Luân hồi, Tâm Ngộ Thực Tướng, đủ Nhẫn Vô minh. Vậy Ông hãy Nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Ông mà nói”. Thời Ngài Di Lạc Bồ Tát Kính phụng vui mừng và tất cả Đại Chúng im lặng ngồi Nghe.

GIẢNG VĂN

Vô Sinh Nhẫn: Nhẫn: tức là Trí. Tâm Ngộ Thực Tướng mà Chúng Ngộ được Không Sinh, Không Diệt, gọi là Vô Sinh Nhẫn.

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh tòng vô thủy tế, do hữu chủng chủng ân ái tham dục, cố hữu luân hồi. Nhược Chư Thế gian nhất thiết Chủng Tính, Noãn Sinh, Thai Sinh, Thấp Sinh, Hóa Sinh, giai nhân dâm dục nhi Chính Tính mạng. Đương tri Luân hồi, Ái vi Căn bản. Do hữu Chư Dục, trợ phát Ái Tính, thị cố năng linh Sinh tử tương tục.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh, từ kiếp vô thủy, do có man mác những ái ân tham dục, vì thế mà có Luân hồi. Tất cả Chủng Tính ở Thế gian, các Loài Sinh. Loài Sinh bằng Thai, loài Sinh bằng Trứng, loài Sinh nơi Ấm ướt, loài Hóa Sinh, đều nhân sự dâm dục mà thành Tính mạng. Nên biết Luân hồi, gốc rễ do Ái. Bởi có mọi Dục, trợ phát Ái Tính, vì thế hay khiến cho Chúng Sinh tiếp tục Nghiệp Sinh tử.

GIẢNG VĂN

Tiết này, đáp câu hỏi Luân hồi Căn bản. **Từ chữ Thiện nam tử đến chữ có luân hồi:** để nói cái nguyên nhân Nghiệp Luân hồi từ đâu. Do Ân ái với Tham dục, nhưng cũng không phải chỉ có một sự Tham ái dâm dục mà thôi. Cho nên lại nói hai chữ chùng chùng (chan chan). **Từ kiếp vô thủy:** Chúng Sinh từ trước tới nay đã có vô minh, liên miên vọng tưởng mà có bao nhiêu những ân ái tham dục. Không thể nói rằng nguyên xưa nay không có, hay có từ thời nào, hay kỳ nào mới Phát hiện. Cũng như vàng quặng, từ trước tới nay lẫn ở trong cát sỏi, không thể nói từ thời nào mới lẫn cát sỏi.

Từ chữ Thế gian đến chữ gốc rễ do Ái: Chính nói rõ cái Căn bản Luân hồi. Loài Sinh bằng Trứng như loài chim, loài cá v.v...; Thai Sinh: như loài Người, loài Thú v.v...; Sinh nơi Âm ướt: như loài bọ, loài sên v.v...; Hóa Sinh hoặc từ Vật này Biến thành Vật khác, như con đặng đặng Biến thành con muỗi, chuột đồng Biến thành chim cun cút, hoặc từ vô hình Biến ra hữu hình, như Thiên thần hốt nhiên Hóa Sinh. Bốn Loài Sinh đều có Tính âm dương nên có dâm dục. Tùy theo Tình dục nặng hay nhẹ, mà thành Chủng Tính và Sinh mệnh. Cho nên Chính văn nói: “đều nhân sự dâm dục mà thành Tính mạng. **Chữ nên Biết trở xuống:** Lời nói nhấn mạnh Ái là Căn bản Luân hồi.

Ở đây nói hai chữ Ái Dục. Nhưng chữ Ái nặng hơn chữ Dục. Dục lấy phần dâm dục làm tối trọng, sau thô tế có năm Dục. Năm Dục thô như: Tài, Sắc, Danh vọng, Ăn, Ngủ. Năm Dục tế như: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Bốn loài Sinh thành Tính mạng, là bởi dâm dục, như con Người Nhập thai, do Dục Tính sử nhiên. Tính mạng nếu đã nhân Dục mà thành, tất nhiên sự tồn tại cũng chỉ một thời gian, Thụ Dụng cũng ở trong phạm vi Cảnh Dục. Như thế có thể nói Dục còn thì Sinh mạng còn, Sinh mạng còn thì Dục còn. Ái là một phần trong Mười Hai Nhân Duyên, loài Hữu Tình y vào **Ngã**, và **Ngã Sở** mà Sinh Ái trước. Do Ái mà Duyên Thủ, Thủ Duyên hữu, cứ như thế Ba Đời lưu chuyển, vòng quanh không ngớt. Cho nên văn nói: Ái là cội gốc Luân hồi. **Do có mọi Dục hai câu:** Nói rõ Ái và Dục khác nhau và nó lại là cái gốc Phát khởi Tính Luân hồi. **Mọi Dục:** không những nói riêng về dâm dục, lại còn gồm cả thô tế Năm Dục. **Chữ Dục trợ phát Ái Tính:** như nước Sinh ra sóng, sóng lại dờ ra nước. Ái vì Dục mà Phát Sinh, Dục lại nhờ Ái mà tiếp nối Ái Tính không dứt, cho nên Sinh tử không ngừng, đó là y vào Lý Mười hai Nhân Duyên lưu chuyển, đương nhiên như vậy. Cho nên phải theo **Diệt Môn** để giải thoát Sinh tử, nhưng phải đoạn Ái làm đầu.

Hán: “Dục nhân Ái Sinh, Mạng nhân Dục hữu, Chúng Sinh Ái mạng, hoàn y Dục bản. Ái Dục vi Nhân, Ái Mạng vi Quả”

Việt: Dục nhân Ái Sinh, Mạng nhân Dục có, Chúng Sinh Ái mạng, y Dục làm gốc, Ái Dục là Nhân, Ái Mạng là Quả.

GIẢNG VĂN

Tiết này theo văn trên. Đức Phật nói: Ái, Dục, với Mạng có quan hệ với nhau. Văn dưới, Chính để đáp Luân hồi có bao nhiêu Chúng Tính.

Dục nhân Ái Sinh: Trai gái yêu nhau sau sẽ Phát Sinh dâm dục. **Mạng nhân Dục hữu:** Nhân có dâm dục mà sau Thân, Mạng mới có nơi ủy thác. Thân con Người nguyên nhân bởi dâm dục, Mạng y vào Thân mà còn. Tâm Ái hộ Sinh mạng là do Ái hộ Thân Thể mà ra. Cho nên văn nói: “**Chúng Sinh Ái mạng y Dục làm gốc**”. Thân này nhờ Dục mà có, có rồi do Mệnh mà sống. Cho nên văn nói: **Ái Dục làm Nhân, Ái Mệnh là Quả**”. Quá khứ như thế, hiện tại như thế, suy cùng đến vị lai cũng lại như thế. Minh xét thế rồi, mới có thể nói Luân hồi có bao nhiêu Chúng Tính.

Hán: Do ư Dục Cảnh, khởi Chư vi thuận. Cảnh bội Ái Tâm, nhi Sinh tăng tật, tạo chủng chủng Nghiệp. Thị cố phục Sinh Địa ngục, Ngạ quỷ.

Việt: Do nơi Cảnh Dục, khởi nhiều trái thuận. Cảnh trái Ái Tâm thì Sinh ghen ghét, tạo bao nhiêu Nghiệp. Vì thế cho nên mới Sinh ra Địa ngục, Ngạ quỷ.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống, Chính đáp Luân hồi có ba Tính: 1) **Ác Chúng Tính;** 2) **Thiện Chúng Tính;** 3) **Bất Động Tính.** Đây nói **Ác Chúng Tính:** do Mười Ác Nghiệp mà Sinh Thượng Phẩm Địa ngục, Trung Phẩm Ngạ quỷ, Hạ Phẩm Bàng Sinh. Năm câu đầu là nguyên nhân tạo Nghiệp. Dục Cảnh trái với Ái Tâm gọi là trái, thuận với Ái Tâm gọi là thuận. Cho nên văn nói: “**Do nơi Dục Cảnh, Sinh nhiều trái thuận, ghen ghét**”. Do trái với Ái Tâm mà Sinh ghen ghét. Cho nên văn nói: “**Cảnh trái Ái Tâm thì Sinh ghen ghét**”. Ghen ghét

đã Phát Sinh thì tạo Mười Ác Nghiệp. Cho nên văn nói: **“tạo chan chan bao nhiêu Nghiệp”**. Do Ác Tính đã tạo thành, mới Sinh các ác thú. Cho nên văn nói: **“Mới Sinh ra Địa ngục, Ngạ quỷ”**.

Hán: Tri Dục khả yếm, Ái yếm Nghiệp Đạo; xả Ác lạc Thiện, phục thiện Thiên, Nhân.

Việt: Biết Dục là chán, Yêu chán Nghiệp Đạo; bỏ Ác vui Thiện, lại hiện Trời, Người.

GIẢNG VĂN

Đây nói Thiện Chung Tính, yêu chán Nghiệp Đạo: yêu Thiện Nghiệp mà chán Ác Nghiệp. Đã chán Ác Nghiệp, tất nhiên Cầu Tu Thiện Nghiệp. Thiện Nghiệp Thượng Phẩm Sinh Thiên, Trung Phẩm Sinh Nhân, Hạ Phẩm Sinh A Tu la. Cho nên văn nói: **“Xả Ác lạc Thiện, lại hiện Trời, Người”**. Không nói A Tu la và Bàng Sinh Đại khái suy nghiệm sẽ rõ.

Hán: Hựu tri chư Ái khả yếm ố cố. Khí Ái lạc xả, hoàn tư Ái bản, tiện hiện hữu vi tăng Thượng Thiện Quả.

Việt: Lại Biết Ái đó, phải nên chán ghét. Xả Ái mà vui, xả lại trông thêm gốc Ái, thì hiện ra hữu vi Thiện Quả thêm lớn.

GIẢNG VĂN

Đây nói Bất Động Tính. Văn trên, Thượng Phẩm Thiện, thì Sinh Cõi Trời. Nhưng phải đoạn Dục cho đến hết Sáu Cõi Trời Dục (Dục Thiên). Nhân biết Dục mà chán, như thế cũng chưa lìa được Dục, vì chưa thoát khỏi **Dục Giới** (Cõi Dục). Đây nói **Bất Động Nghiệp**: do Công Tu Thiện mà Cảm đến **Cõi Trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới**. **Sắc Giới**: 1) Ly Sinh Hỷ Lạc Địa. 2) Định Sinh Hỷ Lạc Địa. 3) Ly Hỷ Diệu Lạc Địa. 4) Xả Niệm Thanh Tịnh Địa. **Vô Sắc Giới**: 1) Không Vô Biên Xứ Thiên. 2) Thức Vô Biên Xứ Thiên. 3) Vô Sở Hữu Xứ Thiên. 4) Phi Tướng, Phi Phi Tướng Xứ Thiên. Nay nói xả (bỏ) Ái, vui xả, từ Tứ Thiên trở lên, Tam Thiên trở về, Đại khái đây sẽ Biết. Người **Cõi Trời Sắc Giới** còn có Thân; nhưng Cõi **Vô Sắc Giới** chỉ có Tâm không có Thân; nếu đã có Thân Tâm tất nhiên có Ái, Ái đó tức là Tu **Thiền Định**. Cho

nên vẫn nói: (**hoàn tu Ái bản**) lại trồng thêm gốc Ái. Tuy Biết Ái là nguy hiểm mà Sinh lòng xả bỏ, nhưng trái lại Chưa ly khỏi Ái Tâm, tức là không được Giải thoát, có được Thiện Quả, cũng chỉ là Phúc hữu vi; nhưng cũng hơn Thiện Quả ở Dục Giới.

Hán: Giai Luân hồi cố, bất thành Thánh Đạo. Thị cố Chúng Sinh, dục thoát Sinh tử, miễn chư Luân hồi, tiên đoạn dâm dục cập trừ khát ái.

Việt: Đều là Luân hồi, không thành Thánh Đạo. Vì thế Chúng Sinh muốn thoát Sinh tử, khỏi cả Luân hồi, trước đoạn tham dục, và trừ khát ái.

GIẢNG VĂN

Đây là lời tổng kết, văn trên đã nói: **Ác Chủng Tính, Thiện Chủng Tính, Bất Động Tính** đều thuộc Luân hồi Tính. Để đáp lời hỏi, có bao nhiêu Chủng Tính. Cho nên vẫn nói: “**đều là Luân hồi không thành Thánh Đạo**”. **Chữ vì thế trở xuống**: là lời khuyên nên đoạn Ái dục. Muốn đoạn Dục, trước phải đoạn cái trợ lực của nó. Đoạn Ái tức là phải trừ cho hết gốc rễ, đó là một việc để thoát khỏi Sinh tử Luân hồi. **Khát Ái**: ví như Người đi nắng, bị khát nước khô cổ, mà muốn uống nước, thì đây Người khát Ái cũng vậy.

Hán: Thiện nam tử! Bồ Tát Biến hóa thị hiện Thế gian, phi Ái vi bản. Dẫn dĩ Từ Bi, linh Bi xả Ái, giả chư Tham dục, nhi Nhập Sinh tử.

Việt: Thiện nam tử! Bồ Tát Biến hóa thị hiện ở Thế gian, không phải dùng Ái làm gốc. Chỉ dùng Từ Bi khiến cho xả ái, giả cách như Tham dục mà vào Sinh tử.

GIẢNG VĂN

Đoạn này để giải Nghi. Phòng có Người Ngờ nói rằng, Bồ Tát có Phụ Mẫu, Thê Tử. Tất nhiên phải có Ái dục thực sự như mọi Người, và Thực có Sinh tử. Cho nên, trước đã có Thuyết minh, Bồ Tát Biến hóa thị hiện ở Thế

gian, Hiểu Biết Ba Cõi như Huyền hóa, Ngã và Ngã Sở, Thân Ta và Của Của Ta, đều là giả. Không có tham Ái, cho nên không có lấy Ái làm Căn bản (gốc).

Hán: Tu Phật Bồ Đề kỹ đặng Sai Biệt. Nhược Chư Mạt thể nhất thiết Chúng Sinh, năng xả chư Dục, cập trừ Tắc Ái, vĩnh đoạn Luân hồi. Cần Cầu Như Lai VIÊN GIÁC Cảnh Giới, u Thanh Tịnh Tâm tiện đắc Khai Ngộ.

Việt: Nếu tất cả Chúng Sinh đời Mạt, có năng lực xả bỏ tham Dục và trừ yêu ghét, đoạn hẳn Luân hồi. Cần Cầu Cảnh Giới VIÊN GIÁC của NHƯ LAI ngay Tâm Thanh Tịnh đó liền được Khai Ngộ “Hiểu Biết hoặc Chứng tỏ”.

GIẢNG VĂN

Từ đây đến chữ Năm Tính Sai Biệt, đây là Chính để đáp lại câu Tu Phật Bồ Đề bao nhiêu Thứ Sai khác nhau. **Xả Dục trừ Ái:** Luân hồi Căn bản trên sự Dục công, khiến cho Tính đó không tái lập. Cho nên Chính văn nói “**Đoạn hẳn Luân hồi**”.

Thanh Tịnh Tâm: không đời vô minh cấu Huyền, đã đoạn Luân hồi Tính, một Phương diện đoạn Luân hồi Căn bản, một Phương diện Cầu **Viên Giác Cảnh Giới**, thì ngay cái Tâm Thanh Tịnh ấy Khai Ngộ **VIÊN GIÁC**. Cho nên Chính văn nói: (**ngay Tâm Thanh Tịnh đó liền được Khai Ngộ**).

Liền được Khai Ngộ: Ý nói Tu Đạo BỒ ĐỀ, không có Sai Biệt, chỉ đoạn Luân hồi và Cầu Viên Giác là được Khai Ngộ, trực triệt Hiểu rõ, đó là Ý chỉ **Đốn Giáo Đại Thừa** của Bộ Kinh này. Và nếu đã Đốn đoạn, Đốn Ngộ thì cũng không cần phải hỏi đến Sai Biệt. Dưới đây sẽ nói y vào Hai Chương mà có Năm Tính khác nhau.

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh do bản Tham dục, Phát huy vô minh, hiển xuất Ngũ Tính Sai Biệt bất đặng. Y Nhị chủng Chương nhi hiện thiện thâm.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh bởi gốc Tham dục, Phát huy vô minh, hiện ra Năm Tính Sai khác, chẳng giống nhau. Y vào Hai Chướng mà hiện sâu nông.

GIẢNG VĂN

Văn đây nói Năm Tính. Năm Tính từ đâu mà Phát hiện, tức là Chúng Sinh tham dục cho nên Phát hiện vô minh, vì thế mà Sinh ra Năm Tính. Nhưng Năm Tính ấy, lại có sai khác nhau, vậy trình độ đã Sai thì y vào đâu mà phán đoán được? Tức phải y vào Hai Chướng mà hiện nông sâu.

Hán: Vân hà Nhị Chướng? Nhất giả Lý Chướng, Ngại Chính Tri kiến. Nhị giả, Sự Chướng, tục chư Sinh tử.

Việt: Thế nào là Hai Chướng? Một là Lý Chướng, ngăn Chánh Tri kiến. Hai là Sự Chướng, tiếp nối Sinh tử.

GIẢNG VĂN

Lý Chướng: cũng gọi là **Sở Tri Chướng**. Như Chân Lý là Pháp, ai ai cũng đều có thể phải Biết rõ, vì Chúng ta mê nên không Biết, cho nên gọi là Chướng. Theo trên, Pháp bị Chướng mà lập danh. **Chính Tri kiến: Chính Giác.** Tiếng Phạn: **A Lộc Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.** **Pháp Sở Chướng** là Chân Lý. **Pháp Năng Chướng** là vô minh, vô minh tức là **không Biết gì**. Tất cả Sự, Lý, Tính, Tướng, hết thảy Chúng ta đều không Biết (tức là có một phần vô minh chưa hết, do Lực lượng Công Dụng của Tâm chưa đầy đủ. Tức là Minh (sáng soi) không được thấu triệt, Trí (Biết) không được sáng suốt, thiên khúc (tà dối) làm ngăn ngại Chính Tri (cái Biết Chân Chánh). **Sự Chướng:** cũng gọi là **Phiền não Chướng**. Chúng Sinh không Biết các Pháp hòa hợp là giả, rồi Chấp có Thân ta mà thành Bốn điên đảo: Chấp Ta là si, nhân si rồi tham, Trái lòng Ta thì giận (Sân), cậy Ta là mạn (khinh Mạn) rồi Sinh ra phiền não. Cho nên gọi là Chướng. Đây theo về Pháp Năng Chướng lập danh (đặt tên). Chính cái Thể của Chướng gọi là phiền não. Pháp bị Chướng có những Công đức Vô lậu, vô vi. Trái lại nếu Tâm phiền não Phát Động thì tạo bao nhiêu những Nghiệp hữu lậu, bất Tịnh. Thiện, thì Sinh cõi Nhân, cõi Thiên. Ác thì sa xuống Tam Đồ, chịu sự Nghiệp báo, cho nên văn nói: “tiếp nối Sinh tử”.

Hán: Vân hà Ngũ Tính ? Thiện nam tử! Nhược thử Nhị Chương vị đắc đoạn diệt, danh vị thành Phật.

Việt: Thế nào là Năm Tính? Thiện nam tử! Nếu Hai Chương đó Chưa đoạn diệt được, gọi là Chưa thành Phật.

GIẢNG VĂN

Chưa đoạn được Chương gọi là **Dị Sinh Tính**. Dị Sinh Tính tức là Tính Phàm phu. Cũng như Ngọc Chưa qua tay thợ gọt giữa. Chúng Sinh tuy có đầy đủ Tính **VIÊN GIÁC** để thành Phật, nhưng lại Chưa Biết Đoạn Chương, cho nên gọi là Chưa Thành Phật, và không đứng vào trong số Năm Tính. **Lý Chương**: Cháp Pháp. **Sự Chương**: Cháp Ngã. Phá được Hai Cháp mới Ly được Hai Chương. Kẻ phàm phu tuy cũng có tất cả Thiện Pháp Thế gian, với sự Đoạn Chương cũng Chưa tìm hiểu. Các Bậc Hiền Thánh ở Thế gian, đã có Công phu, khiến cho bớt lòng Tham, Sân, Mạn, chỉ vì một chút Tâm Cháp Ngã hãy còn, cho nên Si, chẳng qua cũng chỉ ở trong khuôn khổ Nhân, Thiên mà thôi. Nhưng đối với Sự Đoạn Chương là một sự siêu việt Nhân, Thiên. Năm Tính Sai Biệt, đã y vào Hai Chương hiện ra sâu rộng. **Dị Sinh Tính**: không Đoạn Chương để Tu Đức, bởi không Tu Đức, cho nên không có dự vào Năm Tính mà so rộng sâu. Bởi nó có Đủ Tính Đức, cho nên mới gọi là **Chưa Thành Phật**.

Hán: Nhược Chư Chúng Sinh vĩnh xả tham dục, tiên trừ Sự Chương, vị đoạn Lý Chương; Đãn năng Ngộ Nhập Thanh Văn, Duyên Giác, vị năng hiển Trụ BỒ TÁT Cảnh Giới.

Việt: Nếu tất cả Chúng Sinh muốn bỏ hẳn tham dục, trước phải trừ Sự Chương, Chưa đoạn Lý Chương; Chỉ hay Ngộ Nhập Thanh Văn, Duyên Giác, Chưa có thể ở được Cảnh Giới Bồ Tát.

GIẢNG VĂN

Đây Thuyết minh Hai Tính ở trong Năm Tính: 1) **Thanh Văn Tính**; 2) **Duyên Giác Tính**. Thông gọi là **Nhị Thừa Tính**. Quả thì gọi là **Nhị Thừa**. Nhưng Pháp Tu lại khác nhau, cho nên đặt **Nhị Thừa Tính**. Hai vị này đã xả

(bỏ) hẳn được lòng tham dục, đoạn được Sinh tử, phá được **Ngã Chấp**, trừ được **Sự Chướng**, nhưng Chưa Đoạn được **Lý Chướng**, cho nên hãy còn **Chấp Pháp**. Theo **Pháp Tứ đế**, Tu Đoạn được Sự Chướng gọi là **Thanh Văn Tính**. Theo **12 Nhân Duyên**, Tu Đoạn được Sự Chướng, gọi là **Duyên Giác Tính**, nhưng Chưa có thể đến được Cảnh Giới của **Bồ Tát**. Nên nguyên văn nói: “**Chưa có thể ở được Cảnh Giới của Bồ Tát**”.

Hán: Thiện nam tử! Nhược Chư Mạt thế nhất thiết Chúng Sinh, dục phiếm Như Lai Đại Viên Giác Hải, tiên đương Phát Nguyện Cầu đoạn Nhị Chướng. Nhị Chướng dĩ phục tức năng Ngộ Nhập Bồ Tát Cảnh Giới. Nhược Sự Lý Chướng dĩ vĩnh Đoạn diệt, tức Nhập Như Lai Vi Diệu Viên Giác, mãn túc Bồ Đề cập Đại Niết Bàn.

Việt: Thiện nam tử! Nếu tất cả Chúng Sinh đời Mạt Pháp này, muốn vào Bể Đại Viên Giác của Như Lai, trước nên Phát Nguyện Cầu Đoạn Hai Chướng. Hai Chướng đã phục, tức là Ngộ Nhập Cảnh Giới Bồ Tát. Nếu Sự Lý Chướng đã Đoạn diệt hẳn, tức là được Nhập Như Lai Vi Diệu Viên Giác, đầy đủ Bồ Đề và Đại Niết Bàn.

GIẢNG VĂN

3) Đây nói Tính thứ ba thuộc về Bồ Tát Tính, muốn vào Bể Đại Viên Giác của Như Lai. Muốn Cầu Viên Giác, ví như Người muốn vào Bể lớn, Phát Đại Tâm mà vào Bể. Cũng như ở đất phàm phu đi tới đất Phật, với cấp bậc của Bồ Tát, là cái đoạn đường Chúng Sinh phải trải qua. Muốn Tu tập, trước phải Phát Nguyện Cầu Đoạn Nhị Chướng”. Cho nên Kinh nói: “**Trước Phát Nguyện Cầu Đoạn Nhị Chướng**”. Giữa lúc Dụng Công Tu Đoạn thì Nghiệp hiện Hành và tập khí lần lượt phân phục (đề đầu xuống); đến như Hai Chướng đã phục, cũng như Ngôi **Tam Hiền** gọi là **Đặng Địa Bồ Tát**. Nên văn nói: “**Tức là Ngộ Nhập Cảnh Giới Bồ Tát**”. Song đã Phục mà Chưa Đoạn, tức là hãy còn bước đường giữa Chúng Sinh đến Phật Quả, gọi là **Bồ Tát Tính**. Nếu Sự Lý Chướng đã Đoạn diệt, như vậy Lý Chướng làm Ngại **Chánh Tri kiến** cũng hết. Tức là **Mãn túc Bồ Đề**; tiếp nối Sinh tử với Sự Chướng đã Đoạn diệt, tức là **Mãn túc Đạo Đại Niết Bàn**. **Mãn túc Bồ Đề** : tức là Trí Đức. **Mãn túc Niết Bàn** tức là Đoạn Đức. Bồ Tát Phục cả Hai Đoạn, cả hai đến chỗ rốt ráo,

tức là Phật Quả. Cho nên vẫn nói: “**được Nhập Như Lai Vi Diệu Viên Giác**”. Tại sao lập Bồ Tát Tính mà không lập Như Lai Tính? Vì công Tu tập đến chỗ rốt ráo, không phải Luận Biện Sai Biệt, cho nên lập **Bồ Tát Tính tức Như Lai Tính**.

Có **Chấp Ngã** tất có **Chấp Pháp**, nhưng Lý Chương đã Đoạn thì Sự Chương cũng Đoạn. Tiểu Thừa Ngộ Nhân Không, chỉ Đoạn được sự Chương. Đại Thừa Bồ Tát Căn khí mãnh lợi cho nên Nhị Chương đồng Phục, đồng Đoạn (đồng: cùng)

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh giai Chứng Viên Giác. Phùng Thiện tri thức, y bử sở tác Nhân Địa Pháp Hạnh. Nhĩ thời Tu tập, tiện hữu Đốn, Tiệm. Nhược Ngộ Như Lai Vô Thượng Bồ Đề Chính Tu Hành lộ; Căn vô Đại, Tiểu giai thành Phật Quả.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh đều Chứng Viên Giác. Gặp Thiện tri thức, theo Thiện tri thức làm Nhân Địa Pháp Hạnh. Khi đó Tu tập, thì có Đốn và Tiệm. Nếu gặp Đạo Bồ Đề Vô Thượng của Như Lai, con đường Chính Tu Hành; không Căn cứ Đại, hay Tiểu, đều thành Phật Quả.

GIẢNG VĂN

4) **Bất Định Tính** **Tất cả Chúng Sinh:** chỉ có những Người Biết có Tính **Viên Giác** Thực Hành Tu tập. Cho nên vẫn nói: đều Chứng **Viên Giác**. Chúng Sinh muốn Cầu Đoạn Chương, tất phải tìm Bậc Thiện tri thức làm Thầy. Thiện tri thức Tu Nhân Địa **Pháp Hạnh** thế nào, thì ta nên theo đó mà Tu tập. Ví như gặp Thiện tri thức **Thanh Văn Thừa**, thì Tu theo **Pháp Tứ Đế**. Gặp Vị **Duyên Giác Thừa**, thì Tu theo **12 Nhân Duyên Quán**. Gặp vị **Bồ Tát** thì Tu theo **Lục Độ**. Giáo có **Đốn, Tiệm**. Thừa có **Đại, Tiểu**. Như thế không có nhất Định. Cho nên nguyên văn nói: “**Khi đó Tu tập thì có Đốn, Tiệm**”. Những Chúng Sinh đó, nếu gặp **Đức Như Lai dạy Đạo Vô Thượng Bồ Đề đường Chính Tu Hành**, đều có thể thành Phật Quả, bất luận Người nhiều kiếp dày công Tu tập, hay Đại, Tiểu khác nhau. Cho nên Người có Tâm Cầu Đạo, phải nên cẩn thận tìm Thầy. **Bất Định Tính** với **Phàm phu Tính** không giống nhau. 1) Không Biết Cầu Đạo, Không hiểu Pháp Tu; 2) đã năng Phát Tâm lại muốn Cầu Đoạn Chương.

Hán: Nhược Chư Chúng Sinh, tuy Cầu Thiện hữu, Ngộ tà kiến giả, vị đắc Chính Ngộ, thị tắc danh vi Ngoại Đạo Chung Tính; Tà Sư quá mậu, phi Chúng Sinh cũu.

Việt: Nếu tất cả Chúng Sinh, tuy Cầu Thiện hữu, gặp kẻ tà kiến không được Chính Ngộ, thế gọi là Chung Tính Ngoại Đạo; Tà Sư làm lỗi, không phải lỗi tại Chúng Sinh.

GIẢNG VĂN

5) **Siển đề Tính:** có Tâm hướng Đạo nhưng không gặp Thiện hữu. Gặp kẻ tà kiến, tất nhiên làm Hạnh bất Chính. Tuy có Tu tập chỉ thành tà kiến. Nên nguyên văn nói: “**Vị đắc Chính Ngộ**”. Sự Hiểu Biết tà, cho nên không được vào Chính Đạo, như thế gọi là **Ngoại Đạo**. Người Tu **Đạo Bồ Đề** Cầu Đoạn Hai Chương đã khó, nữa là lại gặp kẻ **Tà Ngộ**? **Tà Ngộ** đã Nhập thì Tâm đó đã Quyết Định sai lạc, cho nên gọi là Ngoại Đạo Chung Tính. Trên đây **Thanh Văn Tính, Duyên Giác Tính, và Bồ Tát Tính**, tuy có Đại, Tiểu khác nhau, nhưng cũng là **Chính Ngộ**, thực là cái Nhân thành Phật. Duy có **Ngoại Đạo Chung Tính** phản đối với Chính Nhân thành Phật, gọi là **Đoạn Phật Chung**, vì thế đặt là **Siển Đề Tính**. Những Người mê muội Tu tập do Tà Sư tự đắc để được Vô Thượng Đạo, tự mình đã làm, lại làm cho Người làm theo. Người Cầu Đạo nếu gặp phải kẻ Tà Sư thì trái mất Bản Nguyên. Cho nên văn nói: “**Tà Sư làm lỗi không phải tại Chúng Sinh**”.

Như thế gọi là Năm Tính Sai Biệt. Tổng kết Năm Tính. Năm Tính Sai Biệt, cứ theo nơi Đoạn Chương nông, sâu chứ không kể Chung tử. Căn cứ theo Đoạn Chương sâu nông, vì thế kẻ phàm phu không được dự. Riêng nói về theo Đạo Phật, gặp các Duyên mà thành Sai Biệt. Chia ra **Đại, Tiểu, Tà, Chính** là do Thầy, bạn. Ngài **Di Lạc** hỏi, làm lợi ích cho Chúng Sinh đời Mạt, rất sâu rộng lắm.

Hán: Thiện nam tử! **Bồ Tát** duy dĩ **Đại Bi** Phương tiện, **Nhập chư Thế gian**, khai phát vị Ngộ, nãi chí thị hiện **chủng chủng Hình tướng, Nghịch Thuận Cảnh Giới, dữ kỳ Đồng sự, Hóa linh thành Phật**, giai y vô thủy **Thanh Tịnh** Nguyên lực.

Việt: Thiện nam tử! Bồ Tát duy chỉ lấy Đại Bi Phương tiện mà vào các Thế gian, dạy bảo cho kẻ Chư Ngô, nãi chí thị hiện chan chan Hình Tướng, Nghịch Thuận Cảnh Giới, với cùng Đồng sự, Giáo Hóa cho thành Phật, đều y vào vô thủy Thanh Tịnh Nguyên lực.

GIẢNG VĂN

Tiết này, Chính đáp câu hỏi, trở vào Trần lao nên đặt những Phương tiện gì để Độ Sinh. **Đại Bi:** Đồng Thể Tâm Đại Bi. Bồ Tát vào Trần lao, lấy Tâm Đại Bi làm chủ, để đặt những Phương tiện Độ Sinh. Thế gian không phải chỉ có một. Cho nên vẫn nói: **các Thế gian**. Vào Thế gian dạy bảo cho Người Chư Giác Ngô, dạy bảo chẳng những chỉ riêng về Ngôn Thuyết, mà lại còn thị hiện ra các Hình Tướng. Cho nên vẫn nói: **thị hiện bao nhiêu Hình tướng**. **Chan chan Hình tướng:** Như Ngài Quán Âm Bồ Tát hiện ra 32 Thân, đi vào các Quốc Độ. **Chan chan bao nhiêu Tướng:** hoặc hiện ra Tướng từ Bi, hoặc uy nghiêm Tướng. Tu các Hạnh Chính gọi là Thiện Cảnh Giới. Làm các điều phi Pháp gọi là Nghịch Cảnh Giới. Tùy theo Chúng Sinh làm công việc gì, thì Bồ Tát làm công việc ấy (đó) để gần gũi cho dễ Giáo Hóa, tất cả Chúng Sinh sau đều thành Phật cả, cho nên vẫn nói: “**Với cùng Đồng sự, nên tảng do nơi Nhân Địa Phát Nguyên**”. Cho nên vẫn nói: “**đều y vô thủy Thanh Tịnh Nguyên lực**”. Lời đáp đây: Bồ Tát vào Trần lao Độ Sinh phải lấy Đại Bi Tâm làm chủ. Phương tiện có nhiều Môn, tuy không nhất định, song đại khái, hoặc dùng Ngôn Thuyết, hoặc hiện Hình tướng, hoặc Đồng sự để Giáo Hóa, nhưng mục đích khiến Chúng Sinh được thành Phật, vậy Căn bản là do nơi Đại Nguyên Độ Sinh.

Hán: Nhược Chư Mạt thế nhất thiết Chúng Sinh, ư Đại Viên Giác khởi Tăng Thượng Tâm, Đương Phát Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Nguyên! Ứng tác thị ngôn: (Nguyên ngã kim giả, Trụ Phật Viên Giác, Cầu Thiện tri thức, mạt trị Ngoại Đạo cập dữ Nhị Thừa y Nguyên Tu Hành, tiêm Đoạn chư Chướng, Chướng tận Nguyên mãn, tiện đặng giải thoát, Thanh Tịnh Pháp Điện, Chứng Đại Viên Giác Diệt Trang nghiêm Vực).

Việt: Nếu tất cả Chúng Sinh đời Mạt, với Đại Viên Giác, khởi Tâm Tăng Thượng, hãy Phát Đại Nguyên Thanh Tịnh của Bồ

Tát: nên nói như vậy: (Nguyện con ngày nay, Trụ ở Viên Giác Phật, tìm Thiện tri thức, không gặp phải Ngoại Đạo và Nhị Thừa, theo Nguyện Tu Hành, đoạn dần mọi Chướng, Chướng hết Nguyện đủ, được lên Điện Thanh Tịnh Giải thoát Chứng Đại Viên Giác Cõi Diệu Trang nghiêm).

GIẢNG VĂN

Tăng Thượng Tâm: Không phải lấy cái Sở Đắc hiện tại làm đủ, nghĩa là phải Cầu tăng tiến thêm lên, tức là hướng Thượng mà Cầu ở Tâm. Đã khởi Tâm Tăng Thượng, thì nên Phát Đại Nguyện. Từ câu **Nguyện con ngày nay trở đi:** tức là “Đại Nguyện”. Đã Phát Đại Nguyện tất theo Nguyện Tu Hành. Trong Hai Chướng, lại có bao nhiêu những Chướng, ở trong đó. Nên Kinh nói: “**Mọi Chướng**”. Mọi Chướng đã Phục dần, Đoạn dần. Nên nguyên văn nói: (Tiệm Đoạn). Chướng hết thì được Giải thoát, Nguyện đủ thì Trang nghiêm.

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: “**Di Lặc nhữ Đương tri. Nhất thiết Chư Chúng Sinh, bất đắc Đại Giải thoát, giai do Tham dục cố, đọa lạc u Sinh tử; Nhược năng Đoạn tăng ái, cập dữ tham, sân, si, bất nhân Sai Biệt Tính, giai đắc thành Phật Đạo. Nhị Chướng vĩnh tiêu diệt, Cầu Sư đắc Chính Ngộ, Tùy thuận Bồ Tát Nguyện, y chỉ Đại Niết Bàn. Thập phương Chư Bồ Tát, giai dĩ Đại Bi Nguyện thị hiện Nhập Sinh tử. Hiện tại Tu Hành Giả, cập Mạt thế Chúng Sinh, cần Đoạn chư ái kiến, tiệp quy Đạo Viên Giác.**”

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó, mà Thuyết bài kệ rằng: “**Di Lặc Ông nên Biết! Tất cả các Chúng Sinh, không được Đại Giải thoát, đều bởi có Tham dục, sa lạc đường Sinh tử; Nếu hay Đoạn tăng ái, cùng với tham, sân, si, không Nhân Tính Sai Biệt, đều được thành Phật Đạo. Hai Chướng vĩnh tiêu diệt, Cầu Thầy được Chính Ngộ, Tùy thuận Bồ Tát Nguyện, nương ở Đại Niết Bàn. Mười phương các Bồ Tát, đều lấy Nguyện Đại Bi, thị hiện vào Sinh tử. Hiện tại Người Tu Hành, và Chúng Sinh đời Mạt, cần Đoạn các ái kiến, liền quy Đại Viên Giác.**”

6. Chương Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát

Hai Chương trên là Cảnh Lựa chọn, để Phát minh trên Cầu Phật Đạo với Cảnh Tự Ngộ (Giác Ngộ lấy Mình) và dưới Độ Chúng Sinh với Cảnh Ngộ Tha (Giác Ngộ cho Người). Từ đây trở xuống Sáu Chương, Lựa chọn Công Hành, có Hành Vị, Pháp vị, Bệnh hoạn Hành, Phương tiện Hành, mỗi mỗi đều Biện minh. Chương này Lựa chọn Hành Vị, từ Chúng Sinh đến Phật; y theo Cảnh mà Tu Hành tất phải dùng Bát nhã Trí để lãnh Đạo. Cho nên Phát khởi Chương này do **Bồ Tát Thanh Tịnh Tuệ** hỏi Phật.

Hán: Ư thị Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ nhi bạch Phật ngôn: “Đại Bi Thế Tôn! Vì Ngã đẳng bói Quảng Thuyết như thị, Bất tư nghị sự, bản sở bất Kiến, bản sở bất Văn. Ngã đẳng kim giả, mong Phật Thiện dụ, Thân Tâm thái nhiên, đắc Đại nhiều ích.

Việt: Khi đó, Ngài Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, liền từ tòa đứng dậy, Kính lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, quỳ xuống chấp tay mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Vì lũ Chúng con nói rộng việc Bất tư nghị, trước đây không được thấy, và không được Nghe. Ngày nay lũ Chúng con, nhờ Phật Thiện dụ (dạy dỗ), Thân Tâm khoan khoái, được rất nhiều lợi ích.

GIẢNG VĂN

Trên đây các Chương, như **Chương Di Lạc** nói Luân hồi có mấy thứ, Bồ Đề mấy thứ, và Phương tiện Giáo Hóa, đều là những việc (bất tư nghị) những việc trước đây không được Thấy và Nghe. Nay nhờ Đức Thế Tôn Giáo Hóa Hiểu Biết. Cho nên văn nói (**Thiện dụ**).

Hán: Nguyên vị Chư lai nhất thiết Pháp Chúng, trùng Tuyên Pháp Vương Viên mãn Giác Tính. Nhất thiết Chúng Sinh cập Chư Bồ Tát, Như Lai Thế Tôn Sở Chứng, Sở Đắc, vân hà Sai

Biệt? Linh Mạt thế Chúng Sinh Văn thử Thánh Giáo, Tùy thuận Khai Ngộ, Tiệm thứ năng Nhập.

Việt: Xin vì tất cả Chúng lại đây Nghe Pháp, nói lại Pháp Tính Viên mãn của Pháp Vương. Tất cả Chúng Sinh và các Bồ Tát, chỗ Sở Chứng, Sở Đắc của Như Lai Thế Tôn, Sai Biệt thế nào? Khiến cho Chúng Sinh đời Mạt, Nghe lời Thánh Giáo, Tùy thuận Khai Ngộ (tỏ Ngộ) lần lượt tiến vào.

GIẢNG VĂN

Pháp Vương: Là một Danh hiệu của Đức Phật. Phật từ Nhân Địa y vào Cảnh Viên Giác, Tu Hành Hạnh Viên Giác đến khi thành Phật, Giác Tính mới đầy đủ. Đến cũng từ Ngôi Chúng Sinh mà Phát Tâm, cho đến Ngôi Phật, Viên mãn Giác Tính mới thôi. Trong thời gian đó, tất phải trải qua Giai Vị của Bồ Tát. Nhưng không biết Lý Tu Chúng thế nào, mà được những Ngôi nào? Cho nên hỏi Sai Biệt thế nào mà Tỉnh Phật Tuyên lại. Ý hỏi trong Hội, chẳng những Chúng lại đây Nghe Pháp, lại còn chú trọng cho đến Chúng Sinh đời Mạt, có thể Nghe mà Hiểu Ngộ, dĩ chí Chúng được Quả vị. Nên vẫn nói: (khiến Chúng Sinh đời Mạt v.v...)

Hán: Tác thị ngữ dĩ, ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Tỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: Nói thế rồi, năm Thế rập đất, cứ như thế ba lần Tỉnh, trước sau như một.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Mạt thế Chúng Sinh, Tỉnh vấn Như Lai, Tiệm thứ Sai Biệt. Nhữ kim đế Thính! Đương vị nhữ Thuyết” thời Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng, mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay vì Chúng Sinh đời Mạt, Tỉnh hỏi Như Lai việc lần lượt Sai Biệt.

Ông nay Nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Ông mà nói.” Thời Ngài Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát vâng dạ vui mừng và tất cả Đại Chúng im lặng ngồi Nghe.

GIẢNG VĂN

Ý Ngài Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát hỏi: Chú trọng tới Chúng Sinh đời Mạt Nghe Giáo được Tâm Khai Ý Ngộ, lần lượt mà tiến. Còn những Chúng ở trong Hội, được Thân Nghe Pháp, với sự Tu Hành, thì cũng chưa chắc đã khó. Chúng Sinh đời Mạt cách Phật đã xa, nếu không hỏi rõ Lời Thánh Giáo, có lẽ mất chỗ bằng cứ. Phật biết Ý đó, mà nói rằng: các Ông lại hay vì Chúng Sinh đời Mạt.

Hán: Thiện nam tử! Viên Giác Tự Tánh, phi Tính Tính hữu, Tuần Chư Tính khởi, vô Thủ vô Chứng. Ư Thực Tướng trung, thực vô Bồ Tát, cập chư Chúng Sinh. Hà dĩ cố! Bồ Tát Chúng Sinh giai thị Huyền hóa. Huyền hóa diệt cố, vô Thủ, Chứng giả. Thí như nhỡn Căn, bất tự kiến nhỡn; Tính tự Bình Đẳng, vô Bình Đẳng giả. Chúng Sinh mê đảo, vị năng trừ diệt nhất thiết Huyền hóa. Ư Diệt vị Diệt, vọng công Dụng trung, tiện hiện Sai Biệt. Nhược đắc Như Lai Tịch diệt Tùy thuận, thực Vô Tịch diệt cập Tịch diệt giả.

Việt: Thiện nam tử! Tự Tánh của Viên Giác, không phải tự nó có Tính Sai Biệt, theo các Tính mà Phát Sinh, không Thủ không Chứng. Với Thực Tướng, thực không có Bồ Tát và Chúng Sinh. Tại sao thế? Bồ Tát Chúng Sinh đều là Huyền hóa. Huyền hóa diệt rồi, thì không Thủ, Chứng. Ví như Căn con mắt, sao thấy được mắt. Tính nó không phải tự nó Bình Đẳng, và không Bình Đẳng. Chúng Sinh mê đảo, chưa hay trừ diệt tất cả Huyền hóa. Diệt và Chưa Diệt, trong cái Dụng công vọng (dối) thành ra Sai Biệt. Nếu được Tịch diệt Tùy thuận của Như Lai, như vậy cũng Không có Tịch diệt và Tịch diệt.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống, Chính là Lời của Phật đáp. Ý hỏi Sai Biệt thế nào. Tiết này, trước đem đề xuất và nghiên cứu, Có, Không Sai Biệt, phân ra hai phần để quan sát: 1) Theo trong **Viên Giác** Tự Tính Thực Tướng mà nói thì Không có Sai Biệt; 2) Theo trên lễ công Dụng Chúng Sinh mê đảo Tu Hành mà nói, thì Có Sai Biệt. Đại Ý như vậy, dưới đây sẽ thích rõ:

Viên Giác Tự Tính: Pháp Tính Chân Như Bình Đẳng.

Phi Tính Tính hữu: “Không phải tự nó có Tính Sai Biệt”: Không phải Tự Tính của **Viên Giác** có Tính Sai Biệt.

Tuần Chư Tính khởi: (Theo các Tính mà phát sinh): các Tính: chỉ cho Chúng Sinh và Bồ Tát có Tính cách Sai Biệt. Nghĩa là bởi Chúng Sinh và Bồ Tát mà Phát khởi Sai Biệt, đã theo Tính mà Phát khởi thì không có mọi Tính. Cho nên vẫn nói: “**Không Thủ không Chứng**”. Ý nói **Viên Giác Tính** không có Pháp Sở Thủ và Sở Chứng; mà Chúng Sinh, Bồ Tát là Người Năng Thủ, Năng Chứng. Trong **Chân Như Thực Tướng**, thì Tự Tính của **Viên Giác**: thực tại không có Bồ Tát và Chúng Sinh. “Lời Trích ở Bộ khác: Tự Tính của **Viên Giác** không có Năm Tính. Cho nên vẫn nói (**phi Tính Tính hữu**). Bởi **Viên Giác** không Thủ (giữ) Tự Tính, **Tuần Chư Tính khởi**: các Tính khởi ra cũng từ **Tính Viên Giác** mà khởi, như vậy các Tính không có thực. Cho nên không có Chúng Sinh Thủ Huyền hóa Pháp, và Bồ Tát Chứng Tịch diệt Pháp. Thế Đế Luận nói: (Năng Thủ và Sở Thủ, Năng (hay) Chứng và Sở Chứng, đều là Sai Biệt. **Đệ nhất Nghĩa Đế Thực Tướng Luận** nói: Thực không có Chúng Sinh Năng Thủ (hay giữ hoặc lấy) Bồ Tát Năng Chứng, tại sao? Bồ Tát, Chúng Sinh chỉ là Pháp đôi đũa, đều là Huyền câu. Huyền câu đã hết, tất cả đều **Giác**, còn chi mà có Chúng Sinh là Năng Thủ và Bồ Tát là Năng Chứng”.

Hà dĩ cố trở xuống: lời thích ở Bản văn. Huyền hóa không có Tự Thể, ngay Thể của Huyền hóa tức là **Chân**. Bồ Tát, Chúng Sinh đều có Tự Tính **Viên Giác** mà Phát khởi Sai Biệt. Cho nên cái Danh hiệu của Bồ Tát và Chúng Sinh đều là Huyền hóa (dối hóa). Huyền hóa đã hết thì không có Thủ và Chứng. Đây Căn cứ ở trong **Đệ nhất Nghĩa Đế Chân Thực Tướng** quan sát, lý Trí như vậy, không hai không khác. Và đây lại đặt một thí dụ cho rõ: Nhỡ Căn với Tính Thấy Bình Đẳng không có hai, con mắt không tự nhìn thấy con mắt, cũng như **Viên Giác** không tự Thủ lấy **Viên Giác**, sở dĩ trong Thực Tướng, Tính của **Viên Giác** nó Tự Bình Đẳng, từ Chúng Sinh đến Phật Quả, không có Sai Biệt, và cũng không cưỡng ép, phải Bình Đẳng. Nên nguyên văn nói: “**Tính Tự Bình Đẳng, vô Bình Đẳng giả**”. Nay xin đặt một lời dụ: ví như lấy

vàng đúc thành chén, mâm, hoa tai, nhẫn, v.v...các Tượng khác nhau: nhưng toàn Thể của nó là vàng, Thể Bình Đẳng duy có một chất vàng, không có các Tượng gì khác, là Nghĩa thứ nhất.

Chúng Sinh mê đảo trở xuống: nói nguyên nhân sự Sai Biệt: khi Chưa Phát Tâm, Chưa Ngộ Viên Giác, gọi là mê đảo, tức là Chưa trừ diệt được các Cảnh Huyền hóa. Nếu đã Phát Tâm, tất cả Huyền hóa, hoặc đã Đoạn diệt, hoặc Phục mà Chưa Diệt nổi. Phục và Đoạn không giống nhau, thì có thể nói sự Hành vi có Tiệm, Thứ. Nên nguyên văn nói: **“Diệt và Chưa Diệt trong cái Dụng công, vọng thành ra Sai Biệt”**.

Vọng Công Dụng: Hai Chương Chưa Đoạn xong, cho nên gọi là Vọng (dối). Tới khi Hai Chương đã Đoạn xong, đó là Tịch diệt. Với Giác Tính Tùy thuận Tuyệt nhiên không có đối đãi. Phần Năng Chứng Trí và Lý Sở Chứng, Bình Đẳng không có hai. Nên văn nói: **“Nếu được Tịch diệt Tùy thuận của Như Lai. Như vậy thực Không có Tịch diệt và Tịch diệt”**. Như thế từ Chúng Sinh đến khi thành Phật, lần lượt Tu tiến có thể nói Sai Biệt, là Nghĩa thứ hai. Văn dưới sẽ y vào đây mà nói Giác Tính Tùy thuận có Bốn Thứ Sai Biệt.

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh tòng vô thủy lai, do vọng tưởng Ngã, cập Ái Ngã giả, tăng bất tự tri niệm niệm Sinh diệt, cố khởi tăng ái, đam trực Ngũ Dục. Nhược Ngộ Thiện hữu Giáo linh Khai Ngộ Tịnh Viên Giác Tính, Phát minh khởi diệt, tức tri thử sinh Tính tự lao lự. Nhược phục hữu Nhân lao lự vĩnh đoạn, đắc Pháp Giới Tịnh, tức Bi Tịnh giải vi tự Chương Ngại, cố u Viên Giác nhi bất tự tại, thị danh phạm phu Tùy thuận Viên Giác Tính.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh từ kiếp vô thủy tới nay, bởi vọng tưởng Ta, và Yêu của Ta đó, từng chẳng tự Biết tầm tấp Sinh diệt, nên Sinh yêu ghét, ham đắm Năm Dục. Nếu gặp Bạn Lành, dạy cho Khai Ngộ Tịnh Viên Giác, Phát minh (Hiểu Biết) khởi diệt, liền Biết kiếp này Tính tự lao lự (lo nghĩ mệt nhọc). Nếu có Người nào lao lự đã hết, được Pháp Giới Tịnh thì Tịnh giải đó tự làm Chương Ngại, vì thế Viên Giác không được tự tại, gọi là phạm phu Tùy thuận Giác Tính.

GIẢNG VĂN

Đây lời đáp, do từ Chúng Sinh đến Phật, có Tiệm, Thứ và Sai, Biệt. Chúng Sinh từ kiếp vô thủy tới nay, không biết Thân Tâm là Huyền hóa, cho nên Chấp Ngã (Ta). Không biết Ngã nó không có thực Thể. Chấp có Ta đều là Tướng lâm. Nên văn nói: “**Vọng tưởng Ngã**”. Đã Chấp có Ta, tất nhiên lại Chấp tất cả Sự vật cũng Của Ta. Nên nguyên văn nói: “**và Yêu Của Ta đó**”. Tây Triết học nói: “Tất cả ở Thế gian, cái gì cũng đều có thể bàn luận, suy nghĩ được, chỉ có cái Ngã (cái Ta) thần bí không thể bàn luận nổi. Thực ra tư tưởng trước sau bất đồng với Tâm lý tác Dụng, và cũng không có chứng tỏ được cái Thể của Ngã (Ta). Song Chúng ta không tự Biết, Chính nó là cái Tâm Niệm Sinh diệt (sai lầm) trước sau bất đồng, mà Phát Sinh yêu ghét, say mê Năm Dục. Cho nên văn nói: “**Từng chẳng tự Biết, tâm chấp Sinh diệt**”, nên Sinh yêu, say mê Năm Dục. Năm Dục: Sắc, Thanh (tiếng), Hương, Vị, Xúc, là Năm Dục. Vi tế (nhỏ nhiệm): Tài, Sắc, Danh, Ăn, Ngủ là Năm Dục thô (thô xấu).

Câu nếu gặp trở xuống: Nói Người Nghe Pháp được Khai Ngộ. Chúng Sinh nhất hướng Chấp Ngã, nếu gặp Thiện hữu dạy bảo Hiểu Biết **Viên Giác Tính**, thì có thể phát minh (Biết) được vọng tưởng và khởi diệt. Khởi diệt tức là Sinh diệt đã Ngộ **Viên Giác**, lại Biết Sinh diệt, thì cái kiếp sống bị ưu bi đau khổ, lao lự sẽ Biết. Cho nên văn nói: “**liền Biết kiếp này, Tính tự lao lự**”. **Chữ Tính tự:** Không phải Tính Viên Giác tùy theo kiếp này mà lao lự, tức là kiếp này Tính nó tự lao lự.

Nếu có Người nào lao lự đã hết: Sau khi Người ta đã Hiểu Ngộ được Viên Giác, thì Biết rằng Giác Tính không Động chuyển. Còn lao lự, Tính nó tự lao lự; với **Viên Giác Tính** không có can thiệp. Người ấy Nguyên Tu Đoạn cho hết lao lự, như thế được phần Lý Giải Thanh Tịnh. Nên nguyên văn nói: “**Lao lự Đoạn hết, được Pháp Giới Tịnh. Pháp Giới:** thâu tóm tất cả các Pháp mà nói, tức là tất cả các Pháp Lý Giải được Thanh Tịnh; **Pháp Giới Tịnh** : cũng gọi là **Pháp Nhãn Tịnh**, Hiểu Biết không có Thân Tâm và tất cả sự vật đều là Huyền hóa, như vậy Lý Giải được Thanh Tịnh, nhưng đối với việc Tu Hành Chưa có: chỉ là Công phu của Ý thức, chứ Chưa thành Trí. Người đó tuy là Tùy thuận **Viên Giác**, không có mâu thuẫn, nhưng Tùy thuận đó cũng chưa được tự tại lắm. Nguyên văn nói: “**Tịnh giải tức là Chướng Ngại, với Viên Giác không được tự tại**”. Đây nói Người mới Tu vào Ngôi **Thập Tín**, chưa được vào Hàng Thánh, còn là phàm phu. Nguyên văn nói: **gọi là phàm phu Tùy thuận Giác Tính ngôi thứ nhất.**

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Bồ Tát Kiến giải vi Ngại, tụy đoạn Giải Ngại, do Trụ Kiến Giác. Giác Ngại vi Ngại, nhi bất tự tại, thử danh Bồ Tát vị Nhập Địa giả Tùy thuận Giác Tính.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát Kiến giải làm Ngại, tụy đoạn Giải Ngại, do còn Trụ ở Kiến Giác. Giác Ngại làm Ngại, không được tự tại, gọi là Bồ Tát Chưa Nhập Địa Tùy thuận Giác Tính.

GIẢNG VĂN

Bồ Tát: Ngôi Tam Hiền Bồ Tát. Văn trên nói Tịnh Giải, dùng Thức Tâm tỷ lượng, cho nên Sự Lý không được tương ứng. Nay Tu Thiền Quán để tìm chỗ thực nghiệm, khiến cho Tỷ lượng Lý giải trước, thành Hiện lượng Kiến Giác. Với Bồ Tát, tụy ở trong Thiền Định, có thể thực hành Đoạn được Giải Ngại, nhưng không có năng lực Đoạn được Loạn Tâm. Trụ: do Công Dụng, mới thành Hiện lượng Kiến Giác. Nguyên văn nói: “Tụy Đoạn Giải Ngại, còn Trụ ở Kiến Giác”, thế thì Công Dụng của Kiến Giác nó đã tự làm Ngại, như vậy Giác Tính cũng chưa được tự tại Tùy thuận. Nguyên văn nói: “Giác Ngại làm Ngại mà không được tự tại”. Ngôi Tam Hiền có Định, có Tuệ thành được Trí Hiện lượng. Với Tịnh giải không có tương đồng. Nguyên văn nói: “gọi là Bồ Tát Chưa Nhập Địa Tùy thuận Giác Tính” ngôi thứ hai.

Hán: Thiện nam tử! Hữu Chiếu hữu Giác, câu danh Chướng Ngại. Thị cố Bồ Tát, thường Giác bất Trụ. Chiếu dữ, Chiếu giả đồng thời tịch diệt. Thí như hữu Nhân, tự đoạn kỳ thủ, thủ dĩ đoạn cố, vô năng đoạn giả. Tắc dĩ Ngại Tâm, tự Diệt Chư Ngại. Ngại dĩ đoạn Diệt, vô Diệt Ngại giả. Tu đa la Giáo như tiêu Nguyệt chi. Nhược phục Kiến Nguyệt, Liễu Tri sở tiêu, tất Kính phi Nguyệt. Nhất thiết Như Lai chủng chủng ngôn Thuyết, khai thị Bồ Tát, diệc phục như thị. Thử danh Bồ Tát dĩ Nhập Địa giả Tùy thuận Giác Tính.

Việt: Thiện nam tử! có Chiếu có Giác, đều là Chướng Ngại. Vì thế Bồ Tát, thường Giác không Trụ. Chiếu với Chiếu đó đồng thời vắng lặng. Ví như có Người tự chặt lấy đầu, đầu đã chặt rồi,

không hay chặt nữa. Thì lấy Ngại Tâm, tự Diệt mọi Ngại. Ngại đã Diệt rồi, không Diệt Ngại nữa. Kinh Giáo như ngón tay chỉ mặt Trăng. Nếu thấy mặt Trăng, Biết rằng ngón tay không phải mặt Trăng. Các Đức Như Lai bao nhiêu lời nói, dạy bảo Bồ Tát, cũng lại như thế. Gọi là Bồ Tát đã Nhập Địa Tùy thuận Giác Tính.

GIẢNG VĂN

Kiên giải: là có Chiếu. **Trụ Kiên Giác** là có Giác. Cho nên Công Dụng của có Chiếu có Giác đều là Chướng Ngại. Văn đây nói Bồ Tát là kể từ Ngôi Đấng Địa Bồ Tát trở lên. **Bất Trụ:** không phải Dụng Công. Bồ Tát không phải Dụng Công, nhưng thường vẫn Chiếu soi. Nguyên văn nói: **thường Giác không Trụ.** Chiếu, phản Chiếu là Ngại Chiếu tức là **Giác Năng Chiếu.** **Tịch diệt:** Tuy thường Chiếu Giác mà không có Tướng Chiếu Giác. Nguyên văn nói: **Chiếu với Chiếu đó, đồng thời vắng lặng** (Tịch diệt). Vậy cái Tướng Tịch diệt đó là thế nào? Ví như có Người tự chặt đầu mình, trước khi Chưa chặt, Đầu là Chỗ bị chặt, Người là Năng chặt; đầu chặt rồi, thì bị chặt và năng chặt đều Không. Bồ Tát Diệt Ngại cũng như vậy. **Ngại Tâm:** Tâm có Chiếu có Giác, gọi là Ngại Tâm. Trước dùng Chiếu Giác để Diệt Ngại Tâm. Nguyên văn nói: **thì lấy Ngại Tâm để Diệt mọi Ngại.** Trước khi Chưa Diệt Ngại, thì mọi Ngại là chỗ bị Diệt, hợp với lời dụ như đầu Người. Ngại Tâm là Năng Diệt, dụ Người; đến khi Ngại đã Diệt rồi, thì Ngại Tâm của Chiếu Giác cũng hết. Như vậy Năng Diệt và Bị Diệt đều Không, thì cái Tướng Chiếu với Chiếu đó đồng thời vắng lặng. **Tu đa la:** Kinh Giáo. Trở xuống, Ý nói **Địa Thượng Bồ Tát** từ nơi **Căn bản Trí** Chứng được Chân Như Pháp Tính không phải Ý theo Kinh Giáo, mà có thể Tùy thuận Giác Tính. **Tiêu:** Mục tiêu, lấy ngón tay làm mục tiêu để chỉ mặt Trăng, Ý nói nhân Ngón Tay mà Thấy mặt Trăng; đã Thấy mặt Trăng thì Ngón Tay cũng vô Dụng. **Tu đa la Giáo:** tức Kinh Giáo, cũng như Ngón Tay để chỉ mặt Trăng. Bồ Tát Địa Thượng, đã từ Tâm Trí Tuệ Chứng Tính Chân Như, cũng như Người đã Thấy mặt Trăng. Thì các Đức Như Lai nói ra bao nhiêu lời, cũng như Ngón Tay để chỉ mặt Trăng mà thôi. Nguyên văn nói: cũng lại như thế. Ở đây Thuyết minh Ngôi Địa Thượng với Địa Tiền có sâu rộng. Nguyên văn nói: gọi là **Bồ Tát đã Nhập Địa Tùy thuận Giác Tính** ngôi thứ ba (Địa Tiền là ngôi thứ hai nói bài trên).

Hán: **Thiện nam tử! Nhất thiết Chướng Ngại tức Cứu Kính Giác. Đắc Niệm thất Niệm, vô phi Giải thoát. Thành Pháp, phá**

Pháp giai danh Niết Bàn. Trí Tuệ, ngu si thông vi Bát Nhã. Bồ Tát, Ngoại Đạo sở thành tựu Pháp, đồng thị Bồ đề. Vô minh, Chân Như vô dị Cảnh Giới. Chư Giới, Định, Tuệ cập Diêm, Nộ, Si câu thị Phạm Hạnh. Chúng Sinh, Quốc Độ đồng nhất Pháp Tính. Địa ngục, Thiên cung giai vi Tịnh Độ. Hữu Tính, vô Tính tề thành Phật Đạo. Nhất thiết phiền não tất Kinh Giải thoát. Pháp Giới Hải Tuệ Chiếu liễu Chư Tướng do như hư không, thử danh Như Lai Tùy thuận Giác Tính.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Chướng Ngại là Cứu Kinh Giác. Được Niệm, mất Niệm đều là Giải thoát. Thành Pháp, phá Pháp đều là Niết bàn. Trí Tuệ, ngu si thông gọi Bát nhã. Bồ Tát, Ngoại Đạo đã Thành tựu Pháp, đồng là Bồ đề. Vô minh, Chân Như Cảnh Giới không khác. Mọi Giới, Định, Tuệ và Dâm, Nộ, Si đều là Phạm Hạnh. Chúng Sinh, Quốc Độ cùng một Pháp Tính. Địa ngục, Thiên cung đều là Tịnh Độ. Có Tính, Không Tính đều thành Phật Đạo. Tất cả phiền não rốt ráo Giải thoát. Pháp Giới Hải Tuệ Chiếu soi các Tướng cũng như hư không, như thế gọi là Như Lai Tùy thuận Giác Tính.

GIẢNG VĂN

Đây nói đến Phật Địa tất cả Trí. Trí Cảnh Giới. Tính, Tướng, Sự Lý không có hai, Bình Đẳng chiếu soi tất cả các Pháp. Trí Tuệ Bình Đẳng tất cả các Tướng Hữu vi, đều là **Viên mãn Giác Tính**, tự tại không Chướng Ngại. Trên từ Ngôi **Thập Tín** Tịnh Giải làm Chướng Ngại, Ngôi Tam Hiền Giác Ngại làm Ngại (Trụ Kiến Giác) đến Ngôi **Nhập Địa Thường Giác Bất Trụ**, tuy đã viên ly được Ngại, nhưng đã ly Ngại mà thường Giác, chưa khỏi lấy Ngại làm Ngại, như vậy cũng chưa được Viên dung. Nay nói rõ Phật Địa, Ngại đó tức là Giác, Viên dung tự tại. Nguyên văn nói: “**Tất cả Chướng Ngại tức Cứu Kinh Giác**” Nghĩa là ngay Chân là Vọng, “**ngay Vọng là Chân**”. Dưới đây lấy các Pháp đối đãi nhất nhất dung quy Viên Giác, để Thuyết minh Phật Trí Vô Ngại. Niệm Chính không gián đoạn gọi là được Niệm, Vọng Niệm phát sinh gọi là mất Niệm. Mất Niệm thì ràng buộc (hệ phọc), được Niệm thì Giải thoát. Với Giác Tính Bình Đẳng, tuyệt nhiên không đối đãi, được mất đều Không. Nguyên văn nói: “**Vô phi Giải thoát**”. Tu Pháp Tinh tiến gọi là Thành, lui mất gọi là Phá, nó đối đãi giả lập, không có đúng Nghĩa. **Viên Giác Tịnh Tính**,

không có Thành và Phá. Nguyên văn nói: “**đều là Niết Bàn**”. Không có kẻ Ngu thì không rõ kẻ Trí, không có kẻ Trí thì không rõ kẻ Ngu, Trí Ngu giả lập đôi lập không ngoài Giác Tính. Nguyên văn nói: “**thông gọi Bát nhã**”. Bồ Tát Thành Đạo gọi là Chính Pháp, Ngoại Đạo Thành gọi là Tà Pháp, cũng là hư danh, thực ra cũng Đồng một Giác Tính. Nguyên văn nói: “**Cùng là Bồ Đề**”. Vô minh là Vọng, Chân Như là **Chân**. Song **Vọng** cũng không ngoài **Chân**. Ngoài **Chân** không có **Vọng**. Nguyên văn nói: “**Cảnh Giới không khác**”! Bồ Tát Độ Sinh hiện ra những Cảnh Giới Nghịch Thuận. **Thuận là Giới, Định, Tuệ**. Nghịch là **Dâm, Nộ, Si**. Thuận với Nghịch không gì không phải là Phương tiện. Nguyên văn nói: “**đều là Phạm Hạnh**”. Sự Độ Sinh với Trang nghiêm Quốc Độ Y Báo và Chính Báo Đồng Thể Chân Như Thực Tính. Nguyên văn nói: “**Đồng một Pháp Tính**”. Nhập Trần Độ Sinh không coi sự đau khổ ở Địa ngục làm khổ, sự vui ở Thiên đường làm sướng. Nguyên văn nói: “**Đều là Tịnh Độ**”. Có **Phật Tính**: Nhân Chúng Sinh Tu Hành Lập Đức, hoặc sớm hoặc muộn rồi cũng thành Phật. Với Kẻ Bất Định Tính, Vô Tính, Siển đê, cũng đủ Tính Đức như thế Chưa từng mất. Nguyên văn nói : “**Đều thành Phật Đạo**”. Như thế đều Viên dung Vô Ngại, từ Bồ Tát trở xuống thì không được dự. Riêng có **Đức Như Lai** mới Tùy thuận Viên dung, Đồng quy **Viên Giác**. Cho nên lời tổng kết nói rằng: **Tất cả phiền não rốt ráo Giải thoát**. Từ đây trở lên, nói rõ cái Cảnh Sở Chứng của Phật Địa.

Pháp Giới Hải Tuệ: Thuyết minh Trí Năng Chứng của Phật Địa như Bể sâu, Nguồn rộng. **Pháp Giới**: Thâu tóm tất cả các Pháp mà làm Giới, tức là **Nhất Chân Pháp Giới**, cho nên gọi là **Pháp Giới Hải Tuệ**.

Chiếu soi các Tướng cũng như hư không: Phật Tuệ chiếu soi thấy Kẻ phạm phu, Bồ Tát các Tướng Sai Biệt (khác nhau) cũng như hư không, không có ngăn cản tất cả các Sắc Tướng Phát Sinh. Như vậy mới tự tại, Viên dung, gọi là **Như Lai Tùy thuận Giác Tính** (ngôi thứ tư).

Hán: Thiện nam tử! Đăn Chư Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, cư nhất thiết thời, bất khởi vọng Niệm, ư chư vọng Tâm, diệt bất tức Diệt. Trụ vọng tướng Cảnh, bất gia Liễu tri, ư vô Liễu tri bất Biện Chân thật. Bĩ Chư Chúng Sinh Văn thị Pháp Môn. Tín giải Thụ trì bất sinh kinh úy, thị tắc danh vi Tùy thuận Giác Tính.

Việt: Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, với tất cả thời, không khởi vọng Niệm và những vọng Tâm cũng

không tức Diệt. Ở Cảnh vọng tưởng, không thêm Liễu tri. Với Không Liễu tri, không Biện Chân thật. Những Chúng Sinh kia Nghe Pháp Môn này, Tin Hiểu Thụ trì không sinh kinh sợ, gọi là Tùy thuận Giác Tính.

GIẢNG VĂN

Tiết này, riêng nói Người **Đốn Căn** Tùy thuận không có tầng thứ. Người Tối Thượng Căn, Căn Tính mãnh lợi, ngay nơi Tiệm, Thứ mà không Tiệm, Thứ để Tùy thuận Giác Tính. Văn đây nói, Bồ Tát và Chúng Sinh, tức là những Người có đủ Căn Cơ đó. **Với tất cả Thời không khởi Vọng Niệm:** Ngộ Cảnh gặp Duyên, không khởi Ngã Pháp hay Chấp. Nghĩa là tùy thời, tùy xứ ứng dụng tự nhiên, không Sinh Vọng Niệm, không như phàm phu. Bồ Tát cần cù lần lượt Tu Đoạn và **những Vọng Tâm cũng không tức Diệt:** Không khởi Niệm vọng, cũng không phải toàn không có vọng Tâm, đã có Tâm Diệt vọng cũng là vọng Tâm. Nên văn nói: “cũng không tức Diệt”. **Trụ ở Cảnh vọng tưởng, không gia Liễu tri:** Cảnh vọng gặp Duyên Sinh ra, nó không có Tự Tính. Tuy ứng dụng giao thiệp Hiểu biết với tất cả các Cảnh, nhưng không phải dùng Ý suy nghĩ phân biệt. Nên văn nói: “**không thêm Liễu tri với không Liễu tri, không Biện Chân thật**”: không Liễu tri tức là không nghĩ ngợi, so lường và phân biệt. Như vậy tuy không có Tâm so lường phân biệt, nhưng không phân tách biệt biệt đây là chân thật, kia là hư vọng. Nên văn nói: “**Không biện chân thật**”. Những Chúng Sinh kia: chỉ có những Người Đốn Căn đời Mạt Tu **Viên Giác Pháp Môn:** Ý nói Pháp Môn này không có Tiệm, Thứ riêng cho Chúng Sinh Căn Cơ Viên Đốn, Nghe Thấy Pháp Môn này mà khởi lòng Tin giải. Thụ: Tự lợi lấy Mình. Trì: dạy bảo Người. **Không sinh kinh sợ:** không còn gì hơn nữa. Như thế Tiệm, Thứ mà không Tiệm, Thứ, cho nên không có Sai Biệt. Nguyên văn nói: “**gọi là Tùy thuận Giác Tính.**”

Hán: Thiện nam tử! Nhữ đẳng đương tri, như thị Chúng Sinh dĩ tàng cúng dàng Bách thiên vạn ức Hằng hà sa Chư Phật cập Đại Bồ Tát, thực chủng Đức bản. Phật Thuyết thị Nhân danh vi Thành Nhất thiết Chủng Trí.

Việt: Thiện nam tử! Các Ông nên Biết, Chúng Sinh như thế đã từng cúng dàng trăm nghìn muôn ức các Đức Phật, như số cát

sông Hằng và Đại Bồ Tát, trồng nhiều gốc Đức. Phật nói Người đó gọi là Thành được Nhất thiết Chúng Trí.

GIẢNG VĂN

Đây là lời khen lao những Chúng Sinh Viên Đốn. **Chúng Trí** tức là **Phật Trí**. Lời đáp ở trên, đã nói rõ trong Thực Tướng không có Sai Biệt, mà quy về Người Đốn Căn không có Tiệm, Thứ. Thấy rằng Kinh này hợp với Đốn Cơ Chúng Sinh.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát đương tri! Viên mãn Bồ Đề Tính, vô Thủ diệt vô Chứng, vô Bồ Tát, Chúng Sinh. Giác dữ vị Giác thời Tiệm, Thứ hữu Sai Biệt. Chúng Sinh vì Giải Ngại, Bồ Tát vị ly Giác, Nhập Địa vĩnh Tịch diệt, bất Trụ Nhất thiết Tướng, Đại Giác tất (chí) Viên mãn, danh vi Biến Tùy thuận. Mạt thế Chư Chúng Sinh, Tâm bất Sinh hư vọng, Phật Thuyết như thị Nhân, hiện thế tức Bồ Tát. Cúng dàng hằng sa Phật, Công Đức dĩ Viên mãn, tuy hữu đa Phương tiện, giai danh Tùy thuận Trí.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó, mà nói bài kệ rằng: Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát nên Biết: Viên mãn Bồ Đề Tính, không Thủ cũng không Chứng, không Bồ Tát, Chúng Sinh, Giác với lại Chưa Giác, lần lượt có Sai khác. Chúng Sinh vì Giải Ngại, Bồ Tát Chưa lìa Giác, Nhập Địa thì vắng lặng, không Trụ tất cả Tướng, Đại Giác tất (chí) đầy tròn, gọi là Biến Tùy thuận. Chúng Sinh đời sau này, Tâm không sinh hư vọng, Phật nói Người như thế, là Bồ Tát hiện tại. Cúng dàng hằng sa Phật, Công Đức đã đầy tròn, tuy có nhiều Phương tiện, đều là Tùy thuận Trí.

7. *Chương Uy Đức Tự Tại Bồ Tát*

Chương trên đã nói rõ Hành vi lựa chọn (Công Hành ngôi thứ). Nay Thuyết minh Hành Pháp, tức là lựa chọn Pháp Môn Tu Hành. Chương này nói Pháp Môn Đơn Tu. Chương dưới nói Pháp Môn Phúc Tu (Diệp Tu hoặc Kiêm Tu).

Uy Đức Tự Tại: Trong Tâm có đầy đủ Đức **Viên Diệu**, ngoài hiện ra Trang nghiêm. Vị Bồ Tát này trong có Đức, ngoài hiện ra Tướng oai nghi, vì thế gọi là **Tự Tại**. Hành **Viên Giác** có tương ứng cho nên hỏi Hành Pháp.

Hán: Ư thị Uy Đức Tự Tại Bồ Tát, tại Đại Chúng trung, tức tông tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: “Đại Bi Thế Tôn! Quảng vị Ngã đẳng phân biệt như thị Tùy thuận Giác Tính, linh Chư Bồ Tát Giác Tâm Quang Minh, thừa Phật Viên Âm, bất nhân Tu tập nhi đắc Thiện lợi.”

Việt: Khi đó Ngài Uy Đức Tự Tại Bồ Tát ở trong Đại Chúng liền từ tòa đứng dậy, đỉnh lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: “Lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Rộng vì lũ Chúng con phân Biệt Tùy thuận Giác Tính thế nào cho các Bồ Tát Giác Tâm được Quang Minh, nhờ Viên Âm của Phật, không nhân sự Tu Hành mà được Thiện lợi.”

GIẢNG VĂN

Viên Âm: Tiếng của Phật Thuyết Pháp, đầy đủ Ý Nghĩa, Loài nào Nghe cũng Hiểu biết. **Không nhân Tu tập mà được Thiện lợi:** Tự Tâm của Viên Giác nếu không y vào Quan Hành, thì không dễ gì mà được Khai Ngộ (Giác Ngộ). Nay nhờ Phật phân tách rõ, tuy Chưa Tu tập Quan Hành, nhưng cũng Quyết Định Hiểu Biết, và Tín Nhập (vào) cho nên được Thiện lợi, ví như Nghe Pháp mà được Giác Ngộ, cũng là Thiện lợi, trong sự Ngộ có Vui gọi là Pháp Hỷ.

Hán: Thế Tôn! Thí như Đại Thành, ngoại hữu tứ Môn, tùy phương lai giả, phi chỉ nhất lộ. Nhất thiết Bồ Tát, Trang nghiêm Phật Quốc cập Thành Bồ Đề, phi nhất Phương tiện. Duy Nguyên Thế Tôn Quảng vị Ngã đẳng Tuyên Thuyết nhất thiết Phương tiện Tiệm thứ, Tính Tu Hành Nhân, tổng hữu kỹ chủng. Linh thứ Hội Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh Cầu Đại Thừa giả tộc đặc Khai Ngộ, du hý Như Lai Đại Tịch diệt Hải. Tác thị ngữ dĩ ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Thỉnh chung nhi phục thủy.

Việt: Lạy Đức Thế Tôn! Ví như cái Thành lớn, ngoài có bốn cửa tùy lại phương nào cũng được, không phải chỉ có một đường. Tất cả Bồ Tát Trang nghiêm Phật Quốc và Thành Bồ Đề, không một Phương tiện. Cúi xin Đức Thế Tôn rộng vì lũ Chúng con, Tuyên Thuyết tất cả Phương tiện Tiệm thứ, và Người Tu Hành gồm có mấy thứ. Khiến Bồ Tát ở trong Hội này và Chúng Sinh đời sau Cầu Pháp Đại Thừa, được chóng Khai Ngộ, du hý ở Bể Đại Tịch diệt của Như Lai. Nói thế rồi, năm Thế rạp đất cứ như thế ba lần Thỉnh trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Trước đặt lời thí dụ, để dẫn chứng Ý hỏi: Muốn vào Thành lớn, tất nhiên là do bốn cửa, dụ Cầu **Viên Giác**: phải Bi, Trí song Tu. **Tùy lại phương nào thì lại được**: dụ Bồ Tát Tu Hành không cứ một Phương tiện nào. **Phật Quốc**: Không như Cõi nước ta ở. Có Nhân dân đất đai; Bồ Tát Độ Sinh, khiến Chúng Sinh có Phúc Đức tức là Trang nghiêm Phật Quốc. **Trang nghiêm Phật Quốc là Bi; Thành Bồ Đề là Trí.** Trước khi Chưa Tu, Căn Tính không Đồng, tùy Căn mà Ngộ Nhập, cho nên Phương tiện có nhiều Môn. Nguyên văn nói: **“Không một Phương tiện”**. **Cúi xin**: Chính để bày tỏ câu hỏi, tức là theo lời hỏi trên, không một Phương tiện, mà xin Phật nói nhiều Phương tiện Tiệm, Thứ và Người Tu Hành có bao nhiêu Thứ. **Khiến Bồ Tát**: là bày cái Nhân của câu hỏi, khiến cho Người Cầu Đại Thừa chóng được **Ngộ Viên Giác và Chứng Viên Giác.** **Bể Đại Tịch diệt**: Như Lai Tịnh Viên Giác Tính. **Du hý**: tự tại Tùy thuận không nhờ khuyên gắng.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Uy Đức Tự Tại Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Chư Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh. Văn ư Như Lai như thị Phương tiện! Nhữ kim để Thính: đương vị nhữ Thuyết.” Thời Uy Đức Tự Tại Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Uy Đức Tự Tại Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay vì các Bồ Tát và Chúng Sinh đời sau, hỏi Như Lai Phương tiện như thế! Ông nay Nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Ông mà nói.” Thời Ngài Uy Đức Tự Tại Bồ Tát vâng lời vui mừng, và tất cả Đại Chúng lặng yên đón Nghe.

Hán: Thiện nam tử! Vô Thượng Diệu Giác, Biến Chư Thập phương, xuất Sinh Như Lai dĩ Nhất thiết Pháp, Đồng Thể Bình Đẳng, ư Chư Tu Hành, thực vô hữu nhị. Phương tiện Tùy thuận, kỳ số vô lượng; Viên nhiếp sở quy, Tuần Tính Sai Biệt, đương hữu tam chủng.

Việt: Thiện nam tử! Vô Thượng Diệu Giác, Biến khắp Mười phương, Sinh ra các Đức Như Lai và tất cả các Pháp, Đồng Thể Bình Đẳng với sự Tu Hành, thực không có hai. Phương tiện Tùy thuận, số đó không lường; thấu nhiếp quy lại, theo Tính Sai Biệt thì có ba Thứ.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở đi, Chính lời đáp của Phật, trước tổng tiêu ba Tính Sai Biệt. **Diệu Giác:** Diệu Viên, Giác Tâm, Biến mãn Thập phương: Giác không chỗ nào là không Biến. **Xuất Sinh:** Ngộ được Viên Giác thì Sinh ra tất cả các Pháp. **Đồng Thể:** cũng y vào Viên Giác làm Thể, thì sự Tu Hành lấy Chứng Thể Viên Giác làm rốt ráo, thực không Sai Biệt. Nhưng Thể tuy đồng mà Dụng thì có khác, nếu Tùy thuận Căn Tính Chúng Sinh cho hợp Cơ, thì Tu Hành Phương tiện nhiều đến vô lượng. Nguyên văn nói: **Phương tiện Tùy thuận.** Vậy Căn Tính và hợp Cơ quy tụ về mà nói, thì chỉ có ba Pháp.

Hán: Thiện nam tử! Nhược Chư Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác, dĩ Tĩnh Giác Tâm, Thủ Tĩnh vi Hạnh. Do chửng chư Niệm, Giác Thức phiền động, Tĩnh Tuệ phát sinh. Thân Tâm khách trần, tổng thứ vĩnh Diệt, tiện năng nội phát, Tịch Tĩnh khinh an. Do Tịch Tĩnh cố, Thập phương Thế giới, Chư Như Lai Tâm, ư trung hiển hiện, như Kính trung tượng. Thủ Phương tiện giả danh Sa ma tha.

Việt: Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác, lấy Tâm Tịnh Giác, Thủ Tĩnh làm Hạnh. Do lắng mọi Niệm, Biết Thức phiền động, Tĩnh Tuệ phát sinh. Thân Tâm như khách trần, từ đó Diệt hết, ở trong phát ra vắng lặng nhẹ nhàng. Bởi vắng lặng cho nên Mười phương Thế giới, Tâm các Đức Như Lai ở trong hiện ra, như bóng trong gương. Phương tiện này gọi là Sa ma tha.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống ba đoạn, đầu bài đều có câu (Nếu các Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác, lấy Tâm Tịnh Giác): Bồ Tát trước Ngộ sau Tu, mới là Chân Tu, Cảnh Sở Ngộ là Tịnh Viên Giác; Trí Năng Ngộ là Tâm Tịnh Giác. Bồ Tát đã Ngộ Viên Giác, thì lấy Tâm đó mà y vào Sa ma tha, các Phương tiện để Tu tiến. Nói riêng ba Thứ Hành Pháp.

1) **Sa ma tha:** Tàu dịch: **Chỉ**, tức là Dụng công, Chỉ tức tắt cả phiền não Động loạn. **Thủ Tĩnh:** Thủ (giữ) Tâm **Tịnh Giác** vắng lặng Quan Hành làm gốc. Người đã đạt được Pháp này thì trước cũng do lắng trong tất cả vọng Niệm. Vọng Niệm đã lắng trong, thì có thể Biết được cái Tướng phiền Động của Thức Tâm. Tại sao vọng Niệm lắng lại Biết Thức Động? Cũng ví như nước, đợi khi lắng trong thì thấy cặn bã. Người ta Chưa có Công lắng niệm, cho nên không Biết được Thức Tâm phiền Động. Người đã Biết được thì do Dụng Công lắng niệm, đồng thời Tĩnh Tuệ lại phát sinh. **Tĩnh Tuệ:** Cũng ví như lửa, Tuệ của phàm phu như lửa ở đầu gió, lung động không yên chỉ là tán Tuệ. Bồ Tát do lắng Niệm mà phát Tuệ, như lửa không bị gió, ánh sáng chiếu soi, gọi là Tĩnh Tuệ. Nếu **Tĩnh Tuệ** đã phát thì **Bốn Đại** giả hợp của Huyền Thân và Sáu Trần Duyên ảnh của vọng Tâm cũng như **khách trần** mà thôi.

Những Tướng hôn nhiều động loạn của vọng Tâm, có Tĩnh Tuệ phát sinh mà tiêu diệt. Văn nói: “**Thân Tâm như khách trần, từ đó mà Diệt hết**”. Thân Tâm vọng Huyền đã tiêu diệt, cho nên ở trong mới phát **khinh an**. Như kẻ phàm phu gánh nặng đi bước đường dài, không được nghỉ ngơi. Trong Bốn oai nghi, bất luận đi đứng nằm ngồi đều khó gìn giữ, vì không có Định lực. Bồ Tát y vào Định lực vắng lặng mà Phát ra khinh an ở Trong, như Người đã bỏ gánh nặng đến chỗ nghỉ ngơi, gọi là **Tịch Tĩnh khinh an**. Tịch Tĩnh của Thân Thể cũng không có gì khác, tức **Tâm Tịnh Viên Giác** vắng lặng Thường Tịch. Đến khi vọng Niệm đã tiêu, Tuệ quang sáng lạn, vô minh trừ diệt, Pháp Thân hiển hiện, Tâm đó tức là **Như Lai**, cho nên Mười phương Thế giới ứng hợp với Tâm các **Đức Như Lai**. Tâm Phật hiện ở Tâm ta, cũng như bóng hiện ở trong gương. Tu theo Hạnh Phương tiện Thủ Tĩnh này, gọi là **Sa ma tha**.

Hán: Thiện nam tử! Nhược Chư Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác, dĩ Tịnh Giác Tâm, tri Giác Tâm Tính. Cập giữ Căn Trần, giai nhân Huyền hóa, tức khởi chư Huyền dĩ trừ Huyền giả, Biến hóa chư Huyền nhi khai Huyền Chúng. Do khởi Huyền cố, tiện năng nội phát Đại Bi khinh an, Nhất thiết Bồ Tát tòng thủ khởi Hành, Tiệm thứ tăng tiến. Bĩ Quán Huyền giả, phi đồng Huyền cố, phi đồng Huyền Quán, giai thị Huyền cố. Huyền Tướng vĩnh ly, thị Chư Bồ Tát sở Viên Diệu Hạnh, như thổ trưởng miêu, thủ Phương tiện giả danh Tam ma bát đề.

Việt: Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác, lấy Tâm Tịnh Giác, hiểu biết Tâm Tính. Với lại Căn Trần, đều nhân Huyền hóa, liền khởi các Huyền để trừ Huyền, Biến hóa các Huyền mà khai Huyền Chúng. Do có khởi Huyền, mới hay ở trong Phát Đại Bi khinh an, tất cả Bồ Tát từ đó khởi Hành, dần dần tăng tiến. Người Quán Huyền đó, không đồng với Huyền, không đồng Huyền Quán cũng đều là Huyền. Huyền Tướng ly hẳn, thì các Bồ Tát Diệu Hạnh đã Viên, như đất lớn mềm với Phương tiện này gọi là Tam ma bát đề.

Cước chú: Bốn Đại

1) Địa Đại, 2) Thủy Đại, 3) Hỏa Đại, 4) Phong Đại. Thân con Người ta cái gì cứng rắn như xương, thịt v.v thuộc Địa Đại. Huyết, nước, đờm bọt

thuộc Thủy Đại. Khí nóng thuộc Hỏa Đại. Hơi thở thuộc Phong Đại. Trong Bốn thứ này hợp thành Thân Người. Khách trần: Khách trọ nhà hàng, sớm mai mỗi Người đi một ngã, thực là ông chủ thì vẫn ở nhà không đi. Vi trần bay ở hư không tàn vãn rung động, còn hư không thì an tĩnh.

GIẢNG VĂN

Tam ma bát đề: Tào dịch: Đẳng Trì cũng gọi là Định. Hoặc gọi là **Tam ma Địa**. **Tam muội:** Kinh này **Dụng Tác Quán** tức là sau khi Định thì **Quán chiếu**. Ba thứ Phương tiện, đều nói Người đã Ngộ **Viên Giác**. Cho nên văn nói **Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác**. Tức là lấy Tâm Tịnh Giác, Hiểu biết Sáu Căn, Sáu Trần, Sáu Thức đều nhân Huyền hóa mà có. Tâm Tính là Sáu Thức, Căn Trần Thức Huyền hóa, xem Chương **Phổ Nhãn** sẽ rõ. Đã Biết Căn Trần Thức đều nhân Huyền hóa, thì lấy Trí như Huyền mà Quan Hành. **Huyền:** Huyền hóa y vào vô minh, khởi Trí như Huyền, để trừ vô minh. Văn nói: **Liên khởi mọi Huyền, để trừ Huyền**. Lại dùng Trí như Huyền, làm cái Dụng như Huyền để Hành Phật Sự Giáo Hóa Chúng Sinh như Huyền. **Huyền:** làm việc Phật ở trong mộng, Độ Chúng Sinh như Huyền – văn nói: **Biến hóa các Huyền mà khai Huyền Chúng**. **Đại Bi khinh an:** Hiểu biết tất cả Chúng Sinh và Thân mình, Chân Như Bình Đẳng, Đồng Thể không hai, vì thế Phát Tâm Đại Bi thương xót, gọi là Đại Bi **Quảng Độ** Chúng Sinh, mà không có Tướng Độ Sinh gọi là khinh an. **Đại Bi khinh an:** lấy Tịnh Giác Tâm khởi Quan Hành như Huyền mà phát sinh. **Tất cả Bồ Tát:** Tất cả Bồ Tát Tu Pháp Quan Hành như Huyền, theo đó khởi Hành lần lượt tăng tiến. **Các Tướng lần lượt tăng tiến như thế nào?** tức như Người Quán Huyền kia, với Quan Tuệ, như thế đã siêu Huyền (vượt qua) Huyền hóa bất đồng, lại tiến lên, thì Biết rằng siêu Huyền với Quan Tuệ cũng đều là Huyền. Nên văn nói: **Người Quán Huyền đó không đồng với Huyền, chẳng đồng Huyền Quán cũng đều là Huyền**. Như thế Biết Huyền thì ly, lần lượt tăng tiến, đến chỗ không phải ly. Văn nói: Huyền Tướng vĩnh ly (ly hẳn). Tới đây, Huyền Cảnh đã không, Huyền Trí cũng hết, Tâm, Cảnh, Năng, Sở đều vọng (mất quên) thì Tính **Tịnh Viên Giác** theo đó mà được Viên Chứng. Bồ Tát từ chỗ nông mà vào chỗ sâu, ly được một phần Huyền, tức là Chứng được một phần Giác, như mầm nảy lớn, văn nói: **Các Bồ Tát Viên được Cảnh Giới cũng như đất nảy mầm dài**. Từ Phương tiện Quan Hành như Huyền này gọi là **Tam ma bát đề**.

Hán: Thiện nam tử! Nhược Chư Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác, dĩ Tịnh Giác Tâm, bắt thủ Huyền hóa, cập Chư Tĩnh Tướng. Liễu tri Thân Tâm giai vi quái Ngại, vô tri Giác Minh, bất y Chư Ngại,

vĩnh đặc siêu quá, Ngại, vô Ngại Cảnh. Thọ Dụng Thế giới cập giữ Thân Tâm, Tướng tại Trần vực, như khí trung hoàng, thanh xuất u ngoại. Phiền não Niết bàn, bất tương lưu Ngại, tiện năng nội phát Tịch diệt khinh an. Diệu Giác Tùy thuận Tịch diệt Cảnh Giới, tự tha Thân Tâm sở bất năng cập. Chúng Sinh thọ mạng giai vi phù Tướng. Thử Phương tiện giả, danh vi Thiên na.

Việt: Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ngộ Tịnh Viên Giác, lấy Tâm Tịnh Giác, không thủ Huyền hóa và các Tĩnh Tướng. Hiểu biết Thân Tâm đều là quái Ngại, vô tri Giác Minh, không y mọi Ngại, liền được vượt qua Cảnh Ngại và Không Ngại. Thọ Dụng Thế giới với Thân Tâm, Tướng ở Cõi Trần, như âm thanh ở trong Chuông tiếng ra bên ngoài. Phiền não Niết bàn không có lưu Ngại, ở trong liền hay Phát ra Tịch diệt khinh an. Diệu Giác Tùy thuận, Tịch diệt Cảnh Giới, Thân Tâm mình và Người cũng không giá trị. Chúng Sinh thọ mạng đều là phù Tướng. Như Phương tiện này gọi là Thiên na.

GIẢNG VĂN

3) **Thiên na:** Tàu dịch là Tĩnh Lự. **Tĩnh** tức là Chỉ, **Lự** tức là Quán. Chỉ, Quán song Tu, khiến cho Định Tuệ được quân bình, không như **Sa ma tha**, chỉ Tu về Định. **Tam ma bát đề:** chỉ Tu về Tuệ.

Bồ Tát Tu **Thiên na**, sau khi Ngộ **Tịnh Viên Giác**, **Dụng Tịnh Giác Tâm**. Không như Tu **Tam ma bát đề** chỉ thiên Chỉ, giữ về Huyền hóa Quán. Cũng chẳng như **Sa ma tha** chỉ giữ về Tĩnh Tướng (Chỉ). Văn nói: **Không Thủ Huyền hóa và mọi Tĩnh Tướng**. Sở dĩ không Thủ (giữ) là nhân hiểu biết Thân Tâm đều quái ngại vì thế mà không Thủ (giữ). **Vô tri Giác Minh:** là **Tâm Tịnh Giác**, không có vọng tưởng phân biệt, và hiểu biết cái Thể của **Giác Minh**. **Vô tri Giác Minh:** Tâm linh tuyệt đãi không y vào các Ngại. **Mọi Ngại:** mọi Tướng đối đãi Cảnh Ngại và Không Ngại; **Ngại:** Huyền quán giao thiệp lẫn với phiền não; **Không Ngại:** Tĩnh Tướng đồng với **Niết bàn** Phiền não với Niết bàn không có chấp trước, vì thế không Thủ Huyền hóa thì siêu vượt qua Cảnh Ngại, không Thủ (giữ) Tĩnh Tướng thì siêu vượt qua Cảnh Vô Ngại. Văn nói: **liền được vượt qua Cảnh Ngại và Không Ngại**. **Siêu qua Ngại Cảnh:** Ly Sự Chướng siêu qua Vô Ngại Cảnh: Ly Lý Chướng: Hai

Chương đã ly, thì có thể trong thoát Thân Tâm, ngoài lìa Thế giới; Tuy ở Cõi Trần lao, Thụ Dụng Thế giới và Thân Tâm, cũng như âm thanh của Chuông. Âm thanh tuy ở trong Chuông nhưng tiếng ra bên ngoài, như thế không lạc vào phiền não của Thế Pháp và cũng không Trụ ở Pháp Xuất thế Niết bàn. Công phu Quan Hành, có tương ứng với **Chân Như Tâm** cho nên phát sinh Tịch diệt khinh an. **Tịch diệt**: không sinh diệt của Thế Tính Sinh, **Vô Sinh**. Y vào Thế Tính đó mà được khinh an. Văn nói: **Tịch diệt khinh an Diệu Giác Tùy thuận**: Tâm Tịnh Giác tăng tiến lên đến tối Diệu, khế hợp với Cảnh Giới Tịch diệt. Nguyên văn nói: “**Diệu Giác Tịch diệt Cảnh Giới**”. Cảnh Giới đó chỉ hay có **Diệu Giác Tùy thuận**, chứ không phải Thân mình, Thân Người, Tâm mình Tâm Người tạo tác mà có thể Biết được. Nguyên văn nói: **sở bất năng cập**. Tới đây Bốn Tướng đều không, Thân Tâm mình và Người cũng không giá trị; tức là không có Ngã, nhân Hai Tướng, **Chúng Sinh thọ mạng đều là phù Tướng**; tức là không có Chúng Sinh và Thọ mạng Hai Tướng. Tu Phương tiện Quan Hành này, Định Tuệ quân bình, gọi là **Thiền na**. Trên đây ba Pháp Môn cũng gọi là ba Pháp Chỉ, hoặc gọi là ba Pháp Quán. **Sa ma tha** tức là **Thế Chân Chỉ, không Quán y vào Lý Chân đế** mà Tu. **Tam ma bát đề**: tức Phương tiện Tùy Duyên Chỉ. Giả Quán theo Lý Tục đế Tu. **Thiền na**: tức Nhị Biên Phân Biệt Chỉ. **Trung Quán**: Theo Lý Trung đế Tu. Nếu phân tách ra mà nói, thì Tam Chỉ gọi là **Sa ma tha**, Tam Quán gọi là **Tam ma bát đề**. Chỉ, Quán hay không hai, gọi là **Thiền na**, để phối ba Tính. **Định**: là **Tính Biến Kế**. **Giả** là **Tính Y Tha**. **Trung** là **Tính Viên Thành**, Đại loại không ra ngoài ba thứ này.

Hán: **Thiện nam tử! Thử Tam Pháp Môn, giai thị Viên Giác. Thân cận Tùy thuận, Thập phương Như Lai nhân thử thành Phật, Thập phương Bồ Tát chủng chủng Phương tiện, nhất thiết đồng dị, giai y như thị, Tam chủng sự Nghiệp. Nhược đắc Viên Chứng, tức thành Viên Giác.**

Việt: **Thiện nam tử! Ba Pháp Môn đó đều là Viên Giác. Thân cận Tùy thuận Mười phương Như Lai, nhân đây thành Phật, Mười phương Bồ Tát bao nhiêu Phương tiện, tất cả đồng dị đều theo Ba thứ sự Nghiệp như thế. Nếu được Viên Chứng tức thành Viên Giác.**

GIẢNG VĂN

Tổng Thuyết ba Pháp Môn, Tùy thuận Tu tập đều Chứng Viên Giác. Quả Địa của Phật nhân đó mà thành. Nhân Địa của Bồ Tát Tu Hành, có nhiều Phương tiện, hoặc đồng, bất đồng, cũng không ngoài Ba Pháp Môn này. Ba Pháp Môn này Viên dung vô Ngại, tuy vẫn chuyên Tu **Chỉ**, nhưng trong Chỉ có **Quán**. Chuyên Tu **Quán** nhưng trong Quán có **Chỉ**, cũng không có thể Chấp nhất Định là ba không phải một, và cũng không có thể nói là một chứ không phải ba, vì Người Tu lòng muốn bất đồng, cho nên Phương tiện thành khác. Theo đó chia ra làm ba loại. Nếu hay Viên dung Tu Chứng, tức là thành Phật Đắc Đạo đầy tròn Giác Hạnh.

Hán: Thiện nam tử! Giả sử hữu Nhân Tu ư Thánh Đạo, Giáo Hóa thành tựu bách thiên vạn ức A LA HÁN, Bích chi Phật Quả; bất như hữu Nhân, vẫn thử Viên Giác Vô Ngại Pháp Môn, nhất sát na khoảnh, Tùy thuận Tu tập.

Việt: Thiện nam tử! Giả như có Người Tu theo Thánh Đạo, Giáo Hóa thành được trăm ngàn muôn ức A LA HÁN, Bích chi Phật Quả; không bằng có Người Nghe Thấy Pháp Môn Viên Giác Vô Ngại này, mà Tu tập một sát na khoảnh khác.

GIẢNG VĂN

Đây nói Pháp Môn **Viên Giác** không phải Nhị Thừa **Thánh Đạo** có thể ví kịp. Tu theo Nhị Thừa **Thánh Đạo**, bất luận đã Tu thành, hay Giáo Hóa được ngàn nào Người Chứng Quả Thánh, cũng chỉ ngừng trệ ở Tính Thiên Chân, “Thiên chấp về Tính Tịch diệt không có lòng Quảng Đại Độ Sinh”. Thực xa lắm, không bằng Người Nghe Ba Pháp Môn này, Tu tập một thời gian ngắn, là Chính cái Nhân thành Đạo không có cong queo. Văn nói: “Ba Pháp Môn **Vô Ngại** này là Ba thứ Phương tiện”.

Hán: Nhĩ thời! Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: Uy Đức như dương tri! Vô Thượng Đại Giác Tâm, bản tế vô Nhị Tướng, Tùy thuận Chư Phương tiện, kỳ số tức vô lượng. Như Lai tổng khai thị, tiện hữu tam chủng loại. Tịch Tĩnh Sa ma tha, như Kính chiếu chư tượng, như Huyền Tam ma đề, như miêu tiệm tăng trưởng. Thiên na duy Tịch diệt, như bỉ khí trung hoàng. Tam chủng Diệu Pháp Môn, giai thị Giác Tùy thuận.

Thập phương Chư Như Lai, cập Chư Đại Bồ Tát, nhân thử đắc thành Đạo. Tam sự Viên Chứng cố, danh Cứu Kính Niết bàn.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó mà nói bài kệ rằng: Uy Đức Ông nên Biết! Vô Thượng Đại Giác Tâm, bản thể không Hai Tướng, Tùy thuận các Phương tiện, số ấy có vô lượng. Như Lai tóm dạy bảo, thì có Ba Chủng Loại. Tịch Tĩnh Sa ma tha, như gương soi các tượng, như Huyền Tam ma đề, như mầm dần thêm lớn. Thiên na duy vắng lặng, như tiếng trong chuông kia. Ba thứ Diệu Pháp Môn, đều là Giác Tùy thuận. Mười phương các Như Lai và các Đại Bồ Tát, nhân đó được thành Đạo. Ba việc nếu Viên Chứng, là Cứu Kính Niết bàn.

8. Chương Biện Âm Bồ Tát

Chương trên thân nhiếp nói **Chỉ, Quán, Thiền Na**: Ba Pháp Môn. Chương này, theo Ý đó, hỏi rõ bao nhiêu Phương tiện và tất cả Đồng dị đều y vào Ba Thứ Sự Nghiệp để minh 25 Định Luân. Tuy Đơn Tu hay Phức (kiêm) Tu, Chính để Thuyết minh Ba Pháp Biến hóa Hợp, Ly. Ngài **Biện Âm Bồ Tát** có tài phân biệt (Sai Biệt) của Pháp Âm, theo Ý đó hỏi Phật, phát khởi Chương này.

Hán: Như thị Biện Âm Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tông tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: Đại Bi Thế Tôn! Như thị Pháp Môn, thậm vi hy hữu! Thế Tôn! Thủ Phương tiện, Nhất thiết Bồ Tát ư Viên Giác Môn hữu kỹ Tu tập? Nguyện Vị Đại Chúng cập Mạt thế Chúng Sinh, Phương tiện khai thị, linh Ngộ Thực Tướng. Tác thị ngữ dĩ ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Thỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: Khi đó Ngài Biện Âm Bồ Tát ở trong Đại Chúng, liền đứng dậy, lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng: Kính lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Pháp Môn như thế rất là hiếm có! Lạy Đức Thế Tôn! Những Phương tiện đó, tất cả các Bồ Tát với Môn Viên Giác Tu tập có bao nhiêu? Xin vì Đại Chúng và Chúng Sinh đời Mạt, Phương tiện chỉ bảo khiến cho Ngộ được Thực Tướng. Nói thế rồi, năm Thế rạp đất, cứ như thế ba lần Thỉnh trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Những Phương tiện: Ba Pháp Môn ở trên Tu tập có bao nhiêu. Muốn hỏi rõ Ý Ba Pháp Môn, nên Tu một Môn hay Tu cả ba, hoặc Môn nào trước, Môn nào sau, hay đồng thời Tu cả, Nghĩa là tất cả Đồng hay Dị (khác tức là Phương thức Biến hóa Ly, Hợp Tu tập). Thực Tướng: Tất cả các Pháp xưa nay như vậy, một Tướng Chân thực, Ý hỏi chuyên ở Phương thức Tu tập.

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn cáo Biện Âm Bồ Tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Chư Đại Chúng, cập Mạt thế Chúng Sinh, vãn ư Như Lai như thị Tu tập. Nhữ kim đế Thính đương vị nhữ Thuyết. Thời Biện Âm Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng mặc nhiên nhi Thính. Thiện nam tử! Nhất thiết Như Lai Viên Giác Thanh Tịnh, bản Vô Tu tập, cập Tu tập giả. Nhất thiết Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, y ư vị Giác, Huyền lực Tu tập. Nhĩ thời tiện hữu Nhị thập ngũ chủng Thanh Tịnh Định Luân.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Biện Âm Bồ Tát rằng: Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay vì tất cả Đại Chúng và Chúng Sinh đời sau, hỏi Như Lai Tu tập như thế nào? Ông nay Nghe cho kỹ tôi sẽ vì Ông mà nói. Thời Ngài Biện Âm Bồ Tát vâng lời dạy vui mừng và tất cả Đại Chúng im lặng đón Nghe. Thiện nam tử! Tất cả Như Lai Viên Giác Thanh Tịnh nguyên Không có Tu tập và Tu tập . Tất cả Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, y theo Huyền lực lúc Chưa Giác mà Tu tập, đây lại có 25 thứ Thanh Tịnh Định Luân.

GIẢNG VĂN

Dưới đây Chính đáp. Tất cả Phương tiện Tiệm, Thứ Tu tập, đều y vào Huyền mà Chưa Ly hết, Chướng Chưa Đoạn hết. Sau đây mới có lời nói, chớ không phải trên Căn bản của **Tịnh Viên Giác Tâm**, mà có cái sự Tu tập. Tất cả **Như Lai Viên Giác Thanh Tịnh thực Không có Tu tập và Tu tập**. tức là **Thanh Tịnh Viên Giác**, trên Căn bản thì không có Pháp Sở Tu (để Tu) và có Người Năng Tu, Nghĩa này đã nói ở trên. Dưới đây nói rõ Tu tập của Bồ Tát và Chúng Sinh, đều phải y vào khi chưa Giác mà Dụng công như Huyền. Nếu Quả là Giác đã Viên mãn, thì không có Huyền lực gì Tu tập hết. Đây là nói khi chưa Giác, lúc chưa Giác, Huyền lực Tu tập Phương thức có 25 Thứ. **Thanh Tịnh Định Luân:** ba Pháp Môn Thông gọi là **Định**; Biến hóa ly hợp thay đổi Tu tập gọi là **Định Luân**. Luân có Nghĩa là phá nát. **Định:** là Quyết Định. 25 Thứ có thể Quyết Định phá nát Hai Chướng, Chứng Quả **Bồ đề Niết bàn**, gọi là Thanh Tịnh Định Luân.

Hán: 1) Nhược Chư Bồ Tát duy Thủ cực Tĩnh, do Tĩnh Lực cố vĩnh Đoạn phiền não, Cứu Kính thành tựu. Bất khởi u tòa, tiện Nhập Niết Bàn, thử Bồ Tát giả, danh Đơn Tu Sa ma tha.

Việt: Tất cả Bồ Tát chỉ Giữ cực Tĩnh, bởi Tĩnh Lực cho nên Đoạn được phiền não, rốt ráo thành tựu. Ở tòa không đứng dậy, liền Nhập Niết bàn. Vị Bồ Tát này gọi là Đơn Tu Sa ma tha.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống 25 Đoạn, Biệt Thuyết 25 Thanh Tịnh Định Luân. Theo Chương trên, ba Pháp Môn Phương thức Tu tập, có Đơn và Phức Tu (Đơn: riêng một, Phức: gồm hai).

Đây nói về **Đơn Tu Chỉ. Tu Chỉ** tức là Thủ Tĩnh làm Hạnh. Văn nói: “**duy Thủ cực Tĩnh**”. Tĩnh đến cực thì phiền não không do đâu mà phát sinh, tức là dùng Tĩnh Lực mà Diệt phiền não. Nguyên văn nói: “**do Tĩnh Lực cho nên Đoạn được phiền não**”. Phiền não Đoạn hết thì được **Giác Thể Viên Minh**. Nguyên văn nói: : “**rốt ráo Thành tựu**”, do thế mà Chứng Phật Quả. Nguyên văn nói: “**Ở tòa không đứng dậy, liền Nhập Niết bàn**” chỉ một Môn này thâm nhập, thì cũng có thể tới chỗ rốt ráo, Môn này thế thì Hai Môn kia cũng vậy. Do Căn Tính của Chúng Sinh, ưa muốn khác nhau, cho nên lúc chưa Giác, thì Huyền Lực phải y theo Ba Pháp mà Biến hóa Ly Hợp, hoặc Khác hoặc Đồng.

Hán: 2) Nhược Chư Bồ Tát duy Quán như Huyền, dĩ Phật Lực cố Biến hóa Thế giới, chủng chủng Tác Dụng, bỉ Hành Bồ Tát Thanh Tịnh Diệu Hạnh, u Đà la ni bất thất Tịch Niệm, cập Chư Tĩnh Tuệ. Thử Bồ Tát giả, danh Đơn Tu Tam ma bát đề.

Việt: 2) Nếu các Bồ Tát chỉ Quán như Huyền, nhờ Uy lực của Phật Biến hóa Thế giới, bao nhiêu Công Hành tác Dụng, làm đủ Bồ Tát Thanh Tịnh Diệu Hạnh, với Đà la ni không mất Niệm Tịch và cả Tĩnh Tuệ, Bồ Tát như thế, gọi là Đơn Tu Tam ma bát đề.

GIẢNG VĂN

Đây nói Đơn Tu Quán. Tu Quán lấy Huyền làm Hạnh. Văn nói: “**Chỉ Quán như Huyền**”, Pháp Quán Huyền đây, các Đức Phật đã Tu thành rồi, với Thế giới mới có Năng lực Tự tại Biên hóa, khởi những Tác Dụng. Như cõi Ta Bà Biến thành **Tịnh Độ**. Địa ngục Biến thành Thiên cung, khổ vui, Tịnh uế đều như Huyền hóa. Cũng như kẻ làm trò hý thuật Biến ra Người và Vật. Bồ Tát Tu Quán như Huyền, trong khi Quán, Dụng Tâm cũng như Phật, và nhờ Phật Lực mà khởi Tác Dụng. Văn nói: “**Nhờ Uy Lực Phật**”. Các Bồ Tát Tu Quán tất cả Thế giới đều như Huyền hóa, không có Thực Tính, mà thường làm Phật Sự như Huyền, Độ Chúng Sinh như Huyền. Nguyên văn nói: “**Làm đủ Bồ Tát Thanh Tịnh Diệu Hạnh**”. **Đà la ni**: Kinh này chuyên nói **Viên Giác**. Chương Văn Thù nói có **Đại Đà la ni** gọi là **Viên Giác**. Chương này hỏi Môn **Viên Giác** có bao nhiêu Thứ Tu tập, Phật đáp có 25 Định Luân, đều là Tu tập Môn **Viên Giác**. Đà la ni tức là Môn Viên Giác, lời nói Khác nhưng Nghĩa Đồng. Tịch Niệm là Công phu Tu Thiền na. Tĩnh Tuệ là Công phu Tu Chỉ. Bồ Tát tuy Quán như Huyền làm đủ Diệu Hạnh, với Môn Viên Giác không mất Công phu trước sau của hai Pháp. Thấy rằng một Môn đã Thâm Nhập, thì ba Pháp cũng đầy đủ.

Hán: Nhược Chư Bồ Tát duy Diệt Chư Huyền, bất thủ Tác Dụng, Độc Đoạn phiền não. Phiền não Đoạn tận, tiện Chứng Thực Tướng. Thủ Bồ Tát giả, danh Đơn Tu Thiền na.

Việt: Nếu các Bồ Tát chỉ Diệt các Huyền, không Thủ Tác Dụng, riêng Đoạn phiền não. Phiền não Đoạn hết, liền Chứng Thực Tướng. Bồ Tát như thế, gọi là Đơn Tu Thiền na.

GIẢNG VĂN

Đây nói Đơn Tu Thiền na, Chỉ và Quán không hai. Tu Thiền na không có Dụng Công phu. Không Thủ Tĩnh Tướng và Huyền hóa, tức là không có chỗ Y cứ. không chỗ Y: là **Y Vô Tướng Chân Như**. Tu Pháp này, Y vào Vô Tướng Chân Như để Diệt trừ tất cả vô minh Huyền Pháp. Nguyên văn nói: “**Duy Diệt các Huyền**”. Một Phương diện không Thủ những Huyền hóa Tác Dụng. Nguyên văn nói: **Không Thủ Tác Dụng**. Như thế lấy Tịch Diệt Tính tự Đoạn phiền não. Nguyên văn nói: **Riêng Đoạn phiền não**”. Tới khi phiền

não hết, thì khế hợp với Viên Giác Chân Tâm. Nguyên văn nói: **Phiền não Đoạn hết, liền Chứng Thực Tướng.**

Hán: 4) Nhược Chư Bồ Tát tiên Thủ chí Tĩnh. Dĩ Tĩnh Tuệ Tâm chiếu Chư Huyền giả, tiện ư thị trung khởi Bồ Tát Hạnh, thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Sa ma tha, hậu Tu Tam ma bát đề. 5) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tĩnh Tuệ cố, Chứng chí Tĩnh Tĩnh, tiện Đoạn phiền não, vĩnh xuất Sinh tử. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Sa ma tha, hậu Tu Thiền na. 6) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch Tĩnh Tuệ, phục hiện Huyền Lực, chủng chủng Biến hóa, Độ Chư Chúng Sinh, hậu Đoạn phiền não nhi Nhập Tịch diệt. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Sa ma tha, trung Tu Tam ma bát đề, hậu Tu Thiền na. 7) Nhược Chư Bồ Tát dĩ chí Tĩnh Lực, Đoạn phiền não dĩ hậu khởi Bồ Tát Thanh Tịnh Diệu Hạnh, Độ Chư Chúng Sinh. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Sa ma tha, trung Tu Thiền na, hậu Tu Tam ma bát đề. 8) Nhược Chư Bồ Tát dĩ chí Tĩnh Lực, Tâm Đoạn phiền não, phục Độ Chúng Sinh, kiến lập Thế giới. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Sa ma tha, tề Tu Tam ma bát đề, Thiền na. 9) Nhược Chư Bồ Tát dĩ chí Tĩnh Lực, tư Phát Biến hóa, hậu Đoạn phiền não. Thử Bồ Tát giả, danh tề Tu Sa ma tha, Tam ma bát đề, hậu Tu Thiền na. 10) Nhược Chư Bồ Tát dĩ chí Tĩnh Lực, Dụng tư Tịch diệt, hậu khởi Tác Dụng, Biến hóa Thế giới. Thử Bồ Tát giả, danh tề Tu Sa ma tha, Thiền na, hậu Tu Tam ma bát đề. 11) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Biến hóa Lực, chủng chủng Tùy thuận nhi Thủ chí Tĩnh. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Tam ma bát đề, hậu Tu Sa ma tha. 12) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Biến hóa Lực, chủng chủng Cảnh Giới nhi thủ Tịch diệt. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Tam ma bát đề, hậu Tu Thiền na. 13) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Biến hóa Lực nhi tác Phật Sự, An Trụ Tịch Tĩnh nhi Đoạn phiền não. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Tam ma bát đề, trung Tu Sa ma tha, hậu Tu Thiền na. 14) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Biến hóa Lực vô Ngại tác Dụng, Đoạn phiền não cố, an Trụ chí Tĩnh, thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Tam ma bát đề, trung Tu Thiền na, hậu Tu Sa ma tha. 15) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Biến hóa Lực, Phương tiện tác Dụng chí Tĩnh Tịch

diệt, nhị câu Tùy thuận. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Tam ma bát đề, tề Tu Sa ma tha, Thiên na. 16) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Biến hóa Lực, chủng chủng khởi Dụng tư ư chí Tĩnh, hậu Đoạn phiền não. Thử Bồ Tát giả, danh tề Tu Tam ma bát đề, Sa ma tha, hậu Tu Thiên na. 17) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Biến hóa Lực tư vu Tịch diệt, hậu Trụ Thanh Tịnh Vô tác Tĩnh lực. Thử Bồ Tát giả, danh tề Tu Tam ma bát đề, Thiên na, hậu Tu Sa ma tha. 18) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch diệt Lực, nhi khởi chí Tĩnh, Trụ ư Thanh Tịnh. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Thiên na, hậu Tu Sa ma tha. 19) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch diệt Lực, nhi khởi tác Dụng, ư Nhất thiết Cảnh Tịch Dụng Tùy thuận. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Thiên na, hậu Tu Tam ma bát đề. 20) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch diệt Lực, chủng chủng Tự tại, an ư Tĩnh lực nhi khởi Biến hóa. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Thiên na, trung Tu Sa ma tha, hậu Tu Tam ma bát đề. 21) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch diệt Lực, chủng chủng Tự Tính khởi ư tác Dụng, Thanh Tịnh Cảnh Giới, quy ư Tĩnh lực, thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Thiên na, trung Tu Tam ma bát đề, hậu Tu Sa ma tha. 22) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch diệt Lực, chủng chủng Thanh Tịnh, nhi Trụ Tĩnh lực khởi ư Biến hóa. Thử Bồ Tát giả, danh tiên Tu Thiên na, tề Tu Sa ma tha, Tam ma bát đề. 23) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch diệt Lực, tư ư chí Tĩnh nhi khởi Biến hóa. Thử Bồ Tát giả, danh tề Tu Thiên na, Sa ma tha, hậu Tu Tam ma bát đề. 24) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Tịch diệt Lực, tư ư Biến hóa nhi khởi chí Tĩnh, Thanh minh Cảnh Tuệ. Thử Bồ Tát giả danh tề Tu Thiên na, Tam ma bát đề, hậu Tu Sa ma tha. 25) Nhược Chư Bồ Tát dĩ Viên Giác Tuệ, Viên hợp Nhất thiết ư Chư Tĩnh Tướng, vô ly Giác Tính. Thử Bồ Tát giả, danh vi Viên Tu Tam chủng Tự Tính Tùy thuận.

Việt: 4) Nếu các Bồ Tát trước giữ rất Tĩnh, lấy Tâm Tĩnh Tuệ mà chiếu (soi) các Huyền, ở như trong đó, khởi Hạnh Bồ Tát. Vị Bồ Tát ấy, trước Tu Sa ma tha, sau Tu Tam ma bát đề. 5) Nếu các Bồ Tát lấy Tĩnh Tuệ Chứng Tính rất Tĩnh, liền Đoạn phiền não, thoát khỏi Sinh tử. Vị Bồ Tát đó trước Tu Sa ma tha, sau Tu

Thiền na. 6) Nếu các Bồ Tát lấy Tuệ vắng lặng, lại hiện ra Huyền lực Biến hóa rất nhiều, Độ các Chúng Sinh, sau Đoạn phiền não mà Nhập Tịch diệt. Vị Bồ Tát đó trước Tu Sa ma tha, sau Tu Tam ma bát đề, sau nữa Tu Thiền na. 7) Nếu các Bồ Tát lấy Lực chí Tĩnh, Đoạn phiền não rồi, sau khởi Bồ Tát Thanh Tịnh Diệu Hạnh Độ Chúng Sinh. Vị Bồ Tát đó trước tiên Tu Sa ma tha, sau Tu Thiền na, sau nữa Tu Tam ma bát đề. 8) Nếu các Bồ Tát lấy Lực rất Tĩnh, Tâm Đoạn phiền não, lại Độ Chúng Sinh kiến lập Thế giới. Vị Bồ Tát đó trước Tu Sa ma tha, sau đồng thời Tu Tam ma bát đề và Thiền na. 9) Nếu các Bồ Tát lấy Lực chí Tĩnh, nhờ đó phát Biến hóa, sau Đoạn phiền não. Vị Bồ Tát đó trước đồng thời Tu Sa ma tha, Tam ma bát đề, sau Tu Thiền na. 10) Nếu các Bồ Tát lấy Lực rất Tĩnh, để giúp cho Tịch diệt, sau khởi Tác Dụng, Biến hóa Thế giới. Vị Bồ Tát đó, trước đồng thời Tu Sa ma tha, Thiền na, sau Tu Tam ma bát đề. 11) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Biến hóa Tùy thuận rất nhiều và vẫn giữ rất Tĩnh. Vị Bồ Tát đó trước Tu Tam ma bát đề, sau Tu Sa ma tha. 12) Nếu các Bồ Tát lấy sức Biến hóa, bao nhiêu Cảnh Giới, mà vẫn giữ Tịch diệt (vắng lặng). Vị Bồ Tát đó trước Tu Tam ma bát đề, sau Tu Thiền na. 13) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Biến hóa mà làm việc Phật, An Trụ nơi vắng lặng để Đoạn phiền não. Vị Bồ Tát đó trước Tu Tam ma bát đề, sau đồng thời Tu Sa ma tha, Thiền na. 14) Nếu các Bồ Tát lấy sức Biến hóa Tác Dụng không Ngại, Đoạn phiền não xong, An Trụ nơi chí Tĩnh. Bồ Tát đó trước Tu Tam ma bát đề, sau đồng thời Tu Thiền na, Sa ma tha. 15) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Biến hóa Phương tiện Tác Dụng, rất Tĩnh và Tịch diệt cả hai đều Tùy thuận. Vị Bồ Tát đó trước Tu Tam ma bát đề, sau đồng thời Tu Sa ma tha, Thiền na. 16) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Biến hóa khởi Dụng bao nhiêu giúp cho Chí Tĩnh, sau Đoạn phiền não. Vị Bồ Tát đó trước đồng thời Tu Tam ma bát đề, Sa ma tha, sau Tu Thiền na. 17) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Biến hóa giúp cho Tịch diệt, sau Trụ ở Thanh Tịnh Vô tác Tĩnh lực. Vị Bồ Tát đó trước đồng thời Tu Tam ma bát đề và Thiền na, sau Tu Sa ma tha. 18) Nếu các Bồ Tát lấy sức Tịch diệt mà khởi ra rất Tĩnh, Trụ ở Thanh Tịnh. Vị Bồ Tát đó trước Tu Thiền na, sau

Tu Sa ma tha. 19) Nếu các Bồ Tát lấy sức Tịch diệt mà khởi Tác Dụng, với tất cả Cảnh Tịch Dụng Tùy thuận. Vị Bồ Tát đó trước Tu Thiền na, sau Tu Tam ma bát đề. 20) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Tịch diệt bao nhiêu tự tại, yên ở nơi Tĩnh lự mà khởi Biến hóa. Vị Bồ Tát đó trước Tu Thiền na, sau Tu Sa ma tha và sau nữa Tu Tam ma bát đề. 21) Nếu các Bồ Tát lấy sức Tịch diệt và Tự Tính Vô tác mà khởi Tác Dụng Thanh Tịnh Cảnh Giới về nơi Tĩnh lự. Vị Bồ Tát đó trước Tu Thiền na, sau Tu Tam ma bát đề, sau nữa Tu Sa ma tha. 22) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Tịch diệt Thanh Tịnh có nhiều, Trụ nơi Tĩnh lự mà khởi Biến hóa. Vị Bồ Tát đó trước Tu Thiền na, sau đồng thời Tu Sa ma tha, Tam ma bát đề. 23) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Tịch diệt để giúp cho rất Tĩnh, mà khởi Biến hóa. Vị Bồ Tát đó trước đồng thời Tu Thiền na, Sa ma tha, sau Tu Tam ma bát đề. 24) Nếu các Bồ Tát lấy Lực Tịch diệt giúp cho Biến hóa, mà khởi rất Tĩnh, Cảnh Tuệ Thanh Minh. Vị Bồ Tát đó trước đồng thời Tu Thiền na, Tam ma bát đề, sau Tu Sa ma tha. 25) Nếu các Bồ Tát lấy Tuệ Viên Giác, Viên hợp với tất cả, Tĩnh Tướng không lìa Giác Tính. Vị Bồ Tát đó Viên Tu Ba Thứ Tự Tính Thanh Tịnh tùy Thuận.

GIẢNG VĂN

4.) Trước giữ rất Tĩnh, tức là Tu Chỉ. Tĩnh đến cực, thì Tuệ phát sinh. Do Tĩnh, Tuệ lại khởi Pháp Quan Hành soi thấy các Thế giới Chúng Sinh như Huyền. Nguyên văn nói: **”soi mọi Huyền”**. Theo đó, Bồ Tát làm Hạnh trên thì Cầu Phật Đạo, dưới Hóa Độ Chúng Sinh, Tu tập Pháp này, trước **Chỉ**, sau **Quán**. 5.) **Tĩnh Tuệ**: tức là Thủ Tĩnh. Tu Chỉ thì Tuệ phát sinh, do Lực **Tĩnh Tuệ** này, mà Chúng được Tĩnh rất Tĩnh, tức là do Thủ được **Giác Tâm** mà Tĩnh Tướng Phát Sinh Lực Tĩnh Tuệ; cho đến Chúng được Tĩnh Tính của **Viên Giác Tâm**. Phiền não là Nhân của Sinh tử, phiền não hết thì Sinh tử cũng hết. Bồ Tát Chứng được Giác Tính, cũng bởi Đoạn phiền não mà thoát được Sinh tử, thì Hợp với Tính Tịch Diệt **Vô Sinh**. Tu tập Pháp này, trước Tu Chỉ, sau Tu **Thiền na**. 6.) Tĩnh Tuệ do công phu Tu **Chỉ**. Huyền Lực do công phu Tu **Quán**. Tịch diệt do công phu Tu **Thiền na**. Lấy Tuệ Tịch Tĩnh lại hiện ra Huyền Lực, là cái Lực Tu **Chỉ** tiến lên Tu **Quán**. Khởi Quán Lực như Huyền, cho nên hay khởi Tác Dụng Biến hóa Độ Sinh, tới cùng Đoạn phiền não mà Nhập Tịch diệt. Tu tập Pháp này, trước Tu Chỉ, thứ Tu Quán, sau Tu **Thiền na**. 7.) Tu Chỉ

được Lực **chí Tĩnh**, tiến Tu **Thiền na** để Đoạn phiền não. Phiền não hết thì vào Trần lao không lo nhiễm, được Tự tại vô Ngại, sau khởi Diệu Hạnh Độ Sinh. Tu tập Pháp này, trước Tu **Chỉ**, thứ Tu **Thiền na**, sau Tu **Quán**. 8.) Lực **Chí Tĩnh** do Tu **Chỉ** mà được Tâm Đoạn phiền não. Bởi con Người có **Chí Tu** Đoạn, Chính khi **Đương Đoạn** mà Chưa hết, ngay khi đó làm **Hạnh Bồ Tát**, kiến lập Thế giới, Hóa Độ Chúng Sinh. Vị **Bồ Tát** đó Tu **Chỉ** mà thành được Lực **chí Tĩnh**, đồng thời, lại liền Tu **Quán** và **Thiền na**. Pháp này trước Tu **Chỉ**, sau đồng thời Tu **Quán** và **Thiền na**. 9.) Tùy theo khả năng của Tu **Chỉ**, được Lực **chí Tĩnh** tới mức nào, thì nhờ đó Phát khởi Tu **Quán**, để Biến hóa Tác Dụng, nhiên hậu tiến Tu **Thiền na** để Đoạn phiền não. Pháp này đồng thời Tu **Chỉ, Quán**, sau Tu **Thiền na**. 10.) Tùy theo khả năng của Tĩnh lực, nhờ đó để Đoạn phiền não, mà giữ Tịch diệt. Tức là Tu cả **Chỉ** và **Thiền na**. Nguyên văn nói: “**Lấy Lực chí Tĩnh dùng giúp Tịch diệt**”! Sau Tu **Quán** làm Diệu Hạnh của **Bồ Tát**. Nguyên văn nói: “**Sau khởi Tác Dụng Biến hóa Thế giới**”, tức là đồng thời Tu **Chỉ** và **Thiền**, sau Tu **Quán**. Từ đây trở lên Bảy Đoạn, đều Tu **Chỉ** trước. 11.) Lực Biến hóa do Tu **Quán** mà thành, có Năng lực làm những Diệu Hạnh. Nay Tùy thuận những Diệu Hạnh mà tiến Tu **Chỉ** đến chỗ **Chí Tĩnh**. Như vậy trọn ngày **Độ Sinh** mà không có **Tướng Độ Sinh**. Tu tập Pháp này, trước Tu **Quán**, sau Tu **Chỉ**. 12.) Do Tu **Quán** thành Lực Biến hóa. Biến hóa ra những Cảnh Giới như **Huyền**, để Hóa Độ Chúng Sinh; tiến lên tự đoạn lấy phiền não, mà Thủ **Thiền na Tịch diệt** (vắng lặng). Pháp này trước Tu **Quán**, sau Tu **Thiền na**. 13.) Dùng Lực Biến hóa làm Việc Phật, là do Công Tu **Quán**. Yên ở nơi vắng lặng là Tu **Chỉ**. Đoạn phiền não là Tu **Thiền na**. Cũng từ nơi Lực Biến hóa, mà An Trụ Tịch Tĩnh, tiến lên Đoạn trừ phiền não. Pháp Tu này, trước Tu **Quán**, thứ Tu **Chỉ**, sau **Thiền na**. 14.) Do Tu **Quán** mà thành Lực Biến hóa, sau làm những Tác Dụng vô Ngại tiến Tu **Thiền na** để Đoạn phiền não, lại Tu **Chỉ** mà An Trụ nơi **Chí Tĩnh**. Pháp Tu tập này: trước Tu **Quán**, thứ Tu **Thiền na**, sau Tu **Chỉ**. 15.) Tu **Quán** thành, mới hay Dụng được Lực Biến hóa Phương tiện Tác Dụng; đồng thời Tùy thuận Tu **Chỉ** đến chỗ **chí Tĩnh** và **Thiền na Tịch diệt**. Nguyên văn nói: “**Chí Tĩnh, Tịch diệt, hai đều Tùy thuận**”. Pháp này trước Tu **Quán**, sau đồng thời Tu **Chỉ** và **Thiền na**. 16.) Do Tu **Quán** thành được Lực Biến hóa, làm những Tác Dụng mà giúp cho việc Tu **Chỉ** đến nơi rất **Tĩnh**; đồng thời kiêm Tu **Quán** và **Chỉ**, sau Tu **Thiền na** để Đoạn Phiền não. Văn nói: “**Đồng thời Tu Quán, Chỉ, sau Tu Thiền na**”. 17.) Tu **Quán** đồng thời lại kiêm Tu **Thiền na**, cho nên lấy Lực Biến hóa mà giúp cho Tịch diệt Vô tác. Không phải nhờ Công Tác Dụng. **Quán** và **Thiền na** đã thành, sau Trụ ở nơi Vô Công Dụng của **Chỉ**. Nguyên văn nói: “**Sau Trụ ở nơi Thanh Tịnh Vô tác Tĩnh lực**. Pháp này trước Tu **Quán**, **Thiền na**, sau Tu **Chỉ**. 18.) Lực Tịch diệt do Công Tu **Thiền na** mà thành, lại Tu **Chỉ** cho nên thành **chí Tĩnh** mà Trụ ở Thanh Tịnh, tức là trước **Thiền na**,

sau Tu **Chỉ**. 19.) Tu **Thiền na** thành được Lực Tịch diệt, và làm Phương Pháp Tác Dụng Độ Sinh, tức là tiến Tu **Quán** vậy. Độ Sinh Tác Dụng, đã y vào Lực Tịch diệt mà Phát khởi, thì tất cả các Cảnh Hóa Độ, đều có Công Dụng Tịch diệt Tùy thuận. Nguyên văn nói: “**Với tất cả Cảnh Tịch Dụng Tùy thuận**”. Pháp này trước Tu **Thiền**, sau Tu **Quán**. 20.) Tu Thiền na thành được Lực Tịch diệt rồi, thì chẳng đơi ở Tịch mà ở **Quán**, những Tự Tính Chúng Sinh. Muốn làm việc Hóa Độ, trước phải Tu Chỉ An Trụ nơi **Tĩnh lự**, sau mới làm những Tác Dụng Biến hóa vào trần gian không Nhiễm, mới có Năng lực Tùy thuận những Tự Tính để làm việc Độ Sinh. Pháp này trước Tu **Thiền**, thứ Tu **Chỉ**, sau Tu **Quán**. 21.) Văn đây nói Vô tác Tự Tính và Thanh Tịnh Cảnh Giới: là cái Thể của **Thiền na Tịch diệt** Lực là Chứng tỏ. **Vô tác**: Không nhờ tạo tác, y vào Vô tác Tự Tánh, tiến Tu **Quán** mà làm những Thần thông Tác Dụng, sau y vào Cảnh Giới Thanh Tịnh mà Tu Chỉ. Văn nói: “**Quy u Tĩnh lự**”. Pháp này trước Tu **Thiền**, thứ Tu **quán**, sau Tu **Chỉ**. 22.) **Thiền na** không chấp trước Không, và Có, xa lìa được Cảnh Ngại và Không Ngại, cho nên được bao nhiêu là Thanh Tịnh. Do các Tịch diệt Lực của những Thanh Tịnh, Viên dung với **Chỉ**, **Quán**, cho nên đồng thời Trụ ở Tĩnh lự mà Tu **Chỉ**, lại khởi Biến hóa mà Tu **Quán**. Pháp này trước Tu **Thiền**, sau đồng thời Tu **Chỉ** và **Quán**. 24.) Dùng Lực Tịch diệt mà giúp cho sự Biến hóa, là đồng thời Tu **Thiền** và **Quán**, lại khởi chí Tĩnh mà Tu **Chỉ**. Bây giờ Cảnh Giới liền được Tuệ sáng suốt. Nguyên văn nói: “**Mà khởi chí Tĩnh Thanh Tịnh Cảnh Tuệ**”. Pháp này đồng thời Tu **Thiền** và **Quán**, sau Tu **Chỉ**. 25.) Chương này nói 25 Định Luân là Phương thức Tu tập của **Viên Giác Môn**. Trong này nói chữ Bồ Tát, là chỉ vào Người đã Ngộ Nhập **Viên Giác Tùy thuận** mà nói. Có Trí Tuệ Tùy thuận của **Viên Giác** tức là **Tuệ Viên Giác**. **Nhất thiết**: là **Không, Giả** và **Quán, Chân, Tục** hay **Đế**. Nay Bồ Tát lấy Tuệ **Viên Giác** mà Viên dung khế hợp với ba Pháp Môn, đó là Người đã **Viên Đốn** Tùy thuận Pháp Tính. Một Tu thì tất cả đều Tu. Cho nên văn nói: “**Lấy Viên Giác Tuệ mà Viên hợp với tất cả**”. Ý nói tất cả các Pháp Môn, hoặc Tính hoặc Tướng đều là Tùy thuận **Viên Giác Tĩnh Tính**. Môn Viên Tu này gọi là Ba Thứ Viên Tu Tự Tính Thanh Tịnh Tùy thuận. **Thanh Tịnh Tùy thuận** 25 Định Luân, tuy rằng y vào Huyền Lực Chưa Giác mà Thành Sai Biệt, song Tu tập cũng đều ở trong Môn **Viên Giác** mà Phát hiện.

Hán: Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Nhị thập ngũ Luân. Nhất thiết Bồ Tát Tu Hành như thị. Nhược Chư Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, y thử Luân giả, đương tri Phạm Hạnh, Tịch Tĩnh Tư duy, Cầu ai sám hối. Kinh tam thất nhật, u Nhị thập ngũ Luân,

các an tiêu ký. Chí Tâm Cầu ai, tùy thủ kết thủ, y kết khai thị, tiện tri Đôn Tiệm. Nhất Niệm nghi hối tức bất thành tựu...

Việt: Thiện nam tử! Gọi là Bồ Tát 25 Luân. Tất cả Bồ Tát Tu Hành như thế. Nếu các Bồ Tát và Chúng Sinh đời sau, y theo Luân này, Tu phải giữ Phạm Hạnh, vắng lặng suy nghĩ, Cầu ai (thương) sám hối. Qua 21 ngày, với 25 Luân, đều an tiêu ký. Đốc lòng Cầu ai (thương), tùy theo tay nắm được kết nào, theo kết chỉ bảo, thì Biết Đôn hay là Tiệm. Một chút Lòng nghi hối thì không được thành.

GIẢNG VĂN

Kết tức là chỉ theo Nghi thức của Luân mà Tu tập. Bồ Tát 25 Luân kết từ câu “**Đây có 25 Định Luân tới câu tất cả Bồ Tát Tu Hành như thế**” từ chữ **nếu các...trở xuống**: cho Biết phải theo Luân mà Tu tập, không có thể lấy Ý của mình hoặc Thủ, hoặc Xả hay Lựa chọn. **Phạm Hạnh**: giữ Giới trong sạch. **Tịch Tĩnh**: thôi dứt vọng niệm. **Tu duy**: Nhất Tâm Chính Niệm cũng như Giới, Định, Tuệ đã hoàn toàn. **Cầu ai**: Đối trước Tam Bảo Thỉnh Cầu Phật thương xót và gia hộ cho. **Sám hối**: không được che dấu, qua 21 ngày cảm ứng đã thông. **Tiêu ký**: lấy giấy viết tên mục từng Luân... **Kết**: lấy tay Viên lại. **Thủ**: đem các Viên để lẫn với nhau, rồi tùy nhặt được Viên nào mở xem cho Tu Luân nào. **Tùy theo**: không có thể lấy Ý mình lựa chọn. **Ngờ**: Ngờ rằng nhặt được Luân nhưng không hợp với cỡ Tu của mình. **Hối**: Tuy Tu mà có Ý sợ làm việc nửa chừng bỏ dở.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: Biện Âm nữ đương tri: Nhất thiết Chư Bồ Tát, Vô Ngại Thanh Tịnh Tuệ, giai y Thiên Định Sinh; Sở vị Sa ma tha, Tam ma đề, Thiên na. Tam Pháp Đôn, Tiệm, Tu, hữu Nhị thập ngũ Luân. Thập phương Chư Như Lai, Tam thế Tu Hành giả, vô bất nhân thử Pháp, nhi Đắc thành Bồ đề. Duy trừ Đôn Giác Nhân, Tính Giác bất Tùy thuận. Nhất thiết Chư Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh, thường đương Trì thử Luân, Tùy thuận cần Tu tập. Y Phật Đại Bi Lực, bất cử Chứng Niết bàn.

Việt: Bảy giờ, Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó mà nói bài kệ rằng: Biện Âm, Ông nên Biết: Tất cả các Bồ Tát, Vô Ngại Thanh Tịnh Tuệ, đều y Thiên Định Sinh; Nghĩa là Sa ma tha, Tam ma đề, Thiền na. Ba Pháp Đốn, Tiệm, Tu, có Hai mươi lăm Thứ. Mười phương Đức Như Lai, Ba đời Tu Hành ấy, không chẳng nhân Pháp này, mà được thành Bồ đề. Chỉ trừ Người Đốn Giác, mọi Pháp đều Tùy thuận. Tất cả các Bồ Tát, và Chúng Sinh đời Mạt, thường nên Trì Định Luân, Tùy thuận siêng Tu tập. Nương Phật Lực Đại Bi, chẳng lâu Chứng Niết bàn.

GIẢNG VĂN

Văn đây nói, chỉ trừ Người Đốn Giác. Mọi Pháp đều Tùy thuận. Trong Chính văn không có. Người Đốn Giác không phải nhờ sự Tu Hành mà thành Phật Đạo, cho nên không y vào Luân mà Tu tập. Người không Tùy thuận Pháp, như Ngoại Đạo và Vô Tính Siển đề. Siển đề không có Phật Tính, cho nên không Tùy thuận; Ngoại Đạo tuy có Tu, nhưng không phải Chánh Pháp và không Tùy thuận.

9. Chương Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát

Chương **Tịnh Chư Nghiệp Chướng**. Trên trình Độ Tu Hành, bất luận Chi, Quán hay Thiền Định, nhưng khó khỏi Bệnh hoạn không Phát Sinh.(Nghĩa là Đạo cao một thước, ma cao một trượng). Như vậy sự Tu Hành cũng chỉ đem hàng phục, phá trừ cái vô thủy vô minh, thì cái thể lực mãnh liệt của vô minh, tất nhiên nó phản Động mà chống lại. Cái Dụng sự của nó đã ẩn náu ở trong Tâm, thì nó thường Sinh nghĩ bậy thấy tà, dĩ chí chiêu nạp Quỷ Thần, Ngoại Đạo, Tà Ma, Tà Sư. Cho nên Người Tu Hành, chẳng những Biết cái mặt phải của sự Tu, lại còn phải Biết mặt trái của Bệnh để mà đối trị. Kẻ Tà Kiến chiêu nạp Tà Ma, lại tự xưng Đắc Đạo Vô Thượng, Chứng Thánh thành Phật, đó là đảo kiến. Cho nên Chương này và Chương dưới đặc điểm đề xuất Người Tu Hành phải quyết liệt mà trừ Bệnh. Ví như Bệnh Pháp ái, Bệnh Tăng Thượng mạn, Bệnh Ác Tri kiến, v.v... trước khi Chừa Tu thì không có nguyên do Phát hiện, nếu Phát hiện cũng không có Lực. Người theo Pháp này Tu Hành, nhân đó mà không Thành Chánh Quả, Sinh ra kiến Ngoại Đạo hoặc Chứng Tính Nhi thừa thực đáng thương thay! Hai vị Bồ Tát hồi Phật, vì lòng Bi rất thâm thiết! Chương này nói rõ Tâm Bệnh. Chương dưới nói rõ Tà Sư Bệnh.

Tịnh Chư Nghiệp Chướng: Bệnh hoạn trên Sự Tu Hành, mà Sinh Nghiệp Chướng. Nếu đem Giác Tâm phá Tà Sư Ác tri kiến, thì tất cả các Nghiệp Chướng đều phải tiêu tán.

Hán: U thị Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp tràng quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: Đại Bi Thế Tôn! vị ngã đẳng bối Quảng Thuyết như thị bất tư nghị sự, Nhất thiết Như Lai Nhân Địa Hành Tướng, linh Chư Đại Chúng đắc vị tăng hữu. Đồ kiến Điều Ngự, lịch hằng sa kiếp, cần khổ Cảnh Giới, Nhất thiết Công Dụng, do như nhất Niệm, ngã Đẳng Bồ Tát thâm tự khánh úy. Thế Tôn! Nhược thử Giác Tâm, Bản Tính Thanh Tịnh, nhân hà nhiệm ô, sử Chư Chúng Sinh mê muội bất Nhập. Duy Nguyện Như lai, Quảng vị ngã đẳng Khai Ngộ Pháp Tính, linh thử Đại Chúng cập Mạt thể Chúng Sinh, tác tương lai Nhãn. Tác thị ngữ dĩ, ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Tỉnh chung nhi phục thủy.

Việt: Khi đó Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, liền từ tòa đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Vì lũ Chúng con rộng nói cho những việc bất tư nghì như thế, Nhân Địa Hành Tướng của các Đức Như Lai, khiến cho Đại Chúng được việc Chưa từng có. Coi thấy Đức Điều Ngự, trải qua những Cảnh Giới cần khổ kiếp như cát bụi, tất cả Công Dụng cũng như một Niệm, Bồ Tát Chúng con rất là vui mà sợ. Bạch Thế Tôn! Nếu Giác Tâm đó, Tính vốn Thanh Tịnh, nhân sự nhiễm ô gì, làm cho Chúng Sinh mê muội mà không được Nhập! Kính xin Đức Như Lai rộng vì lũ Chúng con Khai Ngộ Pháp Tính, khiến Đại Chúng đây và Chúng Sinh đời Mạt thế, làm con mắt sáng cho tương lai”. Nói thế rồi, năm Thế rập đất, cứ như thế, ba lần Thỉnh trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Nhân Địa Hành Tướng: tức là Ba Pháp Môn nói ở Chương trên. **Điều Ngự:** một Tên trong Mười Hiệu của Phật. Nhân Nghe thấy Phật dạy Pháp Môn Tu, như Cõi thấy các Đức Phật trải qua bao kiếp cần khổ, tất cả các Công Dụng cũng như một Niệm, cho nên gọi là một việc **Bất tư nghì** mà Chúng con rất là vui mà sợ. **Thế Tôn trở xuống:** là lời tái Thỉnh. Theo Chương trên, câu tất cả các Đức Như Lai Viên Giác Thanh Tịnh không phải Tu tập. Ý nói nếu Giác vốn Tịnh, thì không nhiễm ô mà có Chúng Sinh. Các Đức Như Lai Ngộ Viên Giác, lý ưng Chúng Sinh cũng Ngộ là phải. **Kính xin:** lời Thỉnh Phật. **Pháp Tính:** Đại Sớ nói: “Pháp Tính là Tính của mọi Pháp. Nếu nói đến Bản Thể của nó thì gọi là **Giác Tính**. Nếu suy cho cùng Pháp Sai Biệt thì không có tự Thể, chỉ cùng một Tính mà thôi, gọi là Pháp Tính.” Nay đã phá Bốn Tướng, mà Viên dung các Pháp, cùng một Giác Tính. Nguyên văn nói: **Khai Ngộ Pháp Tính**.

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn cáo Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Chư Đại Chúng cập Mạt thế Chúng Sinh, tư vấn Như Lai như thị Phương tiện, nhữ kim đế Thính! Đương vị nhữ Thuyết”. Thời

Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay vì tất cả Đại Chúng và Chúng Sinh đời Mạt, hỏi han Như Lai Phương tiện như vậy, Ông nay Nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Ông mà nói”. Thời Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát vâng theo vui mừng, và tất cả Đại Chúng im lặng đón Nghe.

Hán: Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh tòng vô thủy lai, vọng tưởng chấp hữu Ngã, Nhân, Chúng Sinh cập dữ thọ mạng.

Việt: Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh, từ kiếp vô thủy tới nay, vọng tưởng chấp có Ngã, Nhân, Chúng Sinh và thọ mạng.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống, Chính lời Phật đáp. Ý hỏi tại sao Chúng Sinh nhiễm ô, tuy có những Phương tiện Tu, mà vẫn mê không ngộ, thắc mắc nguyên nhân ở đâu? Đức Phật Thuyết một câu Đạo để phá, nhân Chúng Sinh Chấp có Ngã, Nhân, Chúng Sinh và thọ mạng Bốn Tướng. Nhưng sự vọng chấp đó cũng không Biết nó khởi thủy từ thời nào. Chúng Sinh tuy có **Giác Tính**, nhưng Chưa từng Giác Ngộ. Nguyên văn nói: **“từ vô thủy tới nay”**. Mê lý vô Ngã, mới Chấp Có Ngã. Văn nói **“vọng tưởng”**. Trên nói qua, kẻ phạm phu thô chấp Bốn Tướng. Ngã: có Nghĩa là chủ tể trong Năm Âm của Thân Tâm, thực không có chủ tể. Chúng Sinh tưởng lầm, Chấp có **Ngã**, gọi là **Ngã Tướng**. Thứ hai Hiểu Biết Thân Tâm không có chủ tể, đối với Tâm Chấp cái năng thụ Sinh tử kia là **Chân Ngã** (thực có ta). Ví như Chấp có linh hồn, Cầu Sinh lên Trời, hoặc Thần Tiên chẳng hạn, tức là Sự Tác Dụng của **Chấp**; Sự Chấp đó đối với Ngã Tướng gọi là Nhân Tướng. Hiểu biết trước Chấp Ngã Tướng, Nhân Tướng đều là hư vọng và thịnh, suy, khổ, lạc, tiếp tục thay đổi luôn luôn, thì cái **chủ tể** có còn được chăng. Như thế, tuy Chấp có **Chân Ngã** mà Chưa từng Chấp Định một Pháp như linh hồn, v.v...gọi là Chúng Sinh Tướng. Hiểu biết Sự Chấp trên là sai, lại Chấp một cái báo của Mạng Căn vẫn còn không mất, tức là Chấp thọ mạng của Chân Ngã, gọi là Thọ Mạng Tướng. Thực ra Bốn Tướng Căn bản do Chấp Ngã. Tóm lại Ngã Tướng, Sự Chấp trước bất đồng, cho nên có Bốn

Tướng khác nhau. Trên đây giải thích Bốn Tướng, là ước lượng kẻ phàm phu nhận thức Cảnh mê. Cho đến Người Cầu Đạo cũng Chưa trừ được Bốn Tướng, đó là Trí Cảnh bị mê, trong Kinh văn đã thích rõ.

Hán: Nhận Tứ điên đảo vi Thực Ngã Thể, do thử tiện Sinh tắng ái Nhị Cảnh, u hư vọng Thể, trùng Chấp hư vọng, Nhị vọng tương y, Sinh vọng Nghiệp Đạo. Hữu vọng Nghiệp cố, vọng kiến lưu chuyển. Yêm lưu chuyển giả, vọng kiến Niết bàn.

Việt: Nhận Bốn điên đảo là Thực Thể của Ta, do đó liền Sinh yêu, ghét Hai Cảnh, với Thể hư vọng nương nhau Sinh vọng Nghiệp Đạo. Có vọng Nghiệp rồi, lầm thấy lưu chuyển. Chán lưu chuyển rồi, thì lại lầm thấy Niết bàn.

GIẢNG VĂN

Bốn Tướng đều là cái kiến (thấy) điên đảo. Nay không Biết là điên đảo, lại nhận thực có Ta. Do chấp có Ta, cho nên thuận lòng Ta thì yêu, trái lòng Ta thì ghét. Nguyên văn nói: “**do đó liền Sinh Hai Cảnh yêu ghét**”. Ngã Thể là hư vọng, yêu ghét cũng là hư vọng. Trên cái hư vọng của Ngã Thể, lại thêm cái hư vọng của yêu ghét. Nguyên văn nói: “**với Thể hư vọng lại Chấp hư vọng**”. Như vậy cố Chấp thực có Ngã, cho nên Sinh yêu ghét. Nhân yêu ghét lại Chấp thực có Ngã Thể. Nguyên văn nói: “**Hai Vọng nương nhau**”. **Vọng Thể**, và **vọng Cảnh** nương nhau, cho nên Sinh ra những tạo tác của vọng Nghiệp, mà chiêu nạp những thiện, ác của Sáu Đạo. Như vậy có vọng Nghiệp, như phàm phu lầm thấy Sinh tử luân chuyển trong Sáu Đạo. Chán luân chuyển như Ngôi Nhị thừa Tiểu Thánh, lầm thấy thoát Sinh tử, Chứng **Niết bàn**. Thấy có **Niết bàn**, cũng do Ngã Chứng, như vậy hãy còn Ngã Tướng hiển nhiên, cho nên gọi là **Vọng**. Song ngôi Nhị thừa Tiểu Thánh thấy có **Niết bàn**, tức là **Pháp ái**, cũng là mê Trí của **Ngã Tướng**.

Hán: Do thử bất năng Nhập Thanh Tịnh Giác, phi Giác vi cụ Chư Năng Nhập giả. Hữu Chư Năng Nhập, phi Giác Nhập cố. Thị cố Động Niệm cập dữ Tức Niệm, giai quy mê muội.

Việt: Bởi thế mà không hay Nhập Thanh Tịnh Giác, chứ không phải Giác chống cự với mọi Người Năng Nhập. Những Người

Năng Nhập, không phải Giác Nhập vậy. Cho nên Động Niệm cùng với Tức Niệm đều là mê muội.

GIẢNG VĂN

Chính đáp lời hỏi, nhân gì khiến cho Chúng Sinh mê muội không Nhập. Do Làm thấy Luân chuyển hoặc Làm thấy **Niết bàn**, vì thế không được Nhập Thanh Tịnh Giác. Song không được Nhập, là do Chấp Ngã sử nhiên. Như thế thấy rằng không phải **Giác Tính** ngăn cản, khiến cho Người ta không được Nhập. Nguyên văn nói: “**Không phải Giác chống cự với mọi Người Năng Nhập**”. Nghĩa là Người không được Nhập, cũng không phải tại **Giác** không cho Nhập. Cho đến Người được Nhập cũng không phải tại **Giác** cho Nhập. Ví như Bồ Tát Tùy thuận **Giác Tính**, do Tu Đức Quán Hành khế hợp với **Giác Tính** mà Chứng Nhập. Nguyên văn nói: “**Những Người Năng Nhập không phải Giác Nhập**”. Nhập với không Nhập cũng không phải trách nhiệm tại **Giác**. Bộ Đại Sớ nói: “**Như Thân ở trong mộng Chưa quên, nó không hợp với Bản Thân, nhưng không phải lỗi tại Thân**”. Vọng tưởng Chưa hết, Dụng Tâm hoàn toàn đều lầm, chẳng những kẻ phạm phu Động Niệm mê muội, khởi hoặc tạo Nghiệp; đến như Ngôi Nhị thừa Tức Niệm, Chấp Không, Chấp Tịch, cũng đều mê muội. Nguyên văn nói: “**Cho nên Động Niệm với Tức Niệm đều là mê muội**”, để đáp câu hỏi nhân gì mà mê muội.

Hán: Hà dĩ cô? Do hữu vô thủy bản khởi vô minh, vi kỳ Chủ tể. Nhất thiết Chúng Sinh, Sinh vô Tuệ mục, Thân Tâm đẳng Tính giai thị vô minh. Thí như hữu Nhân bất tự đoạn mạng. Thị cố đương tri: hữu Ngã ái giả, Ngã dữ Tùy thuận. Phi Tùy thuận giả, tiện Sinh tăng oán. Vị tăng ái Tâm, dưỡng vô minh cố. Tương tục Cầu Đạo, giai bất thành tựu.

Việt: Tại sao thế? Bởi có từ vô thủy bản khởi vô minh, làm Chủ tể cho mình. Tất cả Chúng Sinh, Sinh ra không có mắt Tuệ, Thân Tâm mọi Tính đều là vô minh. Ví như có Người không tự đoạn mạng. Vì thế nên Biết: cái Ta yêu đó, Ta với Tùy thuận. Nếu không Tùy thuận, liền Sinh ghen ghét. Vì Tâm ghen ghét, nuôi Tính vô minh. Tiếp nối Cầu Đạo, đều không thành tựu.

GIẢNG VĂN

Tại sao thế: là nhắc lại văn trên. Ý nói Động Niệm là mê muội, Nghĩa đó dễ hiểu. Còn Túc Niệm cũng mê muội: thì mới thật khó hiểu. Dưới đây sẽ giải thích Nghĩa đều quy mê muội: Đầu tiên Đoạn Định là do đời vô thủy, gốc nó khởi tự vô minh, nó đã làm Chúa tể, tức là nguyên nhân đầu tiên. **Bản khởi vô minh:** là chỉ vào cái Sinh Tướng vô minh mà nói, nhưng không Biết nó khởi Thời và khởi Tướng, cho nên gọi là **bản khởi**. Từ trước tới nay, tạo tác những Công Dụng và sự Nghiệp đều thuộc vô minh, nó khiến cho tất cả Chúng Sinh bất Tri bất Giác, mạo nhận là Ta, cho nên gọi là **Chúa tể**. Chúng Sinh không có Mắt Tuệ, không tự soi thấy Thân Tâm tức là vô minh Huyền hóa, cũng như hòn ngói do đất mà thành. Nguyên văn nói: “Thân **Tâm các Tính đều là vô minh**”. Nhất hướng đã bị vô minh làm Chúa tể, thì không có khả năng gì để tiêu diệt vô minh. Dụng sự của vô minh đã không có năng lực tự tiêu diệt được vô minh, thì cũng như Người ta không tự đoạn được mạng của mình. **Vì thế nên biết trở xuống:** là nói cái Chướng của Người Tu Đạo. Chúng Sinh do Dụng sự của vô minh mà Sinh Chấp Ngã. Như thế nếu thuận Ta thì Ta yêu, Ta sẽ Tùy thuận. Tùy thuận có Nghĩa là dung hợp. Trái lại Cảnh không Tùy thuận thì Sinh lòng oán ghét. Yêu ghét đã từ vô minh Phát Sinh, thì nó lại càng nuôi thêm vô minh, thực không phải một việc dễ trừ. Cũng như sóng từ nước mà Sinh, thì sóng lại làm thêm thế lực cho nước. Như vậy Động Niệm và Túc niệm đều quy mê muội. Nếu Ta cứ để cho yêu ghét với vô minh huân tập lẫn nhau, tư dưỡng lẫn nhau, tiếp nối không ngừng, thì dầu có cần khổ Tu Đạo, mà không Ly Bốn Tướng, quyết không thành Đạo.

Hán: Thiện nam tử! Vân hà Ngã Tướng! Vị Chư Chúng Sinh Tâm Sở Chứng giả. Thiện nam tử! Thí như hữu Nhân, bách hài điều thích, hốt vong Ngã Thân, tứ chi huyền hoãn, tiếp dưỡng quai phương; vi gia châm ngải, tức tri hữu Ngã. Thị cố Chứng thủ phương hiện Ngã Thể. Thiện nam tử! kỳ Tâm nãi chí Chứng ư Như Lai tất Kính liễu tri Thanh Tịnh Niết bàn giai thị Ngã Tướng.

Việt: Thiện nam tử! Thế nào là Ngã Tướng! Nghĩa là cái Tâm Sở Chứng của Chúng Sinh. Thiện nam tử! Ví như có Người, trăm hài hòa thích, chợt quên Thân Ta, bốn chi (chân tay) tê mỏi, tiếp dưỡng trái phương hoặc chích kim hoặc đốt ngải, là Biết có Ngã. Vì thế nhận lấy mới hiện ra Ngã Thể. Thiện nam tử! Tâm

đó cho đến Chứng được rốt ráo Hiểu biết Thanh Tịnh Niết bàn của Như Lai cũng là Ngã Tướng.

GIẢNG VĂN

Dưới đây nói rõ Bốn Tướng, là Mê Trí Cảnh của Người Cầu Đạo, là một Việc trên Cảnh của Nội Tâm cực kỳ ẩn vi, bất đồng với Mê thức của Bốn Tướng. sở dĩ, đó là Bệnh hoạn của Người Tu Hành. Câu đầu, trung bày và giải thích. Câu sau nói Ngã Tướng rất thâm và tế nhị. Nhất hướng ẩn phục, nấu lẩn ở trong, không có thể Hiểu Biết. Phải chăng Tự Tâm của họ có thể Chứng tỏ và Hiểu Biết, thì cái Tướng đó mới Phát hiện. Nguyên văn nói: “**Nghĩa là cái Tâm Sở Chứng của Chúng Sinh**”. Đại sư giải rằng “Tâm, là đệ thất Thức. Sở Chứng là đệ bát Thức Kiến phần. Tất cả Chúng Sinh Chấp nó là Ngã ở trong Ta, vì thế, Tướng này rất khó thấy đặng”. **Thí như:** giả đặt lời thí dụ cho rõ Nghĩa. Như Người không có Bệnh trong mình, hòa vui không Biết có Thân; dĩ chí bốn chi hòa lạc, cũng quên Thân ta. Kim chích, ngải đốt, thuộc Y Sư. Trong cái trạng thái Thấy Ngã Thân, như Người có Bệnh, Thầy Thuốc chích kim hoặc đốt ngải, khi đó hoặc đau hoặc ngứa, hoặc nóng sục đến Thân Thể, mới Biết có Ngã. Nữa là Người Tu, Biết chấp ngã là vọng, phải nên đoạn.

Trong khi Thiên Định, tạm được quên tình, không chấp Thân Tâm Huyền hóa và các Thô Tướng của Ngã Chấp. Nếu gặp sự kích thích, hốt nhiên thấy Tâm giao cảm, tức là cái Ngã Tướng vi tế, nó ẩn phục ở bên trong Chứa đoạn trừ hết. Nguyên văn nói: “**vì thế nhận lấy mới hiện ra Ngã Thể**”. **Thiện nam tử trở xuống:** Nói Ngã Tướng thâm tế (nhỏ nhiệm) khó hiểu biết, nó là cái Chương của Người Cầu Đạo. Chẳng những việc tầm thường thấy Biết, lại còn trên phần Lý, như có Chứng Thủ cũng gọi là **Ngã Tướng**. Với Người Cầu Đạo, cái Tâm Chứng đến Cảnh Giới Phật, Hiểu Biết **Thanh Tịnh Niết bàn**, thì cái Chứng Thủ đó cũng là **Ngã Tướng**. Chứng Biết **Niết bàn** của **Như Lai**, tức là Tướng của **Giác Thể Thanh Tịnh**, như thế cũng chẳng khác gì có Chứng. Nếu nhận **Niết bàn** là Pháp để Chứng **Thủ**, tất nhiên lại Chấp riêng có **Tâm Năng Chứng**. Năng Chứng và Sở Chứng Chứa hết, tức là **Ngã Tướng**.

Hán: Thiện nam tử! Vân hà Nhân Tướng! Vị Chúng Sinh Tâm Ngộ Chứng giả. Thiện nam tử! Ngộ hữu Ngã giả, bất phục nhận Ngã. Sở Ngộ phi Ngã, Ngộ diệc như thị. Ngộ dĩ siêu quá, Nhất thiết Chứng giả, tất vi Nhân Tướng. Thiện nam tử! Kỳ Tâm nãi

**chí Viên Ngộ Niết bàn, câu thị Ngã giả. Tâm tồn thiếu Ngộ, bị đạ
Chúng Lý, giai danh Nhân Tướng.**

**Việt: Thiện nam tử! Thế nào là Nhân Tướng! Nghĩa là Tâm của
Chúng Sinh Ngộ cái Chúng đó. Thiện nam tử! Ngộ có Ta lại
chẳng chịu nhận Ta. Ngộ Không phải Ta, Ngộ cũng như thế.
Ngộ rồi, vượt qua tất cả cái Chúng đó, hết là Nhân Tướng. Thiện
nam tử! Tâm đó dầu cho Viên Ngộ được Niết bàn cũng đều là
Ngã. Tâm còn chút Ngộ, Chúng Lý đầy đủ, đều là Nhân Tướng.**

GIẢNG VĂN

Văn trên nói Tâm Sở Chúng là **Ngã Tướng**. Đây nói Tâm Ngộ Lý, Ngộ cái chỗ Chúng Thủ, tức là **Ngã Tướng** hiện còn. Ngay cái Tâm Ngộ tức là **Nhân Tướng**. Nguyên văn nói: “**Nghĩa là Tâm của Chúng Sinh Ngộ cái Chúng đó**”. Ngộ có Ta, lại chẳng chịu nhận Ta. Ý nói Ngộ chỗ Chúng Thủ, thì **Ngã Tướng** hãy còn, Tâm Biết là phi (trái), lại không nhận **Ngã**. Nếu không nhận **Ngã**, mà Ngộ Biết cái chỗ Chúng Thủ đó là **phi Ngã** (không phải Ta). Vậy có **Ngã** và **Phi Ngã**, cũng là một Tâm Ngộ mà thôi. Nguyên văn nói: “**Ngộ không phải Ngã, Ngộ cũng như vậy**”. Tất cả Trí Năng Chúng đều là Ngã Tướng, đây nói Tâm đã Ngộ lại không Chấp trước. Nguyên văn nói: “**Ngộ rồi vượt qua tất cả Chúng**”. Do không vong (quên) được Tâm Năng Ngộ, trái lại Biến thành **Ngã Tướng**; lại cũng hình như riêng có Tướng của Người khác, Tướng đó, đối với Ngã Tướng gọi là **Nhân Tướng**. **Ngộ**: suy xét, Biện luận, so lường, do Ta mà suy đến Người, cho nên gọi là **Nhân Tướng**. Như Ngộ Chúng đó không phải Ta và không nhận Ta. Cái Nghĩa không phải Ta và không nhận Ta, tức là hàm cái Ý Nghĩa **Người ta**, như vậy Tâm Ngộ đó là Nhân Tướng. Mới rồi Luận Duy Tâm, Chấp có **Tự Ngã**, cũng không Thành lập. Nếu suy luận Người ta tức là Có Ta, lập vũ Trụ Duy Tâm Luận, nói mỗi Người đều có **Tự Ngã**, cũng là có Ngã mà nói đến Nhân, thì cái Chấp đó cũng tương đối với **Nhân Tướng**, không khác. **Tâm đó trở xuống**: không những Ngộ (Hiểu Biết) cái Chúng đó là hư vọng Ngã, trái lại Ngộ đó là Nhân Tướng. Giả sử Tâm Ngộ Niết bàn là Ngã Tướng mà không chấp trước, như vậy nếu còn một chút Tâm Ngộ, đều là Nhân Tướng.

Hán: Thiện nam tử! Vân hà Chúng Sinh Tướng! Vị Chư Chúng Sinh, Tâm tự Chúng Ngộ sở bất cập giả. Thiện nam tử! Thí như

hữu Nhân, tác như thị ngôn: “Ngã thị Chúng Sinh”, tác tri Bỉ Nhân, Thuyết Chúng Sinh giả, phi Ngã phi Bỉ. Vân hà phi Ngã! “Ngã thị Chúng Sinh”, tác phi thị Ngã. Vân hà phi Bỉ! “Ngã thị Chúng Sinh”, phi Bỉ Ngã cố. Thiện nam tử! Đản Chư Chúng Sinh Liễu Chứng, Liễu Ngộ, giai vi Ngã Nhân. Nhi Ngã Nhân Tướng sở bất cập giả, tồn hữu sở Liễu, danh Chúng Sinh Tướng.

Việt: Thiện nam tử! Thế nào là Chúng Sinh Tướng! Nghĩa là Tâm Tụ Chúng Ngộ của Chúng Sinh không còn. Thiện nam tử! Ví như có Người nói như thế này: “Ta là Chúng Sinh”, thì Biết Người kia nói Chúng Sinh, không phải Ngã và không phải Bỉ (Người khác). Tại sao không phải Ngã! “Ta là Chúng Sinh” thì không phải Ngã. Làm sao không phải Bỉ? “Ta là Chúng Sinh”, đâu phải Bỉ là Ngã vậy. Thiện nam tử! Những Chúng Sinh Liễu Chứng và Liễu Ngộ, đều là Ngã Nhân. Mà cái Tướng Ngã Nhân đó đã hết, chỉ còn có Liễu thôi, gọi là Chúng Sinh Tướng.

GIẢNG VĂN

Chúng: là Ngã Tướng. **Ngộ:** là Nhân Tướng. Hiểu biết hai Tướng đó đều phi (không phải), thì đã ly được Cảnh Giới **Tụ Chúng, Tụ Ngộ**. Nguyên văn nói: **“Tâm Tụ Chúng, Tụ Ngộ của Chúng Sinh không còn”**. Với cái Tướng **Chúng, Ngộ** không còn, nhưng cái **Ngã Tướng** hãy còn vi tế ẩn phục ở trong. Cho nên Tướng đó gọi là **Chúng Sinh Tướng**. Đại Sớ nói: **“Chúng Sinh không nhất định Chấp nhất”**.

Thiện nam tử trở xuống: Để thí dụ cho rõ Nghĩa. Cũng như có Người nói “Ta là **Chúng Sinh**”, thì Người đó tự nhận là **Chúng Sinh**, chứ không tự nhận có Minh nữa, và cũng không chỉ cho Người khác. Nguyên văn nói: **“Không phải Ngã (Ta), không phải Bỉ (Người khác)**. Tại sao Biết không tự nhận Ngã, vì Y tự xưng Y là Chúng Sinh, đã là Chúng Sinh dĩ nhiên không phải Ngã. Tại sao Biết không phải là Người khác, vì Y nói Y là Chúng Sinh, chứ không nói Người khác là Chúng Sinh, như thế không phải Người khác (Bỉ) là Ta. Câu đâu phải Bỉ là Ngã: tức không phải Người khác (Bỉ) là Ta. Để ly khai cái Tâm tích ẩn mật của Ngã Tướng, Nhân Tướng nhận xét ở trong, tức là Chúng Sinh Tướng. Chữ **Những:** là kết thành cái Danh Tướng của Chúng Sinh. Những Người Cầu Đạo Hiểu biết chỗ **Sở Chúng** là **Ngã Tướng**, Hiểu

biết chỗ **Sở Ngộ** là **Nhân Tướng**. Nguyên văn nói: “**Liễu Chúng**, **Liễu Ngộ** đều là **Ngã Nhân**. **Liễu Chúng**: thì không **Chấp Ngã tướng**. **Liễu Ngộ**: thì không **Chấp Nhân Tướng**. Như vậy lại vượt qua cái **Tâm tích Liễu Chúng**, **Liễu Ngộ** của **Nhân Tướng**, **Ngã Tướng**. Do **Tâm tích Chưa hết** cho nên có **Tướng ẩn mật vi tế** còn tồn tại. Song **Tướng đó**, như trên đã nói, Ta là **Chúng Sinh**, thực ra **Chúng Sinh Tướng** chỉ còn có một **Niệm Liễu** mà thôi, gọi là **Chúng Sinh Tướng**. **Liễu: Chúng** và **Ngộ** không còn tồn tại, chỉ còn có cái **Trí Năng Liễu**, gọi là **Liễu**.”

Hán: Thiện nam tử! Vân hà Thọ mạng Tướng? Vị Chư Chúng Sinh, Tâm chiếu Thanh Tịnh Giác sở Liễu giả. Nhất thiết Nghiệp Trí, sở bất tự Kiến, do như Mạng Căn.

Việt: Thiện nam tử! Thế nào là Thọ mạng Tướng? Nghĩa là Chúng Sinh, Tâm chiếu sai chỗ Thanh Tịnh Giác, mà Liễu. Tất cả Nghiệp Trí không thể tự Thấy, cũng như Mạng Căn.

GIẢNG VĂN

Thọ mạng Tướng: Cũng là **Ngã Tướng** vi tế hãy còn tồn tại. Chúng ta không thể tự thấy **Biết** được. Cũng như **Mạng Căn**, Người ta không thể tự thấy **Biết** nó, gọi là **Thọ mạng Tướng**. **Tâm chiếu Thanh Tịnh:** Ý nói tự **Tâm** của **Chúng Sinh** trên **Thể Trí**, **Chiếu** sai đã **Thanh Tịnh**. **Đại Sớ** nói: “**Tức cái Tâm Chiếu cho nên nói rằng Thanh Tịnh**”. **Liễu:** đoạn trên nói **Liễu Chúng**, **Liễu Ngộ** của **Tâm Tính Chúng Sinh**, **Tâm chiếu** đã **Thanh Tịnh**, cho nên **Biết** cái **Liễu** đó là **phi (trái)**, nếu còn có **Liễu** tất còn có **Tướng**. Có **Tướng** tất có **đôi đũa**, có **hạn lượng**. Nguyên văn nói: “**Giác Sở Liễu giả**”. **Tất cả Nghiệp Trí:** nói tất cả trên **Tâm Thể** hay có **Trí Tác Dụng**, cũng là **Giác Tâm**. **Giác Sở Liễu giả:** là **tôi thâm** của **tất cả Nghiệp Trí**, có thể **đem Giác** mà **phá** cái **Sở Chúng**, **Sở Ngộ**, và **Sở Liễu**, nó không tự **Biết** được bản **Thân** của nó. Cho nên văn nói: “**Tất cả Nghiệp Trí không thể tự thấy**”. Không thể thấy được **Tướng** của nó, cũng như **Mạng Căn** của con **Người**, tuy còn tồn tại nhưng không thể thấy **đặng**. Vì thế, **Giác Tướng** rất **ẩn vi bí mật**, nếu đã không thấy, thì cũng rất **khó trừ**. Cũng như **Mạng Căn** ẩn phục ở trong **Người**, cho nên gọi là **Thọ mạng Tướng**.

Hán: Thiện nam tử! Nhược Tâm chiếu kiến Nhất thiết Giác giả, giai vị Trần cấu. Giác sở Giác giả, bất ly Trần cố. Như thang

tiêu băng. Vô Biệt hữu băng, Trí băng tiêu giả. Tồn Ngã, Giác Ngã, Diệu phục như thị.

Việt: Thiện nam tử! Nếu Tâm soi thấy tất cả Giác, đó đều là Trần cấu. Giác, lại soi lại Giác, thì cũng không lìa Trần. Như nước sôi tiêu băng. Nước không khác băng, Biết băng, tiêu đó. Còn Ta, Biết Ta, cũng lại như thế.

GIẢNG VĂN

Đoạn này nói rõ, nếu đã có Tướng đều thuộc Cảnh vọng. Tất cả Giác đó: là chỉ vào ba **Giác Tướng** ở trên mà nói. **Tâm soi thấy:** Ý nói một **Tướng Giác**, sau có thể soi thấy ba **Tướng Giác** ở trên. Sở dĩ cái **Giác** đó có năng lực soi thấy những **Giác** ở trên, cũng là phải dùng Tâm Trí mà chiếu soi, như vậy cũng là Trần cấu. Vì Tâm còn, cho nên Năng, Sở hãy còn. **Pháp Sở Giác** không ly Trần, thì **Tâm Năng Giác** cũng không ly Trần. **Trần cấu:** Tức là Tâm Chưa trong sạch. Cũng như nồi nước đang sôi đem bỏ cục nước đá vào, nước đá tan ra thành Tịnh thủy, quyết nhiên không còn hình dung; Cục đá lấy một đều lỏng là phải. Tỷ như **Ngã Tướng** đã tiêu diệt, mới là Tịnh Tâm, không còn có Tâm chiếu soi, mà soi thấy tất cả **Giác** khác. Giả như hãy còn chút đỉnh **Ngã Tướng** để chiếu soi, mà đoạn trừ Ngã Tướng khác, thì không phải Tịnh Tâm. Cũng như hãy còn một chút nước đá, thì không phải Tịnh thủy. Nguyên văn nói: còn Ngã, Giác Ngã cũng lại như vậy.

Hán: Thiện nam tử! Mạt thế Chúng Sinh bất liễu Tứ Tướng. Tuy Kinh đa kiếp cần khổ Tu Đạo, đăn danh hữu vi. Chung bất năng thành Nhất thiết Thánh Quả. thị cố danh vi Chính Pháp Mạt thế.

Việt: Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt, không Hiểu Bốn Tướng. Tuy trải qua nhiều kiếp cần khổ Tu Đạo, cũng là hữu vi. Quyết không thành được tất cả Thánh Quả. Cho nên gọi là Chính Pháp Mạt thế.

GIẢNG VĂN

Tu Đạo mà không Hiểu Bốn Tướng, tuy nhiều kiếp cần khổ Tu Hành, chỉ là Nhân Sinh diệt của Thế gian. Ví như con rắn ăn trăm con vật cũng là chỉ nuôi cái Thê của con rắn thôi. Nếu đã thuộc cái Nhân Thế gian, thì không thành được Thánh Quả của Xuất Thế gian. **Tất cả Thánh Quả:** nói Thánh Quả Bồ Tát và Nhị thừa. Nếu không Hiểu mê Trí của Bốn Tướng, thì không thành **Địa Thượng Đại Thừa Thánh Quả**. Nếu không Hiểu mê Thức của Bốn Tướng, thì Thánh Quả của Tiểu Thừa cũng không thành. **Chính Pháp Mạt thế:** Ý nói không Hiểu Bốn Tướng mà Tu Đạo, tuy ở thời Chính Pháp cũng là Mạt thế.

Hán: Hà dĩ cố? Nhận Nhất thiết Ngã vi Niết bàn cố; hữu Chứng hữu Ngộ danh thành tựu cố. Thí như hữu Nhân, nhận tặc vi tử, kỳ gia tài bảo, chung bắt thành tựu.

Việt: Tại sao thế? Vì nhận tất cả Ngã là Niết bàn; có Chứng có Ngộ gọi là thành tựu. Ví như có Người, nhận giặc làm con, tài bảo cửa nhà, trọn không thành tựu (đều bị phá tan).

GIẢNG VĂN

Tại sao thế? Ý nói không Hiểu Bốn Tướng thì không thành Thánh Quả. **Tất cả Ngã:** Bốn Tướng đều gọi là Ngã. Câu đầu nói sở dĩ không thành Thánh Quả, là do Vọng Nhận tất cả Ngã Tướng là **Niết bàn**. Câu dưới nói cái Tướng của Vọng Nhận, vọng nhận **Ngã Tướng là Niết bàn**, thành ở như nơi mình đã **Chứng**; vọng nhận **Nhân tướng là Niết bàn**, thành ở như nơi mình đã **Ngộ**; vọng nhận **Chúng Sinh Tướng**, thành ở nơi mình đã **Liễu**; nhận **Thọ mạng Tướng**, thành ở nơi mình đã **Giác**, cũng như thế. Nguyên văn nói: **có Chứng có Ngộ gọi là Thành tựu**. Ví như giặc ở trong nhà, không Biết nhận xét, lại nhận là con. Cố nhiên tiền của sẽ bị phá tan. Phương chi **Tạng Thức** là hư vọng, thất Thức **Chấp Ngã**, không Hiểu cho mình bạch, lại nhận là **Niết bàn**; vì vậy dầu có Tu Hành cũng không thành được công đức. Đó cũng chỉ Vọng Nhận **Ngã Tướng**, thì **Ngã** không được giải thoát, cho nên Tu nhiều kiếp mà không thành Thánh Quả.

Hán: Hà dĩ cố! Hữu Ngã Ái giả, diệt Ái Niết bàn. Phục Ngã Ái Căn, vi Niết bàn Tướng. Hữu Tạng Ngã giả, diệt Tạng Sinh tử. Bất tri Ái giả, Nhân Sinh tử cố. Biệt Tạng Sinh tử, danh bất Giải thoát.

Việt: Tại sao thế? Ta có Yêu đó là Yêu Niết bàn. Giệp Ái Căn Ta, là Niết bàn Tướng. Ta có Ghét đó, là Ghét Sinh tử. Chẳng Biết Ái đó, là gốc Sinh tử. Khác với Ghét Sinh tử, là không được Giải thoát.

GIẢNG VĂN

Vọng nhận Ngã: tất có Tâm yêu ta, Tâm ghét . Có Tâm yêu ta, thì lấy Tâm đó mà yêu Niết bàn. Tạm giệp được Tâm yêu ta, là **Tướng** của **Niết bàn**, không ngờ **Tâm** đó lại thành **Pháp Ái**. Có Tâm ghét, đối với Sinh tử đều không có Tâm ghét. Nhưng không ngờ cái Tâm yêu Niết bàn, thực là cái Nhân của Sinh tử. Không Biết đoạn lòng Ái, lại dùng lòng ghét Sinh tử, như thế Pháp không được giải thoát, tức là **Pháp Ái**. Ý nói **Pháp Niết bàn** là một Pháp Giải thoát. Yêu ghét là cái Nhân hệ lụy trói buộc. Tâm giệp được **Ngã Ái**, nhưng không phải thực Niết bàn, vì Ái Niết bàn cho nên thành **Pháp Ái**. Yêu **Niết bàn** mà ghét Sinh tử, không ngờ cái gốc Sinh tử do **Ái Tâm**. Nếu không diệt Ái, chỉ ghét không thì có ích gì! Tu tập như vậy thì sao được Giải thoát.

Hán: Vân hà đương tri Pháp bất Giải thoát! Thiện nam tử! Bĩ Mạt thế Chúng Sinh tập Bồ đề giả, dĩ kỹ vi Chúng vi tự Thanh Tịnh, do vị năng tận Ngã Tướng Căn bản.

Việt: Làm sao mà Biết Pháp không được giải thoát! Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt thế Tu tập Đạo Bồ đề, thấy mình mới Chúng được chút đỉnh đã tự cho là Thanh Tịnh, cũng do Chưa hết được cội gốc Ngã Tướng.

GIẢNG VĂN

Câu đầu theo văn trên mà nói, Pháp không được Giải thoát. Ý nói Niết bàn là một Pháp Tịch diệt, nay **Ái Niết bàn** Cầu Giải thoát. Tại sao lại gọi là không được Giải thoát! **Thiện nam tử trở xuống:** Nghĩa là mới Chúng được chút đỉnh, đã cho là Thanh Tịnh; Như thế Chưa hết **Ngã Tướng**, tức là Pháp không được Giải thoát. **Chúng chút đỉnh!** Trên đây bốn phần: **Chúng, Ngộ, Liễu, Giác**. Mới được chút phần Chúng, gọi là **Chúng chút đỉnh**; và cũng không tự nhận là đã Thanh Tịnh, nếu nhận tức là Pháp Chấp.

Thọ mạng Tướng thuộc Giác, cũng là Nghiệp Trí, do Ngã Tướng Chưa hết. Nguyên văn nói: do Chưa hết được cội gốc Ngã Tướng.

Hán: Nhược phục hữu Nhân tán thán bỉ Pháp, tức Sinh hoan hỷ tiện dục Tế Độ. Nhược phục phỉ báng bỉ sở đắc giả, tiện Sinh sân hận. Tác tri Ngã Tướng kiên cố chấp trì, tiềm phục Tạng Thức, du hý chư Căn, tăng bất gián đoạn. Thiện nam tử! bỉ Tu Đạo giả, bất trừ Ngã Tướng, thị cố bất năng Nhập Thanh Tịnh Giác.

Việt: Nếu mà có ai khen lao Pháp đó, liền Sinh vui mừng, và muốn Tế Độ. Nếu lại phỉ báng Pháp sở đắc đó, thì Sinh sân hận. Biết rằng Ngã Tướng chấp giữ vững bền, ẩn nấu ở Tạng Thức, qua lại các Căn chưa từng gián đoạn. Thiện nam tử! kẻ kia Tu Đạo, không trừ được Ngã Tướng, cho nên không hay Nhập Thanh Tịnh Giác.

GIẢNG VĂN

Sở dĩ nói Chưa hết Căn bản của **Ngã Tướng**, là do khen, chê, thặng hoặc Động lòng vui buồn. Nếu gặp Người khen lao ta Tu Pháp Môn đó, thì Sinh vui mừng. Hoặc gặp Người chê cái Cảnh Giới sở đắc của mình, thì Sinh lòng tức giận. Như vậy Người Tu Đạo thực khó tự xét lấy mình. Vậy cái Tâm vui buồn giận tức, ta hãy suy nghiệm ngay trong Tâm Ngã chấp của ta thì sẽ Biết. Nguyên văn nói: **Biết rằng Ngã Tướng chấp giữ bền vững. Ngã Tướng** hoặc thâm (to) hoặc tế (nhỏ), ẩn nấu ở đệ bát Thức. Trong khi các Căn đối với Cảnh Trần, thì nó làm Chứa tể Tác Dụng ở trong, không lúc nào gián đoạn. Nguyên văn nói: ẩn nấu ở Tạng Thức, qua lại các Căn, từng không gián đoạn.

Hán: Thiện nam tử! Nhược tri Ngã không, vô hý Ngã giả. Hữu Ngã Thuyết Pháp, Ngã vị đoạn cố. Chúng Sinh thọ mạng diệc phục như thị. Thiện nam tử! Mạt thể Chúng Sinh Thuyết Bệnh vi Pháp, thị cố danh vi khả lân mẫn giả! Tuy cần Tinh tiến, tăng ích Chư Bệnh, thị cố bất năng Nhập Thanh Tịnh Giác.

Việt: Thiện nam tử! Nếu Biết không có Ta, thì không nhận thấy có Người chê Ta. Thấy có Ta Thuyết Pháp, thì cái Ta Chưa đoạn. Chúng Sinh thọ mạng cũng lại như thế. Thiện nam tử! Chúng Sinh đời sau nói Bệnh làm Pháp, vì thế ta cũng thương xót lắm! Tuy cần Tinh tiến, lại thêm các Bệnh, cho nên không hay Nhập Thanh Tịnh Giác.

GIẢNG VĂN

Nghe lời khen không vui, Nghe lời chê không buồn, cũng Chưa chắc đã hết được Ngã Chấp. Nếu thực đã hết Ngã Chấp, thì Nghe lời chê cũng không thấy có Người chê. Nếu còn thấy có Người chê, trái lại còn thấy có Ta là Người bị chê. Nguyên văn nói: **Nếu Biết không có Ta, thì không nhận thấy có Người chê Ta.** Nếu thực không có Ta, thì không thấy Ta Tế Độ cho Người. Và Ta Thuyết Pháp cho Nghe, nếu còn thấy có Ta Thuyết Pháp, Chính là Ngã Tướng Chưa đoạn hết. Nguyên văn nói: **thấy có Ta Thuyết Pháp, thì cái Ta Chưa đoạn.** Còn **Nhân Tướng, Chúng Sinh Tướng, Thọ mạng Tướng,** cũng lại như thế. **Ngã Tướng** hoặc nông hoặc sâu, đều là cái Bệnh của trên Sự Tu Hành Chưa đoạn hết.

Với Người Cầu Đạo, thường thường vọng nhận Ngã Tướng là Niết bàn, tức là Thuyết Bệnh làm Pháp. Vì thế mà Đức Phật xót thương Sự Tu Hành như vậy, càng Tu thì Bệnh lại càng nặng. Nguyên văn nói: **“Cho nên không hay Nhập Thanh Tịnh Giác”.**

Hán: Thiện nam tử! Mạt thế Chúng Sinh bất liễu Tứ Tướng, dĩ Như Lai giải cập sở Hành sứ, vị tự Tu Hành, chung bất thành tựu. Hoặc hữu Chúng Sinh vị Đắc vị Đắc, vị Chứng vị Chứng. Kiến thắng tiến giả, Tâm Sinh tật đố. Do bỉ Chúng Sinh vị đoạn Ngã Ái, thị cố bất năng Nhập Thanh Tịnh Giác.

Việt: Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt, không Hiểu Bốn Tướng, lấy chỗ Hành Giải của Như Lai, tự nhân Tu Hành, đó là của mình, thì không thành Đạo. Hoặc có Chúng Sinh Chưa được, tự đắc là được; Chưa Chứng, tự đắc là Chứng. Thấy kiến giải của mình khá, Tâm Sinh ngạo mạn tật đố. Do Chúng Sinh kia

Chưa đoạn được Ngã Ái, vì thế không hay Nhập Thanh Tịnh Giác.

GIẢNG VĂN

Văn đây nói thêm, nếu không Hiểu Bốn Tướng, tất Sinh hai điều làm lỗi: 1) Nhận Công Đức của Phật làm Công Đức của mình; 2) Mới được chút phần Kiến giải lại Sinh kiêu mạn.

Hành, Giải của Như Lai: Ý nói Người trộm nhận Công Đức của Phật làm Công Đức của mình. Lũ Người đó cho rằng Kinh Giáo chép cái chỗ Giải của **Như Lai**, chẳng qua như thế, thì ta cũng như thế Tu; chỗ Hành của Như Lai chẳng qua như thế, thì ta cũng như thế Hành. Hiểu biết Hành Giải của Như Lai, tự nhận Cảnh Giới Hành Giải đó là của mình. Vì họ chẳng Biết Bốn Tướng Chưa hết, họ dùng Thức Tâm phân Biệt, bám vào Ngôn Giáo mà nói, quyết không thành được Thanh Tịnh Hành Giải. **Hoặc có trở xuống:** Ý nói con Người mới hơi được chút phần Hiểu Biết, đã sinh lòng kiêu mạn tự đắc. Ở đây nói hai chữ **Chưa được**, không phải là tuyệt đối không có được gì, tức là được chút phần, hoặc tựa có như được mà nói. **Chưa Chứng** cũng vậy. Ý nói: cũng có Người thực tại chưa được Thanh Tịnh Niết bàn, nhân sự **Chứng, Ngộ, Liễu, Giác** đã được chút phần Cảnh Giới. Với Niết bàn cũng tương tự, nhưng tự đắc đã được **Niết bàn**. Thực tại chưa Chứng **Viên mãn Bồ đề**, nhân mới giúp được phiền não của **Ngã Chấp**. Với **Bồ đề** cũng tương tự, nhưng tự đắc cho là mình đã Chứng **Bồ đề**. Với con Người chưa được, chưa Chứng cũng không phải tự họ không Biết, do Tâm kiêu mạn tăng Thượng của họ quá cao, họ tự cho họ đã được, đã Chứng. Những Người đó nếu thấy ai hơn họ, thì họ lại gắng công Cầu tiến hơn Người, cho nên Tâm họ thường Sinh tật đố, ghen ghét; Như vậy thì thực Biết rằng Chưa được và Chưa Chứng. Chưa đoạn **Ngã Ái:** Ý nói hai thứ Người ở trên Sinh Tâm tật đố, ghen ghét là do chưa đoạn được Tể Tướng của **Ngã Ái**. Nguyên văn nói: “**Không hay Nhập Thanh Tịnh Giác**”.

Hán: Thiện nam tử! Mạt thế Chúng Sinh hy vọng thành Đạo, và vô linh Cầu Ngộ. Duy ích đa văn, tăng trưởng Ngã kiến. Dẫn đương Tinh cần hàng phục phiền não, khởi Đại dũng mãnh. Vị đắc linh đắc; vị đoạn linh đoạn; tham, sân, ái, mạn, thiem khúc, tật đố, đối Cảnh bất Sinh. Bỉ, Ngã, ân ái, nhất thiết tịch diệt. Phật Thuyết thị Nhân Tiệm thứ thành tựu, Cầu Thiện tri thức

bất đọa Tà kiến. Nhược ư sở Cầu Biệt Sinh tắng ái, tác bất năng Nhập Thanh Tịnh Giác Hải.

Việt: Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt hy vọng thành Đạo, không có Cầu Ngộ. Chỉ thích học nhiều, cho rộng Ngã kiến. Phải nên Tinh cần hàng phục phiền não, khởi Đại dũng mãnh. Chưa được, khiến cho được; Chưa đoạn, khiến cho đoạn; tham, sân, ái, mạn, thiem khúc, tật đố, đối Cảnh không Sinh. Bĩ (Người ta), Ngã (ta), ân ái, tất cả tịch diệt (vắng lặng). Phật nói Người đó lần lượt Thành đặng, Cầu Thiện tri thức, không mắc kiến tà. Nếu mà Cầu Thầy, Biệt sinh yêu ghét thời không được vào Bể Thanh Tịnh Giác.

GIẢNG VĂN

Tiết này nói về việc khuyến Giới. Từ chữ không có trở xuống ba câu: là lời **Giới** (răn). Từ câu phải nên trở xuống đến câu không mắc kiến tà; là lời **khuyên**. Sau hai câu là nói **Ngã kiến** làm Chướng Ngại cho Sự Tu Hành.

Giới Ý – Ý nói Đức Phật răn Chúng Sinh đời Mạt thế Tu Hành. Mục đích là hy vọng thành Đạo. Hy vọng thành Đạo, tất phải Ngộ Tịnh Viên Giác Tâm. Nên Biết rằng, Đức Phật không những răn Chúng ta phải nên Cầu Ngộ, mà lại còn nhắc nhở Chúng ta chớ nên chỉ chăm học nhiều, làm cái Năng sự cho Ngã Kiến, mà không Cầu Giác Ngộ. Nguyên văn nói: “**Không có Cầu Ngộ, chỉ thích học nhiều**”. Đa văn chỉ là cái học đếm văn tự mà thôi. Giả sử có Hiểu nhiều Biết rộng, thực ra cũng chẳng phải là Tự Ngộ được Tịnh Tâm. Trái lại chỉ thêm phần Ngã Kiến, mà làm Chướng Ngại cho Sự Cầu Ngộ.

Khuyên Ý – Ý nói Đức Phật khuyên Chúng Sinh đời Mạt: hy vọng Thành Đạo. Phải nên mạnh gạn mà hàng phục phiền não, tức là phải Hiểu biết Bốn Tướng đều Không, Phát Tâm dũng mãnh. Tất cả các Công Đức Diệu Dụng ở trong Cảnh Chân thực, trước Chưa được nay phải gắng làm cho được. Tất cả các Pháp Chướng Ngại ở trong Cảnh điên đảo, trước Chưa Đoạn xong, nay phải gắng Đoạn cho hết. Như vậy chỉ có Tự Minh Chúng nghiệm được những sự tham, sân, ái, mạn, của Căn bản phiền não, thiem khúc, tật đố các tùy phiền não, đối Cảnh không Sinh. Nghĩa là Người và mình, ơn và yêu, làm Căn bản (gốc rễ) cho Sinh tử, tất cả phải tịch diệt (vắng lặng).

Tịch diệt: là không Sinh diệt, cũng không phải trước có mà sau diệt. Nếu thực như vậy, thì sẽ tiến lên tiêu diệt Bốn Tướng mà Chứng Pháp Không, và cũng có thể Biết được Sự Thành của Quan Hành. Nguyên văn nói: **“Phật nói Người ấy lần lượt Thành đặng”**. Nếu Cầu Thiện tri thức, mới không mắc tà kiến; Song Cầu Thiện tri thức, chỉ nên Cầu những bậc Chánh tri kiến, nhưng không được phân biệt mà sinh Tâm yêu ghét. Đối với Người Thiện tri thức mà lại còn phân Biệt giàu, nghèo, sang, hèn, là do Căn bản của Ngã Tướng chưa trừ hết, có thể làm Chướng cho Đạo. Nguyên văn nói: **“Nếu mà Cầu Thầy, Biệt Sinh yêu ghét, thì không được vào bể Thanh Tịnh Giác”**. Hai câu này có Ý thiết tha dặn bảo, vì nó làm Chướng Ngại cho Đạo.

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: Tịnh Nghiệp như Đương tri! Nhất thiết Chư Chúng Sinh, giai do Chấp Ngã ái, vô thủy vọng lưu chuyển. Vị trừ Tứ Chúng Tướng, bất đắc thành Bồ đề. Ái tăng Sinh ư Tâm, thêm khúc tổn Chư Niệm, thị cố đa mê muội, bất năng Nhập Giác Thành. Nhược năng quy Ngộ sái, tiên khứ tham, sân, si. Pháp Ái bất tổn Tâm, Tiệm thứ khả thành tựu. Ngã Thân bản bất hữu, tăng ái hà do Sinh! Thử Nhân Cầu Thiện hữu, chung bất đọa tà kiến. Sở Cầu, Biệt Sinh Tâm, Cứu Kính phi thành tựu.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó mà nói bài kệ rằng: Tịnh Nghiệp Ông nên Biết! Tất cả các Chúng Sinh, chỉ vì Chấp yêu Ta, vô thủy xoay chuyển hoài. Vì Chưa hết Bốn Tướng, không được thành Bồ đề. Yêu ghét Sinh ở Tâm, thêm khúc tổn ở Niệm, vì thế nhiều mê muội, không hay vào Giác Thành. Nếu hay quy Ngộ Cảnh, trước bỏ tham, sân, si. Pháp Ái không để Tâm, lần lượt mới thành tựu. Thân ta nguyên Không có, yêu ghét từ đâu Sinh! Người ấy Cầu Thiện hữu, quyết không mắc kiến tà. Tâm Cầu, sinh phân biệt, rốt ráo không Thành tựu.

GIẢNG VĂN

Sái: Tiếng Phạn là **Sái đa la**. Tàu dịch: Quốc Độ và Thế giới, hoặc Cảnh vực Ngộ sái, cũng như **Ngộ Cảnh**. Đã gọi là **Ngộ Cảnh**, thì Pháp ấy Pháp khác đều thuộc Ngộ, không còn có mê.

10. Chương Phổ Giác Bồ Tát

Tà Sư Bệnh: Tà chấp và thấy biết lầm, không phải lỗi tại Chúng Sinh, do Thầy bạn đào tạo mà thành. Người Tu Hành, tự mình phải Thân cận những Bậc Thiện tri thức. Tà Sư ác hữu, mù quáng, nếu không có con mắt sáng lựa chọn tất bị sa ngã! Do Tà Pháp tự hại mình hại Người. Vì thế Thầy, bạn phải nên chú Ý lắm mới được. Nhưng đối với Người tà kiến ở Thế gian, lại là Người tri thức rất tốt của mình; Ngài Phổ Giác Bồ Tát, có tài Hiểu biết những tà kiến, với lòng Bi thiết thương đời Mạt thế, cho nên Ngài đứng lên hỏi Phật.

Hán: Ư thị Phổ Giác Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ nhi bạch Phật ngôn: Đại Bi Thế Tôn! Khoái Thuyết Thiên Bệnh, linh Chư Đại Chúng đắc vị tăng hữu, Tâm Ý đặng nhiên, hoạch Đại an ổn. Thế Tôn! Mạt thế Chúng Sinh, khứ Phật thậm viễn, Hiền Thánh ẩn phục, Tà Pháp tăng sí, sử Chư Chúng Sinh! Cầu hà đặng Nhân? Y hà đặng Pháp? Hành hà đặng Hạnh? Trừ khứ hà Bệnh? Vân hà Phát Tâm? Linh bỉ quần manh bất đọa tà kiến! Tác thị ngữ dĩ, ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Tỉnh chung nhi phục thủy.

Việt: Khi đó Ngài Phổ Giác Bồ Tát ở trong Đại Chúng, liền từ tòa đứng dậy, đầu lễ dưới chân Phật, nhiều bên hữu ba vòng, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Ngài khéo nói Bệnh Thiên, khiến cho Đại Chúng được sự hiếm có, Tâm Ý bỗng nhiên, rất là yên ổn. Lạy Đức Thế Tôn! Chúng Sinh đời Mạt, cách Phật dần xa, Hiền Thánh náu ẩn, Tà Pháp Tung hoành, khiến cho Chúng Sinh Cầu những Người nào? Y theo Pháp nào? Làm những Hạnh gì? Trừ những Bệnh gì? Phát Tâm thế nào? Cho lũ quần manh, không mắc tà kiến”! Nói thế rồi, năm Thế rạp đất, cứ như thế ba lần Tỉnh, trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Thiên Bệnh: Bốn Tướng: **Ngã, Nhân, Chúng Sinh, Thọ mạng.** Chương trên, vui thương thâm thía nói Bốn Tướng. Cho nên nguyên văn nói: **khéo nói Bệnh Thiên.** Nói đã mừng, và thương. Vì thế Người Nghe mới được sự hiếm có, Tâm Ý nhân đó bỗng nhiên được an ổn tự tại. **Mạt thế Chúng Sinh bốn câu:** theo Chương trên nói Cầu Thiện tri thức không mắc tà kiến. Trước nói rõ nguyên nhân Thịnh, Ý nói Chúng Sinh đòi Mạt các Phật dần xa, Tà Pháp thịnh Hành, không tìm Thầy bạn, tức là manh Tu (mù). Song Cầu Thiện tri thức rất dễ mắc tà kiến. Dưới đây năm câu hỏi, cũng Ý ấy: 1.) Chúng Sinh Cầu Thiện tri thức, thì nên Cầu những Người nào? 2.) Nên theo Thiện tri thức những Pháp nào? 3.) Đối với Người Thiện tri thức nên làm những Hạnh gì? 4.) Với Người Cầu và Thụ Pháp, Tự mình nên trừ bỏ những Bệnh gì? 5.) Nên Phát Tâm thế nào mà lánh được Tà Pháp? Thịnh Phật chỉ bảo, cho đời sau những Người Tu Hành, tránh khỏi đường Tà. Nguyên văn nói: **cho lũ quần manh không mắc tà kiến.**

Quần manh: Chúng Sinh đòi Mạt, không có mắt Tuệ, ví như Người mù, dễ sa xuống hố.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn cáo **Phổ Giác Bồ Tát** ngôn: **Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng tư vấn Như Lai như thị Tu Hành. Năng thí Mạt thế Chúng Sinh, Vô Úy Đạo Nhãn, linh bỉ Chúng Sinh đắc thành Thánh Đạo. Nhữ kim đế Thính đương vị nhữ Thuyết. Thời Phổ Giác Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ cập Chư Đại Chúng, mặc nhiên nhi Thính.**

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài **Phổ Giác Bồ Tát** rằng: **Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay hỏi han Như Lai việc Tu Hành như thế. Hay cho Chúng Sinh đòi Mạt, được Đạo Nhãn Vô Úy, khiến cho Chúng Sinh được thành Thánh Đạo. Ông nay Nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Ông mà nói. Thời Ngài Phổ Giác Bồ Tát theo lời dạy vui mừng, và tất cả Đại Chúng im lặng đón Nghe.**

GIẢNG VĂN

Vô Úy Đạo nhân: Tu Hành được Chánh tri, Chánh kiến. Ví như Người đi đường có hai con mắt sáng, thì không sợ xa xụt.

Hán: Thiện nam tử! Mạt thể Chúng Sinh tương Phát Đại Tâm, Cầu Thiện tri thức. Dục Tu Hành giả, đương Cầu Nhất thiết Chánh Tri kiến Nhân. Tâm bất Trụ Tướng, bất trực Thanh văn, Duyên Giác Cảnh Giới. Tuy hiện Trần lao, Tâm hằng Thanh Tịnh. Thị hữu Chư quá, tán thán Phạm Hạnh. Bất linh Chúng Sinh Nhập bất Luật nghi. Cầu như thị Nhân, tức Đắc Thành tựu A lốc đa la tam Diệu Tam Bồ đề.

Việt: Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt nên Phát Đại Tâm, Cầu Thiện tri thức. Mà muốn Tu Hành, nên Cầu những Người Chánh Tri Kiến. Tâm không Trụ Tướng, và không Chấp trực ở Cảnh Giới Thanh văn, Duyên Giác. Tuy hiện ra Trần lao, Tâm thường trong sạch. Giả hiện ra có những lầm lỗi, lại khen lao Phạm Hạnh (Hạnh trong sạch). Không để Chúng Sinh làm trái Luật nghi. Cầu Người như thế, thì được Đạo Vô Thượng.

GIẢNG VĂN

1.) Để đáp câu hỏi Cầu những Người nào:

Đại Tâm: Tu Đại Thừa, Phát Đại Tâm làm Chánh Nhân. Cầu Thiện tri thức là Chánh Duyên. Vì vậy Phát Đại Tâm Cầu Thiện tri thức để chỉ dẫn con đường Chính Tu Hành cho mình. Những Chúng Sinh Cầu Thiện tri thức, cốt yếu phải Cầu tất cả những Người Chánh Tri Kiến. Những Người Chánh Tri Kiến, khả dĩ lấy hai Phương diện **Nghịch, Thuận quan sát** có thể Biết: **Thuận quan sát:** 1.) Tâm không Trụ Tướng; 2.) Không Chấp trực Cảnh Giới Thanh văn và Duyên Giác. **Không Trụ Tướng:** ly Tâm phàm phu, mong Cầu phúc báo cõi Nhân, Thiên. Không Chấp trực Cảnh Giới Thanh văn, Duyên Giác: ly Tâm Nhị thừa, chấp trực Nhân Quả của Tiểu Thừa. **Nghịch quan sát:** Thiện tri thức nhân làm những việc lợi ích Chúng Sinh, tuy hiện ở trần lao, nhưng Tâm thường trong sạch. **Trần lao:** mệt mỏi với Sáu Trần. Kẻ phàm phu mệt nhọc do Sáu Trần, cho nên Tâm không được Thanh Tịnh. Nguyên văn nói: **Tuy hiện Trần lao, Tâm hằng trong sạch.** Cũng có khi làm ra vẻ có lỗi, nhưng không có miễn cưỡng Lý luận để che cái lỗi của mình, lại thường tán

thán (khen) cái Hạnh Thanh Tịnh để tỏ cái lỗi của mình; hoặc làm lợi ích cho Người, hiện ra đồng sự để tiếp hóa; hoặc có duyên khác, làm trái Luật nghi. Nhưng: không cho Người ta cảm thấy mà bắt Chước làm những việc trái quy tắc. Nguyên văn nói: **không để Chúng Sinh làm trái Luật nghi.** Cầu được Người như thế gọi là **Chính Duyên.** Do **Chính Duyên** mà thành **Chính Nhân.** Nguyên văn nói: **được Đạo Vô Thượng.**

Hán: Mặt thể Chúng Sinh kiến như thị Nhân, ung đương cúng dường, bất tiết Thân mạng. Bĩ Thiện tri thức, Tứ uy nghi trung, đương hiện Thanh Tịnh. Nãi chí thị hiện chủng chủng quá hoạn, Tâm vô kiêu mạn, huống phục đoàn tài, thê tử, Quyển thuộc? Nhược Thiện nam tử! Ư bĩ Thiện hữu, bất khởi ác niệm, tức năng Cứu cánh Thành tựu Chính Giác, Tâm hoa Phát minh chiếu Thập phương sái.

Việt: Chúng Sinh đời Mặt thấy Người như thế, phải nên cúng dường không tiết Thân mạng. Thiện tri thức kia, trong Bốn Oai nghi, thường hiện Thanh Tịnh. Nãi chí thị hiện bao nhiêu lầm lỗi, Tâm không kiêu mạn, huống lại giữ tiền, vợ con họ hàng? Nếu Thiện nam tử với Thiện tri thức kia, không Sinh Niệm ác, tức là rốt ráo thành được Chánh Giác, Tâm hoa Phát minh soi Mười phương Thế giới.

GIẢNG VĂN

Thấy Người như thế: đã nói ở trên, cách lựa chọn tìm Thầy. Nếu được Người như thế làm Thiện tri thức cho mình, thì không tiết Thân mạng mà tận tụy Cúng dường. Nguyên văn nói: **Phải nên Cúng dường không tiết Thân mình.** Sở dĩ không tiết Thân mình là vì Người Cầu Đạo, Trọng Tuệ Mạng mà khinh Thân Mạng. Ôi Giáo Lý của Thế gian còn dạy bỏ mình báo Quốc, sát Thân thành Nhân Nghĩa, nữa là Vì Đạo Cầu Thầy? Như thế nếu đã gặp Bạc Chánh Tri Kiến làm Thiện tri thức cho mình, phải nên tận tụy cúng dường; dầu cho gặp Nhân Duyên đến phải táng mạng, cũng không nên tiết. **Câu Thiện tri thức trở xuống:** răn mình không nên hồ nghi. Nghĩa là đã chọn được Người như thế làm Thiện tri thức. Trong Bốn Oai Nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, thường thấy Thanh Tịnh tức là **Thuận Hạnh.** Dĩ nhiên phải cung Kính thừa sự, không đọi phải bàn. Giả như làm ra những Hạnh phi Pháp như sát, Đạo, dâm, vân vân

là **Nghịch Hạnh**, thì cũng không được Sinh lòng ngạo mạn, khinh bỉ. Vì đã Biết Vị Thiện tri thức làm những Hạnh như vậy, là Phương tiện để Hóa Đạo. Hiện ra Thuận Hành, để cho Chúng Sinh theo đúng Nguyên tắc; Hiện ra Nghịch Hành, đối với Chúng Sinh ngu si tạo tội, để cùng Đồng sự Đồng Nghiệp Thân cận họ mà Hóa Độ cho họ. Nguyên văn nói: **nãi chí thị hiện những lầm lỗi, Tâm không kiêu mạn. Huống lại giữ tiền vợ, con, họ hàng. Giữ:** giữ tiền của thức ăn. Nghĩa là thấy làm những Hạnh sát, Đạo, dâm, trái với Luật nghi còn không kiêu mạn; phương chi tham trước tiền của, ăn uống; hoặc ở tại gia ái nhiệm thế tử, Quyền thuộc cũng không coi là lầm lỗi, mà giảm Sinh ác Niệm. Lại có Nghĩa: thờ Thiện tri thức, Thân mạng còn chẳng tiếc, với của cải, ăn uống, chỉ là vật ngoài Thân, thì còn tiếc chi. **Nếu Thiện nam tử trở xuống:** nói cái kết Quả được lợi ích. **Không Sinh ác Niệm:** 1.) Thấy Thiện hữu làm những nghịch Hạnh, Quyết Định Hiểu ngay là Phương tiện. 2.) Có thể Chứng minh ngay Tâm Địa mình là Thanh Tịnh Niệm Chính đã thuần thực, mới có năng lực như vậy. Đối với Thiện hữu đã không Sinh ác Niệm, mới hay Tùy Nhân Cảm Quả, khế hợp với Chân Tâm. Nguyên văn nói: **tức là rất ráo Thành Chánh Giác.** Nhân thế Tuệ Quang khai Phát, Thế hợp vô Biên. Nguyên văn nói: **Tâm hoa Phát minh chiếu Mười phương Thế giới.**

Hán: Thiện nam tử! Bĩ Thiện tri thức sở Chứng Diệu Pháp, ưng ly Tứ Bệnh. Vân hà vi tứ?

Việt: Thiện nam tử! Thiện tri thức kia đã Chứng Diệu Pháp, nên ly Bốn Bệnh. Thế nào là Bốn?

GIẢNG VĂN

2.) Tiết trên đã nói rõ cách lựa chọn Người. Tiết này nói lựa chọn Pháp, để đáp lại câu hỏi y vào Pháp nào. Thiện tri thức kia đã Chứng Diệu Pháp: phải y vào Bốn Bệnh ở dưới đây mà ly. **Diệu Pháp:** chỉ vào Pháp Quan Hành Tùy thuận của Viên Giác mà nói. Trong Bốn Bệnh này, bất đồng với trong câu hỏi trừ những Bệnh gì. Vì Bốn Bệnh này riêng nói về Pháp của Thiện tri thức đã Chứng, trong mục tiêu đã nói Bệnh của Tà Sư. Tùy theo một Bệnh nào Chưa ly nổi thì không thể làm Thầy được; Người Tu Hành cũng không được theo đó làm mục đích cho thẳng mặc (giây mực).

Hán: Nhất giả, tác Bệnh: nhược phục hữu Nhân tác như thị ngôn: ngã ư Bản Tâm tác chủng chủng Hạnh, dục Cầu Viên Giác, bỉ Viên Giác Tính phi tác đắc cố, Thuyết danh vi Bệnh.

Việt: Một là, Bệnh tác: nếu lại có Người nói như thế này: với Bản Tâm tôi làm bao nhiêu Công Hành, để Cầu Viên Giác; nhưng Tính Viên Giác kia, không phải làm mà được, gọi nó là Bệnh.

GIẢNG VĂN

Từ đây trở xuống bốn tiết, nói rõ Bốn Bệnh. Bốn tiết trên đầu đều có câu **nếu lại có Người nói như thế này**, Kinh văn giả Thuyết Người nói, để Phát minh Hành Tướng của Bệnh. Ý kiến nếu đã nói thì Biết có Bệnh. Tiết này nói Hành Tướng của Bệnh tác, tức là muốn Cầu Viên Giác, lại làm Năng sự của Vọng Tâm tạo tác. Nguyên văn nói: **với Bản Tâm tôi làm bao nhiêu Công Hành để Cầu Viên Giác**. Như vậy làm những Công Hành, thì đã Hiểu làm trong Quán Tam ma bát đề; trong nguyên văn nói tất cả Bồ Tát theo đây Khởi Hành, và làm đủ Thanh Tịnh Diệu Hạnh của Bồ Tát; còn Dụng Tâm, Dụng Lực làm công việc Phật, như xây Tháp, làm Chùa, Trì Chú, Niệm Kinh vân vân... tức là Công Đức chân thực của Nhập Đạo, như vậy không ngờ có Ý tạo tác, thì đã trái với **Giác Tính**. Cho nên trong Kinh có câu phá rằng: **Tâm Viên Giác kia không phải làm mà được**, cho nên gọi là Bệnh.

Hán: Nhị giả, Nhậm Bệnh: Nhược phục hữu Nhân tác như thị ngôn: ngã đẳng kim giả bất đoạn Sinh tử, bất Cầu Niết bàn. Niết bàn Sinh tử vô khởi diệt Niệm, Nhậm bỉ Nhất thiết, tùy Chư Pháp Tính dục Cầu Viên Giác. Bỉ Viên Giác Tính phi Nhậm hữu cố, Thuyết danh vi Bệnh.

Việt: Hai là, Bệnh Nhậm: nếu lại có Người nói như thế này: tôi nay không phải đoạn Sinh tử, không Cầu Niết bàn. Niết bàn Sinh tử không có Niệm khởi diệt (Sinh diệt), tha hồ Nhậm tất cả tùy theo Pháp Tính để Cầu Viên Giác. Thì Tính Viên Giác kia cũng không phải Nhậm mà có, cũng gọi là Bệnh.

GIẢNG VĂN

Nhậm: tha hồ tự nhiên, Bệnh **Nhậm** đây đối với **Bệnh Tác** có phản đối nhau. Bộ Đại Sớ nói: “**Bệnh Tác còn có công phu để tìm Phật, với Bệnh Nhậm thì tha hồ cho Thân Tâm phóng túng**”. Bọn Người này níu cái lý do nhậm: Sinh tử bắt tất phải đoạn, **Niết bàn** bắt tất phải Cầu. **Niết bàn** không yêu, Sinh tử cũng không chán, vì thế nên không có Niệm khởi diệt. Nghĩa là Chân mặc Chân, Vọng mặc Vọng, đói thì ăn, khát thì uống, ăn chơi cho xứng Tâm thích Ý. Nên nguyên văn nói: **tha hồ nhậm tất cả tùy theo Pháp Tính**; tức là cái Tâm (nhậm) tha hồ tự nhiên, để Cầu **Viên Giác**.

Như vậy, **Hiểu làm câu “Bồ Tát không bị Pháp phọc.. không Cầu Pháp thoát, không Chán Sinh tử, không Cầu Niết bàn”**, Nghĩa là **Viên Giác Thanh Tịnh**, đương nhiên không phải Tu tập. Nếu muốn Cầu Viên Giác mà cái Tâm nhậm lẽ tự nhiên như vậy, thì không **Biết Viên Giác Tịnh Tính** thực không có **Nhậm**, lẽ tự nhiên như vậy mà được. Nên nguyên văn nói: **Viên Giác Tính không phải Nhậm mà có**, cũng gọi là Bệnh.

Hán: Tam giả, Chỉ Bệnh: Nhược phục hữu Nhân tác như thị ngôn: Ngã kim tự Tâm, vĩnh tức Chư Niệm, đắc Nhất thiết Tịch nhiên Bình Đẳng, dục Cầu Viên Giác. Bĩ Viên Giác Tính phỉ Chỉ hợp cố, Thuyết danh vi Bệnh.

Việt: Thứ ba, Bệnh Chỉ: Nếu lại có Người nói như thế này: tự Tâm tôi nay tắt hết mọi Niệm, được Tính Nhất thiết yên nhiên Bình Đẳng, để Cầu Viên Giác. Tính Viên Giác kia, không phải Chỉ tức mọi Niệm mà được vậy, cũng gọi là Bệnh.

GIẢNG VĂN

Chỉ: là Chỉ tức Vọng Niệm. Vì thấy **Bệnh Tác** do Tâm khởi Động, **Bệnh Nhậm** tùy Tính phóng túng, mà không được **Giác Tính**; cho nên chuyển lại mà Tu Pháp **Chỉ**. Sở dĩ tất cả các Pháp có Tính Sai Biệt không được Bình Đẳng, là do Vọng Niệm; **từ Chử Tôi nay đến Chử Viên Giác:** là Hiểu làm Nghĩa trong **Sa ma tha**, Thủ Tĩnh làm Hạnh, và tức (tắt) mọi Niệm, chẳng **Biết Vọng Niệm** càng tức lại càng nhiều, Nghĩa là cái Tâm để tức Vọng Niệm, Chính nó là Vọng Niệm. Còn thấy có Vọng Niệm để tức, đó là đã trái với Nghĩa Vô Niệm của Giác Tâm. Nên nguyên văn nói: **Tính Viên Giác kia không phải Chỉ tức mọi Niệm mà được.**

Hán: Tứ giả, Diệt Bệnh: Nhược phục hữu Nhân tác như thị ngôn: Ngã kim vĩnh đoạn Nhất thiết phiền não, Thân Tâm tất Kính không vô sở hữu, hà hưởng Căn Trần Hư Vọng Cảnh Giới? Nhất thiết vĩnh Tịch, dục Cầu Viên Giác, bỉ Viên Giác Tính, phi Tịch Tướng cố, Thuyết danh vi Bệnh.

Việt: Bốn là Bệnh Diệt: Nếu lại có Người nói như thế này: Tôi nay Đoạn hết tất cả phiền não không còn có Thân Tâm chi hết, nữa là Căn Trần Cảnh Giới của hư vọng? Tất cả đều vĩnh tịch (vắng dứt) để Cầu Viên Giác. Tính Viên Giác kia không phải Tướng Tịch vậy, cũng gọi là Bệnh.

GIẢNG VĂN

Diệt: là Tâm Cảnh đều Diệt, cho nên bất đồng với Tứ Tâm Niệm ở trên. Lời nói có Ý nếu khởi hoặc tạo Nghiệp, thì có Thân Tâm để thụ báo. Tôi nay đoạn hết tất cả phiền não, không còn có **Hoặc và Nghiệp**, thì Thân Tâm thụ báo dĩ nhiên không có. Căn Trần Cảnh Giới nương ở Thân Tâm, nay Thân Tâm đã không nữa là Căn Trần nương Cảnh Giới hư vọng của Thân Tâm lại chẳng không hay sao? Nay đoạn phiền não, thì Thân Tâm, Căn Trần tất cả đều Tịch diệt (vắng lặng), lấy Tâm Tịch diệt đó để Cầu **Viên Giác**. Như vậy đã Hiểu làm Nghĩa **Thiền na** nói Tịch diệt để đoạn phiền não; chẳng Biết **Giác Thể linh minh** (thiên sáng) **Tịch chiếu** (vắng soi) không hai. Nay đoạn phiền não, Trụ ở Tịch diệt, thì mất minh chiếu, còn chi mà hợp với **Giác Tướng**. Nguyên văn nói: Tính Viên Giác kia không phải Tịch Tướng vậy, cũng gọi là Bệnh.

Hán: Ly Tứ Bệnh giả, tắc tri Thanh Tịnh. Tác thị Quan giả danh vi Chính Quan; nhược tha Quan giả danh vi Tà Quan.

Việt: Ly Bốn Bệnh đó, thì Biết Thanh Tịnh. Tác Quan như thế gọi là Chính Quan; nếu mà Quan khác, gọi là Tà Quan.

GIẢNG VĂN

Đây là lời tổng kết. Ý nói nếu ly Bốn Bệnh, thì Biết Diệu Pháp của Thiện tri thức đã Chứng, là Pháp Thanh Tịnh mà Chúng ta có thể y theo. Chẳng những Thiện tri thức đã Chứng Pháp này mà quan sát như thế, với tất cả Người Tu Hành cũng nên phải làm Pháp Quan như vậy. Nguyên văn nói: **Tác Quan như thế gọi là Chính Quan, nếu mà Quan khác gọi là Tà Quan.**

Thực ra thì Bốn Môn Quan Hành cũng là Bệnh cả. Sở dĩ đoạn Chương thủ Nghĩa thiên chấp một mặt, nói thì gần, nhưng Lý thì hoàn toàn sai. Ly Bốn Bệnh này, đó là thiên chấp, không phải là Pháp Ly; nếu có tài thông đạt, thì Bốn Bệnh đều Thanh Tịnh, chẳng phải Bốn Pháp này không có thể Hành được. **Chữ Sở y:** chỉ ngay ở Pháp ly Bệnh.

Hán: Thiện nam tử! Mạt thế Chúng Sinh dục Tu Hành giả, ưng đương tận mạng cúng dàng Thiện hữu, sự Thiện tri thức. Bĩ Thiện tri thức dục lai Thân cận, ưng đoạn kiêu mạn; Nhược phục viễn ly, ưng đoạn sân hận. Hiện Nghịch, Thuận Cảnh, do như hư không. Liễu tri Thân Tâm, tất Kính Bình Đẳng, dữ Chư Chúng Sinh đồng Thể vô dị. Như thị Tu Hành phương nhập Viên Giác.

Việt: Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt nếu muốn Tu Hành, nên phải hết đời cúng dàng Thiện hữu, thờ Thiện tri thức. Muốn lại Thân gần vị Thiện tri thức kia, nên đoạn kiêu mạn; Nếu bị xa lìa phải đoạn sân hận. Hiện ra Cảnh Nghịch, Thuận, cũng như hư không. Hiểu biết Thân Tâm rốt ráo Bình Đẳng, với tất cả Chúng Sinh đồng Thể không khác. Tu Hành như thế mới Nhập Viên Giác.

GIẢNG VĂN

3.) Lời đáp câu hỏi làm những Hạnh gì, đã tìm được Người, Ý nên làm những việc gì. Môn Hành của Bồ Tát có rất nhiều, nhưng riêng đối với việc thờ Thầy là cần thiết hơn. Vì đời Mạt, Tà Pháp thịnh Hành, nếu không có Thiện tri thức chỉ Đạo, với sự Tu Hành tất bị sa ngã. **Chúng Sinh đời Mạt trở xuống:** nói rõ việc nên Tu Hành. Thiện hữu với Thiện tri thức trên danh Nghĩa không có phân biệt, với Sự chỉ là một; Thiện tri thức nếu cùng đồng học với nhau gọi là bạn, nhưng phải tận Tâm cúng dàng. Nếu là Thầy thì phải giữ lễ và Kính thờ, sớm hôm Thân cận cho đến hết đời, không có chút lười biếng. Nguyên văn nói:

“**Phải nên tận mạng Thiện tri thức kia**”. Đại khái chỉ vào Thầy bạn mà nói: Thầy bạn khứ lai tất có Nhân duyên. Khi Thầy bạn lại Thân cận không nên tự nghĩ rằng: sao không đợi ta mời sẽ lại, như vậy nhân đó mà sinh mạn. Và cũng không nên nghĩ rằng: đó là do muốn đến gần ta, như vậy mà tự Sinh kiêu. Nguyên văn nói: **nhân đoạn kiêu mạn**. Nếu Thầy bạn muốn xa ta, thì cũng không nên nhân việc xa ta mà sinh Tâm sân hận. Nguyên văn nói: **nhân đoạn sân hận**. Nói cho đúng sân hận với kiêu mạn, đều làm Nhân duyên cho sự Chướng Đạo. **Hiện ra Cảnh Nghịch, Thuận**: oai nghi, Thanh Tịnh gọi là Cảnh Thuận. Những sự làm lỗi, trái quy tắc gọi là nghịch Cảnh; Thầy bạn bỏ rơi là **nghịch Cảnh**, Thân cận là **thuận Cảnh**. Nói tóm lại, Thiện tri thức nếu làm trái Ý mình hoặc thuận Ý, cũng không nên nhân đó mà thay đổi Tâm; cũng ví như hư không, không có thay đổi, và cũng không thấy có Tướng **Nghịch, Thuận**. Nguyên văn nói: “**hiện ra Cảnh Nghịch Thuận cũng như hư không**”. Sở dĩ Bồ Tát Tu Hành, lấy Đồng Thể Bi Trí làm yếu điểm, vì đã hiểu biết Thầy bạn và tất cả Chúng Sinh với mình đồng Thể không hai, Nghĩa là Đồng Thể Viên Giác không có phân biệt. Vì thế thờ Thầy thì bỏ cái giá cao cả của mình. Độ Sinh thì quên Bản Ngã, như vậy mới có thể Tùy thuận Giác Tính. Nguyên văn nói: **Tu Hành như thế mới Nhập Viên Giác**.

Hán: Thiện nam tử! Mạt thế Chúng Sinh bất đắc Thành Đạo, do hữu vô thủy, tự tha tăng ái Nhất thiết chủng tử, cố vi giải thoát. Nhược phục hữu Nhân quan bỉ oán gia, như kỹ Phụ mẫu, Tâm vô hữu nhị, tức trừ Chư Bệnh. Ư Chư Pháp trung tự tha, tăng, ái, diệc phục như thị.

Việt: Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt không được Thành Đạo, bởi đời vô thủy có tất cả những chủng tử chấp mình, Người ta, yêu và ghét cho nên không được giải thoát. Nếu lại có Người nào coi kẻ oán gia kia cũng như Phụ mẫu mình, không có hai lòng, là trừ được các Bệnh. Trong tất cả các Pháp, mình, Người ta vì yêu ghét cũng lại như thế.

GIẢNG VĂN

4.) Để đáp câu hỏi trừ những Bệnh gì. Ý hỏi, và Ý đáp, cũng theo Chương trên. Câu, **nếu mà Cầu Thầy, riêng sinh yêu, ghét**: Trên nói Người, dưới đây nói Pháp; trên nói Nghiệp Hiện Hành, đây nói chủng tử bất đồng. Lời

đáp trước, nói rõ cái Bệnh Sở Tại, Ý nói: chỉ vì phân biệt mình và Người mà sinh yêu ghét. Như vậy, khó hợp với Tính **Viên Minh**. Con Người đời Mạt, sở dĩ không thành Đạo, nguyên nhân do từ đời vô thủy tới nay, có những tất cả tập khí chấp mình, Người và yêu ghét, làm chùng tử. Với chùng tử này mà không được Giải thoát, là do hiện hành ở nơi giao cảm với sự tiếp xúc. Ví như Cầu Thầy, lại sinh yêu ghét và khinh trọng; thì đối với sự Nghe Pháp, dĩ nhiên sinh yêu ghét và thủ xả (lấy bỏ). Chướng Ngại cho Đạo, cũng không ngoài Nhân Duyên đó. Cho nên tất cả chùng tử cũng gọi là Bệnh. Ý nói: cốt yếu phải trừ bỏ Bệnh chấp Ngã, Nhân, và yêu, ghét; thì phải lấy Tâm Bình Đẳng mà đối với tất cả mọi Người. Ví như kẻ oan gia với mình là đối phương, thì rất oán ghét; Phụ mẫu thì tôn Kính và yêu mến. Trái lại với đem Tâm ghét kẻ oan gia, mà thân yêu như phụ mẫu của mình, Tâm đó Bình Đẳng, không có hai môi niệm khác nhau. Theo chỗ Oán, Thân thi Hành Bình Đẳng, thì biết Người đó đã Đoạn được cái chùng tử Nhân, Ngã và Yêu ghét. Nguyên văn nói: **là trừ được các Bệnh**. Đối với Người đã như thế, thì đối với Pháp cũng vậy. Như vậy, nếu lấy Tâm Bình Đẳng mà Quán các Pháp, thì Sinh tử và Niết bàn cũng không khác nhau. Nguyên văn nói: **trong tất cả các Pháp, mình, Người ta và yêu ghét cũng lại như thế**.

Hán: Thiện nam tử! Mạt thế Chúng Sinh dục Cầu Viên Giác, ưng đương Phát Tâm tác như thị ngôn: Tận u hư không nhất thiết Chúng Sinh, Ngã giai linh Nhập Cứu Kính Viên Giác, u Viên Giác trung vô Thủ Giác giả, trừ bỉ Ngã, Nhân Nhất thiết Chư Tướng. Như thị Phát Tâm bất đọa tà kiến.

Việt: Thiện nam tử! Chúng Sinh đời Mạt, muốn Cầu Viên Giác thì nên Phát Tâm nói như thế này: Tất cả Chúng Sinh ở hết Cõi hư không, con đều khiến cho Nhập (vào) Viên Giác Cứu Kính, với trong Viên Giác thì không có Thủ Giác, trừ bỏ tất cả các Tướng Ngã, Nhân, Phát Tâm như thế, thì không mắc tà kiến.

GIẢNG VĂN

5.) Lời đáp câu hỏi Phát Tâm thế nào. Chương này năm câu hỏi, duyên khởi do Chúng Sinh đời Mạt, Tà Pháp thịnh Hành, và làm như thế nào cho lũ quần manh không mắc tà kiến. **Đức Thế Tôn** đáp: “Chúng Sinh đời Mạt nên Phát Đại Tâm”. Sở dĩ Phát, là Chúng Sinh đời Mạt do những Người có Chí Cầu Đạo, muốn Phát Đại Tâm, nhưng còn sợ mắc tà kiến, cho nên Chưa dám Phát

ngay. Tới đây, thì Người Cầu Đạo nên theo Pháp nào, nên làm Hạnh gì, nên trừ Bệnh gì, đã nói minh bạch. Cho nên Đức Thế Tôn khuyên Phát Tâm. Nên nguyên văn nói: **Chúng Sinh đời Mạt muốn Cầu Viên Giác, thì nên Phát Tâm. Phát Tâm**, cũng như Phát Nguyện, như Người thế tục nói: “lập chí”. Cũng là lời thúc dục cho những Người Tu Hành. **Nguyện thiết**: làm chuyên, thì được thành công. 1) Tức là lời Phát Tâm, và cũng nên Phát **Tâm Tướng. Tâm Tướng có bốn thứ**: 1. Tâm Quảng Đại, 2. Đệ nhất Tâm, 3. Thường Tâm, 4. Tâm không điên đảo. Cùng hợp với Nghĩa **Kinh Kim Cương** nói “**Vân hà ung Trụ**”. Tất cả Chúng Sinh ở hết cõi hư không: là Tâm Quảng Đại. **Hết cõi hư không**: nói tắt cả Mười phương nhưng không lấy Địa phương Quốc Độ làm giới hạn; **tất cả Chúng Sinh**: là nói bao quát cả Bốn Loài Sinh, và không có phân biệt Oán Thân, cho nên gọi là “**Quảng Đại**”.

Câu tôi đều cho **Nhập (vào) Viên Giác Cứu Kính**, là “**đệ nhất Tâm**”. Theo nơi Chúng Sinh **Bất Giác**, mà nói **Thủ Giác**. Giác rồi, đồng với **Bản Giác**; nay khiến cho Nhập thủy, bản không hai, tức Nhập **Cứu Kính Viên Giác**, gọi là “**đệ nhất**”. Câu ở **trong Viên Giác không có Thủ Giác**, tức là “**Thường Tâm**”. Sở dĩ khiến cho Chúng Sinh Nhập Giác, là do theo trên phần Tướng của Huyền hóa, nói Chưa Nhập Giác là Chúng Sinh; xong Chúng Sinh đã Nhập gọi là **Viên Giác**, không phải **Viên Giác** là một Pháp **Sở Thủ** (vật để lấy) mà Chúng Sinh là Người **Năng Thủ** (Người được lấy). Như vậy, tuy rằng khiến cho Chúng Sinh Nhập Viên Giác, nhưng thực ra cũng không có người **Thủ Giác** (lấy Giác) như thế mới hợp lẽ “**Chân Thường**”. Nếu có Chúng Sinh nào còn nhận thấy có Ta Nhập **Viên Giác Tướng**, tức là **không phải Chân Thường**. Trừ bỏ tất cả các Tướng Ngã, Nhân, tức là “**Tâm không điên đảo**”. Những Tướng Ngã, Nhân, Chúng Sinh, Thọ mạng và Tướng Độ Sinh, cũng gọi là điên đảo. Như vậy phải trừ bỏ cho hết các Tướng đó, mới gọi là Tâm không điên đảo. Trước hai Tâm là “**Đại Bi**”, sau hai Tâm là “**Đại Trí**”; **Bi Trí Viên dung**, gọi là **Tứ Tâm Viên Phát**. Như thế, Phát Tâm để giục cho Sự Tu Hành, tuy đòi Mạt, Tà Pháp thịnh Hành, nhưng cũng không sợ Tà Giáo, Tà Tôn nào cám dỗ. Nên nguyên văn nói: **Phát Tâm như thế không thể mắc tà kiến**”.

Hán: Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: Phổ Giác nhĩ Đương tri? Mạt thế Chúng Sinh, dục Cầu Thiện tri thức, ung đương Cầu Chánh Kiến. Tâm viễn Nhị thừa giả. Pháp trung trừ Tứ Bệnh, vị Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt. Thân cận Vô kiêu mạn, viễn ly Vô sân hận. Kiến chủng chủng Cảnh Giới, Tâm đương Sinh hy hữu, hoàn như Phật Xuất Thế. Bất phạm phi Luật Nghi, Giới Căn vĩnh Thanh Tịnh. Đệ Nhất thiết Chúng

Sinh, Cứu cánh Nhập Viên Giác. Vô Bỉ Ngã, Nhân Tướng. Thường y Chánh Trí Tuệ, tiện đắc siêu tà kiến, Chính Giác bát Niết bàn.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa này mà nói bài kệ rằng: “Phổ Nhân Ông nên Biết! Chúng Sinh đời Mạt thế, muốn Cầu Thiện tri thức, nên Cầu Người Chánh kiến. Tâm xa Người Nhị Thừa. Trong Pháp trừ Bốn Bệnh, như Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt. Thân cận không kiêu mạn, xa lìa không sân hận. Thấy bao nhiêu Cảnh Giới, Tâm nên Sinh hiềm có, coi như Phật Xuất Thế. Không phạm lỗi Luật Nghi, Giới Căn trong sạch mãi. Độ tất cả Chúng Sinh, trọn suốt Nhập Viên Giác. không Bỉ, Ngã, Nhân Tướng. Nên theo Chánh Trí Tuệ, thì được siêu (vượt qua) tà kiến. Chính Giác Nhập Niết bàn.

11. Chương Viên Giác Bồ Tát

Kinh này Ngôn và Hành, như trên có Ngài **Phổ Hiền, Phổ Nhãn** đặt Ý ngờ để hỏi Phật. Dưới đây có Ngài **Uy Đức, Ngài Biện Âm**, Đon, Phúc, Đồng, và Di có thể theo đây đạt tới **Giác Cảnh**. Song đường dẫn ngàn dặm, với thì giờ chỉ một nửa bước, là do **Biết Cách Dùng Phương tiện**, vì thế phải nên Lựa chọn. Ví như làm nhà, trước phải có **Cơ sở**, nền tảng thì mới thành nhà lớn. Đại để Pháp Môn này sâu sắc, dễ ở như chỗ đã Quán thông, với công phu đặc biệt, là do **Biết cách dùng**. Chương này dạy lập Đạo tràng và Công Hành, với Thân Tâm mình không có thể biết được. Trước khi Tu phải dự bị làm sao, và có quan hệ với hoàn cảnh. Chương này đã nói tường tận. Khiến cho Người Cầu Đạo, không còn một chút hồ nghi. Một Pháp Môn tối thiết yếu ở Kinh này, tức là một đặc điểm của Pháp Môn Viên Giác. Cho nên đứng lên hỏi Chương này, Chính Ngài Viên Giác Bồ Tát.

Hán: Ư thị Viên Giác Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tông tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: “Đại Bi Thế Tôn! Vị Ngã đẳng bồi, Quảng Thuyết Tịnh Giác chủng chủng Phương tiện, linh Mạt thế Chúng Sinh hữu Đại tăng ích. Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả, dĩ đắc Khai Ngộ. Nhược Phật Diệt Hậu, Mạt thế Chúng Sinh, vi đắc Ngộ giả, vân hà an cư, Tu thử Viên Giác, Thanh Tịnh Cảnh Giới? Thử Viên Giác trung, Tam Chủng Tịnh Quán, dĩ hà vi thủ? Duy Nguyện Đại Bi, vị Chư Đại Chúng cập Mạt thế Chúng Sinh, Thí Đại nhiều Ích”? Tác thị ngữ dĩ, ngữ Thế đầu Địa, như thị tam Tỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: Khi đó Ngài Viên Giác Bồ Tát ở trong Đại Chúng, liền từ tòa đứng dậy, đầu lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Vì lũ Chúng con nói rộng những Phương tiện Tịnh Giác, khiến cho Chúng Sinh đời Mạt được thêm lợi ích lớn. Lạy Đức Thế Tôn! Lũ Chúng con ngày hôm nay đã được Khai Ngộ. Nếu Phật Diệt Độ, về sau đây Chúng Sinh đời Mạt Chưa được Khai Ngộ, an cư như thế nào để Tu Viên Giác được Cảnh Giới

Thanh Tịnh? Ba thứ Tịnh Quán trong Môn Viên Giác, lấy gì làm đầu? Cúi xin Đức Đại Bi vì tất cả Đại Chúng và Chúng Sinh đời Mạt, bố thí cho được sự lợi ích!” Nói thế rồi nắm Thẻ rập đất, cứ như thế ba lần, Thỉnh trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Chương này chuyên nói về Nhập thủ (nắm chắc) Phương tiện. Cho nên Ý hỏi thắc mắc ở nơi sau khi Đức Phật đã Diệt Độ, Chúng Sinh đời Mạt thế, Chưa được Khai Ngộ thì làm thế nào. Hỏi có hai Ý: 1.) Hỏi An cư như thế nào để Tu Hành Viên Giác? 2.) Hỏi Ba Thứ Tịnh Quán, Thứ nào Tu đầu tiên? An cư: Kiến lập Đạo tràng thế nào, An cư cho hợp Pháp.

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn cáo Viên Giác Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vấn ư Như Lai như thị Phương tiện, dĩ Đại nhiều Ích, thí Chư Chúng Sinh nhữ kim để Thính! đương vị nhữ Thuyết”. Thời Viên Giác Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng mặc nhiên nhi Thính! Thiện nam tử! Nhất thiết Chúng Sinh, nhược Phật Trụ thế, nhược Phật Diệt hậu, nhược Pháp Mạt thời, hữu Chư Chúng Sinh cụ Đại Thừa Tính, Tín Phật Bí mật Đại Viên Giác Tâm, dục Tu Hành giả. Nhược tại Già lam, an sử Đồ Chúng, hữu duyên sự cố, tùy phận tư sát, như Ngã dĩ Thuyết.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Viên Giác Bồ Tát rằng: Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay hỏi Như Lai Phương tiện như thế, lấy Phần Lợi ích lớn thí cho Chúng Sinh. Ông nay Nghe cho kỹ, Tôi sẽ vì Ông mà nói.” Thời Ngài Viên Giác Bồ Tát vâng dạ vui mừng, và tất cả Đại Chúng im lặng đón Nghe. “Thiện nam tử! Tất cả Chúng Sinh, nếu Phật còn ở đời, hay sau khi Phật đã Diệt Độ. Nếu thời Mạt Pháp, có những Chúng Sinh nào đủ Tính Đại Thừa, Tín Tâm Đại Viên Giác Bí Mật của Phật, lại muốn Tu Hành. Nếu ở nơi Già lam (Chùa), phải xử cho an Đồ Chúng, có duyên sự chi, tùy phận mà suy xét, như Ta đã nói.

GIẢNG VĂN

Sau khi Phật Diệt Độ: Ý nói sau đời Chính Pháp và Tượng Pháp. **Thời Mạt Pháp:** tức là đời Mạt Pháp. Đạo Phật có Ba Thời: 1.) Chính Pháp. 2.) Tượng Pháp. 3.) Mạt Pháp. Mạt Pháp gọi là đời cuối rốt (sau cùng). **Chư Chúng Sinh:** nói bất luận Chúng ở Thời nào. Nhưng trong tất cả các hàng Chúng Sinh, duy giả chỉ có Người Đại Thừa Tính được dự mà thôi; Nghĩa là đã nhiều kiếp **được Nghe Viên Giác và Tu theo Viên Giác**, đã đầy đủ Lòng Tin của Căn Tính Đại Thừa. **Tâm Đại Viên Giác:** Chúng Sinh với Phật đều có. Chúng Sinh bị vô minh che phủ, tuy có **Viên Giác** nhưng không tự Biết. Duy có Phật mới có thể Phát hiện, và có thể Chúng Biết tới chỗ Cứu cánh (trọn suốt), Độc có Phật được chỗ bí yếu đó, cho nên gọi Phật là **Bí Mật**. Như vậy, đối với Chúng Sinh dùng lời Phương tiện mà nói. Thực ra, trên Quả Cảnh của **Viên Giác**, Đức Phật đã có đầy đủ và thực hiện, tức là **không phải Bí Mật**. **Đủ Tâm Viên Giác:** Tuy vậy Đức Phật với Chúng Sinh đều có. Nếu không có các Đức Phật Phát hiện, thì cũng là **Bí Mật**. Nếu không phải Địa vị Phật, thì cũng không có thể Hiểu Biết. Nguyên văn nói: **Tâm Đại Viên Giác Bí Mật của Phật**. **Tín:** Tuy tự mình Chưa Tin Biết, nhưng cũng Tin theo Giáo Pháp. **Muốn Tu Hành:** Phát Tâm Cầu Đạo Bồ đề để Tu Hạnh **Viên Giác**. Lời nói đây là riêng chỉ cho Người Chưa Chúng Ngộ. Ý nói: tất cả Chúng Sinh, bất luận Phật còn tại thế, hoặc đã Diệt Độ, sau Thời Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, một Thời Đại tới xa đi nữa. Nếu một Người nào, đã nhiều đời Tu học **Viên Giác**, có đủ Tính Đại Thừa, tuy Chưa Ngộ Viên Giác, mà Tin **Tâm Đại Viên Giác Bí mật của Phật**, Phát Tâm muốn Tu **Hạnh Viên Giác**. Nếu ở nơi Già lam (Chùa) thì phải xử Chúng cho yên, nếu không có thể chuyên Tâm Tu tập được, tùy khả năng của mình, đem Ba Pháp Môn này Tư duy (suy nghĩ) và Thê sát. **Như ta đã nói:** là Ngài đã nói ở trên **Chương Phổ Nhân**.

Hán: Nhược phục vô hữu tha sự Nhân Duyên, tức kiến Đạo tràng, đương lập kỳ hạn: nhược lập Tràng kỳ bách nhị thập nhật, Trung kỳ bách nhật, Hạ kỳ bát thập nhật, an Trí Tịnh cư.

Việt: Nếu lại không có Nhân Duyên việc khác, thì kiến Đạo tràng, và nên lập kỳ hạn: Nếu lập Tràng kỳ thì 120 ngày, Trung kỳ 100 ngày, Hạ kỳ 80 ngày, ở yên nơi Tịnh thất.

GIẢNG VĂN

Tiết này nói kỳ hạn của Đạo. Trên đây đã nói xử Chúng cho yên và việc lợi tha: Hoặc Chiến tranh cũng là nói việc khác. **Đạo Tràng**: là cái Tràng để Hành Đạo. Kiến Đạo Tràng cũng như Kết Đàn Giới, lấy trên không gian mà lập giới hạn. **Lập kỳ hạn**: lấy trên thời gian mà lập giới hạn. Đã trang nghiêm không gian, lại quy Định về thời gian, là khiến cho thời gian và không gian đều có hạn chế, cốt được Tinh thần quan chú, thì sẽ được thành công. **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni** lấy gốc cây Bồ Đề làm **Đạo Tràng**. Ngài tự thề rằng, nếu Ngài ngồi đây không Thành Chánh Giác, quyết không đứng dậy. Cũng thế, lập Kỳ lâu hay chóng, đều có hai Ý. Người Thượng Căn có Lực thắng lợi, dùng Tràng kỳ thứ nhất, 120 ngày làm hạn. Người Trung Căn dùng Tràng kỳ thứ hai, 100 ngày làm hạn. Người Hạ Căn lực yếu, dùng Tràng kỳ thứ ba, 80 ngày làm hạn. Hơn nữa, vì sợ không có Lực, là một Ý. Lại một Ý, Người Thượng Căn Trí lực minh mẫn, Tu Hạ kỳ 80 ngày có thể Chứng Đạo. Người Trung Căn 100 ngày có thể Chứng Đạo. Đến Người Hạ Căn, Trí lực kém cỏi, 120 ngày cũng chưa chắc đã Chứng nổi. Song **Đức Thế Tôn** lập ra Ba Kỳ cũng là tùy theo Ý của con Người ưa thích, Hạ kỳ 80 ngày cũng chẳng quá ít, Thượng kỳ 120 ngày cũng chẳng quá nhiều.

An Trí Tĩnh cư: Trong Đạo Tràng không Kết Tiểu Giới, một xứ sở để Tu Tĩnh, khiến cho trong ngoài đều Thanh Tĩnh cả.

Hán: **Nhược Phật hiện tại, đương Chính Tư duy. Nhược Phật Diệt hậu, thí thiết Hình Tượng, Tâm tồn mục tượng, Sinh Chính Ưc Niệm. Hoàn đồng Như Lai, thường Trụ chi nhật. Huyền Chư phan hoa, Kinh tam thất nhật, khê thủ Thập phương, Chư Phật Danh tự, Cầu ai sám hối. Ngộ Thiện Cảnh Giới, đắc Tâm khinh an, quá tam thất nhật, Nhất Hương Nhiếp Niệm.**

Việt: **Nếu Phật còn tại thế, nên Chính Tâm Suy nghĩ. Nếu Phật Diệt Độ rồi, thì bày thiết Hình Tượng, Tâm tồn mục tượng, Sinh lòng nhớ nghĩ một Niệm Chính. Cũng như Đức Như Lai ngày còn tại thế. Treo những phan hoa, trong phạm vi 21 ngày, khê thủ Mười phương Danh tự các Đức Phật, Cầu xin sám hối. Gặp Cảnh Giới lành, được Tâm khinh an, qua 21 ngày, Nhất Hương Nhiếp Niệm.**

GIẢNG VĂN

Đây nói cái Hành Tướng của sự Tu tập: đã thiết Đạo Tràng, phải lập kỳ hạn thì mới có thể Tu tập. Khi Phật còn tại thế, Hành giả đã Nhập Đạo tràng, thì không phải tới lễ **Đức Thế Tôn**, chỉ nên suy nghĩ một Niệm Chính, để Tâm tưởng tượng ở nơi Phật. Vì Pháp Thân của Phật Biến tất cả các Nơi, không bị không gian làm Chướng Ngại. Sau khi Phật đã Diệt Độ rồi, bất luận thời Chính Pháp, Tượng Pháp, hay đời Mạt Pháp; Phật đã qua đời, thì đem bày Hình Tượng Đức Phật ở trước Đạo Tràng để làm tiêu đích cho Tâm mục có nơi chuyên chú. Đối với Hình Tượng, Tâm tồn và mục tưởng, lòng Sinh nhớ nghĩ một Niệm Chính.

Nhớ nghĩ Niệm Chính: Thấy Phật Tượng hảo trang nghiêm, ghi nhớ rõ ràng không có lãng quên. Hình Tượng tuy là chạm khắc bằng gỗ hoặc tranh vẽ, vân vân... phải Coi như Đức Như Lai hãy còn Tại thế. Nên biết rằng Pháp Thân Thường Tại, không thể lấy thời gian mà cho là ngăn cản được. Nguyên văn nói: **Hoàn đồng Như Lai Thường Trụ chi nhật. Treo phan hoa:** treo phan, treo hoa, để trang nghiêm nơi Đạo Tràng, làm ngoại duyên. Phạm vi 21 ngày: Người mới Tu Hành, Giới Đức Chưa đủ, Tâm không được Thanh Tịnh, không có năng lực Tu Định, Tuệ. Vì thế lúc ban đầu, phải Nhập Đạo Tràng 21 ngày, để lễ Phật sám hối. **Sám:** từ cái lỗi trước đã làm. **Hối:** thì không làm nữa.

Khể thủ Mười phương: Cầu xin lân mẫn xót thương, và gia bị Tâm sám hối của con ngày hôm nay, ví như rửa hủ cho sạch để chứa đề hồ. Trong 21 ngày, một Lòng làm như vậy, có lẽ Cảm ứng mà được Tịnh Tâm. Hoặc trong 21 ngày, được Thiện Căn Phát hiện, thì có thể thấy điềm Lành, Thụy Tướng Phát hiện mà được Tâm khinh lợi an hòa. **Cảnh Giới Lành:** như ở trong Mộng thấy Phật, hoặc trong khi Lễ sám thấy phóng Quang Minh. Cho nên nguyên văn nói: **gặp Cảnh Giới Thiện thì được Tâm khinh an.** Đó là một việc Nhập Đạo tràng lúc ban đầu. Sau khi sẽ Tu tập Ba Thứ Pháp Môn. Nguyên văn nói: **qua 21 ngày Nhất Hướng Nhiếp Niệm.**

Hán: Nhược Kinh Hạ thủ, tam Nguyệt An cư, đương vi Thanh Tịnh Bồ Tát chỉ Trụ. Tâm ly Thanh văn, bất giả Đồ Chúng. Chi An cư nhật, tức ư Phật tiền tác như thị ngôn: Ngã Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, Mỗ giáp cứ Bồ Tát Thừa, Tu Tịch diệt Hạnh, đồng Nhập Thanh Tịnh Thực Tướng Trụ trì. Dĩ Đại

Viên Giác vi ngã Già lam, Thân Tâm An cư Bình Đẳng Tính Trí, Niết bàn Tự Tính vô hệ thuộc cố. Kim Ngã Kính Thỉnh, bất y Thanh văn, đương y Thập phương Như Lai cập Đại Bồ Tát tam Nguyệt An cư, Vị Tu Bồ Tát Vô Thượng Diệu Giác, Đại Nhân Duyên cố, bất hệ Đồ Chúng.

Việt: Nếu gặp đầu Hạ, ba tháng An cư, nên làm cái chỗ chỉ Trụ Thanh Tịnh của Bồ Tát. Tâm ly Thanh văn, không nhờ Đồ Chúng. Đến ngày An cư, ở trước Đức Phật nói như thế vậy: Con là Mồ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, làm Đạo Bồ Tát, Tu Hạnh Tịch diệt, cùng vào Trụ trì nơi Thanh Tịnh Thực Tướng. Lấy Đại Viên Giác làm Chùa của con, Thân Tâm An cư nơi Trí Tính, Bình Đẳng Tự Tính của Niết bàn không có hệ thuộc. Nay con Kính Thỉnh, không y theo Thanh văn, nay y vào Mười phương Như Lai với Đại Bồ Tát Ba Tháng An cư, vì Tu Vô Thượng Diệu Giác của Bồ Tát, Đại Nhân Duyên vậy, không hệ Đồ Chúng.

GIẢNG VĂN

Ở đây nói rõ kết Tràng kỳ gặp thời mùa Hạ, không Nhập Chúng An cư, mà không phạm Luật. Ba tháng An cư tới mùa Hạ là bắt đầu. Phật chế những Người đi Xuất gia theo Giáo của Ngài, thì hằng ngày phải đi khát thực (xin ăn). Tới mùa Hạ nóng nực, mưa nhiều, đi khát thực không tiện, vì thế trong Ba Tháng Hạ, họp tập lại một nơi, để Kết Giới An cư, cùng Tu Thiền Định. Những Người tại gia, Tin theo Giáo Phật hằng đem thức ăn lại cúng dàng. **Hạ thủ:** đầu mùa Hạ, bắt đầu từ 15 tháng tư, đến 15 tháng bảy là Tam cá Nguyệt. Nguyên văn nói: **Nếu gặp đầu Hạ, Ba Tháng An cư.** Ba Tháng đã xong, Đại Chúng Hội họp; trong Ba Tháng nếu ai có lỗi, thì ra trước Đại Chúng thú tội của mình; và cũng có thể vạch lỗi của mọi Người nếu phạm Luật. Với sự Tu Hành, quý trọng nhất ở nơi sám hối, không nên che giấu. Chế Độ của Ba Tháng An cư, trong Luật đã nói rõ, Người Thanh văn phải Tuân theo phụng hành; với Bồ Tát thì không chấp Luật, nhân sự Kết Kỳ Tu Pháp, cho nên phải nói rõ. Ý nói lập Kỳ Chưa đủ, mà gặp mùa Hạ tới, tức là Ba Tháng An cư của Thanh văn đã tới, Người Phát **Tâm Bồ đề Tu Viên Giác**, thì cứ việc An cư theo Bồ Tát Hạnh. **Chỉ Trụ:** là nơi An cư. **Thanh Tịnh:** Bồ Tát Tâm Tính Thanh Tịnh, Thanh văn Cảnh Giới Thanh Tịnh. Nên nguyên văn nói: **Chỉ Trụ ở nơi Thanh Tịnh của**

Bồ Tát. Bất tất phải nghĩ tới Luật chế của Thanh văn Tập Chúng An cư. Nguyên văn nói: **Tâm ly Thanh văn, không hệ Đồ Chúng.** Nếu tới ngày An cư, thì đối trước Phật mà bạch văn như trên. **Mỗ:** trước khi bạch Phật phải xưng tên của mình. Người Xuất gia, Nam tử xưng là Tỳ Khưu, Nữ Nhân xưng là Tỳ khưu ni. Tại gia, Nam tử xưng là Ưu bà tắc, Nữ Nhân xưng là Ưu bà di. Như vậy là Tâm Tính Thanh Tịnh của Bồ Tát An cư, bất đồng với Tiểu Thừa, cho nên hai Chúng Đệ tử tại gia cũng được dự. Con nay y vào Pháp Đại Thừa của Bồ Tát, cho nên văn nói: **cứ Bồ Tát Thừa,** Tu Hạnh Chân Như, Nguyên không Sinh diệt. Chính văn nói: **Tu Hạnh Tịch diệt. Thực Tướng:** tức là Chân Như Thực Tướng, cũng là **Viên Giác.** Nó khế hợp với An cư của Viên Giác, cho nên văn nói: **Đồng Nhập Thanh Tịnh Thực Tướng Trụ trì.** Giả đặt Đại Viên Giác Tính là nơi tôi Tu Hành Chứng Quả, Chính văn nói: **lấy Đại Viên Giác làm Già lam của tôi (Chùa).** **Thân:** tức là năm Thức: 1.)mắt, 2.)tai, 3.)mũi, 4.)lưỡi, 5.)Thân. **Tâm,** thuộc đệ lục Ý Thức, đã Trụ trì ở nơi **Thanh Tịnh Thực Tướng,** thì Năm Thức không bị Trần duyên lôi kéo, Ý Thức không bị Vọng tưởng chia chẻ. Nguyên văn nói: **Thân Tâm An cư.** Năm Thức của Thân được an thì gọi là **Thành Sở Tác Trí.** Thức thứ sáu an thì gọi là **Diệu Quan Sát Trí.** **Bình Đẳng Tính Trí,** là thức thứ bảy, Thức này chấp Thức thứ tám là **Ngã,** trái với lý **Bình Đẳng,** do bị động của đệ lục Thức. Nay sáu Thức trên đã An cư, thì Thức thứ bảy cũng chuyển thành **Bình Đẳng Tính Trí.** Song Thức thứ bảy đã an tịnh không bị phiền động, thì đệ bát Thức cũng quy tụ về **Chân Như Thanh Tịnh Thực Tướng.** Trong bốn Trí, Thức này gọi là **Đại Viên Kính Trí,** cũng là Già lam của tôi do Tính **Đại Viên Giác.** **Niết bàn Tự Tính:** là một Tự Tính của Chân Như, nguyên lai không Sinh, không diệt. **Hệ thuộc:** Tiểu Thừa An cư, Chấp trước ở nơi xứ sở Thanh Tịnh. Với **Niết bàn Tự Tính** thì không hệ thuộc. Con nay đối trước Phật Kính Tỉnh, không y theo Luật của Thanh văn. Con cùng với Mười phương Chư Phật và các Bồ Tát cùng làm một Pháp An cư trong Ba Tháng. Sở dĩ con không nhờ Đồ Chúng, vì muốn Tu **Diệu Hạnh Viên Giác.** Như vậy là không Chấp tiểu tiết. Nên nguyên văn nói: **vì muốn Tu Vô Thượng Diệu Giác của Bồ Tát, không hệ Đồ Chúng.**

Hán: Thiện nam tử! Thử danh Bồ Tát thị hiện An cư, quá tam kỳ nhật, tùy vãng vô Ngại.

Việt: Thiện nam tử! Như thế gọi là Bồ Tát thị hiện An cư, qua ngày ba Kỳ, tùy cho đi không Ngại.

GIẢNG VĂN

Đây nói ban Kỳ làm hạn nhất Định. Bồ Tát thị hiện An cư, bắt đồng với Tiểu Thừa theo Luật An cư, bắt tất phải lấy Ngày 15 Tháng Tư cho hết Ba Tháng làm hạn Định. Chỉ lấy ba Kỳ, lập Kỳ hạn làm chuẩn đích. Qua kỳ hạn rồi, nếu không phải là Ngày 15 Tháng Bảy thì cho mặc Ý đi đâu cũng được. Chính văn nói: **qua ngày Ba Kỳ, tùy đi không Ngại.**

Hán: Thiện nam tử! Nhược bĩ Mạt thế Tu Hành, Chúng Sinh Cầu Bồ Tát Đạo Nhập Tam Kỳ giả, phi bĩ sở văn Nhất thiết Cảnh Giới, chung bất khả Thủ.

Việt: Thiện nam tử! Nếu Chúng Sinh đòi Mạt Pháp Tu Hành, Cầu Đạo Bồ Tát Nhập Ba Kỳ đó, không phải nó Nghe tất cả Cảnh Giới, nhưng không có Thủ (giữ).

GIẢNG VĂN

Tiết này trước răn không nên Thủ (giữ) tất cả những Tà Chứng. Người Cầu Đạo, lập chí Phát thệ Định kỳ, Dụng công Tu Hành làm một sự Nghiệp Cầu Chứng. Song nếu ham giữ Cảnh Giới, mà không phân minh được Chánh Tà, thì dễ mắc lưới Ma. Cho nên **Chứng** thì phải tương ứng với **Cảnh Giới của Nghe** (văn) mới gọi là **Chính**. **Văn:** Thân Nghe lời Phật hoặc **Thiện tri thức**, hoặc Nghe ở Kinh Giáo. Tất cả những Người Cầu Đạo, không ai là chẳng Nhân sự Nghe Hiểu mà sau Sinh lòng Tin. Nhân có Tin mới Tu, nhân Tu mới có Chứng. Chứng đó tức là do Nghe và Tin, Tu cho thành Quả, cũng là tương ứng với chỗ được Nghe. Nếu không có tương ứng, thì bất luận Phát hiện Cảnh Giới, tất cả Thiện hay Ác, đều là Ma cả. Nguyên văn nói: **Không phải được Nghe tất cả Cảnh Giới nhưng không có Thủ (lấy).**

Cước chú: Không phải nó Nghe tất cả Cảnh Giới, nhưng không có Thủ. Nghĩa là: Tin, Giải, Hành, Chứng, trước sau như một. Tâm không có tạp dụng. là lời thích ở Bộ khác.

Hán: Thiện nam tử! Nhược Chư Chúng Sinh Tu Sa ma tha, tiên thủ Chí Tĩnh, bất khởi tư Niệm. Tĩnh cực tiệt Giác, như thị sơ Tĩnh. Tòng ư nhất Thân, chí nhất Thế giới. Giác diệt như thị. Thiện nam tử! Nhược Giác Biến mãn nhất Thế giới giả; nhất Thế

giới trung, hữu nhất Chúng Sinh, khởi nhất Niệm giả, giai tất năng tri. Bách thiên Thế giới, diệc phục như thị. Phi bỉ sở Văn Nhất thiết Cảnh Giới, chung bất khả Thủ.

Việt: Thiện nam tử! Nếu những Chúng Sinh nào Tu Pháp Sa ma tha, trước giữ rất Tĩnh, không khởi (Sinh) nghĩ Niệm. Tĩnh đến cực thì Giác (Biết), như thế mới Tĩnh. Từ một Thân đến một Thế giới. Giác cũng như thế. Thiện nam tử! Nếu Giác Biến khắp một Thế giới; trong một Thế giới, có một Chúng Sinh nào khởi (Sinh) một Niệm thì đều Biết cả. Trăm ngàn Thế giới cũng lại như thế. Không phải nó Nghe tất cả Cảnh Giới, nhưng không có Thủ (giữ).

GIẢNG VĂN

Thuyết minh Tu **Chỉ**. Trước phải giữ hết sức Tĩnh, là nói Người Tu Chỉ đã tới mức. **Không khởi Nghĩ Niệm**: Ý nói Tu **Chỉ** nên Dụng Tâm thế nào. Tĩnh đến cực thì **Giác**: tức là lắng trong mọi Niệm, thì Tĩnh Tuệ sẽ Phát Sinh; nói cái Tướng Quán khi mới thành. **Sa ma tha** lấy Tĩnh làm Thể, lấy Giác làm Dụng, khi Quán mới thành. Trên cái Thể của Tĩnh, trước từ một Thân Tĩnh, cho đến một Thế giới cũng Tĩnh. **Giác** cũng như thế: Quán khi mới thành, thì trên cái Dụng của **Giác**, trước cũng từ một Thân **Giác**, cho đến một Thế giới cũng **Giác**. **Tĩnh** với **Giác**, tuy nói khác nhau; nhưng đối với Thể Dụng, không có quan niệm trước với sau. Vì một **Thân Tĩnh**, thì ngay cái Thể đó tức là **Giác**, cũng gọi là một **Thân Giác**. Thiện nam tử trở xuống: nói rõ Công Dụng Phát khởi. Bộ Đại Sớ nói: “**Biết cái Niệm của Chúng Sinh, thì Thế giới đã toàn thành Giác. Chúng Sinh hoàn toàn ở trong Giác. Vì thế khởi một Niệm gì thì cũng hiểu biết, như bóng trong gương, không chút sai xuyến**”. **Không phải không được Nghe tất cả Cảnh Giới, nhưng không phải Thủ**. Là lời khuyên không nên Tà Thủ Cảnh Giới.

Hán: Thiện nam tử! Nhược Chư Chúng Sinh Tu Tam ma bát đề, tiên đương Úc Tướng Thập phương Như Lai, Thập phương Thế giới Nhất thiết Bồ Tát; y chủng chủng Môn, Tiệm thứ Tu Hành cần khổ Tam muội, Quảng Phát Đại Nguyện, tự huân thành chủng. Phi bỉ sở Văn Nhất thiết Cảnh Giới, chung bất khả thủ.

Việt: Thiện nam tử! Nếu những Chúng Sinh Tu Tam ma bát đề, thì trước phải Tưởng nhớ Mười phương Như Lai, và tất cả Bồ Tát ở Mười phương Thế giới; y theo bao nhiêu Môn, lần lượt Tu Hành, cần khổ Tam muội, Phát Nguyện rộng lớn tự huân đúc thành giống. Không phải nó Nghe tất cả Cảnh Giới, nhưng không có Thủ (giữ).

GIẢNG VĂN

Thuyết minh Tu Quán. Từ chữ **trước, phải**, hai câu: Ý nói Tu Quán như thế nào cho tới mức. Trên Tu Chỉ là **Vô Tướng Quán**, vì thế trước phải giữ cho rất Tĩnh. Nay Tu Quán là **Hữu Tướng Quán**, vì thế trước phải Nhớ tưởng tất cả các Đức Phật và Bồ Tát ở Mười phương. Từ chữ **y tới chữ Tam muội**: nói Tu Quán nên như thế nào cho tận lực. Lập Đạo Tràng để Định kỳ hạn Tu Đạo, là nói những Bậc Đại Trí trên Cầu Phật Đạo, song Phát Đại Nguyện tự tạo thành hột giống, như là Đại Bi, dưới Độ Chúng Sinh.

Hán: Thiện nam tử!Nhược Chư Chúng Sinh Tu u Thiên na, tiên chủ Sở Môn. Tâm trung liễu tri Sinh, Trụ, Diệt, Niệm, phạn tề đầu số. Như thị chu biến Tứ Uy nghi trung, phân biệt Niệm số vô bất liễu tri, Tiệm thứ tăng tiến. Nãi chí Đắc Tri bách thiên Thế giới nhất chích chi vũ, do như Mục đồ, sở Thụ Dụng vật. Phi bỉ sở văn, Nhất thiết Cảnh Giới, chung bất khả thủ.

Việt: Thiện nam tử! Nếu các Chúng Sinh Tu Pháp Thiên na, trước phải giữ Sở Môn. Trong Tâm hiểu biết Niệm Sinh, Trụ, Diệt, Niệm, đầu số phạn tề rõ ràng. Như thế trong Bốn Oai Nghi đều chu biến, phân biệt số Niệm hiểu biết rành rẽ, lần lượt tiến dần. Nãi chí Biết được những hạt mưa trong trăm ngàn Thế giới, cũng như mắt Thấy những vật để Thụ Dụng. Không phải nó Nghe tất cả Cảnh Giới, nhưng không có Thủ (gửi).

GIẢNG VĂN

Đây nói Tu Thiên na. Trước phải theo Sở Môn, là nói Tu Thiên na nên như thế nào cho tới đích. Trong Tâm hiểu biết Niệm Sinh, Trụ, Diệt, đầu số

phận tề rõ ràng, tức là Tu Thiền na nên dùng Tâm như thế nào. **Chữ như thế trở xuống hai câu:** là nói cái Tướng của Quán khi mới thành. **Từ chữ lần lượt ba câu:** nói rõ công Dụng Phát khởi. **Chữ không phải trở xuống:** là không nên Tà thủ. **Sổ Môn:** Pháp Môn đếm hơi thở, là điều hòa hơi thở ra vào mà ghi rõ những số, **Thiên Thai Tôn** đã nói ở Sáu Diệu Môn. **Niệm Sinh, Trụ, Diệt:** Niệm: Vọng Niệm ở trong Tâm. Niệm mới Sinh gọi là Sinh, đã Sinh gọi là Trụ, Niệm sắp diệt gọi là Di, Niệm đã diệt gọi là Diệt. Mỗi một Niệm trong Tâm, đều có Bốn Tướng: Sinh, Trụ, Di, Diệt, thì theo đó mà quán sát. Kinh không nói chữ Di, hoặc là nói chập chữ Trụ với chữ Di làm một, cho thuận với Tam Thế. **Phận tề:** như dài vắn, lâu, chóng, chia ra giới hạn. **Bốn Oai nghi:** 1) Đi, 2) Đứng, 3) Ngồi, 4) Nằm. Đại Ý tiết này: Người Tu Thiền na, trước phải Tu Pháp Môn Sổ tức cho thành thực. Khi Tĩnh tọa điều hòa hơi thở, bắt đầu Đếm từ số một đến số mười; nhân sự Điều Hơi thở mà Tâm được Tĩnh, nhân Đếm hơi thở mà Biết được Niệm. Cho nên trong Tâm tất cả những Vọng Niệm hoặc thô hoặc tế, có thể Hiểu biết cái Tướng Sinh, Trụ, Diệt, và trước sau những phận tề, đầu số ít hay nhiều. Khi mới Tu Tĩnh tọa thì Dụng Tâm như vậy. Pháp Quán này khi mới thành, lúc tầm thường trong Bốn Oai nghi Đi, Đứng, Nằm, Ngồi, nó hằng châu biến. Tức là trong tất cả những lúc Động tĩnh, phân biệt được Niệm Sinh, Niệm Trụ, Niệm Diệt, phận tề đầu số hiểu biết rõ ràng. Sau khi đã thành, dần dần tăng tiến, đến chỗ thành công thực sự, thì trăm ngàn Thế giới có bao nhiêu hạt mưa đều đếm được hết. Không phải hiểu biết một cách lờ mờ, sự hiểu biết đó, cũng như Mắt trông thấy những vật Thụ Dụng của mình.

Hán: Thị danh Tam Quán sơ thủ Phương tiện, nhược Chư Chúng Sinh Biện Tu Tam chủng, cần Hành Tinh tiến, tức danh Như lai xuất hiện ư thế.

Việt: Thế gọi là Phương tiện của đầu Ba Pháp Quán, nếu có những Chúng Sinh Tu tất cả Ba Pháp, cần Hành Tinh tiến, gọi là Như Lai xuất hiện ra đời.

GIẢNG VẤN

Câu đầu kết thúc Ba Pháp Quán, Chính để đáp câu hỏi lấy gì làm đầu. Biết rằng ba tiết trên, chú trọng ở nơi Chúng tỏ Phương tiện một cách vững chắc. **Tu tất:** Như trên đã nói Viên Tu Ba Quán. Nếu mà Tu cả Ba Pháp Quán, gắng làm Tinh tiến, tức đã đủ Hạnh Viên Giác. Những Người này Quan

Hành, tức là Phật Hành. Nên nguyên văn nói: **gọi là Như Lai xuất hiện ra đời.**

Hán: **Nhược hậu Mạt thế Độn Căn Chúng Sinh, Tâm dục Cầu Đạo, bất đắc thành tựu, do tích Nghiệp Chướng, đương cần sám hối; Thường khởi hy vọng, tiên đoạn tăng, ái, tật đố, nhiễm khúc; Cầu thẳng Thượng Tâm. Tam chủng Tịnh Quán, tùy học nhất sự. Thử Quán bất đắc, phục tập bỉ Quán; Tâm bất phóng xả, Tiệm thứ Cầu Chứng.**

Việt: **Nếu sau đây đời Mạt thế, những Chúng Sinh Độn Căn (dốt), Lòng muốn Cầu Đạo, mà không được thành, là bởi Nghiệp Chướng đời trước, nên cần phải sám hối; Thường khởi lòng hy vọng, trước phải đoạn trừ Tâm ghét, yêu, tật đố, nhiễm khúc; Cầu Tâm thẳng Thượng. Ba thứ Tịnh Quán, tùy học một việc (Pháp). Pháp này không được, thì tập Pháp khác; Tâm không buông bỏ, lần lượt Cầu Chứng.**

GIẢNG VĂN

Tiết trên nói rõ Tu cả Ba Pháp Quán. Tiết này lại nói Người Độn dốt cũng được Tu Ba Pháp Quán để đáp cho đủ Ý. Tu Hành phần nhiều không thành là bởi Nghiệp Chướng đời trước, vì thế phải cần Sám hối. **Thường khởi hy vọng:** tức là Phát Tâm Cầu Nguyện, Quyết Tâm được Chứng Quả. Yêu, ghét, tật đố, nhiễm khúc là Chướng Đạo một cách tối thâm, vì thế phải Đoạn trước. **Đoạn Hoặc Sám Nghiệp:** là Nhân Duyên trừ Chướng của Đạo. **Tâm thẳng Thượng:** là Tâm thẳng tiến và tăng Thượng. Đã trừ được Nhân Duyên Chướng Đạo, thì Tâm Nguyện Cầu lại càng thiết tha. Trong Ba Pháp Quán, tùy theo Ý muốn Tu tập một Pháp nào. Nên nguyên văn nói: **tùy Học một việc.** Song tùy học cũng có hai Nghĩa: 1.) **Chuyên Tu:** trong một kỳ, chuyên Tu một Pháp Quán. Mãn kỳ mà không thành, thì đến kỳ sau Tu Pháp khác. 2.) **Tu thử:** trong một kỳ Tu, thử một Pháp. Kinh nghiệm trong khi Tu tập, tự Biết không hợp Pháp này, thì Tu Pháp khác. Cứ như thế Tu lần cả Ba Pháp, không chịu thoái chuyên, thời cơ đưa tới thì sẽ Thành. Nên nguyên văn nói: **Tâm không buông bỏ lần lượt Cầu Chứng.**

Hán: Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng Tuyên thử Nghĩa nhi Thuyết kệ ngôn: “Viên Giác nhữ Đương tri! Nhất thiết Chư Chúng Sinh, dục Cầu Vô Thượng Đạo, tiên đương Kết Tam Kỳ, Sám hối vô thủy Nghiệp. Kinh ư tam thất nhật, nhiên hậu Chính Tư duy. Phi bỉ sở văn Cảnh, tất Kính bất khả Thủ. Sa ma tha chí Tĩnh, Tam ma Chính Úc Trì, Thiên na minh Sở Môn, thị danh Tam Tịnh Quán. Nhược năng cần Tu tập, thị danh Phật Xuất Thế. Độn Căn vị thành giả, thường đương cần Tâm (Tu) sám vô thủy Nhất thiết Tội. Chư Chướng nhược tiêu diệt, Phật Cảnh tiệp hiện tiền”.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn Tuyên lại Nghĩa đó mà nói bài kệ rằng: “Viên Giác Ông nên biết! Tất cả những Chúng Sinh, muốn Cầu Đạo Vô Thượng, trước phải Kết Ba Kỳ, Sám hối Nghiệp vô thủy. Trải qua ba bảy ngày, vậy sau Chính Suy nghĩ, không phải nó Nghe Cảnh, ắt hẳn không có Thủ. Sa ma tha rất Tĩnh, Tam ma Chính Nhớ Trì, Thiên na minh Sở Môn, gọi là Ba Tịnh Quán. Nếu hay cần Tu tập, gọi là Phật Xuất Thế. Độn Căn Chưa thành đó, thường nên Cầu Tu Sám hối vô thủy tất cả Tội. Mọi Chướng nếu tiêu diệt, Phật Cảnh liền hiện tiền.

III. PHẦN LƯU THÔNG

12. Chương. Hiền Thiện Thủ Bồ Tát

Kinh này từ trên đầu, Năm Phần **Chứng Tín**, tới đây mới rõ sự Duyên khởi. Khoảng giữa nói **Chính Tông**, Ý Nghĩa đã đầy đủ. Muốn cho nước mưa Pháp dội khắp gần xa, với Đấng Tâm (đèn Lòng) vô tận, chiếu soi đời Hậu Thế, Lưu thông vô Chướng Ngại, lợi tế không cùng, đó là một trách nhiệm mà Ngài **Bồ Tát Hiền Thiện Thủ** tự Phát Tâm.

Hán: Ư thị Hiền Thiện Thủ Bồ Tát tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, tràng quy xoa thủ nhi bạch Phật ngôn: “Đại Bi Thế Tôn! Quảng vị Ngã đẳng, cập Mạt thế Chúng Sinh, Khai Ngộ như thị bất tư nghị sự. Thế Tôn! thử Đại Thừa Giáo, Danh tự hà đẳng! vân hà phụng trì! Chúng Sinh Tu tập đắc hà Công đức! Vân hà sử Ngã Hộ trì Kinh Nhân! Lưu bá thử Giáo chí ư hà Địa!” Tác thị ngữ dĩ, ngử Thế đầu Địa, như thị tam Thỉnh, chung nhi phục thủy.

Việt: Khi đó, Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ Tát ở trong Đại Chúng liền từ tòa đứng dậy, đầu lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Đại Bi Thế Tôn! Rộng vì lũ Chúng con, và Chúng Sinh đời Mạt, Khai Ngộ một việc bất tư nghị như thế. Lạy Đức Thế Tôn! Đại Thừa Giáo này, Danh tự làm sao! Vâng giữ làm sao! Chúng Sinh Tu tập được Công đức gì! Làm sao khiến cho Chúng con Hộ trì được Người trì Kinh này! Lưu bá Giáo Pháp này đến Địa vị nào!” Nói thế rồi, năm Thế rạp đất, cứ như thế ba lần Thỉnh trước sau như một.

GIẢNG VĂN

Khai Ngộ một việc bất tư nghi như thế: Phần Chính Thuyết đã nói Khai Ngộ: Như Cảnh, Hành, hoặc Bệnh hoạn; Cho đến Chương trên nói Phương tiện, đều là những việc bất tư nghi. Thế Tôn trở xuống: trình bày lời hỏi Phật. Đại Thừa Giáo: là chỉ cho toàn cả Bộ Kinh. Năm câu hỏi: 1.) Danh tự (danh hiệu). 2.) Vâng giữ. 3.) Công đức. 4.) Hộ trì. 5.) Lưu bá đến Địa vị nào. Lời thỉnh Tổng kết toàn cả một Bộ Kinh, cho nên Ngài nói là Đại Thừa Giáo.

Hán: Nhĩ thời! Thế Tôn cáo Hiền Thiện Thủ Bồ Tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị Chư Bồ Tát cập Mạt thế Chúng Sinh vấn ư Như Lai như thị Kinh Giáo Công đức Danh tự, nhữ kim đế Thính! Đương vị nhữ Thuyết”. Thời Hiền Thiện Thủ Bồ Tát phụng Giáo hoan hỷ, cập Chư Đại Chúng mặc nhiên nhi Thính.

Việt: Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ Tát rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Các Ông lại hay vì các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, hỏi Như Lai Danh tự Công đức của Kinh Giáo như thế. Ông nay Nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Ông mà nói”. Thời Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ Tát vâng theo vui mừng, và tất cả Đại Chúng im lặng đón Nghe.

Hán: Thiện nam tử! Thị Kinh bách thiên vạn ức Hằng hà sa số Chư Phật sở Thuyết. Tam Thế Như Lai chi sở Thủ Hộ. Thập phương Bồ Tát chi sở Quy y. Thập nhị Bộ Kinh Thanh Tịnh Nhãn mục.

Việt: Thiện nam tử! Kinh này trăm ngàn vạn ức cát sông Hằng, các Đức Phật đã nói. Ba đời Đức Như Lai Thủ Hộ. Là Nơi Quy y của Mười phương Bồ Tát. Là con Mắt Thanh Tịnh của 12 Bộ Kinh.

GIẢNG VĂN

Tiết này, hệ ở nói đáp câu hỏi trên, đề xuất ra bốn yếu điểm lớn, cho Người Nghe Quyết Định được sáng tỏ hiểu biết, mà Sinh Tâm hoan hỷ Tín thụ.

1.) Kinh Liễu Nghĩa là **Xứng Tính** (Hợp Tính) mà nói. Kinh Không Liễu Nghĩa là **Phương tiện** mà nói. **Phương tiện** nói: hoặc tùy theo Quốc Độ, hoặc Thời Đại, hoặc theo Căn Tính ưa muốn của Chúng Sinh bất đồng mà nói. Cho nên có Lược Thuyết, Quyền Thuyết, Mật Ý Thuyết, Tùy Thế tục Thuyết, cho đến nói bao nhiêu Những Sai Biệt, đó là những **Phương tiện**. Vì thế cũng có Đức Phật nói, Đức Phật không nói. Như vậy Kinh Không Liễu Nghĩa có nói và không nói. Nhưng đối với Kinh Liễu Nghĩa thì không Đức Phật nào là không nói. Nên nguyên văn nói: **trăm ngàn vạn ức cát sông Hằng Đức Phật đã nói.**

2.) Viên Giác là Nhân Địa Pháp Hạnh của tất cả các Đức Như lai, cho nên Chương Văn Thù nói rằng: “**Căn bản khởi Nhân Địa của các Đức Như Lai, đều y vào Viên chiếu Thanh Tịnh Giác Tướng, đoạn hết vô minh, mới Thành Phật Đạo.**” Bồ Tát Cầu Đạo, nếu Chưa được Nghe Viên Giác, thì không có Chính Nhân Thành Phật. Câu Như Lai Thủ Hộ: Nghĩa là nếu Chúng Sinh Chưa được Nghe thì khiến cho được Nghe. Kinh Hoa Nghiêm nói: “**Ta với các Đức Phật Hộ Trì Pháp này, cho tất cả các Bồ Tát ở đời sau đây, nếu Chưa được Nghe, thì cho được Nghe tất**”. Như Kinh Pháp Hoa, Kinh Di Đà, đều nói là các Đức Phật Hộ Niệm cho, cũng Ý này”. Nên nguyên văn nói: **Ba Đời Đức Như Lai Thủ Hộ.** Ba Đời: 1.) Phật đã Thành, 2.) nay Thành, 3.) đương Thành, đều Hộ Trì cả.

3.) Chương Văn Thù nói: “**Có Môn Đại Đà La Ni gọi là Viên Giác, lưu xuất ra tất cả Thanh Tịnh Chân Như, Bồ đề Niết bàn, và Ba la mật, Giáo thụ Bồ Tát**”. Là Môn Viên Giác Đà la ni, nó Tổng trì tất cả Thanh Tịnh Pháp Bảo, vì thế Mười phương Bồ Tát tất cả đều Quy y.

4.) Kinh này Nghĩa nói đến chỗ tận cùng và đầy đủ, Lý bao hàm và dung hợp. Hiểu được cho Minh, thì Quán thông Đại, Tiểu Thừa và 12 Bộ Kinh, dụ như **Thanh Tịnh Nhân mục**, thấy rõ tất cả. Nên nguyên văn nói: **Thập nhị Bộ Kinh Thanh Tịnh Nhân mục. Thập nhị Bộ Kinh:** 1.) Khế Kinh, 2.) Ứng Tụng, 3.) Thọ Ký, 4.) Phúng Tụng, 5.) Nhân Duyên, 6.) Tự Thuyết, 7.) Bản Sự, 8.) Bản Sinh, 9.) Phương Quảng, 10.) Vị Tăng Hữu, 11.) Thí dụ, 12.) Luận Nghị.

Hán: Thị Kinh Danh Đại Phương Quảng Viên Giác Đà la ni, diệc Danh Tu đa la Liễu Nghĩa, diệc Danh Bí Mật Vương Tam muội, diệc Danh Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, diệc Danh Như Lai Tạng Tự Tính Sai Biệt, như Đương Phụng trì.

Việt: Kinh này gọi là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà la ni, cũng gọi là Tu đa la Liễu Nghĩa, cũng gọi là Bí mật Vương Tam muội, cũng gọi là Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, cũng gọi là Như Lai Tạng Tự Tính Sai Biệt, Ngươi nay vâng giữ.

GIẢNG VĂN

Tiết này, Đức Thế Tôn tự Định ra năm Tên, để đáp câu hỏi **Danh tự thế nào**. Trước hai tên, ở trong Văn Thích Đề đã thích. Trong Văn Đề có **Hiển**, và lại Nhấp với **Mật**, cho nên rút bỏ đi ba chữ **Đà la ni**. **Đà la ni**: Tàu dịch: **Đẳng Trì**, trên Chương **Văn Thù** đã thích. Thứ ba **Bí Mật Vương Tam muội**: tức là **Tam ma Địa**, Tàu dịch: Đẳng Trì, Chính Định, Chính Thụ, Chính Tư duy. **Tam muội của Viên Giác** thâm tóm Bảo trì tất cả các **Tam muội** khác, cho nên xưng là **Vương**. Nguyên có Phật mới Chứng được **Cảnh Giới Chân thực Cứu cánh** đó. Chẳng những Chúng Sinh mờ quáng không Biết, đến Ngồi Đẳng Giác cũng không có thể dòm ngó nổi, cho nên xưng là **Bí Mật**. Thứ tư, **Như Lai Quyết Định Cảnh Giới**: cũng tương đối như câu thứ ba đã thích; đặc Biệt chỉ có Đức Như Lai mới Chứng được Cảnh Giới đó. Từ ngời Đẳng Giác trở xuống hãy còn vọng Cầu cho nên xưng là Bí Mật, vì thế duy chỉ có **Đức Như Lai** mới là **Quyết Định** nổi. Thứ năm **Như Lai Tạng Tự Tính Sai Biệt**. **Như Lai Tạng**: Ý nói Huyền Chư viễn ly, **Giác** Chư Phát hiện, **Nghĩa** là Quả Giác của Như Lai chứa để ở trong Tâm Chúng Sinh, đó là **Viên Giác** bị chiếm phọc. Tuy ở nơi Huyền vọng mà không bị Huyền vọng làm mê, gọi là **Tự Tính**; tùy Duyên mà làm những Phương tiện Huyền hóa của Hành vị và Công đức, gọi là **Sai Biệt**. Câu cuối đáp lời hỏi **vâng giữ** (phụng trì).

Hán: Thiện nam tử! Thị Kinh duy hiển Như Lai Cảnh Giới, duy Phật Như Lai năng tận Tuyên Thuyết. Nhược Chư Bồ Tát cập Mật thế Chúng Sinh, y thử Tu Hành, Tiệm thứ tăng tiến, chí u Phật Địa.

Việt: Thiện nam tử! Kinh này duy chỉ tỏ bày Cảnh Giới của Như Lai, chỉ có Phật Như Lai mới có thể Tuyên Thuyết hết. Nếu các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mật, theo đây Tu Hành, lần lượt tăng tiến, đến Địa vị Phật.

GIẢNG VĂN

Tiết này, trước đáp câu hỏi thứ năm, lưu bá Giáo Pháp này đến Địa vị nào. **Lưu bá:** nói tổng quát Mười Pháp Giới Hành: 1.) Cúng dàng, 2.) Viết, 3.) Thí, 4.) Thính, 5.) Thụ, 6.) Đọc, 7.) Tụng, 8.) Thuyết thích, 9.) Tư (nghĩ), 10.) Tu. Ý đáp Kinh này duy chỉ bày tỏ Cảnh Giới trên Quả vị của **Như Lai**, như thế là một Cảnh Giới sâu xa bí mật, nguyên có Đức Phật mới có thể triệt để Tuyên Thuyết. Nếu các Bồ Tát và Chúng Sinh đời Mạt, theo Kinh này mà Tu Mười Pháp Hành, Giáo Hóa, cũng lấy Cảnh Giới Phật, và Mười Pháp Hành mà Tuyên Thuyết, thì Công đức dần dần tăng tiến, đến Địa vị Phật.

Hán: Thiện nam tử! Thị Kinh Danh vi Đốn Giáo Đại Thừa. Đốn Cơ Chúng Sinh tòng thử Khai Ngộ. Diệc tiếp Tiệm Tu Nhất thiết quần phẩm. Thí như Đại Hải bất nhượng tiểu Lưu, nãi chí văn manh cập A Tu la, ẩm kỳ thủy giả giai đắc xung mãn.

Việt: Thiện nam tử! Kinh này gọi là Đốn Giáo Đại Thừa. Chúng Sinh Đốn Cơ theo đây Tu Hành, thì được Khai Ngộ. Ngoài ra còn Nhiếp cho tất cả những Người Tiệm Tu. Ví như Bể lớn không tách (phân) Sông nhỏ, cho đến ruồi, muỗi và A Tu la, uống nước này cũng đều no đủ.

GIẢNG VĂN

Tiết này Chính đáp Phụng trì (vâng giữ). Ý nói Người thiết thực Tu tập và Ngộ Nhập, mới là **phụng trì**. Câu thứ nhất nói rõ bản thân của Kinh này. Nói về **Giáo** thì gọi là **Đốn Giáo**. Nói về **Thừa** thì gọi là **Đại Thừa**. Nên nguyên văn nói: **Kinh này gọi là Đốn Giáo Đại Thừa**. Bản Thân của Kinh như thế, thì Chính sự, hợp với Căn Cơ tại **Đốn**. Nguyên văn nói: **Đốn Cơ Chúng Sinh từ đây Khai Ngộ**. Ngoài ra còn Nhiếp với **Tiệm Giáo**. Nên nguyên văn nói: **diệc tiếp Tiệm Tu nhất thiết quần phẩm**. **Không tách Sông nhỏ:** dụ Phổ nhiếp tất cả các Pháp Nhị thừa và Nhân Thiên; **Ruồi muỗi,** dụ Tiểu Pháp; **Tu la,** dụ Phát Đại Tâm. **Uống nước này cũng đều no đủ:** dụ bất luận những hạng Người nào đã theo Giáo này Tu tập, thì cũng được đầy đủ vô cùng, với Tâm ưng lượng của mình.

Hán: “Thiện nam tử! Giả sử hữu Nhân thuần dĩ Thất Bảo, tích mãn Tam Thiên Đại Thiên Thế giới, dĩ Dụng Bồ thí. Bất như hữu Nhân, Văn thử Kinh Danh, cập nhất Cú Nghĩa. Thiện nam tử! Giả sử hữu Nhân, Giáo bách Hằng hà sa Chúng Sinh, đắc A la hán Quả; bất như hữu Nhân Tuyên Thuyết thử Kinh, phân biệt bán Kệ.

Việt: Thiện nam tử! Giả sử có Người thuần lấy Thất Bảo, chứa đầy ba ngàn Đại Thiên Thế giới, dùng để Bồ thí. Chẳng bằng có Người Nghe Tên Kinh này và một Câu Nghĩa. Thiện nam tử! Giả sử có Người Giáo Hóa trăm số cát sông Hằng Chúng Sinh, được Quả A la hán; chẳng bằng có Người Tuyên Thuyết Kinh này, phân biệt độ nửa bài Kệ.

GIẢNG VĂN

Tiết này Chính đáp câu hỏi Chúng Sinh Tu tập được những Công đức gì. Trước lấy việc **tài thí** để so lường, sau lấy việc **Pháp Thí** để so lường. Và chẳng chứa đầy những Thất Bảo ở Thế giới để Bồ thí, thì cái Công đức đó cũng lớn lao thực, nhưng chẳng qua cũng chỉ là Phúc **hữu lậu** mà thôi. Thực ra cũng chẳng bằng Người **Nghe Danh Hiệu Kinh** này, cho đến một Câu Nghĩa, Nghe tuy ít, nhưng cũng Thành cái **Nhân Vô Lậu**. Lại như Giáo Hóa gấp trăm lần số cát sông Hằng, Người Chứng Quả **A la hán**, thì Công Đức Pháp Thí đó cũng chẳng phải là nhỏ; song nó chỉ cực hạn ở **Tiểu Quả** mà thôi. Thực ra cũng chẳng bằng Người y Kinh Liễu Nghĩa này, Phân Biệt Giải Thuyết cho đến một Câu Văn hay nửa Bài Kệ, Thuyết tuy ít, nhưng Nghĩa thì Trực Nhập đến **Phật Thừa**.

Hán: Thiện nam tử! Nhược phục hữu Nhân, Văn thử Kinh Danh, Tín Tâm bất hoặc. Đương tri thị Nhân phi ư nhất Phật, nhị Phật chủng Chư Phúc Tuệ. Như thị nãi chí, tận Hằng hà sa Nhất thiết Phật sở chủng Chư Thiện Căn, Văn thử Kinh Giáo. Nhữ Thiện nam tử! Đương Hộ Mạt thế thị Tu Hành Giả, vô linh Ác ma cập Chư Ngoại Đạo nã kỳ Thân Tâm, linh Sinh thoái khuất.

Việt: Thiện nam tử! Nếu lại có Người Nghe Tên Kinh này, Tín Tâm không nghi hoặc. Nên Biết Người đó không phải trông Phúc Tuệ ở nơi một Đức Phật hay hai Đức Phật. Có thể nói rằng Người đó ở nơi các Đức Phật như sỏi cát sông Hằng mà trông Thiện Căn, Nghe Kinh Giáo này. Thiện nam tử! Nên Hộ Trì gìn giữ Người Tu Hành ở đời Mạt thế, chớ để cho Ma ác và những Ngoại Đạo làm não Thân Tâm, khiến cho thoái lùi.

GIẢNG VĂN

Để đáp câu hỏi làm sao cho Chúng con Hộ Trì được Người Trì Kinh này. **Nghe Tên Kinh này:** Nghe Tên Kinh mà Sinh Lòng Tín đã khó, nữa là Quyết Định không nghi hoặc, mà Sinh lòng Tín, lại càng khó nữa! Thì Biết Người đó Phúc Tuệ rất nhiều. Như vậy chẳng những Trông Phúc Tuệ ở nơi một Đức Phật hay hai Đức Phật; thực ra đã từng trông Thiện Căn ở nơi các Đức Phật, trong bao đời trước. Như vậy thì Nghe Kinh này là một cách sử nhiên, chứ không có phải một sự ngẫu nhiên. Vì thế, cho nên khó được một Người, với sự Hộ Trì Kinh. **Thiện nam tử các Người:** là lời yêu sách phải nên Hộ Trì. **Người Tu Hành:** nguyên văn nói: Người Nghe Kinh Sinh Lòng Tín, cho đến Người Tu Hành thực sự. Tại sao phải Hộ Trì: vì Ác Ma thì tham Trần lao, Ngoại Đạo thì Trược Tà kiến. Hai thứ Người đó đều ác, Chính là một Pháp tai hại cho Ta. Nếu gặp bọn Người Tu Hành như vậy, tất nhiên Thân Tâm bị não, mà Sinh thoái lùi. Nữa là ngày nay gặp đời Mạt thế, Tà Ma, Ngoại Đạo thịnh Hành. Vì thế phải nên Hộ Trì gìn giữ, chớ cho não hại. Sở dĩ Hộ là như vậy.

Hán: Nhĩ thời, Hội trung hữu Hỏa Thủ Kim Cương, Tồi Toái Kim Cương, Ni Lam Bà Kim Cương, đẳng bát vạn Kim cương, Tinh kỳ Quyển thuộc, tức tông tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược hậu Mạt thế, Nhất thiết Chúng Sinh hữu năng Trì thử Quyết Định Đại Thừa, ngã đương Hộ trì, như hộ Nhân mục. Nãi chí Đạo tràng sở Tu Hành xứ, ngã đẳng Kim Cương tự lĩnh Đồ Chúng, thần tịch Thủ hộ linh bất thoái chuyển. Kỳ gia nãi chí vĩnh vô tai Chướng, Dịch Bệnh tiêu diệt, tài bảo phong túc, thường bất phạp thiếu”.

Việt: Bảy giờ, trong Hội có Hỏa Thủ Kim Cương, Tồi Toái Kim Cương, Ni Lam Bà Kim Cương, và tám vạn Kim Cương với tất cả Quyển thuộc, liền từ tòa đứng dậy, đầu lễ dưới chân Phật, đi quanh về bên hữu ba vòng, mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế Tôn! Nếu tất cả Chúng Sinh đời Mạt thế, có ai hay Trì Quyết Định Đại Thừa này, thì con sẽ Thủ hộ, như giữ con mắt của con. Cho đến chốn Đạo Tràng để Tu Hành, Kim Cương Chúng con tự lãnh Đồ Chúng, sớm hôm Thủ hộ không cho thoái lui. Cho đến nhà cửa quyết không có tai chướng, tật bệnh tiêu diệt, của báu đầy đủ, không bao giờ thiếu thốn.

GIẢNG VĂN

Kim Cương: vì Ngài cầm chày Kim cương, cho nên gọi là **Kim Cương**, Nghĩa là **Lực sĩ**. Các bậc Cổ Phật hoặc Đại Bồ Tát hiện ra Tướng võ trang để Hộ Pháp. Tuy hiện ra võ trang, nhưng cũng y vào Lực Từ Bi để làm những Công Dụng Phương tiện. **Hỏa Thủ:** trên đầu có lửa hừng cháy, cho nên gọi là **Hỏa thủ**. **Tồi Toái:** cũng hợp với Công Dụng của nó. **Ni lam Bà:** Chưa rõ Nghĩa ra sao. Như thế tám vạn Kim Cương và Quyển thuộc, là theo Ý trên, Hộ Trì Người Trì Kinh, Lễ Phật, Phát Nguyện, Hộ Pháp, Hộ Nhân đời Mạt thế. **Như giữ con Mắt:** nói một sự riết ráo cực lực để Thủ hộ. **Chữ nhà cửa:** Ý nói Thủ hộ cho Người tại gia Tu Hành, của cải không bị thiếu thốn.

Hán: Nhĩ thời Đại Phạm Vương, Nhị thập bát Thiên Vương Tinh, Tu Di Sơn Vương, Hộ Quốc Thiên Vương đẳng, tức tòng tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã diệc Thủ hộ thị Trì Kinh Giả, thường linh an ổn, Tâm bất thoái chuyển.

Việt: Bảy giờ, Vua Trời Đại Phạm, 28 Ông Vua cõi Trời, Vua Tu Di Sơn và Hộ Quốc Thiên Vương, liền từ tòa đứng dậy, đầu lễ dưới chân Phật, nhiều bên hữu ba vòng mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế Tôn! Chúng con cũng xin Hộ Trì Người Trì Kinh, khiến cho thường được an ổn, Tâm không thoái chuyển”.

GIẢNG VĂN

Vua Trời Đại Phạm: tức là làm Chủ Cõi Ta bà Thế giới. **28 Vua:** là nói các Ông Vua ở Ba Cõi. **Vua Tu Di:** là Vua **Đế Thích**, làm Chúa Cõi Trời Đạo Lợi. **Hộ Quốc Thiên Vương:** là Bốn Ông Thiên Vương.

Hán: Nhĩ thời, hữu Đại Lực Quỷ Vương, Danh Cát bàn trà, dữ thập vạn Quỷ Vương, tức tông tòa khởi, đĩnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã diệt Thủ hộ thị Trì Kinh Nhân, chiêu tịch thị vệ, linh bất thoái khuất. Kỳ Nhân sở cư nhất do Tuần nội, nhược hữu Quỷ Thần xâm kỳ Cảnh Giới, Ngã đương sử kỳ toái như vi trần.

Việt: Khi đó, có Đại Lực Quỷ Vương, gọi là Cát bàn trà, với mười vạn Quỷ Vương, liền từ tòa đứng dậy, đầu lễ dưới chân Phật, nhiều bên hữu ba vòng, mà bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế Tôn! Lũ Chúng con cũng xin Thủ hộ cho Người Trì Kinh, sớm hôm hầu hạ, không để cho thoái lui. Trong một do Tuần, chỗ Người đó ở, nếu có Quỷ Thần xâm lấn Cảnh Giới, lũ Chúng con khiến cho vụn nát như bụi nhỏ”.

GIẢNG VĂN

Cát bàn trà: tức là **Cưu bàn trà**. Tuy ở Cõi Quỷ, nhưng tiếp cận với Nhân loại; Ăn Tinh huyết Người, hình Thể khá sợ, Thần thông Biến hóa rất nhiều. **Nhất do Tuần:** mười dặm trong khu vực Bốn phương.

Hán: Phật Thuyết thử Kinh dĩ. Nhất thiết Bồ Tát, Thiên Long, Quỷ Thần, Bát Bộ Quyên thuộc, cập Chư Thiên, Phạm Vương, đẳng Nhất thiết Đại Chúng, Văn Phật sở Thuyết, giai Đại hoan hỷ, Tín Thụ Phụng Hành.

Việt: Phật nói Kinh này rồi. Tất cả Bồ Tát, Trời, Rồng, Quỷ Thần, Tám Bộ Quyên thuộc, và Chư Thiên, Phạm Vương, và tất cả Đại Chúng, Nghe Phật nói, đều rất vui mừng, Tín Thụ Phụng Hành.

GIẢNG VĂN

Bồ Tát là Chúng Đương Cơ, ngoài ra là Chúng Hộ Pháp. Kinh này từ đầu đến hết Phần Chính Thuyết, đều nói việc **Tịnh Độ**. Cho nên, trên đã nói, Chúng Bồ Tát là Đương Cơ. Tới đây là Phần Lưu thông, thì Tám Bộ Hộ Pháp Chúng đều được tham dự, cũng là Thụ Dụng Độ mà Thông với Biến Hóa Độ. Tuy ở một Cõi, nhưng Tính cách bất đồng. Hội họp một Nơi, với sự Nghe thì Tâm Cảnh đều khác nhau.

Phật nói Kinh này rồi: là lời nói đã xong. **Tín Thụ Phụng Hành:** Người Nghe rồi, bắt đầu Hành (làm). Nhân Nghe, mà sau **Tín**; có Tín rồi, sau mới **Thụ**. Có **Tín Thụ** rồi, sau mới Phụng **Hành**. Cho nên Nói đã xong, mà Hành thì bắt đầu. Kinh này chú trọng tại **Hành**. Kết thúc lấy **Tín Thụ Phụng Hành** mà nói, ở trong Pháp Hội cực lực bày tỏ, để cho Người Nghe Giáo, sau khởi Hành.

Người ta Sinh ra đời mà không gặp Phật là một sự không may. Đức Như Lai Thuyết Giáo Lý, thì có những bao nhiêu Lực Hộ Trì, mới được Lưu thông tới ngày nay; để cho Chúng ta Y vào Kinh Giáo mà Hiểu Lý, như được Nghe ở trong Pháp Hội. Cũng là trong sự không may mà được may! Thì biết rằng đời trước không phải Chúng ta không trông Thiện Căn. Y Giáo Hiểu Lý, mục đích ở chỗ nào? Ở như chỗ Tu Hành thực sự! Nếu không Tu Hành, nói xuông ích gì! Mục đích Tu Hành ở đâu? Ở nơi Chứng Quả! Khiến cho ai ai cũng thành Phật Quả, mới toại Bản Nguyện của các Đức Phật. Đức Như Lai Xuất hiện ra Đời cũng chỉ vì một **Đại sự Nhân Duyên đó!** (Hộ Pháp Trí ghi).

- HẾT -

